



BR-V

Hướng dẫn sử dụng

Khi đọc tài liệu hướng dẫn này, bạn sẽ thấy thông tin đứng sau biểu tượng **CHÚ Ý**. Thông tin này giúp bạn tránh gây hư hỏng cho xe, tài sản, hoặc môi trường.

Các biểu tượng    trên các nhãn được dán vào xe để nhắc bạn đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp vận hành xe đúng cách và an toàn.

Biểu tượng   được mã hóa bằng màu để thể hiện “nguy hiểm” (màu đỏ), “cảnh báo” (màu cam), hoặc “chú ý” (màu hổ phách).

 **Nhãn An Toàn Tr. 93**

Một Vài Chú Ý Về An Toàn

An toàn của bạn, an toàn của mọi người là rất quan trọng. Và vận hành xe an toàn là trách nhiệm của bạn.

Để giúp bạn có những hiểu biết về an toàn, chúng tôi cung cấp các quy trình vận hành và thông tin khác trên nhãn và trong tài liệu hướng dẫn này. Thông tin này sẽ cảnh báo bạn về những nguy cơ rủi ro có thể xảy ra làm bạn và những người khác bị thương.

Tất nhiên, nó không thể cảnh báo hết được về tất cả các tình huống rủi ro có thể xảy ra khi vận hành hoặc bảo dưỡng xe. Bạn phải tự xử lý được các tình huống.

Bạn sẽ thấy thông tin an toàn quan trọng này trong những hình thức khác nhau, bao gồm:

- **Các Nhãn An Toàn** - trên xe.
- **Thông Tin An Toàn** - dán phía sau biểu tượng cảnh báo  và một trong các từ sau: **NGUY HIỂM, CẢNH BÁO** hoặc **LƯU Ý**. Những cụm từ này có nghĩa:

 NGUY HIỂM	Bạn SẼ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.
 CẢNH BÁO	Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.
  CẢNH BÁO	Bạn CÓ THỂ bị TỬ VONG hoặc TRỌNG THƯƠNG nếu bạn không làm theo chỉ dẫn.
 LƯU Ý	Bạn CÓ THỂ bị THƯƠNG nếu không làm theo chỉ dẫn.

- **Các Đề Mục An Toàn** - những Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.
- **Phản Hướng Dẫn An Toàn** - Lái Xe An Toàn.
- **Các Hướng Dẫn** - cách sử dụng xe sao cho đúng và an toàn.

Cuốn sách này bao gồm thông tin quan trọng về an toàn - hãy đọc kỹ.

Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố

Xe của bạn được trang bị một số thiết bị thông thường nhằm mục đích Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố. Thiết bị này ghi lại những dạng dữ liệu thời gian thực khác nhau của xe như việc nổ túi khí SRS và lỗi của các bộ phận của hệ thống SRS.

Các dữ liệu này thuộc về chủ xe và không ai có thể truy cập trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Thiết Bị Ghi Chẩn Đoán Dịch Vụ

Xe của bạn được trang bị các thiết bị liên quan đến dịch vụ, các thiết bị này ghi lại các thông tin hoạt động của cơ cấu truyền động và điều kiện lái xe. Kỹ thuật viên có thể dùng dữ liệu này trong việc chẩn đoán, sửa chữa và bảo dưỡng xe. Không ai có thể truy cập dữ liệu này trừ trường hợp có yêu cầu hợp pháp hoặc có sự cho phép của chủ xe.

Tuy nhiên, dữ liệu này có thể truy cập bởi Honda, các đại lý Honda được ủy nhiệm và thợ sửa chữa, nhân viên, người đại diện và các nhà thầu được Honda ủy nhiệm vì mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe.

Ghi Nhận Dữ Liệu Của Xe*

Xe này ghi lại các thông tin sau để làm dữ liệu khi Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) hoạt động.

- Hình ảnh của vật thể phía trước xe khi CMBS hoạt động
- Tình trạng hoạt động của từng chức năng của CMBS
- Hoạt động của bàn đạp ga/bàn đạp phanh
- Tốc độ xe
- Thông tin như quãng đường và tốc độ tương đối của mục tiêu được xác định bởi CMBS

Honda có thể lấy và sử dụng dữ liệu đó cho mục đích chẩn đoán kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển xe Honda.

CMBS không ghi được hình ảnh hoặc âm thanh bên trong xe. Nếu muốn xem hoặc xóa dữ liệu do CMBS ghi lại, phải có dụng cụ chuyên dụng.

Có thể tắt chức năng ghi hình ảnh CMBS vì vậy sẽ không hình ảnh nào được lưu khi bật CMBS.

Tiết lộ dữ liệu

Honda sẽ không tiết lộ hoặc cung cấp dữ liệu do CMBS ghi lại cho bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi được chủ xe đồng ý
- Khi có yêu cầu của pháp luật, tòa án hoặc các yêu cầu pháp lý tương đương
- Khi dữ liệu đã được xử lý để ẩn danh phương tiện/người dùng, ví dụ như khi cần cung cấp dữ liệu đã tổng hợp cho các viện nghiên cứu

* Không áp dụng cho tất cả các loại xe

Tài liệu hướng dẫn sử dụng này được coi như một phần không thể thiếu của xe và nên được kèm theo khi bán xe.

Tài liệu hướng dẫn này dùng chung cho tất cả các loại xe. Bạn có thể tìm thấy các miêu tả của các thiết bị và các tính năng mà xe bạn không có.

Các hình ảnh xuyên suốt tài liệu hướng dẫn sử dụng này (bao gồm cả bìa trước) mô tả các tính năng, thiết bị và màn hình giải trí/thông tin, màn hình đồng hồ đo chỉ là ví dụ và có thể không đại diện cho loại xe cụ thể của bạn.

Thông tin và các thông số kỹ thuật có trong tài liệu có hiệu lực kể từ thời điểm phê duyệt ấn hành. Tuy nhiên, Honda Motor giữ bản quyền này và được quyền cất bỏ và thay đổi các thông số kỹ thuật hoặc thiết kế bất cứ lúc nào mà không cần thông báo hoặc chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Mặc dù tài liệu này áp dụng với cả hai loại vô lăng bên trái và vô lăng bên phải, nhưng những hình minh họa trong tài liệu này chủ yếu liên quan tới loại vô lăng bên phải.

Lái Xe An Toàn Tr. 35

Lái Xe An Toàn Tr. 36 Dây Đai An Toàn Tr. 40 Túi Khí Tr. 50

Bảng Điều Khiển Tr. 95

Đèn Báo Tr. 96 Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị Tr. 113

Điều Khiển Tr. 145

Đồng Hồ Tr. 146 Khóa và Mở Khóa Cửa Tr. 147
Cửa Sổ Tr. 177
Ghế Ngồi Tr. 202
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr. 233

Tính Năng Tr. 241

Hệ Thống Âm Thanh Tr. 242

Lái Xe Tr. 243

Trước Khi Lái Xe Tr. 244 Kéo Rơ-móc Tr. 248
Đỗ Xe Tr. 343 Nạp Nhiên Liệu Tr. 346

Bảo Dưỡng Tr. 351

Trước Khi Tiến Hành Bảo Dưỡng Tr. 352 Nhắc Bảo Dưỡng Tr. 355
Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước Tr. 378
Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi và Làm Mát/Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ Tr. 391

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 399

Dụng Cụ Tr. 400 Nếu Lốp Xe Bị Xẹp Tr. 401
Quá Nhiệt Tr. 418 Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy Tr. 421
Không Mở Được Cửa Hậu Tr. 436

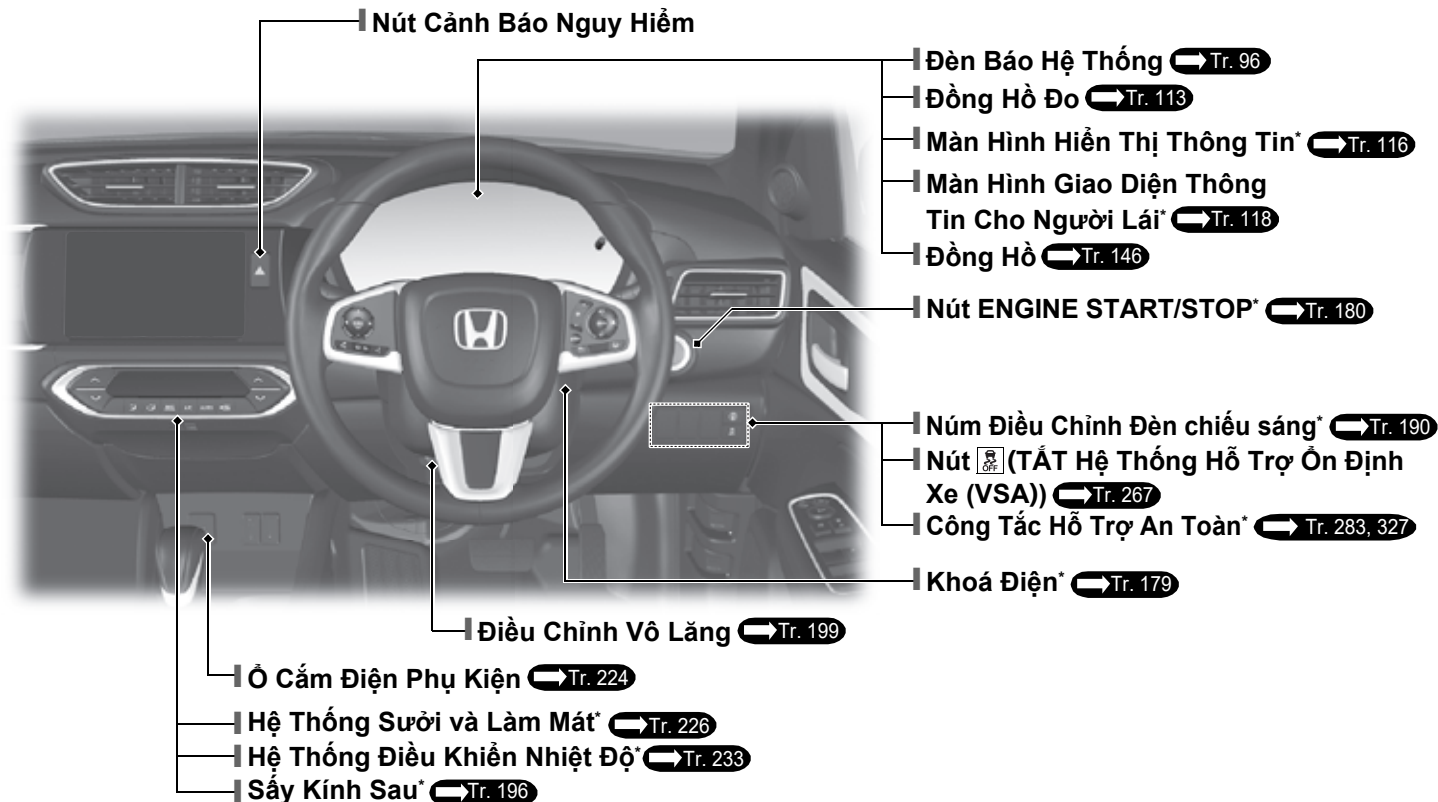
Thông Tin Tr. 437

Thông Số Kỹ Thuật Tr. 438 Sổ Nhận Dạng Xe Tr. 441

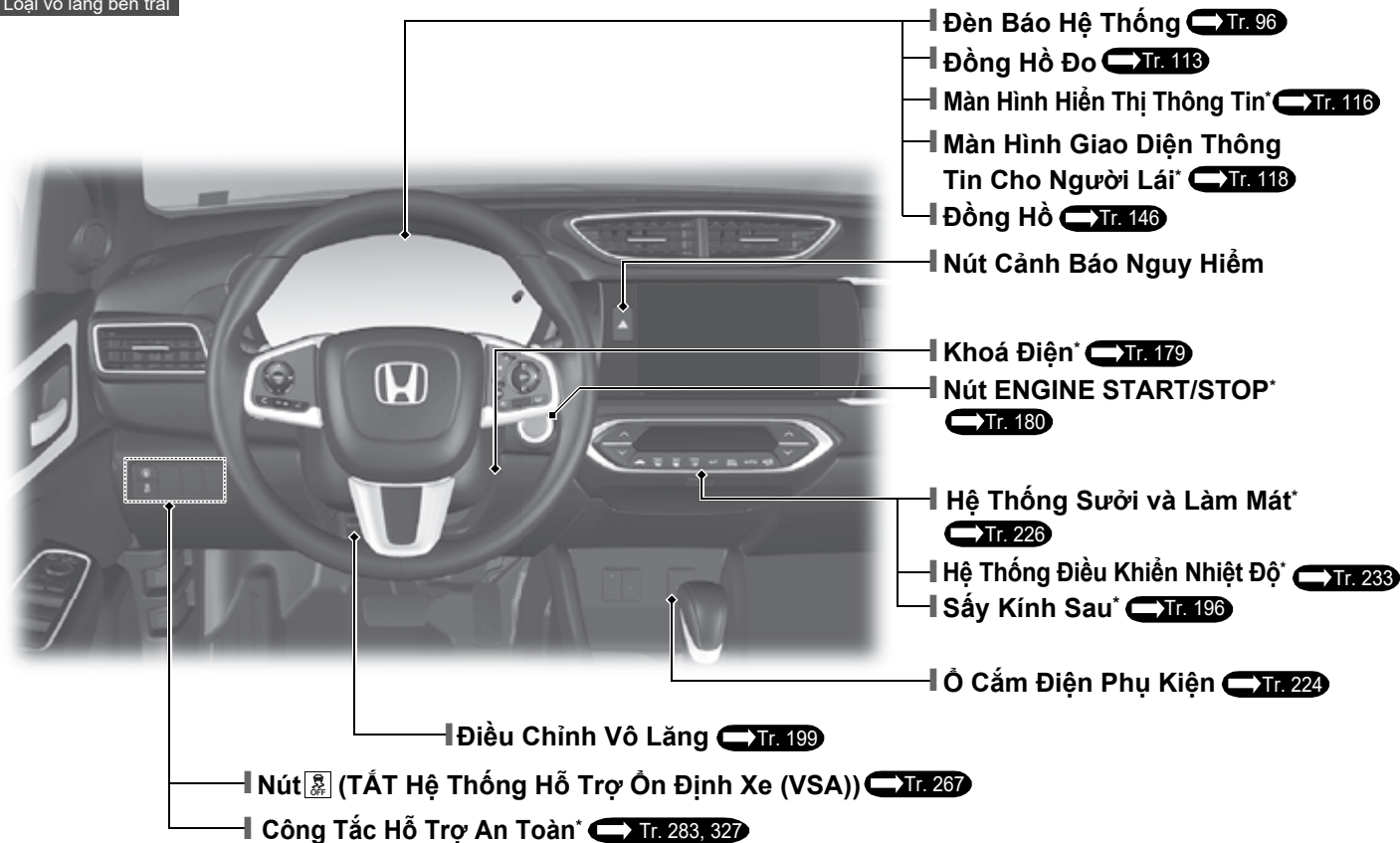
			Nội Dung		
An Toàn Cho Trẻ Tr. 60			Khí Xả Nguy Hiểm Tr. 92	Nhân An Toàn Tr. 93	Hướng Dẫn Tham Khảo Nhanh Tr. 4
					Lái Xe An Toàn Tr. 35
Cửa Hậu Tr. 170			Hệ Thống An Ninh Tr. 173		Bảng Điều Khiển Tr. 95
Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lăng Tr. 179			Gương Tr. 200		
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Tr. 216			Hệ Thống Sưởi và Làm Mát* Tr. 226		Điều Khiển Tr. 145
					Tính Năng Tr. 241
Khi Lái Xe Tr. 249			Honda Sensing* Tr. 276	Phanh Tr. 338	Lái Xe Tr. 243
Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO ₂ Tr. 349					
					Bảo Dưỡng Tr. 351
Lịch Bảo Dưỡng Tr. 358			Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô Tr. 362	Thay Bóng Đèn Tr. 373	
Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 382			Ắc Quy Tr. 387	Bảo Dưỡng Chia Khóa	Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ Tr. 399
Vệ Sinh Tr. 393			Phụ Kiện và Điều Chỉnh Tr. 398	Điều Khiển Từ Xa Tr. 389	
Động Cơ Không Khởi Động Tr. 411			Nếu Ắc Quy Chết Tr. 415	Không Gạt Được Cần Số Tr. 417	Thông Tin Tr. 437
Cầu Chì Tr. 426			Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 435		
					Mục Lục Tr. 444
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio* Tr. 442					

Mục Lục Trực Quan

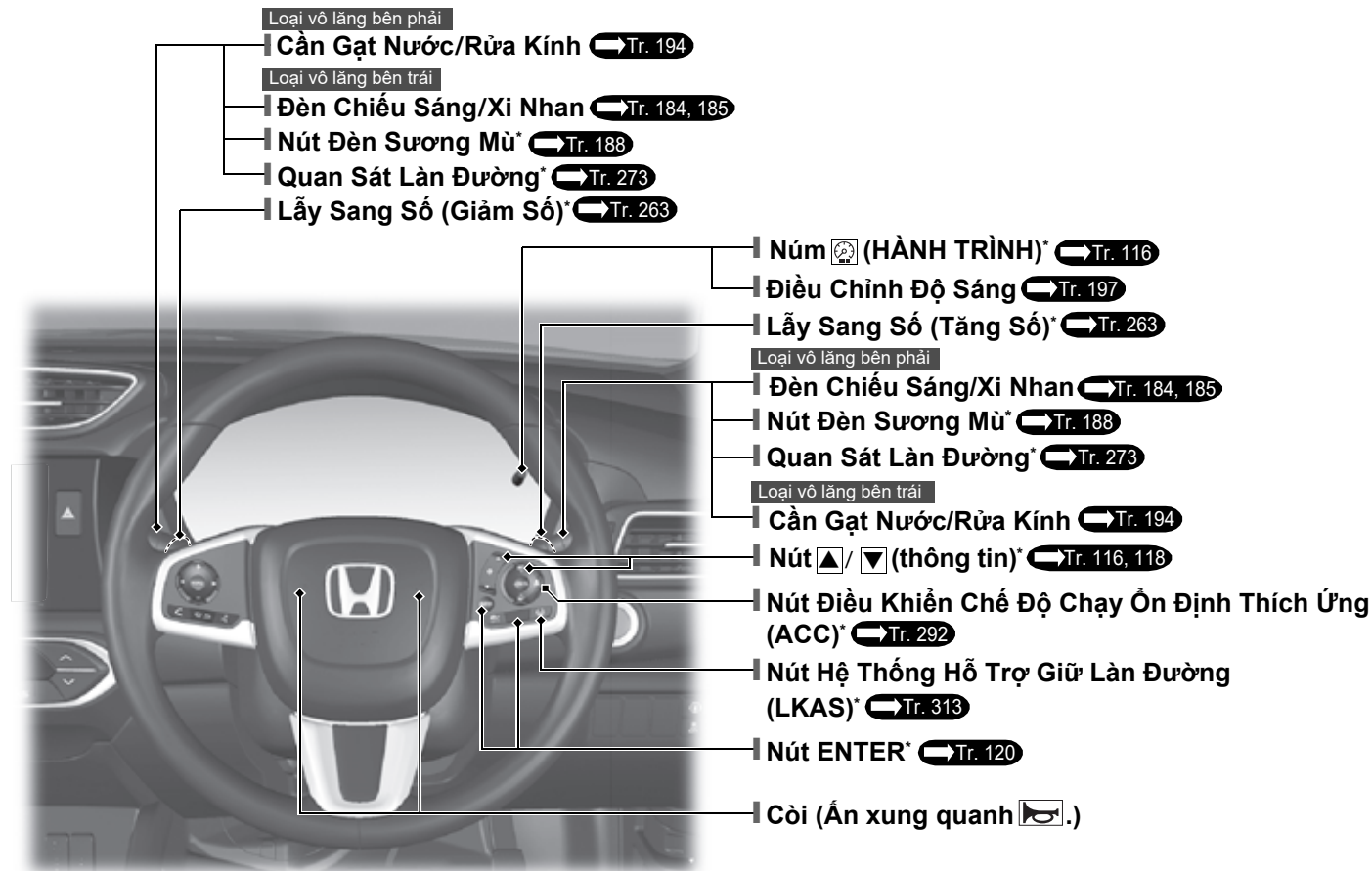
Loại vô lăng bên phải



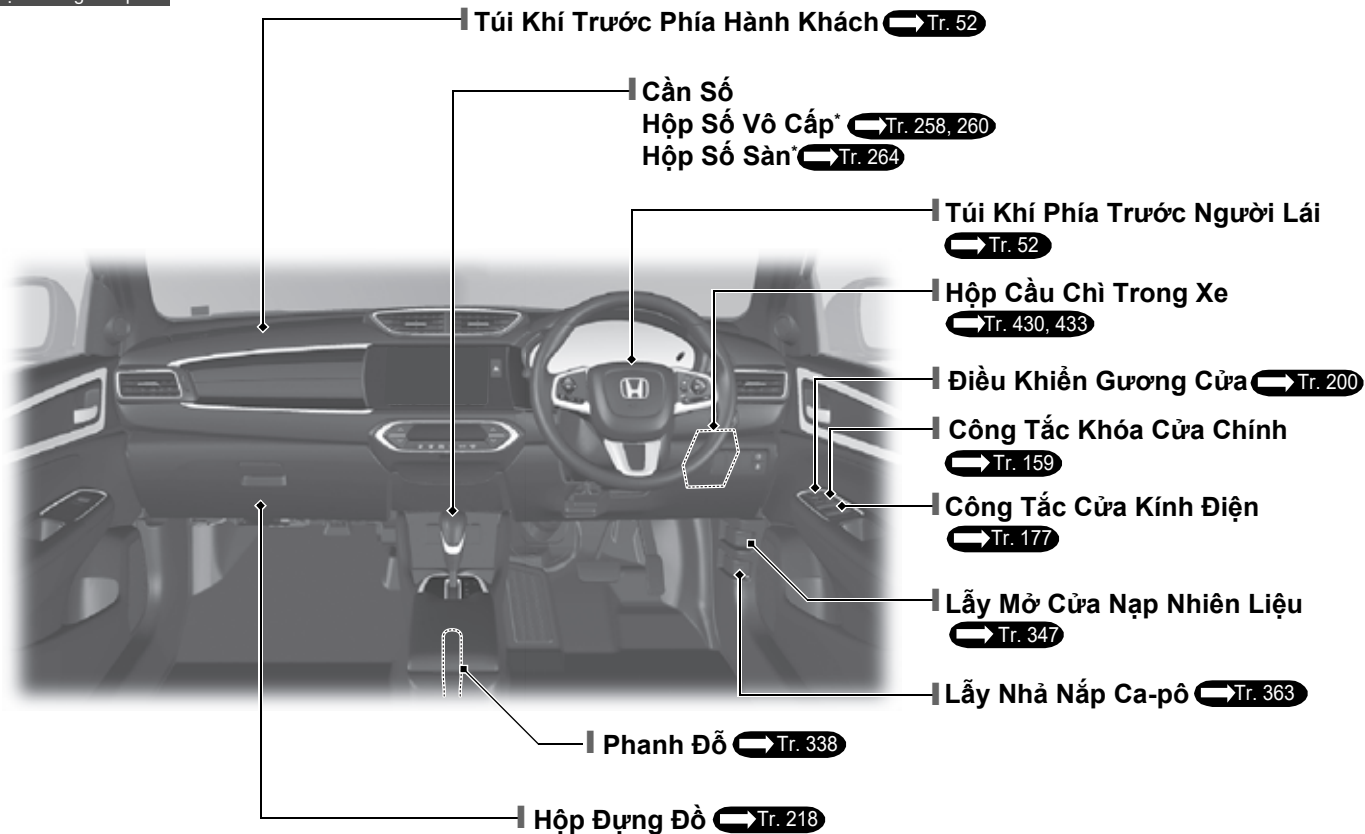
Loại vô lăng bên trái



Mục Lục Trực Quan



Loại vô lăng bên phải



Mục Lục Trực Quan

Loại vô lăng bên trái

Công Tắc Cửa Kính Điện ➡ Tr. 177

Công Tắc Khóa Cửa Chính ➡ Tr. 159

Điều Khiển Gương Cửa ➡ Tr. 200

Hộp Cầu Chì Trong Xe ➡ Tr. 430, 433

Túi Khí Phía Trước Người Lái ➡ Tr. 52

Cần Số
Hộp Số Vô Cấp* ➡ Tr. 258, 260
Hộp Số Sàn* ➡ Tr. 264

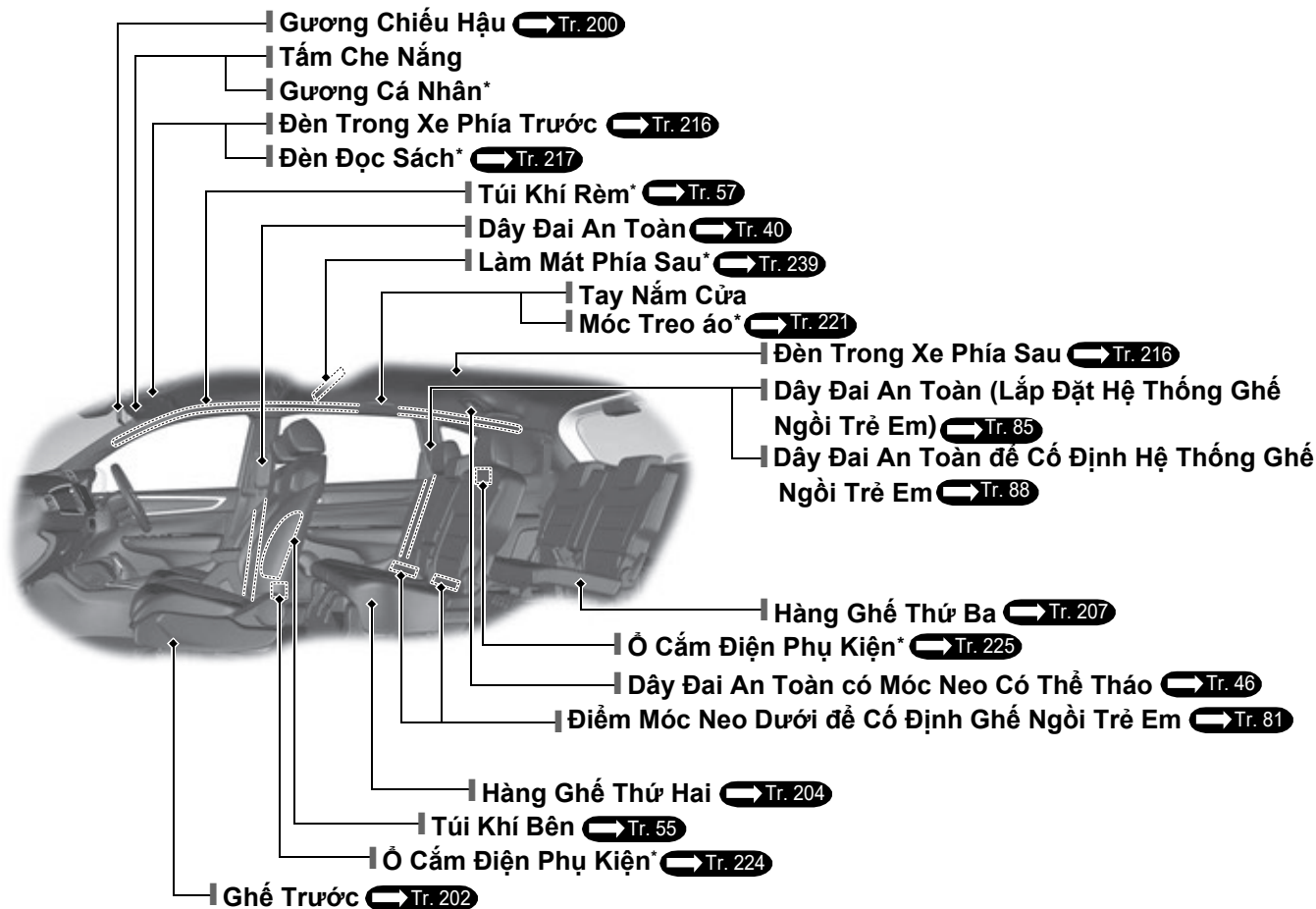
Túi Khí Trước Phía Hành Khách
➡ Tr. 52

Hộp Đựng Đồ ➡ Tr. 218

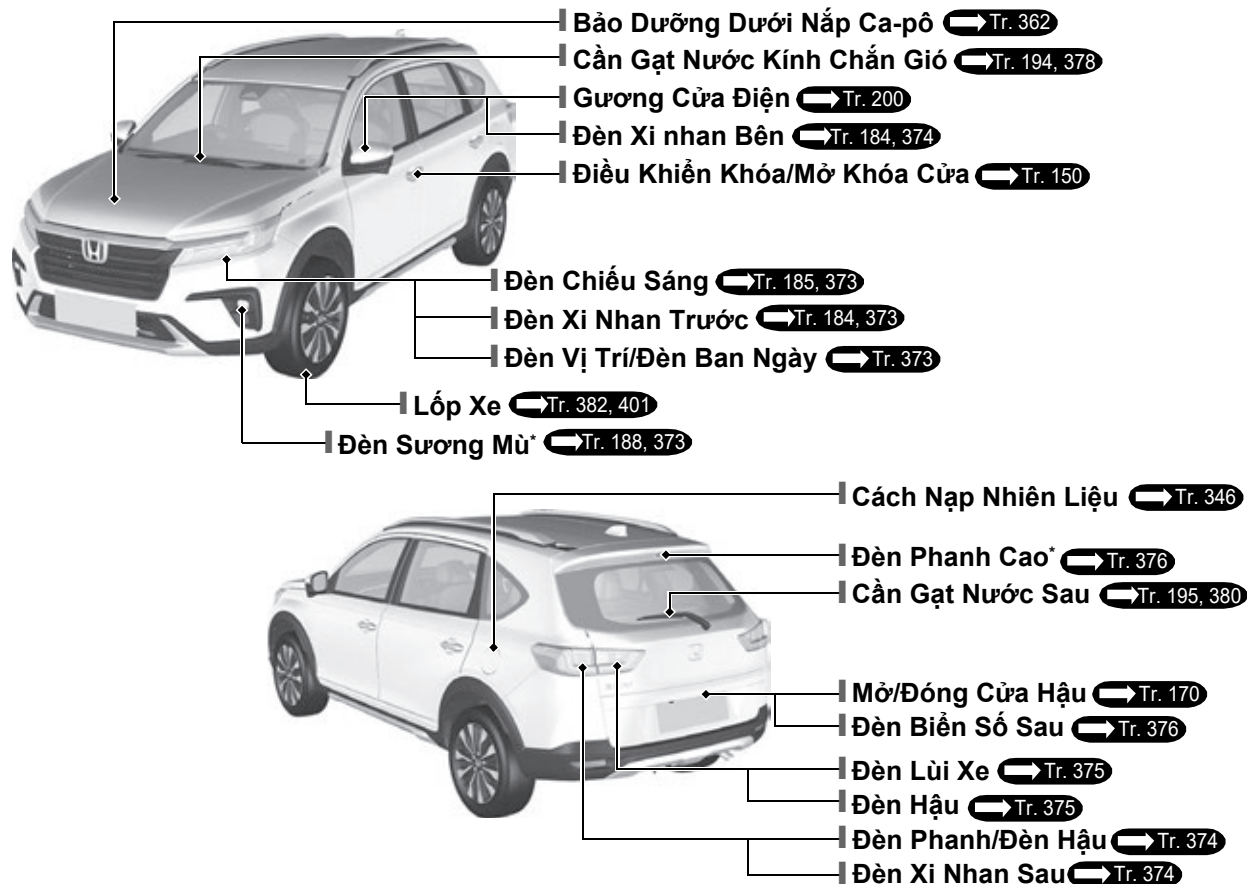
Phanh Đỗ ➡ Tr. 338

Lấy Mở Cửa Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr. 347

Lấy Nhả Nắp Ca-pô ➡ Tr. 363



Mục Lục Trực Quan



Lái Xe An Toàn ➡ Tr. 35

Danh Mục Kiểm Tra Trước Khi Lái Xe ➡ Tr. 39

- Trước khi lái xe, kiểm tra các ghế trước, tựa đầu, vô lăng và các gương đã được điều chỉnh đúng chưa.

Dây Đai An Toàn ➡ Tr. 40

- Thắt dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.
- Kiểm tra xem hành khách của bạn đã thắt dây đai an toàn đúng cách chưa.



Thắt dây đai an toàn
hông căng thấp càng tốt.

Khí Xả Nguy Hiểm ➡ Tr. 92

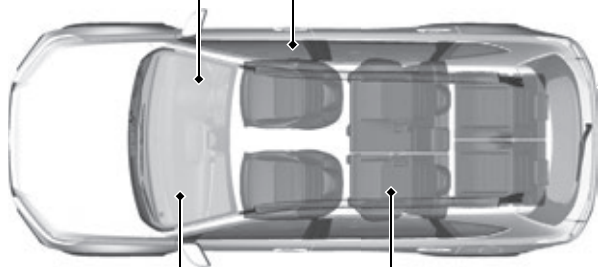
- Xe của bạn thải ra một lượng khí xả nguy hiểm có chứa hàm lượng CO. Không được khởi động xe ở không gian hẹp kín nơi có thể tích tụ CO.

An Toàn Cho Trẻ ➡ Tr. 60

- Tất cả các trẻ em từ 12 tuổi trở xuống nên được ngồi ở ghế sau.
- Trẻ nhỏ cần phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
- Trẻ sơ sinh phải được bảo vệ an toàn bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau.

Túi Khí ➡ Tr. 50

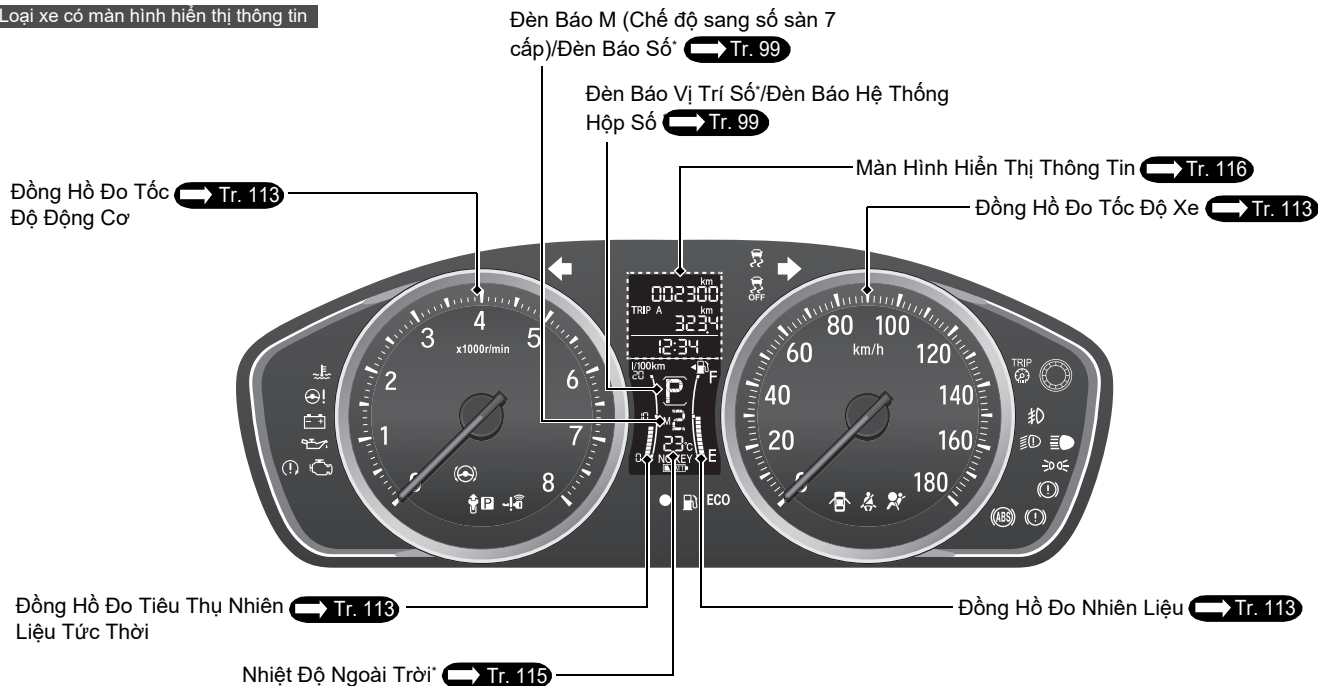
- Xe của bạn được trang bị các túi khí để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh.



Bảng Điều Khiển ➡ Tr. 95

**Đèn Báo ➡ Tr. 96 / Đồng Hồ Đo ➡ Tr. 113 / Màn Hình Hiển Thị Thông Tin* ➡ Tr. 116 /
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* ➡ Tr. 118**

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

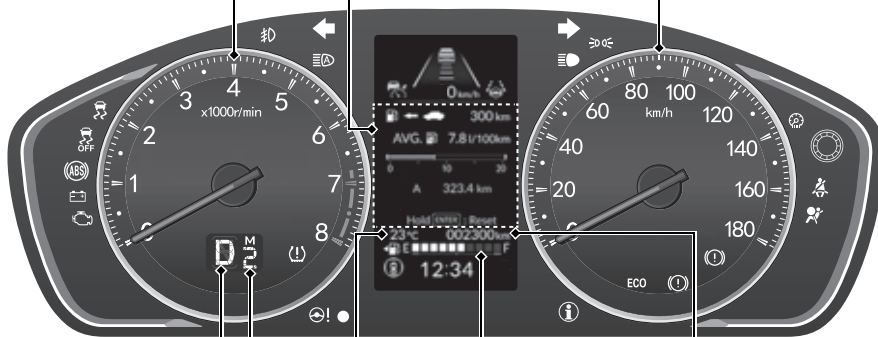


Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người lái ➡ Tr. 118

Đồng Hồ Đo Tốc
Độ Động Cơ ➡ Tr. 113

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe ➡ Tr. 113



Đèn Báo Vị Trí Số/Đèn Báo Hệ Thống
Hộp Số ➡ Tr. 99

Đèn Báo M (chế độ sang số sàn 7 cấp)/
Đèn Báo Số ➡ Tr. 99

Đồng Hồ Đo Quãng Đường ➡ Tr. 113

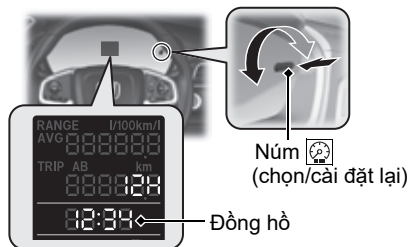
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu ➡ Tr. 113

Nhiệt Độ Ngoài Trời ➡ Tr. 115

Điều Khiển

Đồng Hồ

Loại xe có màn hình thông tin



- 1 Ấn đi ấn lại nút  (chọn/cài đặt lại) cho đến khi thời gian hiển thị bắt đầu nhấp nháy.
- 2 Xoay nút  để điều chỉnh phút.
 - Khi bạn tăng hoặc giảm phút, giờ cũng sẽ tăng hoặc giảm theo tương ứng.
- 3 Ấn nút  để hoàn thành việc điều chỉnh đồng hồ.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

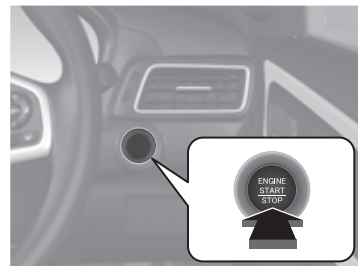


- 1 Ấn nút  /  (thông tin) cho đến khi **Clock & vehicle settings** xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn nút **ENTER**.
 - **Clock setup** xuất hiện đầu tiên trong màn hình hiển thị.
- 2 Ấn nút **ENTER**.
- 3 Ấn nút **ENTER** để chọn **Adjust clock**.
- 4 Ấn nút  /  (thông tin) để thay đổi giờ, sau đó ấn **ENTER**.
- 5 Ấn nút  /  (thông tin) để thay đổi phút, sau đó ấn **ENTER**.

Nút ENGINE START/ STOP*

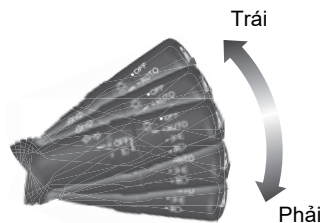
 Tr. 180

Ấn nút này để thay đổi chế độ nguồn của xe.



Xi Nhan ➡ Tr. 184

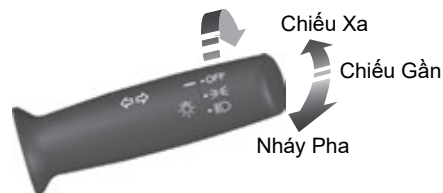
Cần Điều Khiển Xi Nhan



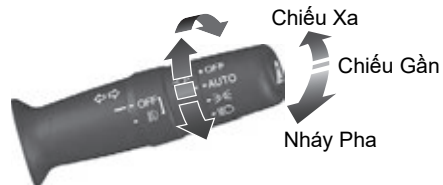
Đèn ➡ Tr. 185

Công Tắc Điều Khiển Đèn

Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

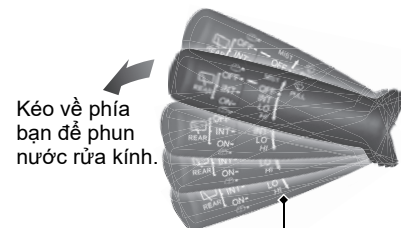


Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động



Cần Gạt Nước và Rửa Kính ➡ Tr. 194

Cần Điều Khiển Gạt Nước/Rửa Kính



MIST

OFF

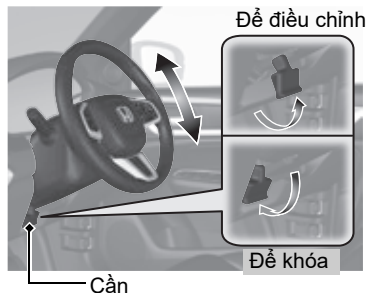
INT: Gạt tốc độ chậm và ngắt quãng

LO: Gạt tốc độ chậm

HI: Gạt tốc độ nhanh

Vô Lãng Tr. 199

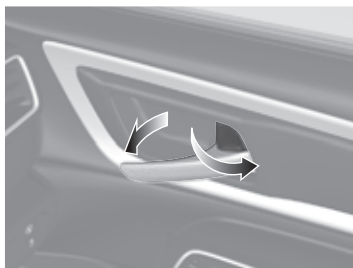
- Để điều chỉnh, kéo cần điều chỉnh về phía bạn, điều chỉnh đến vị trí mong muốn, sau đó khóa cần về đúng vị trí.



Mở Khóa Cửa người Lái Từ Bên Trong

 Tr. 158

- Kéo tay nắm bên trong cửa người lái để mở khóa và mở cửa cùng một lúc.



Cửa Hậu Tr. 170

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

- Khi tất cả các cửa đã mở khóa, ấn lẫy trên tay nắm bên ngoài cửa hậu và nâng mở cửa hậu.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

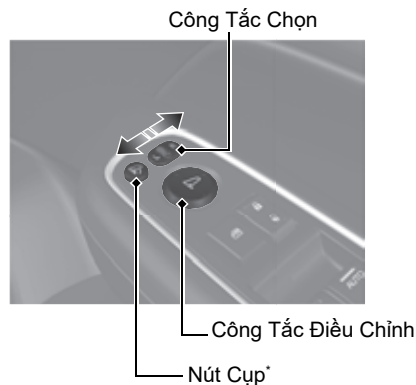
- Ấn lẫy trên tay nắm bên ngoài để mở khóa và mở cửa hậu khi bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.



Gương Cửa Điện

➡ Tr. 200

- Khi khóa điện ở BẬT **II**^{*1}, bật công tắc chọn đến L hoặc R.
- Ấn các mép tương ứng của công tắc điều chỉnh để điều chỉnh gương.
- Ấn nút cụp^{*} để cụp và mở các gương cửa.



Cửa Kính Điện ➡ Tr. 177

- Mở và đóng các cửa kính điện khi khóa điện ở vị trí BẬT **II**^{*1}.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí tắt, có thể mở và đóng từng cửa kính điện hành khách bằng công tắc của mỗi cửa.
- Nếu nút khóa cửa kính điện ở vị trí bật, từng công tắc cửa kính điện phía hành khách sẽ không thể hoạt động.

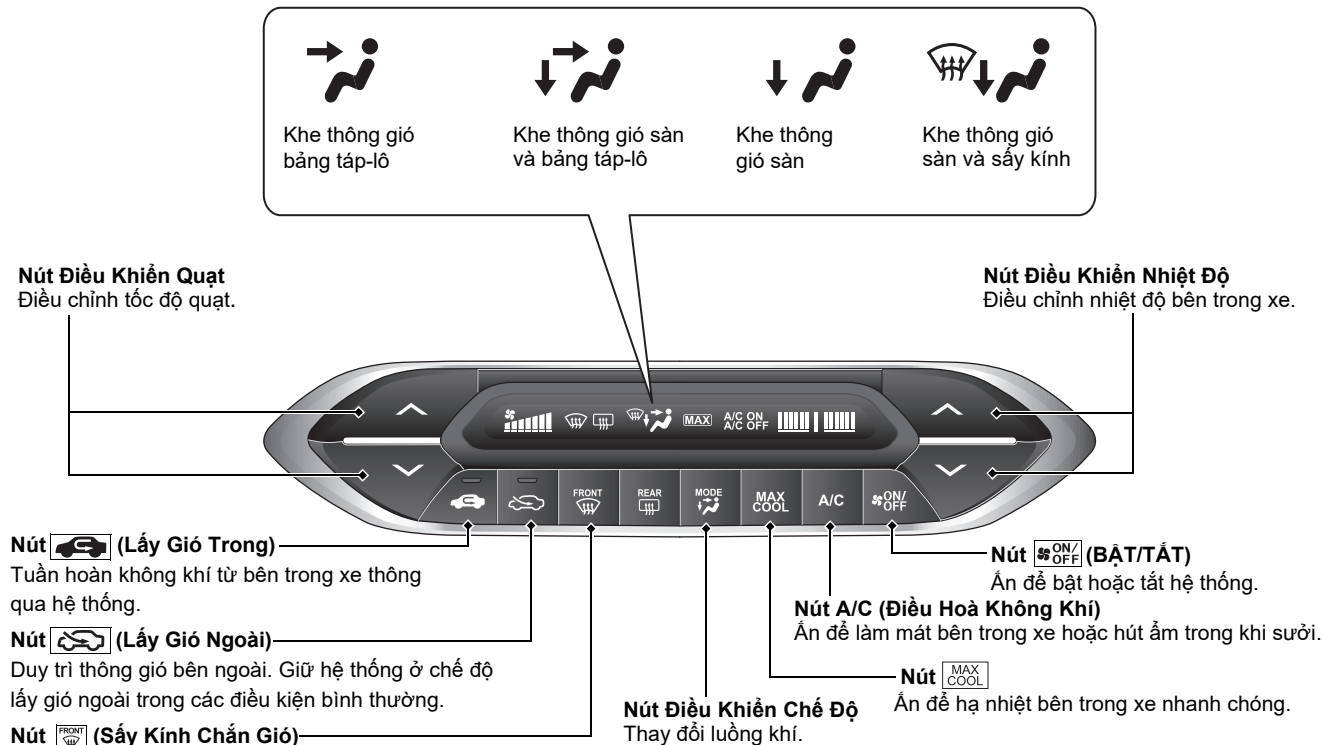


^{* 1}: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

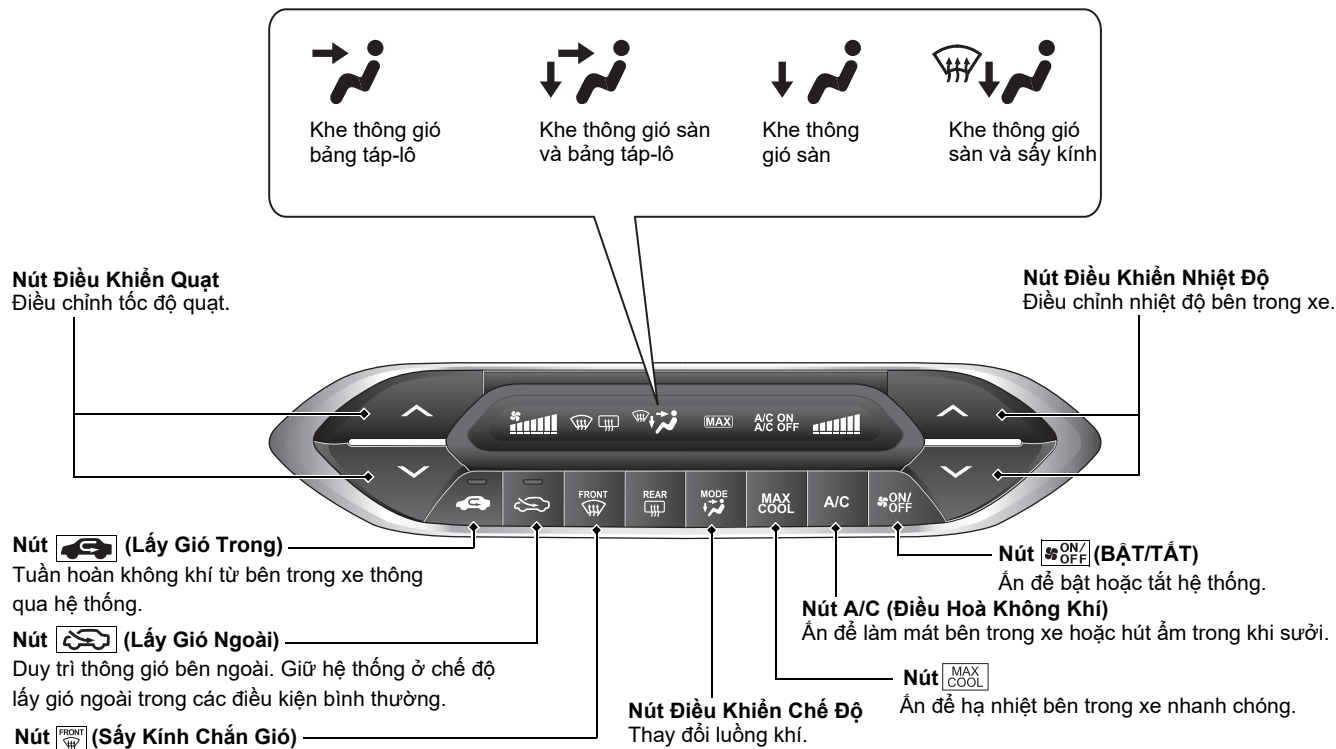
Hệ Thống Sưởi và Làm Mát*

- Ấn nút điều khiển chế độ để chọn  /  /  /  để chọn khe thông gió.
- Ấn thanh điều chỉnh nhiệt độ để điều chỉnh nhiệt độ.
- Ấn thanh điều khiển quạt để điều chỉnh tốc độ quạt.
- Ấn nút  để làm tan sương chắn gió.

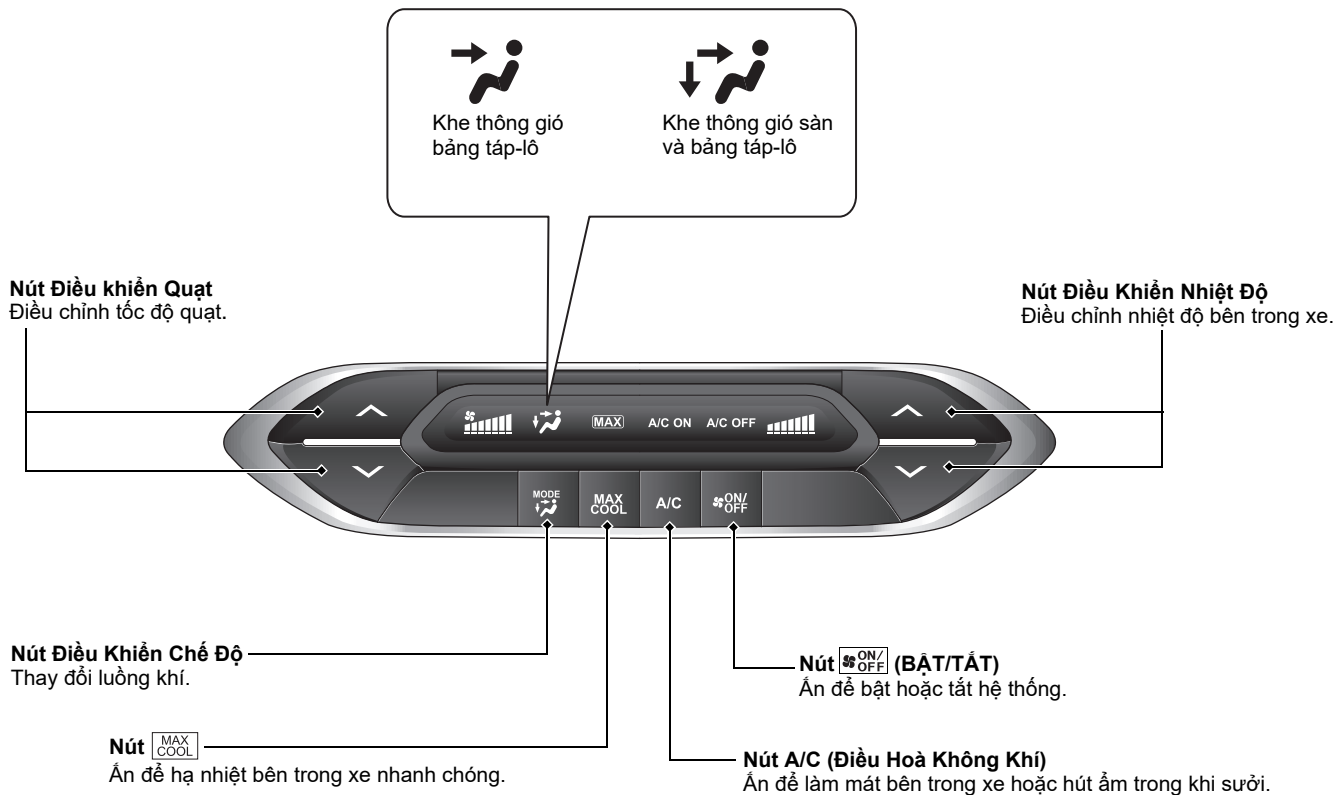
Loại xe có hệ thống sưởi



Loại vô lăng bên trái không có hệ thống sưởi



Loại vô lăng bên phải không có hệ thống sưởi

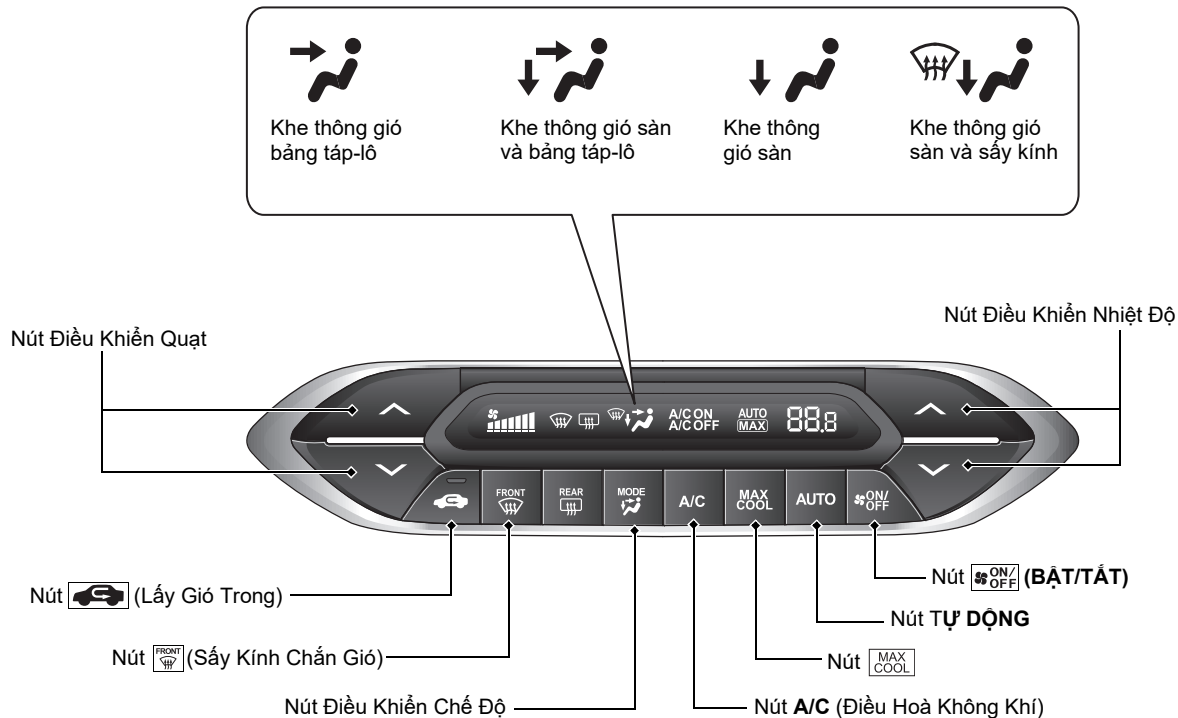


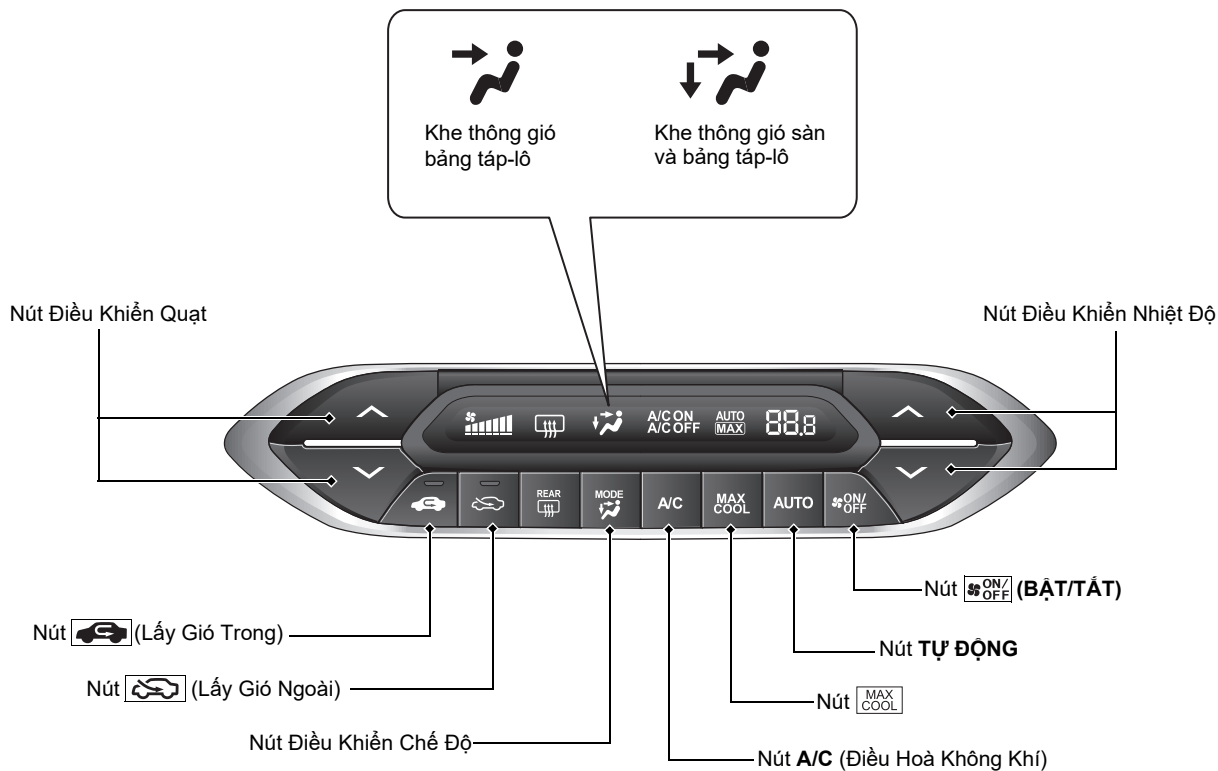
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ* ➡ Tr. 233

- Ấn nút **AUTO** để kích hoạt hệ thống điều khiển nhiệt độ.
- Ấn nút **ON/OFF** để bật hoặc tắt hệ thống.
- Ấn nút **FRONT** để làm tan sương kính chắn gió.

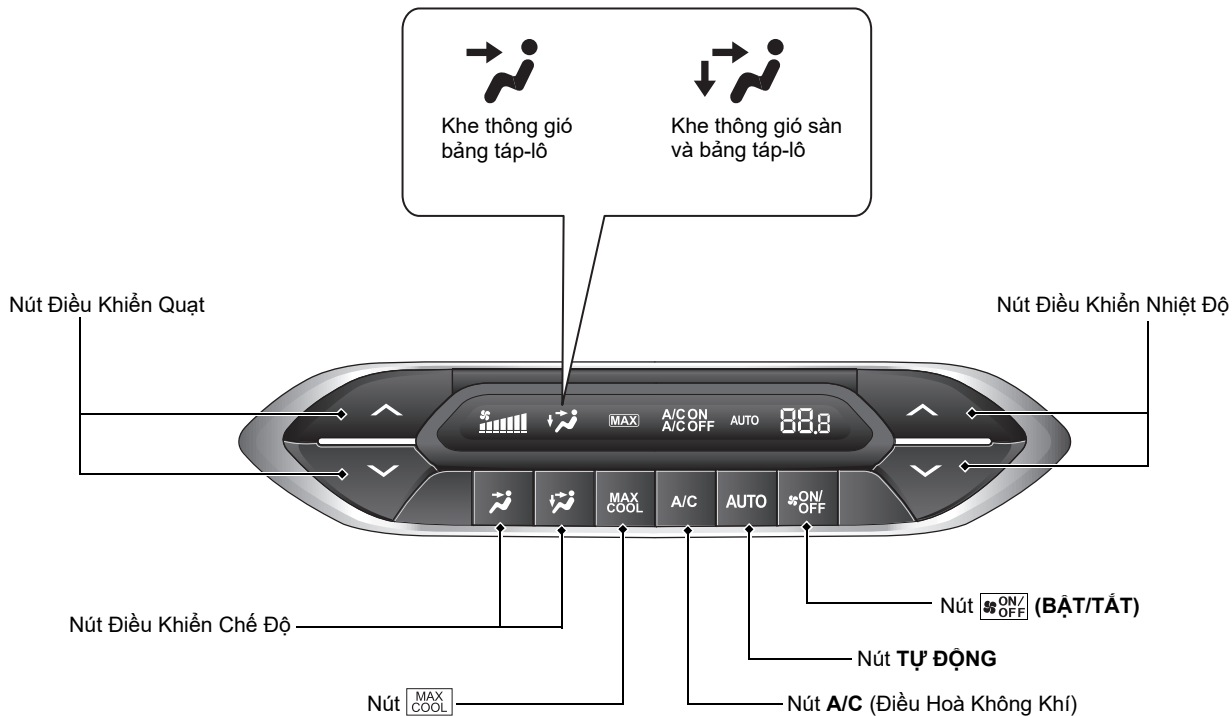
Loại xe có hệ thống sưởi

Loại vô lăng bên trái không có hệ thống sưởi





Loại vô lăng bên phải không có hệ thống sưởi và nút lấy gió trong/lấy gió ngoài

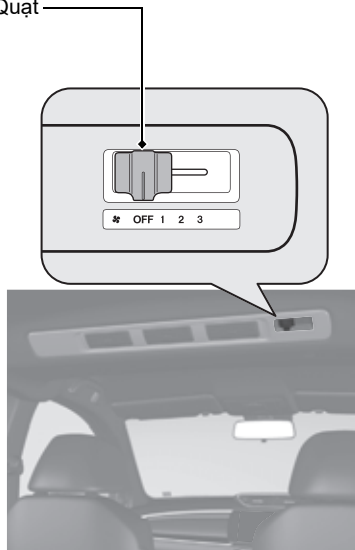


Làm Mát Phía Sau* Tr. 239

Bộ làm mát phía sau có thể được sử dụng khi đã BẬT nút A/C trên bảng điều khiển phía trước.

Điều chỉnh tốc độ quạt bằng cách trượt thanh điều khiển quạt trên trần xe phía trên vị trí ngồi hàng ghế thứ hai.

Thanh Điều Khiển Quạt



Lái Xe ➡ Tr. 243

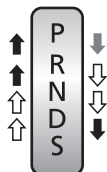
Hộp Số Sàn* ➡ Tr. 264

Hộp Số Vô Cấp* ➡ Tr. 257, 258, 260

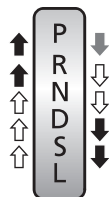
- Sang số [P] và nhấn bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Sang Số

Loại xe có lấy sang số



Loại xe không có lấy sang số



P **Số Đỡ**
Sử dụng khi đỗ hoặc khởi động động cơ.

R **Số Lùi**
Sử dụng khi lùi xe.

N **Số Không**
Hộp số không bị khóa.

D **Số Lái**
Sử dụng để:
• Lái thường.
Loại xe có lấy sang số
• Khi lái tạm thời ở chế độ số sàn 7 cấp.

S **Số Lái (S)**
Sử dụng để:
• Tăng tốc tốt hơn.
• Tăng phanh động cơ.
• Khi lên dốc hoặc xuống dốc.

Loại xe có lấy sang số
• Khi lái ở chế độ sang số sàn 7 cấp.

L **Số Thấp***
Sử dụng để:
• Tăng phanh động cơ tốt hơn.
• Khi lên dốc hoặc xuống dốc.



Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.



Sang số mà không ấn nút nhả cần số.



Ấn nút nhả cần số và sang số.



Chế Độ Sang Số Sàn 7 Cấp* ➡ Tr. 262

- Cho phép bạn tăng hoặc giảm số bằng tay mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng.

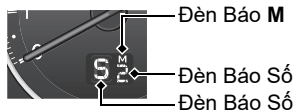
Khi hộp số ở **[S]**

- Kéo lấy sang số để thay đổi từ chế độ số vô cấp sang chế độ số sàn 7 cấp.
- Đèn báo **M** và số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

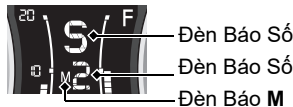
Khi hộp số ở **[D]**

- Kéo lấy sang số để thay đổi tạm thời từ chế độ số vô cấp sang chế độ số sàn 7 cấp. Số cấp được chọn hiển thị trên đèn báo số.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Lấy Sang Số
Giảm Số **[-]**



Lấy Sang Số
Tăng Số **[+]**



Bật và Tắt VSA ➡ Tr. 267

- Hệ thống hỗ trợ ổn định xe (VSA) giúp ổn định xe khi vào cua và giúp duy trì bám đường khi xe tăng tốc trên bề mặt đường trơn hoặc lầy.
- VSA tự động sáng mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Để tắt một phần hoặc tắt hoàn toàn chức năng VSA, ấn và giữ nút **[VSA]** (TẮT VSA) đến khi bạn nghe thấy tiếng bip.

Bật và Tắt CMBS* ➡ Tr. 283

- Khi khả năng xảy ra va chạm phía trước là không thể tránh được, CMBS có thể giúp bạn giảm tốc độ của xe và giảm va chạm mạnh.
- CMBS bật mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Sử dụng công tắc hỗ trợ an toàn để bật hoặc tắt CMBS.

Loại xe Mỹ La Tinh có Vô lăng bên trái

Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) ➡ Tr. 268

- Phát hiện sự thay đổi về tình trạng lốp và kích thước tổng thể do giảm áp suất lốp.
- TPMS được bật tự động mỗi khi bạn khởi động động cơ.
- Cần thực hiện quy trình hiệu chỉnh khi phát sinh một số điều kiện nhất định.

Nạp Nhiên Liệu ➡ Tr. 346

Nhiên liệu khuyên dùng:

Loại xe Indonesia và Mỹ La Tinh có vô lăng bên Phải

Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên

Loại xe Thái Lan, Sri Lankan, Bangladesh và Paraguay

Xăng không chì/pha cồn lên đến E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 91 trở lên

Loại xe ở quốc gia khác

Xăng không chì chỉ số Octan 91 trở lên

Dung tích bình nhiên liệu: 42 L

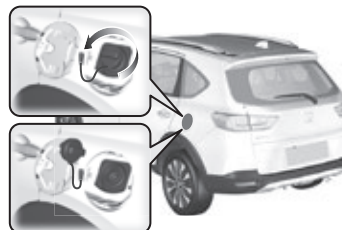
1 Kéo lấy mở cửa nạp nhiên liệu.



2 Xoay từ từ nắp nạp nhiên liệu để tháo nắp.

3 Đặt nắp vào ngăn chứa trên cửa nạp nhiên liệu.

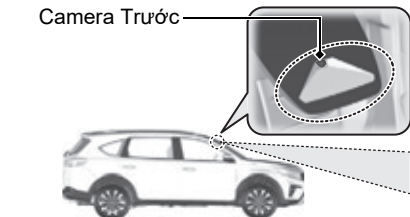
4 Sau khi nạp nhiên liệu, vặn nắp lại cho đến khi nghe thấy tiếng tách ít nhất một lần.



Honda Sensing*

Tr. 276

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ lái xe sử dụng camera trước được gắn ở phía trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.



Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Tr. 279

Hệ thống có thể hỗ trợ bạn khi xe có nguy cơ va chạm với xe (gồm cả xe máy) vượt lên từ phía sau, xe đang đến từ phía trước, người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp chuyển động). CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời hỗ trợ giảm tốc độ xe nhằm tránh va chạm và giảm thiểu nguy cơ thương vong do va chạm.

Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

Tr. 291

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước mà bạn không cần giữ chân phanh hoặc chân ga.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Tr. 310

Hỗ trợ đánh lái nhằm duy trì xe ở giữa làn đường, và nếu phát hiện xe ra ngoài làn đường, hệ thống sẽ đưa ra các cảnh báo dưới dạng âm thanh, hình ảnh và rung vô lăng.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Tr. 322

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện thấy khả năng xe của bạn vượt qua vạch kẻ đường được phát hiện hoặc tiếp cận mép ngoài của vỉa hè (vào ranh giới cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện xe khác đang chạy tới.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống phát hiện khả năng xe của bạn vô tình băng qua vạch kẻ đường được phát hiện và/hoặc rời khỏi đường hoàn toàn.

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

Tr. 322

Đưa ra thông báo bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại nhưng xe phía trước lại bắt đầu di chuyển.

Bảo Dưỡng ➡ Tr. 351

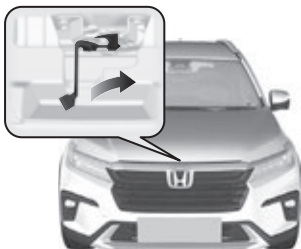
Dưới Nắp Ca-pô ➡ Tr. 362

- Kiểm tra dầu động cơ, nước làm mát động cơ và nước rửa kính chắn gió. Bổ sung nếu cần thiết.
- Kiểm tra dầu phanh/ly hợp.
- Kiểm tra tình trạng ốc quy hàng tháng.

- 1** Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.



- 2** Xác định vị trí cần chốt nắp ca-pô, đẩy nó sang bên, sau đó nâng nắp ca-pô lên. Khi đã nâng nhẹ nắp ca-pô lên, bạn có thể bỏ tay khỏi cần.



- 3** Khi thực hiện xong, đóng nắp ca-pô và đảm bảo nắp ca-pô đã được khóa chắc chắn vào đúng vị trí.

Lưới Gạt Nước ➡ Tr. 378

- Thay lưới gạt nếu nó để lại vết trên kính chắn gió hoặc có tiếng ồn.



Lốp Xe ➡ Tr. 382

- Kiểm tra lốp và bánh xe thường xuyên.
- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên.

Đèn ➡ Tr. 373

- Kiểm tra tất cả các đèn thường xuyên.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ ➡Tr. 399

Xẹp Lốp ➡Tr. 401

- Đổ xe ở nơi an toàn và lấy lốp dự phòng trong khoang hành lý để thay cho lốp bị xịt.



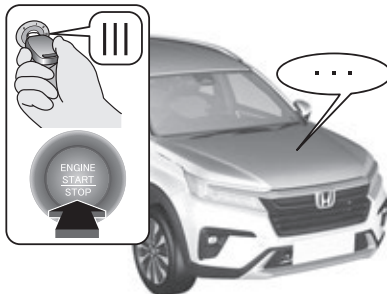
Đèn Báo Sáng ➡Tr. 421

- Xác định đèn báo và tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng.



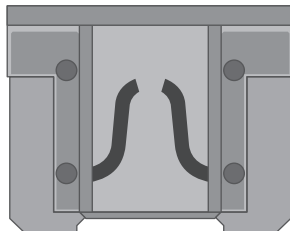
Động Cơ Không Khởi Động ➡Tr. 411

- Nếu ắc quy chết, khởi động bằng ắc quy tăng cường.



Nổ Cầu Chì ➡Tr. 426

- Kiểm tra nổ cầu chì nếu có một thiết bị điện không hoạt động.



Quá Nhiệt ➡Tr. 418

- Đổ xe ở nơi an toàn. Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước dưới nắp ca-pô, hãy mở nắp ca-pô và để cho máy nguội.



Kéo Xe Khẩn Cấp ➡Tr. 435

- Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.



Làm Gì Nếu

Q

Loại xe có khóa điện

Tại sao không xoay được khóa điện từ **[0]** sang **[I]**?

Loại xe không có khóa điện

Tại sao không thể thay đổi chế độ nguồn từ **TẮT MÁY (KHÓA)** sang **PHỤ KIỆN**?

A

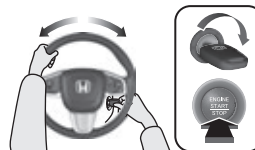
• Vô lăng có thể bị khóa.

Loại xe có khóa điện

• Cố gắng xoay vô lăng sang trái và phải trong khi xoay khóa điện.

Loại xe không có khóa điện

• Xoay vô lăng sang trái và phải trong khi ấn nút **ENGINE START/STOP**.



Q

Loại xe có hộp số vô cấp

Tại sao không thể thay đổi chế độ nguồn từ **PHỤ KIỆN** sang **TẮT MÁY (KHÓA)**?

A

Sang số **[P]**.



Q

Tại sao bàn đạp phanh lại rung nhẹ khi nhấn phanh?

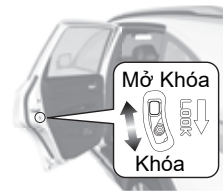
A

Điều này có thể xảy ra khi ABS hoạt động, đó là điều bình thường. Nhấn bàn đạp phanh hết cỡ, chắc chắn. Không nhấp nhả bàn đạp phanh.

☑ Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) ➡ Tr. 340

Q Tại sao không mở được cửa sau từ bên trong xe?

A Kiểm tra xem khóa trẻ em có ở vị trí khóa không. Nếu có, hãy mở cửa sau bằng tay nắm bên ngoài cửa. Để hủy chức năng này, gạt cần đến vị trí mở khóa.



Q Tại sao các cửa khóa lại sau khi tôi mở khóa các cửa?

A Nếu bạn không mở cửa trong vòng 30 giây, các cửa sẽ tự động khóa lại để đảm bảo an toàn.

Q Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi mở cửa người lái?

A Tiếng bíp vang lên khi:

- Các đèn ngoài xe còn sáng.

Loại xe có khoá điện

- Chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa.

Loại xe không có khoá điện

- Chế độ nguồn đang ở PHỤ KIẾN.

Q **Loại xe có chức năng khoá cửa tự động khi ra khỏi xe**
Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi ra khỏi xe và đã đóng cửa?

A Tiếng bíp vang lên nếu chìa khóa điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi hoạt động của hệ thống khóa cửa tự động khi ra khỏi xe trước khi tắt cả các cửa đóng hoàn toàn.

➡ Khóa các cửa và cửa hậu (khóa cửa tự động khi ra khỏi xe) ➡ Tr. 152



Tại sao tiếng bíp vang lên khi tôi bắt đầu lái xe?



Tiếng bíp vang lên khi:

- Người lái và/hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn.
- Phanh đỗ chưa được nhả hết cỡ.



Tại sao tôi nghe thấy tiếng rít lên khi nhấn bàn đạp phanh?



Cần thay má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Lái Xe An Toàn

Bạn có thể thấy nhiều khuyến cáo an toàn trong chương này và tài liệu hướng dẫn này.

Lái Xe An Toàn

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn.....	36
Tính Năng An Toàn Của Xe	38
Danh Mục Kiểm Tra An Toàn	39

Dây Đai An Toàn

Dây Đai An Toàn Của Xe	40
Thắt Dây Đai An Toàn.....	44
Kiểm Tra Dây Đai An Toàn.....	48
Điểm Treo.....	49

Túi Khí

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí.....	50
Loại Túi Khí.....	52

Túi Khí Trước (SRS).....	52
Túi Khí Bên.....	55
Túi Khí Rèm*	57
Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí.....	58
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí.....	59

An Toàn Cho Trẻ

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ	60
An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ ...	63
An Toàn Cho Trẻ Lớn	89

Khí Xả Nguy Hiểm

Khí CO	92
--------------	----

Nhân An Toàn

Vị Trí Nhân	93
-------------------	----

Những trang sau đây trình bày về các tính năng an toàn của xe và cách sử dụng các tính năng đó một cách chính xác. Dưới đây là những chú ý về an toàn quan trọng nhất mà bạn cần lưu ý.

Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

■ Luôn thắt dây đai an toàn

Dây đai an toàn là thiết bị bảo vệ an toàn tốt nhất trong mọi tình huống va chạm. Túi khí được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn, chứ không thay thế cho dây đai an toàn. Vì vậy, cho dù xe được trang bị túi khí, bạn và hành khách vẫn phải luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

■ Bảo vệ trẻ ở tất cả các lứa tuổi

Trẻ từ 12 tuổi trở xuống nên ngồi ở ghế sau, không nên ngồi ghế trước để đảm bảo an toàn. Trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ nên được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn nên sử dụng ghế lót đặc biệt và thắt dây đai an toàn hông/vai đến khi trẻ có thể sử dụng dây đai an toàn mà không cần đến ghế lót đặc biệt.

■ Chú ý những nguy hiểm khi sử dụng túi khí

Túi khí có thể bảo vệ an toàn, tuy nhiên nó cũng có thể làm người trên xe bị thương nếu ngồi quá gần chúng, hoặc sử dụng không đúng cách. Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, và người lớn có vóc dáng nhỏ bé là những đối tượng dễ gặp rủi ro nhất. Phải tuân theo những hướng dẫn và cảnh báo trong tài liệu này.

■ Không lái xe khi đã uống bia rượu

Lái xe khi đã uống bia rượu là một điều tối kỵ. Thậm chí một lượng nhỏ bia rượu cũng làm giảm khả năng phản xạ của bạn với thay đổi của xung quanh, và tốc độ phản ứng càng kém đi khi uống nhiều rượu bia. Do đó khi đã uống rượu bia thì không lái xe và cũng không để cho bạn bè của bạn làm như vậy.

» Chú Ý Quan Trọng Về An Toàn

Một số quốc gia cấm sử dụng điện thoại di động ngoại trừ thiết bị điện thoại rảnh tay khi đang lái xe.

■ Tập trung lái xe an toàn

Nghe điện thoại hoặc làm những việc khác khi đang lái xe sẽ khiến bạn không tập trung vào đường đi, các phương tiện, và người đi đường khác từ đó có thể gây ra va chạm. Hãy nhớ rằng, tình huống có thể thay đổi rất nhanh và chỉ có bạn mới có thể quyết định khi nào đủ an toàn để chú ý đến điều khác.

■ Kiểm soát tốc độ

Tốc độ quá cao là nguyên nhân chính gây ra thương tích, tử vong trong các vụ va chạm. Thông thường, lái xe với tốc độ càng cao thì nguy cơ xảy ra tai nạn càng lớn, nhưng tai nạn nghiêm trọng cũng có thể xảy ra khi đang ở tốc độ chậm. Không được lái xe nhanh hơn mức an toàn trong điều kiện lúc đang lái, bất kể tốc độ tối đa được phép là bao nhiêu.

■ Giữ xe trong điều kiện hoạt động an toàn

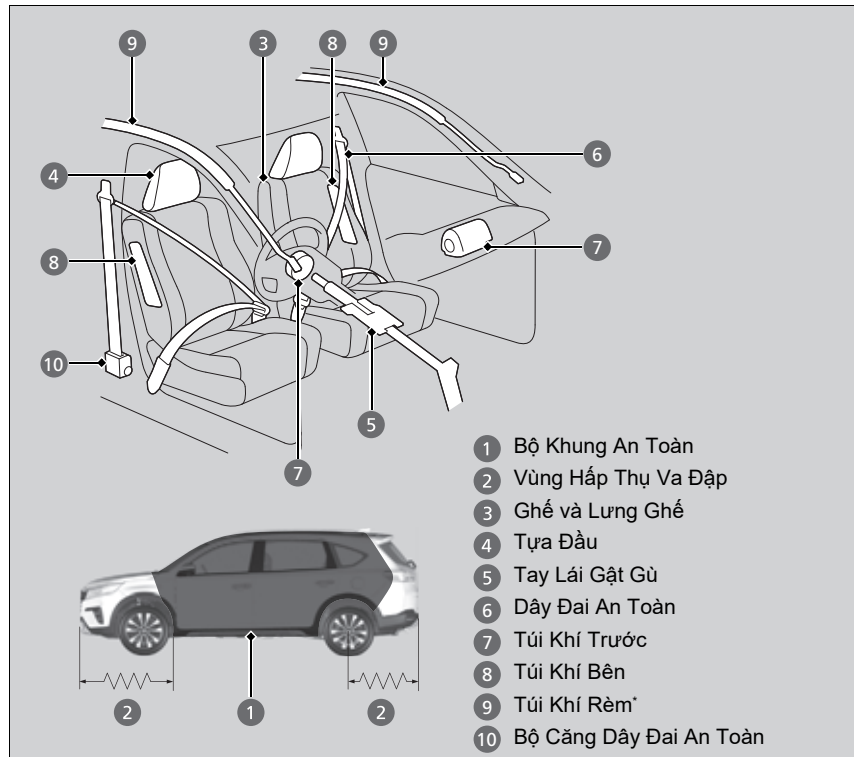
Xẹp lốp hoặc trục trặc kỹ thuật có thể cực kỳ nguy hiểm.

Để giảm nguy cơ rủi ro, hãy kiểm tra áp suất lốp và các điều kiện khác thường xuyên cũng như duy trì bảo dưỡng định kỳ.

■ Luôn giám sát khi trẻ ngồi trên xe

Nếu trẻ nhỏ, vật nuôi và người khuyết tật ở trong xe mà không được giám sát cẩn thận thì có thể kích hoạt một hoặc nhiều chức năng điều khiển xe dẫn đến bị thương. Những đối tượng này có thể làm cho xe di chuyển, gây ra va chạm xe khiến họ và/hoặc (những) người khác bị thương hoặc tử vong. Ngoài ra, tùy theo nhiệt độ môi trường, nhiệt độ bên trong xe có thể tăng lên mức cao nhất, khiến họ bị nguy hiểm hoặc tử vong. Ngay cả khi hệ thống điều khiển nhiệt độ đang bật, cũng không được để họ trong xe một mình vì hệ thống điều khiển nhiệt độ có thể bị tắt bất cứ lúc nào.

Tính Năng An Toàn Của Xe



Bảng liệt kê những mục sau đây sẽ giúp bạn chủ động bảo vệ mình và hành khách.

►►Tính Năng An Toàn Của Xe

Xe của bạn được trang bị nhiều tính năng an toàn hoạt động cùng với nhau để bảo vệ bạn và hành khách trong các vụ va chạm.

Có một số tính năng không yêu cầu bất kỳ thao tác nào của bạn. Những bộ phận này bao gồm bộ thép khoẻ tạo ra khung an toàn bao xung quanh hành khách, vùng hấp thụ lực va đập phía sau, tay lái gập gù và bộ căng dây đai an toàn để thắt chặt dây đai an toàn phía trước khi xảy ra va chạm.

Tuy nhiên, các tính năng an toàn này sẽ không phát huy hết tác dụng bảo vệ cho bạn và hành khách trừ khi bạn ngồi đúng vị trí và luôn thắt dây đai an toàn. Thực tế, một số tính năng an toàn có thể khiến bạn bị thương nếu không sử dụng đúng cách.

Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Vì sự an toàn của bạn và hành khách, hãy rèn thói quen kiểm tra những mục sau trước mỗi lần lái xe.

- Điều chỉnh ghế tới vị trí thích hợp để lái xe. Đảm bảo ghế trước được điều chỉnh càng về phía sau càng tốt mà vẫn cho phép người lái có thể điều khiển xe. Ngồi quá gần túi khí trước có thể bị trọng thương hoặc thậm chí tử vong khi xảy ra va chạm.

► Ghế Ngồi Tr. 202

- Điều chỉnh tựa đầu tới vị trí thích hợp. Tựa đầu phát huy tác dụng nhất khi phần giữa của tựa đầu thẳng với phần giữa đầu bạn. Người có vóc dáng cao nên điều chỉnh tựa đầu tới vị trí cao nhất.

► Tựa Đầu Tr. 212

- Luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách. Đảm bảo rằng tất cả hành khách đều thắt đúng cách.

► Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 44

- Bảo vệ trẻ em bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo lứa tuổi, chiều cao và cân nặng.

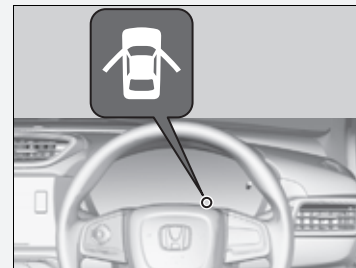
► An Toàn Cho Trẻ Tr. 60

►►Danh Mục Kiểm Tra An Toàn

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

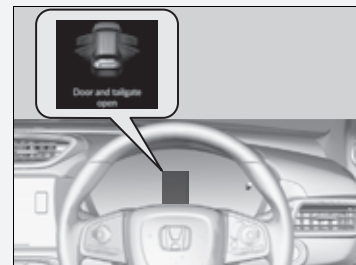
Nếu đèn báo mở cửa và cửa hậu sáng, thì cửa và/hoặc cửa hậu chưa đóng hoàn toàn. Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu cho đến khi đèn báo tắt.

► Đèn Báo Cửa và Cửa Hậu Mở* Tr. 101



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu thông báo cửa và/hoặc cửa hậu mở xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, thì cửa và/hoặc cửa hậu chưa đóng hoàn toàn. Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu cho đến khi thông báo biến mất.



Dây Đai An Toàn Của Xe

Dây đai an toàn là thiết bị an toàn đơn giản hiệu quả nhất bởi vì dây đai giúp bạn liên kết với xe để có thể tận dụng rất nhiều tính năng an toàn bên trong. Dây đai an toàn giữ bạn không bị văng bên trong xe, văng vào các hành khách khác trên xe, hoặc văng ra khỏi xe. Khi được thắt đúng cách, dây đai an toàn sẽ giữ bạn ở tư thế thích hợp khi xảy ra va chạm để tận dụng tối đa chức năng bảo vệ phụ trợ của các túi khí.

Ngoài ra, dây đai an toàn giúp bảo vệ bạn hầu hết trong các tình huống va chạm, bao gồm:

- Va chạm phía trước
- Va chạm bên
- Va chạm phía sau
- Lộn vòng

» Dây Đai An Toàn Của Xe

⚠ CẢNH BÁO

Không thắt dây đai an toàn đúng cách có thể tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm, ngay cả khi xe bạn có túi khí.

Hãy đảm bảo bạn và hành khách của bạn luôn thắt dây đai an toàn và thắt đúng cách.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn được thiết kế để ôm trọn phần khung cơ thể, và nên được thắt thấp ngang qua phía trước phần xương chậu hoặc xương chậu, ngực và vai; tránh thắt dây đai an toàn hông qua vùng bụng.

CẢNH BÁO: Dây đai an toàn phải được điều chỉnh càng chắc chắn càng tốt, tạo sự thoải mái và có thể thực hiện chức năng bảo vệ như được thiết kế. Dây đai an toàn thắt lỏng sẽ giảm khả năng bảo vệ rất lớn cho người sử dụng.

CẢNH BÁO: Không nên xoắn vặn đai khi thắt dây đai an toàn.

CẢNH BÁO: Mỗi dây đai an toàn chỉ được sử dụng cho một người. Vòng dây đai an toàn ngang qua người trẻ đang ngồi trong lòng người sử dụng sẽ cực kỳ nguy hiểm.

■ Dây đai an toàn hông/vai

Tất cả bảy ghế ngồi đều được trang bị dây đai an toàn hông/vai có bộ rút khóa khẩn cấp. Trong điều kiện lái xe thông thường, bộ rút khóa dây đai an toàn cho phép bạn di chuyển thoải mái mà vẫn giữ được lực căng cho dây đai. Khi va chạm hoặc xe dừng đột ngột, bộ rút sẽ khóa lại để bảo vệ cơ thể bạn.

Thắt dây đai an toàn đúng cách khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.

✎ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hông/Vai Tr. 85

■ Sử dụng dây đai an toàn đúng cách

Tuân theo các hướng dẫn sau để sử dụng đúng cách:

- Tất cả mọi người phải ngồi thẳng, tựa lưng vào ghế và duy trì tư thế đó trong suốt chuyến đi. Ngồi thẳng lưng và ngồi ngả người sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ của dây đai an toàn và làm tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được để phần đai của dây đai an toàn hông/vai dưới cánh tay hoặc sau lưng bạn. Điều này sẽ dẫn đến trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được sử dụng một dây đai an toàn cho hai người. Nếu làm vậy, họ có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Không được lắp thêm phụ kiện gì vào dây đai an toàn. Các phụ kiện làm cho ngồi thoải mái hơn hoặc đặt lại vị trí của phần đai vai của dây đai an toàn có thể làm giảm khả năng bảo vệ và tăng nguy cơ bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

✎ Dây Đai An Toàn Của Xe

Nếu bạn kéo dây đai an toàn ra quá nhanh, dây đai sẽ bị khóa lại. Nếu điều này xảy ra, hãy nhẹ nhàng rút dây đai an toàn, sau đó nói ra từ từ.

Dây đai an toàn không thể bảo vệ bạn trong tất cả các vụ va chạm. Nhưng trong hầu hết các trường hợp, dây đai an toàn có thể giảm nguy cơ bị trọng thương.

Hầu hết các quốc gia đều yêu cầu thắt dây đai an toàn. Hãy dành thời gian để tìm hiểu quy định của quốc gia mà bạn lái xe.

■ Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn



Hệ thống dây đai an toàn có một đèn báo trên bảng điều khiển để nhắc nhở người lái hoặc hành khách phía trước hoặc cả hai thắt dây đai an toàn.

Nếu xoay khóa điện đến BẬT ^{*1} và không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng. Nếu người lái hoặc hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ vẫn sáng.

Tiếng bíp vang lên từng hồi và đèn báo sẽ nhấp nháy nếu bạn lái xe mà không thắt dây đai an toàn.

►► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn

Đèn báo cũng sẽ sáng nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn trong vòng sáu giây từ khi xoay khóa điện đến BẬT ^{*1}.

Khi không có ai ngồi ở ghế hành khách phía trước, đèn báo sẽ không sáng và tiếng bíp không vang lên.

Nếu đèn báo sáng hoặc tiếng bíp vang lên mà không có ai ở ghế hành khách trước, hãy kiểm tra để đảm bảo:

- Không có vật nặng nào trên ghế hành khách trước.
- Người lái đã thắt dây đai an toàn.

Nếu đèn báo không sáng khi hành khách ngồi vào ghế và không thắt dây đai an toàn, có thể cảm biến nhận biết người ngồi có sự cố.

Kiểm tra xem:

- Có đệm đặt trên ghế không.
- Hành khách phía trước ngồi đúng tư thế chưa.

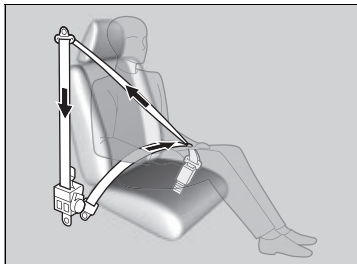
Nếu không phải những trường hợp nói trên, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Bộ Căng Dây Đai An Toàn Tự Động

Các ghế trước được trang bị bộ căng dây đai an toàn tự động để làm tăng độ an toàn.

Bộ căng dây đai an toàn sẽ tự động siết chặt dây đai an toàn ghế trước khi xảy ra va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh, thậm chí đôi khi nếu sự va chạm không đủ mạnh để làm bung túi khí phía trước.



►► Dây Đai An Toàn Của Xe

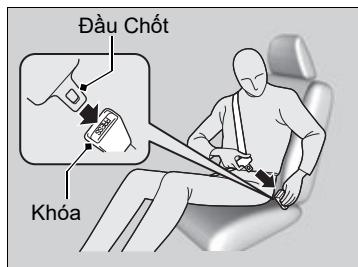
Chỉ có thể sử dụng bộ căng dây đai an toàn một lần duy nhất. Khi bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, đèn báo SRS sẽ sáng. Hãy đưa xe đến đại lý để thay bộ căng dây đai an toàn và kiểm tra toàn bộ hệ thống dây đai an toàn vì nó có thể không còn khả năng bảo vệ trong những lần va chạm sau đó.

Khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ căng dây đai an toàn ở cả hai bên xe cũng sẽ kích hoạt.

Thắt Dây Đai An Toàn

Sau khi điều chỉnh ghế trước đến vị trí phù hợp, hãy ngồi thẳng và tựa vào lưng ghế:

► Ghế Ngồi Tr. 202



1. Kéo dây đai an toàn ra từ từ.

2. Gài đầu chốt vào trong ổ khóa, sau đó kéo dây đai để đảm bảo khóa chắc chắn.
► Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn hoặc vướng vào bất kỳ vật gì.

► Thắt Dây Đai An Toàn

Không nên để ai ngồi ở ghế có dây đai an toàn không hoạt động hoặc dây đai hoạt động không tốt. Sử dụng dây đai hoạt động không tốt sẽ không bảo vệ được hành khách khi xảy ra va chạm. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sớm nhất có thể.

Không nhét bất kỳ vật lạ nào vào khóa hoặc cơ cấu rút dây.

Nếu dây an toàn bị kẹt khóa ở vị trí rút lại hoàn toàn, hãy kéo mạnh dây đai vai một lần, sau đó đẩy dây đai trở lại. Sau đó, từ từ kéo dây ra khỏi bộ rút và thắt dây đai. Nếu bạn không thể nhả dây an toàn khỏi vị trí rút lại hoàn toàn, không để ai ngồi vào ghế và hãy đưa xe của bạn đến đại lý để sửa chữa.

► Dây Đai An Toàn Của Xe Tr. 40

► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn Tr. 48

Thắt dây đai
an toàn
hông càng
thấp càng
tốt



3. Điều chỉnh phần hông của dây đai càng thấp càng tốt qua hông bạn, sau đó kéo phần đai vai của dây đai an toàn lên để khít vào phần hông. Làm như vậy để nếu có xảy ra va chạm thì xương chậu là bộ phận khỏe hơn trên cơ thể sẽ chịu lực và giúp giảm nguy cơ bị nội thương.
4. Nếu cần thiết, kéo phần đai lên nữa để tránh dây đai bị chùng, sau đó kiểm tra xem phần đai vai này có thắt ở giữa ngực và qua vai không. Việc này có tác dụng phân tán lực va chạm ra phần xương khô nhất ở nửa phần trên cơ thể.

Thắt Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

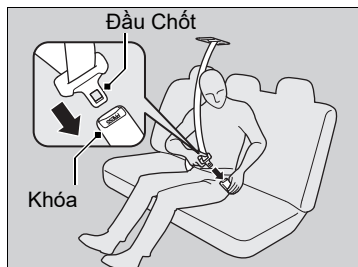
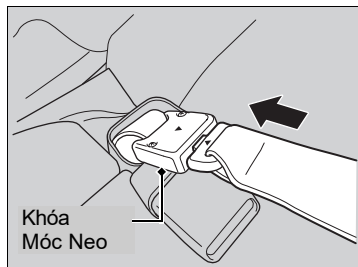
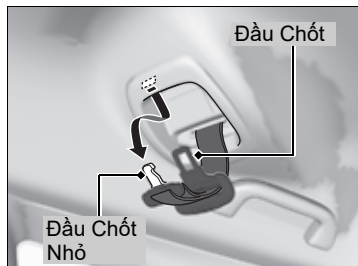
Nếu không thắt dây đai an toàn đúng có thể dẫn đến bị trọng thương hoặc tử vong nếu xảy ra va chạm.

Đảm bảo thắt dây đai an toàn trước khi lái xe.

Để tháo dây đai an toàn, ấn nút **PRESS** màu đỏ, sau đó dùng tay dẫn dây đai an toàn đến khi dây đai rút lại hoàn toàn.

Khi bạn đã ra khỏi xe, đảm bảo xếp gọn dây đai an toàn để dây đai không vướng vào lối đi và không bị mắc khi đóng cửa.

■ Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo



1. Kéo đầu chốt nhỏ và đầu chốt của dây đai an toàn từ mỗi lỗ giữ trên trần xe.

2. Dóng thẳng các điểm hình tam giác trên đầu chốt nhỏ và khóa móc neo. Đảm bảo dây đai an toàn không bị xoắn. Gắn dây đai với khóa móc neo.

3. Gài đầu chốt vào trong khóa. Thắt dây đai an toàn đúng cách giống như thắt dây đai an toàn hông/vai.

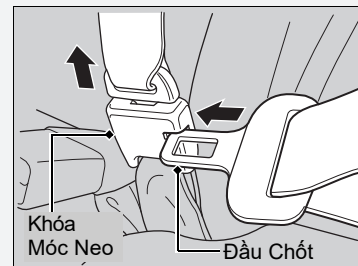
►► Dây Đai An Toàn có Móc Neo Có Thể Tháo

⚠ CẢNH BÁO

Dùng dây đai an toàn mà không khóa móc neo có thể tháo sẽ làm tăng nguy cơ trọng thương hoặc tử vong khi va chạm.

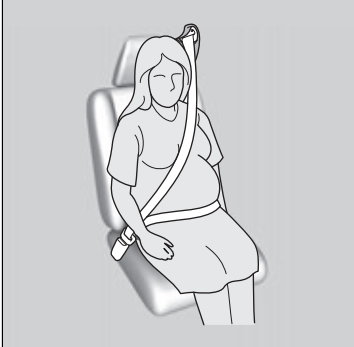
Trước khi dùng dây đai an toàn, đảm bảo móc neo có thể tháo đã được khóa đúng cách.

Để mở khóa móc neo có thể tháo, hãy gài đầu chốt vào lỗ ở sườn của khóa móc neo.



■ Lời Khuyến cho Phụ Nữ Mang Thai

Nếu bạn là phụ nữ mang thai, cách tốt nhất để bảo vệ bạn và em bé trong bụng khi bạn lái hoặc ngồi trên xe là luôn thắt dây đai an toàn. Khi thắt dây đai an toàn, thắt dây đai vai qua phần ngực, không thắt qua vùng bụng và giữ phần đai hông thắt ngang qua hông càng thấp càng tốt.



» Lời Khuyến cho Phụ Nữ Mang Thai

Mỗi lần kiểm tra sức khỏe, bạn hãy hỏi bác sỹ xem bạn có thể lái xe không.

Để giảm nguy cơ xảy ra thương tích cho bạn và em bé trong bụng do nổ túi khí trước:

- Khi lái xe, ngồi thẳng lưng và điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều khiển xe thoải mái.
- Khi ngồi ở ghế hành khách phía trước, điều chỉnh ghế càng lùi về phía sau càng tốt.

Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

Thường xuyên kiểm tra tình trạng của dây đai an toàn như sau:

- Kéo từng dây đai an toàn ra hết cỡ và kiểm tra xem có bị xước, cắt, cháy và mòn không.
- Kiểm tra xem các chốt và khóa hoạt động trơn tru không và các dây đai rút dễ dàng không.
 - Nếu khi rút dây đai bị mắc, hãy làm sạch dây đai. Chỉ sử dụng xà phòng trung tính và nước ấm để lau. Không được dùng dung dịch tẩy rửa hoặc dung môi để làm sạch. Đảm bảo lau khô dây đai an toàn trước khi dây đai rút lại.

Bất kỳ dây đai an toàn nào hoạt động không tốt hoặc trong điều kiện không tốt sẽ không có khả năng bảo vệ và cần được thay thế càng sớm càng tốt. Nếu dây đai an toàn bị mòn do xe bị va chạm sẽ không đảm bảo hiệu quả bảo vệ an toàn trong lần va chạm sau. Hãy đến đại lý để kiểm tra dây đai an toàn sau mỗi lần va chạm.

► Kiểm Tra Dây Đai An Toàn

⚠ CẢNH BÁO

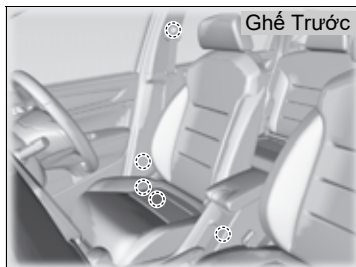
Không kiểm tra hoặc bảo dưỡng dây đai an toàn có thể gây trọng thương hoặc tử vong nếu dây đai an toàn không hoạt động tốt khi cần thiết.
Thường xuyên kiểm tra dây đai an toàn và khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO: Người sử dụng không được thay đổi hoặc thêm gì vào dây đai an toàn để tránh làm cản trở hoạt động của các thiết bị của dây đai an toàn hoặc cản trở dây đai tự điều chỉnh để không bị chùng.

CẢNH BÁO: Phải thay cả cụm dây đai an toàn nếu đã xảy ra va chạm nghiêm trọng gây mòn dây đai, hoặc ngay cả khi dấu hiệu hư hỏng cụm dây đai là không rõ ràng.

CẢNH BÁO: Cần bảo quản dây đai an toàn để dây đai không bị bẩn do dầu bóng, dầu bôi trơn, hóa chất và đặc biệt là dung dịch axit của bình ắc quy. Hãy làm sạch dây đai an toàn bằng xà phòng trung tính và nước. Hãy thay dây đai nếu nó bị xơ xước, quá bẩn hoặc bị hỏng.

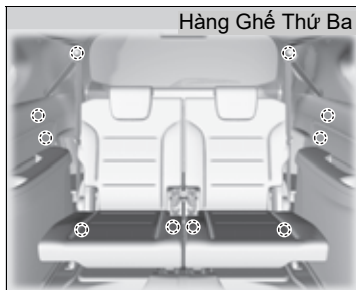
Điểm Treo



Khi thay thế dây đai an toàn, hãy sử dụng những điểm treo như hình vẽ. Ghế trước có một dây đai an toàn hông/vai.



Hàng ghế thứ hai có ba dây đai an toàn hông/vai.



Hàng ghế thứ ba có dây đai an toàn hông/vai.

Thành Phần Hệ Thống Túi Khí

Túi khí trước, túi khí bên và túi khí rèm* nổ theo hướng và mức độ va chạm. Hệ thống túi khí bao gồm:

- Hai túi khí trước SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) bao gồm túi khí phía người lái được đặt ở giữa vô lăng và túi khí phía hành khách trước được đặt trong bảng táp-lô. Cả hai được đánh dấu **SRS AIRBAG**.
- Hai túi khí bên, một cho người lái, một cho hành khách phía trước. Các túi khí được đặt ở cạnh ngoài của lưng ghế. Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Loại xe có túi khí rèm

- Hai túi khí rèm, mỗi bên xe có một chiếc. Các túi khí được đặt trên trần, phía trên cửa kính bên. Tại trụ phía trước và phía sau đều được đánh dấu **SIDE CURTAIN AIRBAG**.

- Khí xoay khóa điện đến BẬT **II***¹, bộ điều khiển điện tử liên tục theo dõi thông tin về các cảm biến va chạm khác nhau, cảm biến dây đai và cảm biến khóa, bộ kích hoạt túi khí, bộ căng dây đai an toàn và thông tin khác của xe. Trong quá trình xảy ra va chạm, các bộ này sẽ ghi lại thông tin như vậy.
- Bộ căng dây đai an toàn tự động phía trước.
- Các cảm biến va chạm có thể phát hiện va chạm có mức độ từ trung bình đến mạnh từ phía trước hoặc từ hai bên.
- Đèn báo trên bảng điều khiển sẽ cảnh báo cho bạn khi hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai an toàn có sự cố.

Loại xe có cảm biến an toàn

- Cảm biến an toàn

* 1: Một số loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Túi khí có thể gây nguy hiểm nghiêm trọng. Khi hoạt động, túi khí phải nổ với một lực rất mạnh. Do đó, túi khí có thể bảo vệ tính mạng của bạn nhưng cũng có thể gây bỏng, thâm tím và một số thương tích nhẹ khác, thậm chí đôi khi sẽ gây tử vong nếu người ngồi trên xe không thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi không đúng tư thế.

Bạn cần phải làm gì: Luôn thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng người càng xa vô lăng càng tốt trong khi vẫn đảm bảo điều kiện lái xe thoải mái. Hành khách ngồi phía trước cần điều chỉnh ghế càng xa bảng táp-lô càng tốt.

Tuy nhiên, hãy nhớ rằng không có hệ thống an toàn nào có thể ngăn ngừa được mọi thương tích hoặc tử vong trong các vụ va chạm với cường độ mạnh, thậm chí ngay cả khi thắt dây đai an toàn đúng cách và túi khí nổ.

Không được để vật nặng hoặc nhọn ở giữa bạn và túi khí trước. Để các vật cứng hoặc sắc nhọn ở hông, hoặc vừa lái xe vừa hút thuốc hoặc ngậm một vật nhọn ở miệng có thể gây thương tích nếu túi khí trước nổ.

Không được gắn hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp túi khí trước. Vật thể được đặt trên nắp có đánh dấu **SRS AIRBAG** có thể cản trở hoạt động túi khí hoặc bị đẩy vào bên trong xe và gây thương tích nếu túi khí nổ.

►►Thông Tin Quan Trọng Về Túi Khí

Không được cố hủy kích hoạt túi khí. Túi khí cùng với dây đai an toàn sẽ mang lại sự bảo vệ tốt nhất.

Khi lái xe, để tay và cánh tay ngoài khu vực nổ của túi khí trước bằng cách nắm vào hai bên vô lăng. Không được vắt chéo tay qua phần nắp túi khí.

Loại Túi Khí

Xe của bạn được trang bị 3 loại túi khí:

- **Túi khí trước:** Các túi khí ở phía trước các ghế người lái và ghế hành khách trước.
- **Túi khí bên:** Các túi khí ở lưng ghế người lái và hành khách trước.
- **Túi khí rèm*:** Các túi khí phía trên cửa kính bên.

Từng loại túi khí được đề cập ở những trang sau đây.

Túi Khí Trước (SRS)

Các túi khí SRS phía trước nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh giúp bảo vệ đầu và ngực của người lái và/hoặc hành khách trước.

SRS (Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ) cho biết túi khí được thiết kế chỉ để hỗ trợ, không phải thay thế cho dây đai an toàn. Dây đai an toàn là hệ thống bảo vệ quan trọng nhất.

■ Vị Trí Lắp Đặt

Các túi khí trước được đặt ở giữa vô lăng dành cho người lái và trong bảng tập-lô cho hành khách trước. Cả hai túi khí đều được đánh dấu **SRS AIRBAG**.

►► Loại Túi Khí

Túi khí có thể nổ bất cứ khi nào khóa điện ở vị trí BẬT ¹.

Sau khi túi khí nổ khi xảy ra va chạm, bạn có thể thấy một thứ giống như khói bay ra. Đây thực chất là một loại bột tạo ra do quá trình cháy. Mặc dù bột này không có độc hại nhưng nó cũng gây khó chịu cho người hít phải. Trong trường hợp này, hãy ra khỏi xe càng nhanh càng tốt khi đã cảm thấy an toàn.

* 1: Một số loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

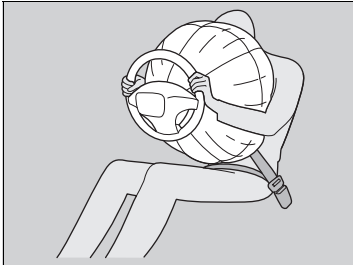
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Hoạt Động

Túi khí trước được thiết kế để nổ khi có va chạm từ phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh. Khi xe giảm tốc độ đột ngột, các cảm biến sẽ gửi thông tin đến bộ điều khiển. Bộ điều khiển sẽ quyết định một hoặc cả hai túi khí trước sẽ nổ.

Khi xảy ra va chạm từ phía trước có thể là vào đầu hoặc góc giữa hai xe, hoặc khi xe đâm vào một vật cố định, như tường bê tông.

■ Hoạt Động Của Túi Khí Trước



Trong khi dây đai an toàn bảo vệ phần thân của bạn, thì túi khí trước hỗ trợ bảo vệ phần đầu và ngực.

Túi khí trước sẽ xẹp ngay nên nó không cản trở tầm quan sát, khả năng đánh lái hoặc điều khiển xe của người lái.

Túi khí nổ và xẹp đi trong thời gian nhanh, tới mức hầu hết mọi người đều không nhận ra túi khí đã nổ cho đến lúc thấy nó đã nằm ngay trước mặt.

■ Túi khí trước không nổ khi

Va chạm nhẹ từ phía trước: Túi khí trước được thiết kế để hỗ trợ dây đai an toàn và giúp bảo vệ tính mạng con người, chứ không giúp bạn tránh bị những vết xước nhẹ, thậm chí gãy xương trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước với mức độ thấp hơn mức trung bình đến mạnh.

Va chạm bên: Túi khí trước có thể bảo vệ khi xe đột ngột giảm tốc độ làm cho người lái hoặc hành khách phía trước nhào về phía trước. Túi khí bên và túi khí rèm* được thiết kế đặc biệt để giúp giảm mức độ thương tích khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh làm cho người lái hoặc hành khách xô sang một bên.

Va chạm phía sau: Tựa đầu và dây đai an toàn bảo vệ bạn tốt nhất khi có va chạm từ phía sau. Các túi khí trước không thể bảo vệ hiệu quả và không được thiết kế để nổ trong trường hợp va chạm này.

Xe bị lộn vòng: Dây đai an toàn và các túi khí rèm* mang lại hiệu quả bảo vệ tốt nhất trong trường hợp xe bị lộn vòng. Túi khí phía trước có thể mang lại hiệu quả bảo vệ thấp vì chúng không được thiết kế để bảo vệ trong trường hợp này.

■ Túi khí trước nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí cảm nhận sự giảm tốc đột ngột, nên khi có va chạm mạnh vào phần khung hoặc hệ thống treo của xe sẽ làm cho một hoặc nhiều túi khí nổ. Ví dụ khi gầm xe va vào rìa đường, mép hố, hoặc những vật thể cố định khác phía dưới có thể khiến xe giảm tốc độ đột ngột. Vì va chạm từ phía gầm của xe nên hư hỏng có thể không thấy rõ.

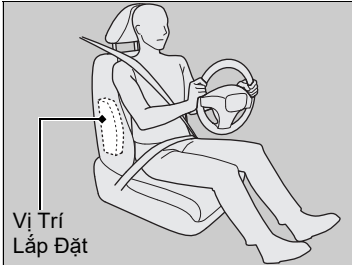
■ Túi khí trước không nổ kể cả khi xe bị hư hỏng nặng bên ngoài

Do các bộ phận thân xe là phần hấp thụ lực va chạm trong trường hợp xe bị va chạm, nên không thể chỉ dựa vào mức độ hư hỏng bên ngoài mà có thể khẳng định túi khí của xe có hoạt động tốt hay không. Thực tế, một vài va chạm có thể dẫn đến hư hỏng nặng nhưng túi khí không nổ bởi vì trong trường hợp này túi khí không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ khi nổ.

Túi Khí Bên

Túi khí bên giúp bảo vệ phần trên thân mình và xương chậu của người lái hoặc hành khách phía trước khi có va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

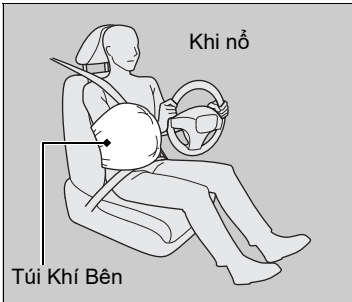
Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí bên được lắp vào cạnh ngoài của lưng ghế người lái và lưng ghế hành khách.

Cả hai được đánh dấu **SIDE AIRBAG**.

Hoạt Động



Khi các cảm biến phát hiện va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh, bộ điều khiển sẽ gửi tín hiệu đến túi khí bên phía có va chạm để nổ ngay lập tức.

►►Túi Khí Bên

Không được gắn thêm phụ kiện vào hoặc gắn túi khí bên để không làm cản trở túi khí hoạt động, hoặc không làm ai đó bị thương khi có một túi khí nổ.

Không bọc hoặc thay vỏ lưng ghế trước mà không tham khảo đại lý.

Thay thế hoặc bọc không đúng cách vỏ lưng ghế trước có thể cản trở túi khí bên nổ đúng cách khi có va chạm bên.

Không để hành khách phía trước dựa nghiêng sang một bên và đầu nghiêng về hướng nổ của túi khí bên.

Khi túi khí bên nổ sẽ tạo ra lực rất mạnh và gây thương tích cho hành khách.

■ Túi khí bên nổ trong trường hợp hư hỏng nhỏ hoặc không rõ ràng

Vì hệ thống túi khí nhận biết khi xe tăng tốc đột ngột, nên một va chạm mạnh vào sườn của khung xe có thể làm nổ túi khí. Trong trường hợp đó, có thể có hư hỏng nhỏ hoặc không hư hỏng nhưng cảm biến bên phát hiện mức độ va chạm đủ mạnh để nổ túi khí.

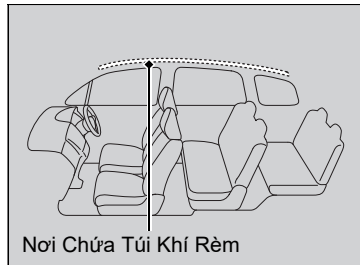
■ Túi khí bên không thể nổ ngay cả khi xe bị hư hỏng nặng

Túi khí bên có thể không nổ khi xảy ra va chạm mạnh gây hư hỏng nặng. Điều này có thể xảy ra khi đâm va chạm ở quá xa phần phía trước hoặc phía sau của xe, hoặc khi bộ phận thân xe hấp thụ hết lực va chạm. Trong cả hai trường hợp trên, túi khí sẽ không cần thiết hoặc không mang lại hiệu quả bảo vệ nếu nó nổ.

Túi Khí Rèm*

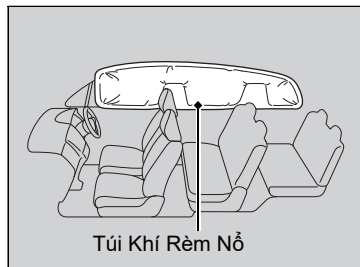
Các túi khí rèm giúp bảo vệ đầu người lái và hành khách ngồi ở ghế bên ngoài khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Vị Trí Lắp Đặt



Túi khí rèm được đặt trên trần xe, ngay phía trên các cửa kính ở hai bên của xe.

Hoạt Động



Túi khí rèm được thiết kế để nổ khi xảy ra va chạm bên với mức độ từ trung bình đến mạnh.

Túi khí rèm nổ trong trường hợp có va chạm từ phía trước

Một hoặc cả hai túi khí rèm có thể nổ trong trường hợp va chạm từ góc phía trước với mức độ từ trung bình đến mạnh.

►►Túi Khí Rèm*

Túi khí rèm có khả năng bảo vệ hiệu quả nhất khi người sử dụng thắt dây đai an toàn đúng cách và ngồi thẳng, dựa lưng vào ghế.

Không gắn bất cứ vật gì vào cửa kính bên hoặc tấm ốp trụ đỡ nóc xe vì nó có thể khiến túi khí rèm hoạt động không tốt.

Loại xe có móc treo áo

Không treo áo khoác hoặc vật nặng lên móc áo để tránh bị thương tích nếu túi khí rèm nổ.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo Hệ Thống Túi Khí

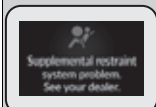
Nếu hệ thống túi khí có sự cố, đèn báo SRS sẽ sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*.

Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



■ **Khi xoay khóa điện đến BẬT II***¹ Đèn báo sáng trong vài giây, sau đó tắt chứng tỏ hệ thống đang hoạt động tốt.

Nếu đèn báo sáng ngoài khoảng thời gian đó, hoặc không sáng, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu không, túi khí và bộ căng dây đai an toàn có thể không hoạt động tốt khi cần.

* 1: Một số loại xe có hệ thống truy cập từ xa có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)

⚠ CẢNH BÁO

Không để ý đến đèn báo SRS có thể gây thương tích hoặc tử vong nếu hệ thống túi khí hoặc bộ căng dây đai không hoạt động tốt.

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt nếu đèn báo SRS cảnh báo có thể xảy ra sự cố.

Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Bạn không cần và không nên tự mình thực hiện kiểm tra hoặc thay thế bất cứ bộ phận nào của túi khí. Tuy nhiên, bạn hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra trong các tình huống sau:

■ Khi túi khí đã nổ

Nếu túi khí đã nổ, phải thay bộ điều khiển và các bộ phận liên quan. Tương tự, khi bộ căng dây đai an toàn tự động đã được kích hoạt, phải thay nó.

■ Khi xe đã bị va chạm với mức độ từ trung bình đến mạnh

Ngay cả khi túi khí không nổ, hãy đến đại lý để kiểm tra bộ căng dây đai an toàn ghế trước và từng dây đai an toàn xem có bị mòn khi xảy ra va chạm không.

►►Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí

Nghiêm cấm tháo bất kỳ bộ phận nào của túi khí ra khỏi xe.

Trong trường hợp túi khí có sự cố hoặc ngưng hoạt động hoặc sau khi túi khí nổ/bộ căng dây đai an toàn được kích hoạt, cần yêu cầu thợ sửa chữa có tay nghề thực hiện sửa chữa.

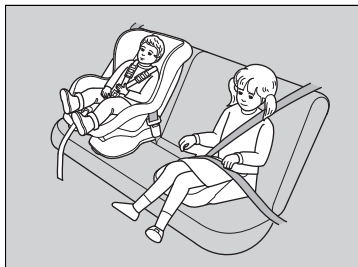
Bạn không nên sử dụng lại các bộ phận của hệ thống túi khí, bao gồm túi khí, các bộ căng dây đai an toàn, các cảm biến và bộ điều khiển.

Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Hàng năm có rất nhiều trẻ bị thương hoặc tử vong trong những vụ tai nạn xe hơi, bởi vì chúng không được bảo vệ an toàn hoặc được bảo vệ nhưng không đúng cách. Trên thực tế, tai nạn xe hơi là nguyên nhân số một gây tử vong cho trẻ em từ 12 tuổi trở xuống.

Để giảm số trẻ em bị thương tích và tử vong, trẻ sơ sinh và trẻ lớn hơn cần được bảo vệ đúng cách khi ngồi trên xe.

Trẻ em phải được ngồi đúng cách và được bảo vệ ở ghế sau vì những lý do sau:



- Túi khí trước nổ có thể gây thương tích hoặc tử vong cho trẻ ngồi ở ghế trước.
- Trẻ em ngồi ở ghế trước có thể làm phân tán khả năng điều khiển xe an toàn của người lái.
- Số liệu thống kê cho thấy trẻ nhỏ với mọi tầm vóc và lứa tuổi sẽ an toàn hơn khi được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

»Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

⚠CẢNH BÁO

Trẻ không được bảo vệ hoặc được bảo vệ không đúng cách có thể bị trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Nếu trẻ quá nhỏ không thể sử dụng dây đai an toàn, chúng cần được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trẻ lớn hơn có thể sử dụng dây đai an toàn và ghế lót đặc biệt khi cần thiết.

Ở nhiều quốc gia, pháp luật quy định trẻ em từ 12 tuổi trở xuống và những trẻ thấp hơn 150 cm phải được bảo vệ an toàn đúng cách ở ghế sau.

Ở nhiều quốc gia có quy định sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em phù hợp và đúng tiêu chuẩn khi để trẻ ngồi ở bất kỳ ghế hành khách nào. Hãy kiểm tra các quy định của pháp luật sở tại.

Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo Quy Định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc quy định của quốc gia bạn.

➡ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Tr. 66

- Không được ôm trẻ nhỏ trong lòng bởi vì điều đó không thể bảo vệ trẻ khi xảy ra va chạm.
- Không được thắt dây đai an toàn vòng qua bạn và trẻ nhỏ. Khi xảy ra va chạm, dây đai sẽ siết chặt vào trẻ dẫn đến trọng thương hoặc tử vong.
- Không được để hai trẻ thắt chung dây đai an toàn. Cả hai trẻ có thể bị trọng thương khi xảy ra va chạm.
- Nếu trẻ quá nhỏ không thể thắt dây đai an toàn, chúng phải được bảo vệ bằng hệ thống ghế ngồi trẻ em đúng tiêu chuẩn được lắp đúng cách trên xe bằng cách sử dụng dây đai an toàn hoặc hệ thống móc neo ghế ngồi trẻ em.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Tấm Che Nắng Hành Khách Phía Trước

⚠ CẢNH BÁO



⚠ AIRBAG

KHÔNG sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ HOẠT ĐỘNG ở phía trước để tránh làm TRẺ bị TRỌNG THƯƠNG hoặc TỬ VONG.

Để nhắc bạn về nguy hiểm của túi khí trước phía hành khách và an toàn cho trẻ, xe của bạn có nhãn cảnh báo trên tấm che nắng phía hành khách và trên thanh dọc cửa hành khách trước*.
Hãy đọc và làm theo các hướng dẫn trên nhãn này.

► Nhãn An Toàn Tr. 93

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

- Không để trẻ vận hành cửa, cửa kính hoặc điều chỉnh ghế.
- Không được để trẻ một mình trên xe, đặc biệt là khi trời nóng mà nhiệt độ bên trong xe có thể nóng đến mức làm trẻ tử vong. Trẻ cũng có thể kích hoạt hệ thống điều khiển vô tình làm xe di chuyển.

►► Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ

Loại xe Châu Phi

Thanh Dọc Cửa Phía Hành Khách Trước

⚠ CẢNH BÁO



Cảnh Báo Nguy Hiểm!

KHÔNG ĐƯỢC đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế có túi khí phía trước!

CẢNH BÁO: Sử dụng nút khóa cửa kính điện để ngăn trẻ em mở các cửa kính. Sử dụng tính năng này để tránh trẻ nghịch cửa kính, việc đùa nghịch này có thể gây nguy hiểm hoặc làm cho lái xe mất tập trung.

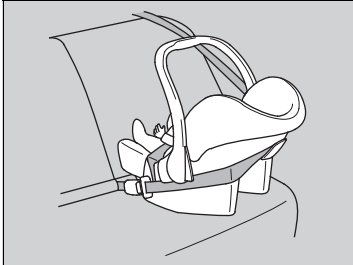
🔑 Mở/Đóng Các Cửa Kính Điện Tr. 177

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

An Toàn Cho Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Nhỏ

■ Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Trẻ sơ sinh phải được đặt trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đạt đến giới hạn trọng lượng và chiều cao để sử dụng ghế của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



■ Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau

Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được đặt ở hàng ghế sau.

- Bạn nên lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ngay phía sau ghế hành khách phía trước, di chuyển ghế về phía trước để có đủ khoảng trống lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, và để trống ghế phía trước.
- Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không sát nhau. Hoặc bạn có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau có kích thước nhỏ hơn.

►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong khi túi khí trước phía hành khách nổ.

Luôn đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở ghế sau, không đặt ở ghế trước.

Khi hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau được lắp đúng cách, người lái hoặc hành khách ngồi ghế trước không thể ngả hết cỡ ghế của họ về phía sau được, hoặc không thể khóa lưng ghế ở vị trí mong muốn.

►► Bảo Vệ Trẻ Sơ Sinh

Các chuyên gia khuyến nghị nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau cho đến khi trẻ đủ hai tuổi nếu chiều cao và cân nặng của trẻ vẫn phù hợp với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.

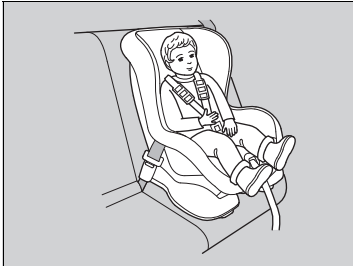
Không được lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau ở vị trí quay mặt về phía trước.

Luôn tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em trước khi lắp đặt.

Nếu túi khí trước phía hành khách nổ, nó có thể va vào hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau với lực rất mạnh làm hệ thống bật ra khỏi vị trí, khiến trẻ bị trọng thương.

■ Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

Nếu trẻ có cân nặng và chiều cao vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau, bạn nên đặt trẻ ngồi chắc chắn trong hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước đến khi cân nặng và chiều cao của trẻ vượt giới hạn quy định đối với hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.



■ Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước

Bạn nên đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế sau.

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở hàng ghế trước có thể gây nguy hiểm. Đặt ở ghế sau sẽ an toàn nhất cho trẻ.

►► Bảo Vệ Trẻ Nhỏ

⚠ CẢNH BÁO

Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước có thể khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Nếu bạn phải đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước ở ghế trước, hãy di chuyển ghế càng lùi về phía sau càng tốt và bảo vệ trẻ đúng cách.

Tự trang bị kiến thức pháp luật và các quy định liên quan tới hệ thống ghế ngồi trẻ em tại nước sở tại khi lái xe và tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.

■ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới. Một số hệ thống có loại móc treo cứng trong khi một vài loại khác có móc treo mềm. Cả hai loại đều dễ sử dụng. Một số hệ thống hiện tại hoặc trước kia chỉ có thể được lắp đặt bằng cách sử dụng dây đai an toàn. Cho dù bạn chọn loại nào, hãy tuân theo những hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng của nhà sản xuất về hạn sử dụng khuyến cáo của hệ thống ghế ngồi trẻ em cũng như hướng dẫn trong cuốn tài liệu này. Lắp đặt đúng mới có thể đảm bảo tối đa an toàn cho trẻ.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở nước bạn.

Ở ghế và xe không được trang bị hệ thống móc neo ở phía dưới, hãy lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em bằng cách dùng dây đai an toàn và dây thắt ở phía trên để tăng độ chắc chắn. Vì toàn bộ hệ thống ghế ngồi trẻ em phải được cố định chắc chắn bằng dây đai an toàn khi không sử dụng hệ thống móc neo phía dưới. Ngoài ra, nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em khuyến bạn nên sử dụng dây đai an toàn cho hệ thống ghế ngồi trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX khi trẻ đạt tới cân nặng tiêu chuẩn. Hãy đọc tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em để được hướng dẫn lắp đặt đúng cách.

■ Những lưu ý quan trọng khi lựa chọn hệ thống ghế ngồi trẻ em

Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em đáp ứng được ba yêu cầu sau:

- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại và kích cỡ phù hợp với trẻ.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chủng loại phù hợp với vị trí ghế ngồi.
- Hệ thống ghế ngồi trẻ em phải đạt tiêu chuẩn an toàn. Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em theo thông số kỹ thuật của Quy Định số 44 hoặc số 129 của Liên Hợp Quốc hoặc quy định của mỗi quốc gia. Hãy tìm nhãn chứng nhận tiêu chuẩn và cam kết tiêu chuẩn của nhà sản xuất hệ thống trên ghế.

► Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lắp đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với xe có móc neo ở phía dưới rất đơn giản.

Hệ thống ghế ngồi trẻ em tương thích với móc neo ở phía dưới được cải tiến nhằm đơn giản hóa việc lắp đặt và giảm khả năng gây thương tích do lắp đặt không đúng.

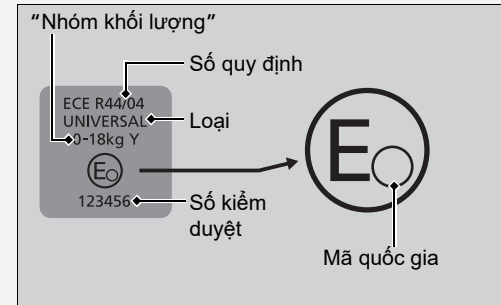
Bạn nên sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau hoặc quay mặt về phía trước phù hợp cho trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ loại ISOFIX chính hiệu Honda. Hãy tham khảo đại lý.

■ Tiêu Chuẩn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

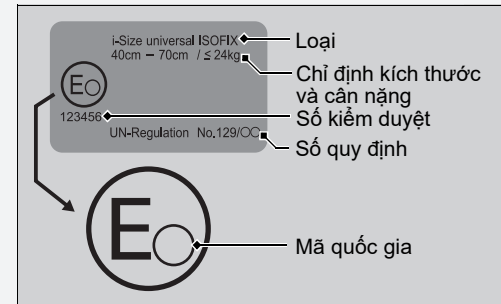
Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em (loại i-Size/ISOFIX hoặc loại có dây đai an toàn) đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc, hệ thống sẽ được dán nhãn kiểm duyệt như hình vẽ trong bảng bên cạnh. Trước khi mua hoặc sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy kiểm tra nhãn kiểm duyệt để đảm bảo ghế tương thích với xe của bạn, với trẻ nhỏ và đáp ứng các Quy Định của Liên Hợp Quốc.

✎ Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Ví dụ về nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 44 của Liên Hợp Quốc



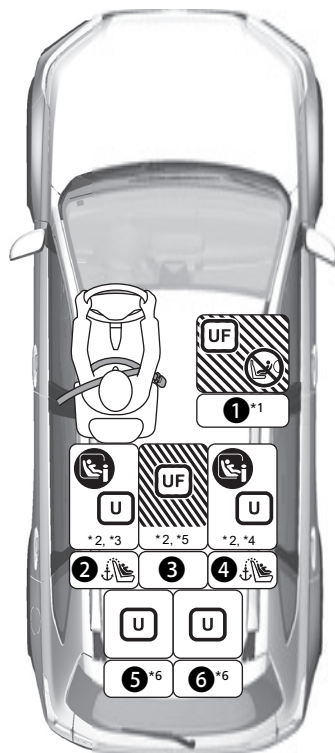
Ví dụ về nhãn kiểm duyệt theo Quy Định số 129 của Liên Hợp Quốc



Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lái Xe An Toàn



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp cùng với dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp cùng với dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

- * 1: Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
- * 2: Ngả ghế hết cỡ về phía sau và lùi ghế về phía trước đến vị trí khóa.
- * 3: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế hàng thứ hai bên trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ở ghế giữa.
- * 4: Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế hàng thứ hai bên phải thì sẽ không sử dụng được dây đai an toàn ở ghế giữa.
- * 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa của hàng ghế thứ hai, thì không thể sử dụng dây an toàn ở một bên.
- * 6: Ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

Số vị trí ghế	Nhóm chiều cao, cân nặng		Vị trí ghế và Số vị trí ghế					
			①	②	③	④	⑤	⑥
			Ghế hành khách trước *1*2	Hàng ghế thứ 2*3			Hàng ghế thứ 3*7	
				Trái*4	Giữa*5	Phải*6	Trái	Phải
Vị trí ghế phù hợp với dây đai thông dụng (Có/Không)	Nhóm 0	Lên đến 10kg	Không	Có	Không	Có	Có	Có
	Nhóm 0+	Lên đến 13kg						
	Nhóm I	9-18kg	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg						
	Nhóm III	22-36kg						
Vị trí ghế cho loại i-Size (Có/Không)	≤ 150cm		Không	Có	Không	Có	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu	—		Không	Không	Không	Không	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Lên đến 10kg	Không	R3	Không	R3	Không	Không
	Nhóm 0+	Lên đến 13kg						
	Nhóm I	9-18kg						
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	Không	F3	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤ 150cm		B3	B3	B3	B3	B3	B3

- * 1: Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
- * 2: Chỉ quay mặt về phía trước
- * 3: Ngả ghế hết cỡ về phía sau và lưng ghế về phía trước đến vị trí khóa.
- * 4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế hàng thứ hai bên trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- * 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa của hàng ghế thứ hai, thì không thể sử dụng dây an toàn ở một bên.
- * 6: Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế hàng thứ hai bên phải, thì sẽ không thể sử dụng được dây đai an toàn ghế giữa.
- * 7: Ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

► Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

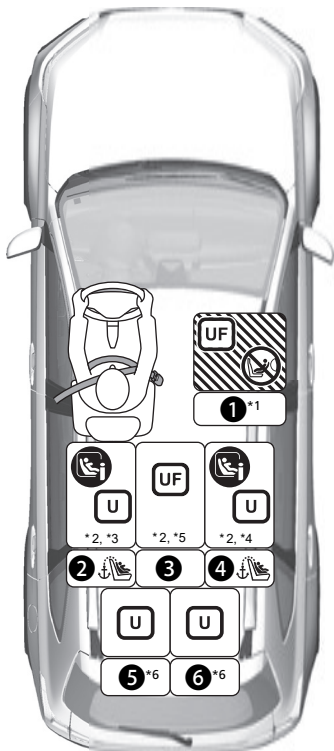
Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nổi)
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nổi)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước lớn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

Loại xe Việt Nam

■ Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Lái Xe An Toàn



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp cùng với dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp cùng với dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.

- * 1: Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
- * 2: Ngả ghế hết cỡ về phía sau và lưng ghế về phía trước đến vị trí khóa.
- * 3: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế hàng thứ hai bên trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- * 4: Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế hàng thứ hai bên phải, thì sẽ không sử dụng được dây đai an toàn ghế giữa.
- * 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng thứ hai, thì không thể sử dụng được dây an toàn một bên.
- * 6: Ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

Số vị trí ghế	Nhóm Chiều cao, Cân nặng		Vị trí ghế và Số vị trí ghế					
			①	②	③	④	⑤	⑥
			Ghế hành khách trước *1*2	Hàng ghế thứ 2*3			Hàng ghế thứ 3*7	
				Trái*4	Giữa*5	Phải*6	Trái	Phải
Vị trí ghế phù hợp cho loại đai thông dụng (Có/Không)	Nhóm 0	Lên đến 10kg	Không	Có	Không	Có	Có	Có
	Nhóm 0+	Lên đến 13kg						
	Nhóm I	9-18kg	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg						
	Nhóm III	22-36kg						
Vị trí ghế cho loại i-Size (Có/Không)	≤ 150cm		Không	Có	Không	Có	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu khuyến dùng*8	—		Không	Có	Không	Có	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Lên đến 10kg	Không	R3	Không	R3	Không	Không
	Nhóm 0+	Lên đến 13kg						
	Nhóm I	9-18kg						
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	Không	F3	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤ 150cm		B3	B3	B3	B3	B3	B3

- * 1: Ngã ghế hết cỡ về phía sau.
- * 2: Chỉ quay mặt về phía trước
- * 3: Ngã ghế hết cỡ về phía sau và lưng ghế về phía trước đến vị trí khóa.
- * 4: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế hàng thứ hai bên trái, thì không thể sử dụng được dây đai an toàn ghế giữa.
- * 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng thứ hai, thì không thể sử dụng được dây an toàn ở một bên.
- * 6: Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế hàng thứ hai bên phải, thì sẽ không sử dụng được dây đai an toàn ghế giữa.
- * 7: Ngã lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.
- * 8: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các CRS được khuyến nghị. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

► Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

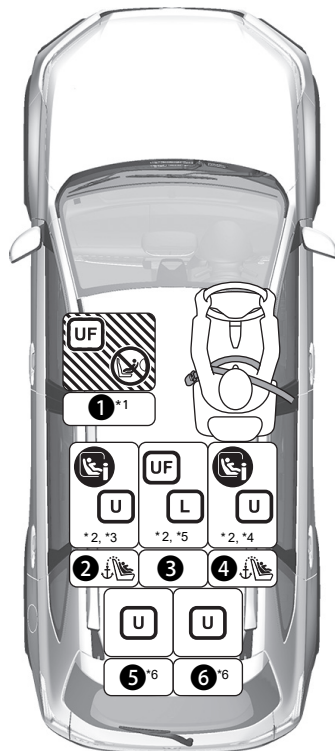
Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nổi)
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nổi)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước lớn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại cao
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái và loại xe Việt Nam

■ Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Loại vô lăng bên trái

Loại vô lăng bên phải



	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng lắp cùng với dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em thông dụng quay mặt về phía trước lắp cùng với dây đai an toàn của xe.
	Thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em i-Size và ISOFIX.
	Chỉ thích hợp cho loại hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước.
	Không được sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía sau.
	Vị trí ghế có Đầu Buộc móc neo.
	Thích hợp cho các hệ thống ghế ngồi trẻ em cụ thể được cung cấp trong danh sách đính kèm. Những hạn chế này có thể thuộc danh mục "cụ thể", "hạn chế" hoặc "bán thông dụng".

- * 1: Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
- * 2: Ngả ghế hết cỡ về phía sau và lưng ghế về phía trước đến vị trí khóa.
- * 3: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế hàng thứ hai bên trái, thì không thể sử dụng được dây đai an toàn ghế giữa.
- * 4: Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế hàng thứ hai bên phải, thì không thể sử dụng được dây đai an toàn ghế giữa.
- * 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa của hàng ghế thứ hai, thì không thể sử dụng dây an toàn một bên.
- * 6: Ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

Thông tin chi tiết về việc lắp đặt CRS

Số vị trí ghế	Nhóm Chiều cao, Cân nặng		Vị trí ghế và Số vị trí ghế					
			①	②	③	④	⑤	⑥
			Ghế hành khách trước *1*2	Hàng ghế thứ hai*3			Hàng ghế thứ ba*8	
				Trái*5	Giữa*6	Phải*7	Trái	Phải
Vị trí ghế phù hợp cho loại đai thông dụng (Có/Không)	Nhóm 0	Lên đến 10kg	Không	Có	Không	Có	Có	Có
	Nhóm 0+	Lên đến 13kg						
	Nhóm I	9-18kg	Có	Có	Có	Có	Có	Có
	Nhóm II	15-25kg						
	Nhóm III	22-36kg						
Vị trí ghế cho loại i-Size (Có/Không)	≤ 150cm		Không	Có	Không	Có	Không	Không
Vị trí ghế phù hợp cho CRS chính hiệu khuyến dùng*4	Tham khảo danh sách CRS chính hãng		Có	Có	Có	Có	Có	Có
Vị trí ghế phù hợp cho loại quay sang hai bên (L1/L2)	—		Không	Không	Không	Không	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía sau (R1/R2X/R2/R3)	Nhóm 0	Lên đến 10kg	Không	R3	Không	R3	Không	Không
	Nhóm 0+	Lên đến 13kg						
	Nhóm I	9-18kg						
Phù hợp nhất cho loại quay mặt ra phía trước (F2X/F2/F3)	Nhóm I	9-18kg	Không	F3	Không	F3	Không	Không
Phù hợp nhất cho loại ghế lót đặc biệt (B2/B3)	≤ 150cm		B3	B3	B3	B3	B3	B3

- * 1: Ngả ghế hết cỡ về phía sau.
- * 2: Chỉ quay mặt về phía trước
- * 3: Ngả ghế hết cỡ về phía sau và lưng ghế về phía trước đến vị trí khóa.
- * 4: Loại Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em (CRS) là theo khuyến nghị của Honda vào thời điểm bán ra thị trường. Bạn nên trao đổi với đại lý ủy quyền để biết thông tin cập nhật về các CRS được khuyến nghị. Các CRS khác cũng có thể phù hợp để sử dụng với xe của bạn. Tham khảo danh sách của nhà sản xuất CRS để biết về các loại xe có thể sử dụng hệ thống này.
- * 5: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế hàng thứ hai bên trái, thì không thể sử dụng dây đai an toàn ghế giữa.
- * 6: Nếu bạn lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào ghế giữa hàng thứ hai, thì không thể sử dụng dây an toàn ở một bên.
- * 7: Lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em ISOFIX vào ghế hàng thứ hai bên phải, thì sẽ không sử dụng được dây đai an toàn ghế giữa.
- * 8: Ngả lưng ghế hết cỡ về phía trước đến vị trí khóa.

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ ở các ghế không thể lắp loại i-Size.

►► Vị Trí Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em

Khi mua hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo kiểm tra nhóm kích thước ISOFIX hoặc đồ gá để đảm bảo ghế phù hợp với xe.

Đồ gá (CRF)	Mô tả
ISO/L2	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên phải (xe nội)
ISO/L1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt sang bên trái (xe nội)
ISO/R1	Ghế trẻ sơ sinh quay mặt về sau
ISO/R2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
ISO/R2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước nhỏ
ISO/R3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về sau kích thước lớn
ISO/F2X	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F2	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/F3	Hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước loại thấp
ISO/B2	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại ngắn
ISO/B3	Ghế lót đặc biệt quay mặt về phía trước loại dài

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Danh Sách Loại CRS Chính Hiệu

Loại xe Nam Phi

UN R44

Nhóm Khối Lượng	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
Nhóm 0 đến 10kg	—	—
Nhóm 0+ đến 13 kg	STANDARD	Universal (Quay mặt về phía sau)
Nhóm I 9 đến 18kg	STANDARD	Universal (Quay mặt về phía trước)
Nhóm II, III 15 đến 36 kg	—	—

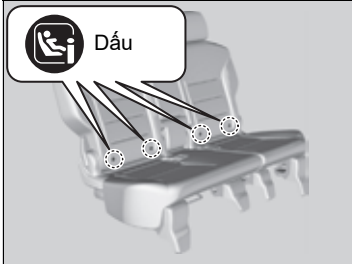
Loại xe Nam Phi, Indonesia, Thái Lan, Philippin và Việt Nam

UN R129

Chiều cao và độ tuổi	Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	Loại
Dưới 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX (Quay mặt về phía sau)
Trên 71cm và 15 tháng đến 100cm	Honda Baby & Kids i-Size	i-Size Universal ISOFIX

■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Có thể lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em có móc neo phía dưới ở một trong hai ghế bên ngoài hàng thứ hai. Hệ thống ghế ngồi trẻ em được gắn vào móc neo phía dưới bằng móc treo cứng hoặc móc treo mềm.



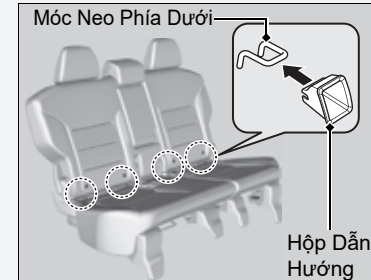
1. Cố định móc neo phía dưới vào các điểm đánh dấu.
2. Ngả ghế hàng thứ hai hết cỡ về phía sau và đảm bảo khóa lưng ghế ở vị trí thẳng đứng.

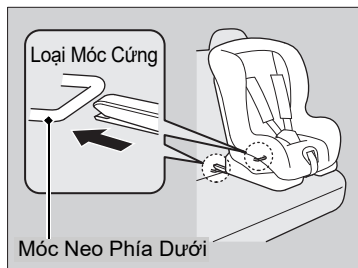
►► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

⚠ CẢNH BÁO

Không buộc chung hai hệ thống ghế ngồi trẻ em vào cùng một móc neo. Khi xảy ra va chạm, móc neo đó không đủ chắc chắn để giữ an toàn cho cả hai hệ thống ghế ngồi trẻ em và có thể bị gãy, khiến trẻ bị trọng thương hoặc tử vong.

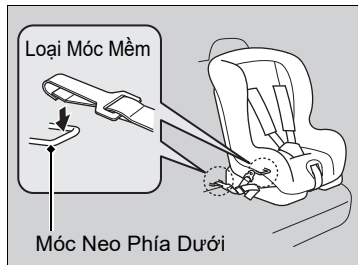
Một vài hệ thống ghế ngồi trẻ em có kèm theo hộp dẫn hướng để tránh làm hỏng mặt ghế. Hãy tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất khi sử dụng hộp dẫn hướng và lắp nó vào các móc neo phía dưới giống như hình vẽ.





3. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe, sau đó lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em vào móc neo phía dưới theo hướng dẫn lắp đặt của hệ thống ghế ngồi trẻ em.

► Khi lắp hệ thống ghế ngồi trẻ em, đảm bảo móc neo phía dưới không bị mắc vào dây đai hoặc bất kỳ vật gì khác.

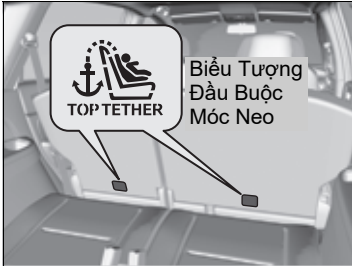


►► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

Vì sự an toàn cho trẻ, khi sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em được lắp đặt bằng hệ thống móc neo phía dưới, đảm bảo hệ thống ghế ngồi được cố định chắc chắn trên xe.

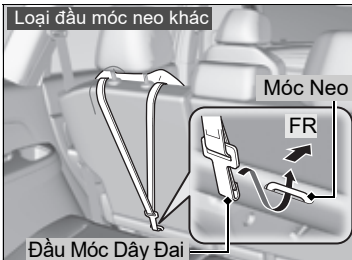
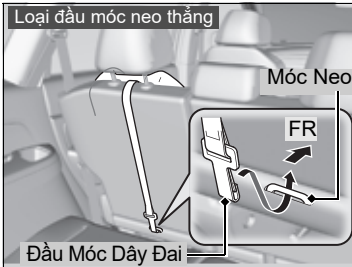
Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ hiệu quả khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.

Loại móc mềm có thể không có sẵn ở quốc gia bạn.



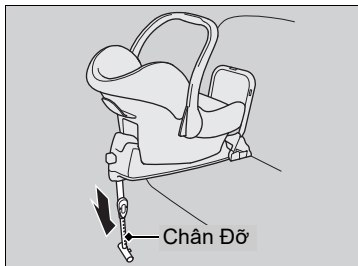
Hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt

4. Kéo tựa đầu lên và đẩy về phía sau cho đến khi nó được khóa lại, sau đó luồn dây thắt qua các chân của tựa đầu. Đảm bảo dây thắt không bị xoắn.
5. Móc đầu móc chắc chắn vào móc neo.
6. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
7. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
8. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ nếu không sử dụng đến.



►► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Có Móc Neo Phía Dưới

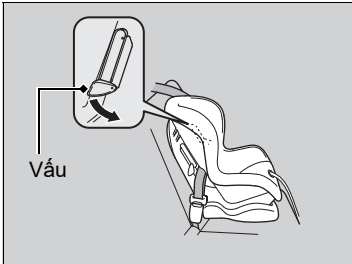
CẢNH BÁO: Không được sử dụng móc không có Biểu Tượng Đầu Buộc Móc Neo để cố định hệ thống ghế ngồi trẻ em đã lắp đặt.



Hệ thống ghế ngồi trẻ em có chân đỡ

4. Duỗi chân đỡ ra cho đến khi nó chạm đến sàn như trong hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.
 - Đảm bảo khu vực sàn nơi đặt chân đỡ bằng phẳng. Nếu khu vực đó không bằng phẳng, chân đỡ sẽ không đỡ được. Nếu trường hợp này xảy ra, hãy di chuyển ghế về phía trước hoặc phía sau để chân đỡ được đặt trên bề mặt bằng phẳng.
 - Đảm bảo chân đỡ không nằm trên rãnh trượt hoặc nắp.
 - Đảm bảo hệ thống ghế ngồi trẻ em và ghế phía trước không va vào nhau.

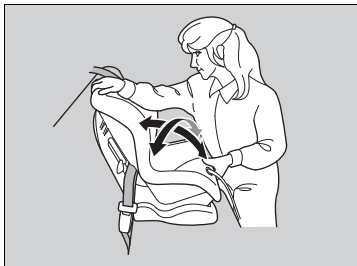
■ Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai



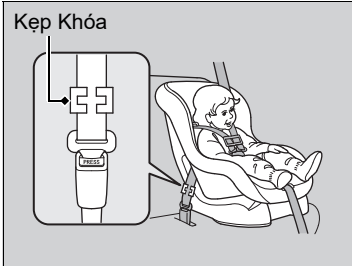
1. Đặt hệ thống ghế ngồi trẻ em lên ghế xe.
► Đảm bảo khóa lưng ghế về vị trí thẳng đứng.
2. Luồn dây đai an toàn qua hệ thống ghế ngồi trẻ em theo hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em, sau đó gài đầu chốt vào ổ khóa.
► Đưa đầu chốt vào hoàn toàn cho đến khi nghe thấy tiếng tách.
3. Ấn vấu xuống. Luồn phần vai của dây đai an toàn vào khe ở cạnh của hệ thống ghế ngồi trẻ em.
4. Giữ phần vai của dây đai gần khóa và kéo nó lên để phần hông của dây đai hết chùng.
► Khi thực hiện động tác này, tỳ người lên hệ thống ghế ngồi trẻ em và đẩy nó vào trong ghế của xe.
5. Đẩy dây đai an toàn vào đúng vị trí, sau đó đẩy vấu khóa lên trên. Đảm bảo dây đai không bị xoắn.
► Khi đẩy vấu khóa lên trên, kéo phần vai phía trên của dây đai để dây đai hết chùng.

► Lắp Đặt Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai An Toàn Hồng/Vai

Hệ thống ghế ngồi trẻ em nếu không được lắp đúng cách sẽ không bảo vệ được trẻ hiệu quả khi xảy ra va chạm và có thể gây trọng thương cho trẻ hoặc hành khách khác trên xe.



6. Để kiểm tra hệ thống ghế ngồi trẻ em đã được cố định chắc chắn chưa, lắc ghế về phía trước, về phía sau, sang hai bên đến khi chỉ còn cảm nhận có một chút dịch chuyển.
7. Đảm bảo khóa các dây đai an toàn trong tầm với của trẻ khi chưa sử dụng đến.



Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em trên xe không có cơ cấu buộc dây đai, hãy lắp kẹp khóa vào dây đai an toàn.

Sau khi xong bước 1 và 2, kéo phần vai của dây đai an toàn lên và đảm bảo phần hông của dây đai không bị chùng.

3. Ghì chặt phần dây đai gần đầu chốt.

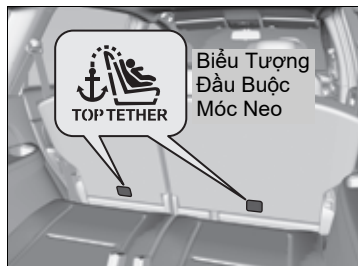
Kẹp chặt hai phần của dây đai để chúng không bị trượt qua đầu chốt.

Tháo khóa dây đai an toàn.

4. Lắp kẹp khóa như trong hình. Lắp kẹp càng gần đầu chốt càng tốt.

5. Gài đầu chốt vào trong khóa. Chuyển sang bước 6 và 7.

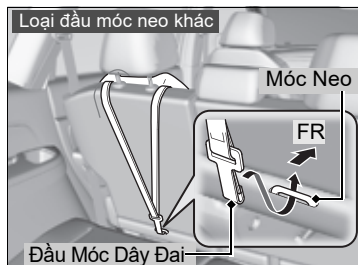
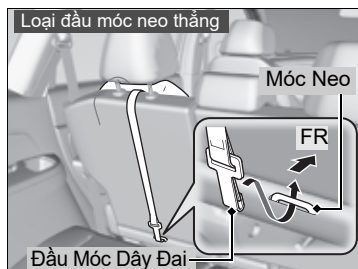
■ Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt



Điểm móc dây thắt nằm ở phía sau ghế hàng thứ hai bên ngoài.

Nếu hệ thống ghế ngồi trẻ em có dây thắt đi kèm, bạn cũng có thể sử dụng dây đai an toàn để cố định ghế và có thể sử dụng thêm dây thắt để tăng độ an toàn.

1. Nâng tựa đầu lên và đẩy về phía sau cho đến khi nó được khóa, sau đó luồn dây thắt qua các chân của tựa đầu. Đảm bảo dây không bị xoắn.
2. Gắn chặt móc dây thắt vào móc neo.
3. Thắt chặt dây thắt như hướng dẫn của nhà sản xuất hệ thống ghế ngồi trẻ em.



►► Tăng Thêm Độ An Toàn bằng Dây Thắt

CẢNH BÁO: Các móc neo của hệ thống ghế ngồi trẻ em được thiết kế chỉ để chịu tải trọng của hệ thống ghế ngồi trẻ em. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được sử dụng chúng làm dây đai an toàn cho người lớn, làm dây buộc hoặc để gắn một vật hoặc thiết bị gì vào xe.

Luôn sử dụng dây thắt cho hệ thống ghế ngồi trẻ em quay mặt về phía trước khi sử dụng dây đai an toàn hoặc móc neo phía dưới.

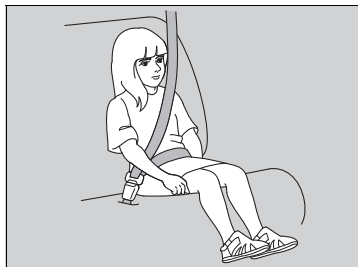
An Toàn Cho Trẻ Lớn

■ Bảo Vệ Trẻ Lớn

Những trang sau đây sẽ hướng dẫn cách kiểm tra dây đai an toàn, loại ghế lót đặc biệt được sử dụng cho trẻ khi cần và những phòng ngừa quan trọng khi trẻ phải ngồi ở phía trước.

■ Kiểm Tra Độ Phù Hợp Của Dây Đai An Toàn

Khi trẻ quá lớn để sử dụng hệ thống ghế ngồi trẻ em, hãy bảo vệ trẻ ở ghế sau bằng cách sử dụng dây đai an toàn hông/vai. Để trẻ ngồi thẳng và dựa vào lưng ghế, sau đó kiểm tra các mục sau:



■ Danh Mục Kiểm Tra

- Đầu gối của trẻ có co thoải mái theo mép ghế ngồi không?
- Phần vai của dây đai có đặt vào vị trí giữa cánh tay và cổ của trẻ không?
- Phần hông của dây đai có ở vị trí thấp nhất có thể và chạm vào phần đùi của trẻ không?
- Trẻ có ngồi được như vậy trong suốt hành trình không?

Nếu câu trả lời cho tất cả các câu hỏi này là có tức là trẻ đã thắt dây đai an toàn hông/vai đúng cách. Nếu có câu trả lời nào đó là không thì hãy cho trẻ dùng ghế lót đặc biệt cho đến khi dây đai an toàn phù hợp với cơ thể trẻ và không cần dùng đến ghế lót đặc biệt.

►► An Toàn Cho Trẻ Lớn

⚠ CẢNH BÁO

Để trẻ từ 12 tuổi trở xuống ngồi ở ghế trước có thể làm chúng bị thương hoặc tử vong nếu túi khí trước phía hành khách nổ.

Nếu phải để trẻ lớn ngồi ở ghế trước thì chỉnh ghế trước càng lùi về sau càng tốt. Để trẻ ngồi ngay ngắn và thắt dây đai an toàn đúng cách, sử dụng ghế lót đặc biệt nếu cần.

■ Ghế Lót Đặc Biệt



Nếu trẻ chưa thể sử dụng dây đai an toàn hông/vai hiệu quả, hãy đặt trẻ lên ghế lót đặc biệt ở ghế sau. Vì sự an toàn của trẻ, hãy kiểm tra xem trẻ có đáp ứng các khuyến cáo của nhà sản xuất ghế lót đặc biệt không.

Phần tựa lưng ghế được thiết kế riêng cho ghế lót đặc biệt. Lắp ghế lót đặc biệt vào tựa lưng và điều chỉnh nó cho vừa ghế ngồi theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghế lót đặc biệt. Đảm bảo luôn dây đai qua khe dẫn hướng ở phần vai của tựa lưng và không để dây đai chạm hoặc vắt ngang qua cổ của trẻ.

▣ Ghế Lót Đặc Biệt

Khi lắp ghế lót đặc biệt, hãy đọc kỹ hướng dẫn của nhà sản xuất và lắp ghế theo hướng dẫn. Có ghế lót đặc biệt loại lưng cao và loại lưng thấp. Hãy chọn ghế lót cho phép trẻ thắt dây đai an toàn hiệu quả.

Bạn nên sử dụng loại ghế lót có tựa lưng để điều chỉnh dây đai vai dễ dàng hơn.

■ Bảo Vệ An Toàn Cho Trẻ Lớn - Kiểm Tra Cuối Cùng

Nên để trẻ ngồi ở ghế sau để chúng được bảo vệ hiệu quả. Nếu trên xe có một nhóm trẻ, và có một trẻ phải ngồi ở ghế trước:

- Đảm bảo bạn đã đọc và hiểu hết hướng dẫn và thông tin an toàn trong tài liệu hướng dẫn này.
- Di chuyển ghế hành khách phía trước càng lùi về phía sau càng tốt.
- Để trẻ ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Kiểm tra dây đai an toàn đã ở đúng vị trí chưa để đảm bảo trẻ được bảo vệ an toàn trên ghế.

■ Giám sát trẻ em

Bạn nên để mắt đến trẻ khi đi xe. Ngay cả với trẻ lớn, trẻ trưởng thành đôi khi cũng cần nhắc nhở về dây đai an toàn và ngồi đúng tư thế.

Khí CO

Trong khí thải của xe có chứa CO, là một chất không màu, không mùi, độc tố cao. Nếu bảo dưỡng xe đúng cách, khí này sẽ không lọt vào xe bạn.

■ Phải kiểm tra hệ thống khí xả có rò rỉ hay không khi

- Có âm thanh khác lạ trong hệ thống xả.
- Hệ thống xả bị hỏng.
- Xe được nâng lên để thay dầu.

Khi bạn vận hành xe mà mở cửa hậu, luồng khí có thể lừa khí xả vào trong xe và gây nguy hại. Nếu bạn buộc phải mở cửa hậu khi lái xe, hãy mở tất cả các cửa kính và cài đặt hệ thống sưởi và làm mát*/hệ thống điều khiển nhiệt độ* như sau.

Loại xe có nút lấy gió ngoài/lấy gió trong

1. Chọn chế độ lấy gió ngoài.

Tất cả các loại xe

2. Chọn chế độ .

3. Đặt quạt gió ở tốc độ cao.

4. Đặt nhiệt độ ở mức thoải mái.

Điều chỉnh hệ thống sưởi và làm mát*/hệ thống điều khiển nhiệt độ* giống như trên nếu bạn phải ngồi trên xe khi đỗ xe mà xe vẫn nổ máy.

» Khí CO

⚠ CẢNH BÁO

Khí CO là khí độc. Hít phải khí độc hại có thể gây bất tỉnh hoặc tử vong.

Tránh khu vực kín hoặc những nơi sản xuất có thải khí CO.

Lượng khí CO có thể tập trung ở các khu vực kín như gara.

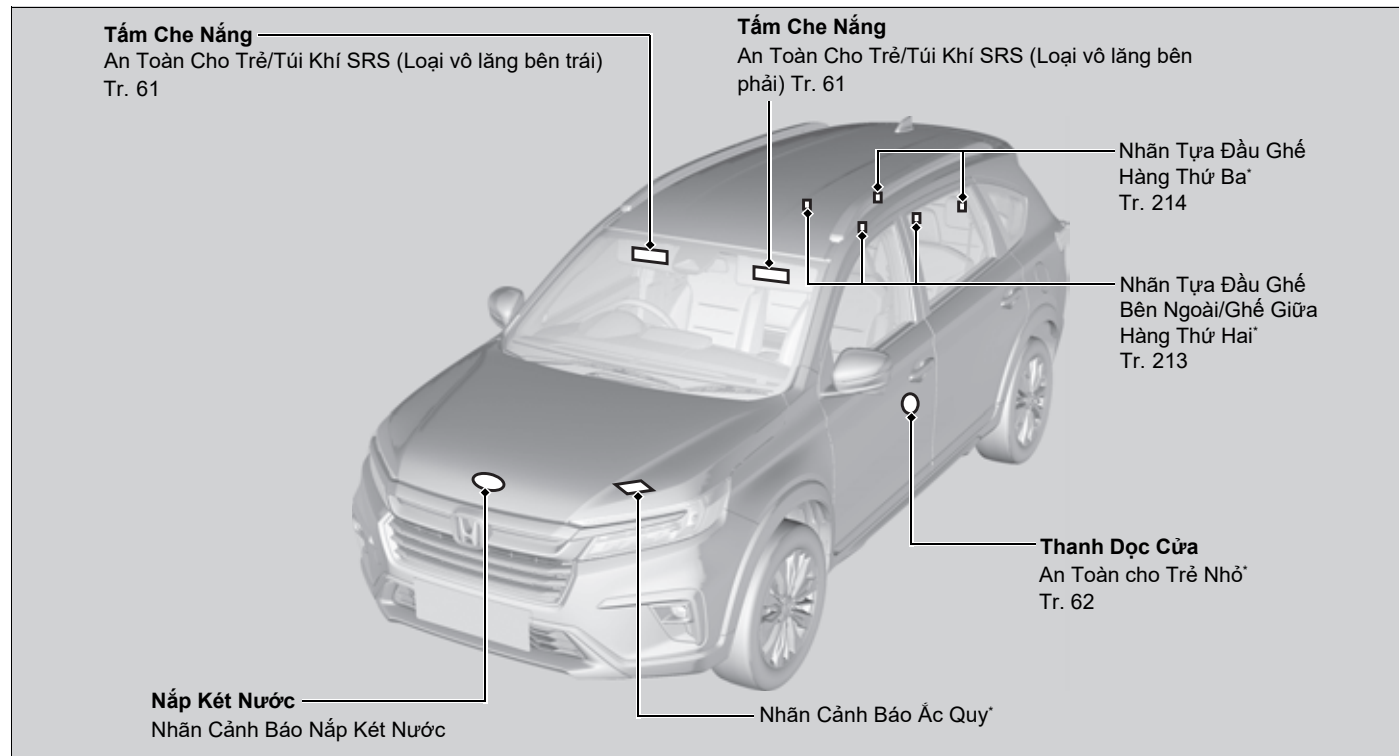
Không được nổ máy khi cửa gara đang đóng.

Ngay cả khi cửa gara đang mở, hãy lái xe ra khỏi gara ngay sau khi khởi động động cơ.

Vị Trí Nhãn

Các nhãn an toàn này ở các vị trí như hình vẽ. Chúng cảnh báo cho bạn nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây trọng thương hoặc tử vong. Hãy đọc kỹ các nhãn này.

Nếu nhãn này bị mất hoặc bị mờ, hãy liên hệ với đại lý để được thay thế.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bảng Điều Khiển

Chương này mô tả các nút, các đèn báo và các đồng hồ đo được sử dụng trong khi lái xe.

Đèn Báo	96
Đồng Hồ Đo và Màn Hình Hiển Thị	
Đồng Hồ Đo	113
Màn Hình Hiển Thị Thông Tin*	116
Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*	118

Các đèn báo sáng/nhấp nháy tùy thuộc vào tình trạng của xe. Các thông báo có thể hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái* cùng một lúc. Hãy thực hiện hành động thích hợp được nêu trong thông báo, ví dụ như liên hệ với đại lý.

 *1	Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	→Tr. 98
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hồ Phách)	→Tr. 98
 *1	Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp*	→Tr. 98
 *1	Đèn Báo Sự Cố	→Tr. 99
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	→Tr. 99
 D	Đèn Báo Số*	→Tr. 99
 N	Đèn Báo Hệ Thống Số*	→Tr. 99
 M ² *2	Đèn Báo M (Chế độ số sàn 7 cấp)/Đèn Báo Số*	→Tr. 99
 M ³ *3		
 *1	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đại An Toàn	→Tr. 100
 *1	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hồ Phách)	→Tr. 100
 (ABS) *1	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	→Tr. 101
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	→Tr. 101
 *1	Đèn Báo Nhiệt Độ Cao*	→Tr. 101
 *1	Đèn Báo Cửa và Cửa Hậu Mở*	→Tr. 101
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	→Tr. 102
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	→Tr. 102
 *1	Đèn Báo TẮT Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	→Tr. 102
 *1	Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS*	→Tr. 103
 i	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống*	→Tr. 103
 *1	Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ xa*	→Tr. 104

*1: Khi bạn xoay khóa điện đến BẬT  hoặc đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo rằng đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

*2: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

*3: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

 *1 Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động* →Tr. 104	 Đèn Báo Đèn Sương Mù* →Tr. 105	 *1 Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Hồ Phách)* →Tr. 108
 Đèn Báo Sang Số Đỗ* →Tr. 104	 *1 Đèn Báo Điều Khiển Đèn* →Tr. 106	 Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)* →Tr. 108
 Đèn Báo Xoay Vô Lãng* →Tr. 104	ECO Đèn Báo ECO →Tr. 107	 *1 Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hồ Phách)* →Tr. 109
 Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm →Tr. 105	 Đèn Báo Chế Độ Chạy Ổn Định (Màu Trắng/ Màu Xanh Lục)* →Tr. 109	 Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/ Màu Xanh Lục)* →Tr. 109
 Đèn Báo Đèn Sáng →Tr. 105	NO KEY Đèn Báo KHÔNG CÓ CHÌA KHÓA* →Tr. 112	 *1 Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hồ Phách)* →Tr. 110
 Đèn Báo Chiếu Xa →Tr. 105	 KEY Đèn Báo PIN CHÌA KHÓA* →Tr. 112	 Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/ Màu Xám)* →Tr. 112
 *1 Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động* →Tr. 105	 Đèn Cảnh Báo Hệ Thống An Ninh →Tr. 106	
	 Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy →Tr. 107	

* 1: Khi bạn xoay khóa điện đến BẬT  hoặc đặt chế độ nguồn ở BẬT, các đèn báo này sẽ sáng để thông báo rằng đang thực hiện kiểm tra hệ thống. Đèn báo sẽ tắt sau vài giây hoặc sau khi động cơ khởi động. Nếu đèn báo nào đó không sáng hoặc tắt, có thể hệ thống đó có sự cố. Để xử lý sự cố này, hãy làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 (Màu Đỏ)	Đèn Báo Phanh Đỡ và Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ)	Sáng khi gài phanh đỗ và tắt khi nhả phanh đỗ.	Tiếng bíp vang lên và đèn báo sáng nếu bạn lái xe mà chưa nhả hết phanh đỗ.
		Sáng khi dầu phanh ở mức thấp.	Sáng khi đang lái xe - Đảm bảo đã nhả phanh đỗ. Dừng xe ở nơi an toàn và kiểm tra mức dầu phanh. ► Làm gì khi đèn báo sáng trong khi đang lái Tr. 424
		Sáng nếu hệ thống phanh có sự cố.	Sáng cùng với đèn báo ABS - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng Tr. 424
 (Màu Hở Phách)	Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Hở Phách)	Sáng nếu hệ thống liên quan đến phanh có sự cố ngoại trừ hệ thống phanh thông thường.	Sáng khi đang lái xe - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. - Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường.
	Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp*	Sáng khi áp suất dầu động cơ thấp.	Sáng khi đang lái xe - Đỗ xe vào nơi an toàn ngay lập tức. ► Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng Tr. 421

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Sự Cố	- Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí xả có sự cố. - Nhấp nháy khi phát hiện mất lửa trong các xy lanh động cơ.	► Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy Tr. 423
	Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	Sáng nếu hệ thống nạp điện có sự cố.	Dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ ngay với đại lý. ► Kiểm Tra Ấc Quy Tr. 387 ► Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng Tr. 423
	Đèn Báo Số*	Hiện thị số hiện tại.	► Sang Số Tr. 258, 260
	Đèn Báo Hệ Thống Số*	Nhấp nháy nếu hệ thống số có sự cố.	Đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo M (chế độ số sàn 7 cấp)/ Đèn Báo Số*	Sáng khi kích hoạt chế độ số sàn 7 cấp.	► Chế Độ Số Sàn 7 Cấp Tr. 262

* 1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

* 2: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	- Sáng nếu bạn không thắt dây đai an toàn khi xoay khóa điện đến BẬT [II]^{*1}. - Nếu hành khách phía trước không thắt dây đai an toàn, đèn báo sẽ sáng trong vài giây sau đó. - Nhấp nháy khi đang lái xe nếu bạn và/hoặc hành khách ghế trước không thắt dây đai an toàn. Tiếng bíp vang lên và đèn báo nhấp nháy ngắt quãng đều đặn.	- Tiếng bíp ngừng và đèn báo tắt khi bạn và hành khách phía trước đã thắt dây đai an toàn. Vẫn sáng sau khi bạn và/hoặc hành khách phía trước đã thắt dây đai an toàn - Có thể xảy ra lỗi phát hiện ở cảm biến. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ► Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Tr. 42
	Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp (Màu Hở Phách)	- Sáng khi bình chứa nhiên liệu ở mức thấp (còn khoảng 6,3 Lít). - Nhấp nháy nếu đồng hồ đo nhiên liệu có sự cố.	Sáng - Nạp đầy nhiên liệu càng sớm càng tốt. - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Một số loại có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	Sáng nếu ABS có sự cố.	Sáng suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Khi đèn báo sáng, xe bạn vẫn có khả năng phanh bình thường nhưng không có chức năng chống bó cứng. ☑ Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS) Tr. 340
	Đèn Báo Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	- Sáng nếu phát hiện một trong các hệ thống sau có sự cố: - Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ - Hệ thống túi khí bên - Hệ thống túi khí rèm* - Bộ căng dây đai an toàn	Sáng suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Nhiệt Độ Cao*	Nhấp nháy khi nhiệt độ nước làm mát động cơ tăng lên và sáng nếu nhiệt độ tiếp tục tăng.	Nhấp nháy khi đang lái xe - Lái xe chậm để tránh bị quá nhiệt. Sáng trong khi đang lái xe - Dừng ngay xe ở nơi an toàn và để động cơ nguội. ☑ Quá Nhiệt Tr. 418
	Đèn Báo Cửa và Cửa Hậu Mở*	- Sáng nếu bất kỳ cửa nào hoặc cửa hậu không đóng hoàn toàn. - Tiếng bip vang lên và đèn báo sáng nếu có bất kỳ cửa nào hoặc cửa hậu vẫn mở trong khi đang lái xe.	Tắt khi tắt cả các cửa và cửa hậu đóng lại.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.	Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái Do not drive (Không lái xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái - Dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý. ➤ Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng Tr. 424
	Đèn Báo Hệ Thống Ổ Định Xe (VSA)	- Nhấp nháy khi kích hoạt VSA. - Sáng nếu hệ thống VSA hoặc hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc có sự cố. - Sáng nếu hệ thống VSA tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	Sáng suốt - Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. ➤ Hệ Thống Hỗ Trợ Ổ Định Xe (VSA) Tr. 266 - Lái xe ở quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo TẮT Hệ Thống Hỗ Trợ Ổ Định Xe (VSA)	- Sáng khi bạn tắt VSA. - Sáng nếu hệ thống VSA tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	➤ Bật và Tắt VSA Tr. 267 Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS*	- Có thể sáng lên một lúc nếu chế độ nguồn được đặt ở BẬT và xe không di chuyển trong vòng 45 giây, để thông báo quá trình hiệu chỉnh chưa hoàn tất. - Sáng và sáng suốt khi: - Áp suất của một hoặc nhiều lốp xe được xác nhận là quá thấp. - Hệ thống chưa được hiệu chỉnh.	Sáng khi đang lái xe - Dừng xe ở nơi an toàn, kiểm tra áp suất lốp và bơm (các) lốp nếu cần. Sáng suốt sau khi bơm lốp đến áp suất khuyến nghị - Cần hiệu chỉnh hệ thống.  Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 269
		Nhấp nháy khoảng một phút, sau đó sáng suốt nếu TPMS có sự cố, hoặc khi lắp tạm lốp dự phòng*.	Nhấp nháy và nhấp nháy suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra. Nếu xe được trang bị lốp dự phòng tạm thời*, hãy mang lốp thông thường của xe đi sửa chữa hoặc thay thế và lắp lại vào xe ngay khi có thể.
		Sáng nếu TPMS được tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Thông Báo Hệ Thống*	Sáng và tiếng bíp cũng vang lên khi phát hiện ra sự cố. Đồng thời thông báo hệ thống cũng sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.	- Trong khi đèn báo sáng, ấn nút  /  (thông tin) để xem lại thông báo. - Tham khảo thông tin Các Đèn Báo trong chương này khi thông báo hệ thống xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Xử lý theo thông báo tương ứng. - Màn hình giao diện thông tin cho người lái không trở lại màn hình thường trừ khi hủy cảnh báo hoặc ấn nút  /  (thông tin).

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*	Xuất hiện ngay khi phát hiện sự cố trong hệ thống truy cập từ xa* hoặc hệ thống khởi động từ xa.	Sáng liên tục hoặc không sáng - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Khởi Động*	Sáng nếu hệ thống khởi động có sự cố.	Tạm thời, ấn và giữ nút ENGINE START/STOP trong tối đa 15 giây đồng thời nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (sổ sàn) và khởi động động cơ bằng tay. Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Sang Số Đỗ*	Nhấp nháy nếu bạn ấn nút ENGINE START/STOP để tắt động cơ mà chưa gạt cần số đến P.	Ấn nút ENGINE START/STOP hai lần sau đó gạt cần số đến P.
	Đèn Báo Xoay Vô Lãng*	Sáng khi vô lăng bị khóa.	Xoay vô lăng sang trái và sang phải trong khi ấn nút ENGINE START/STOP.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	- Nhấp nháy khi bạn vận hành cần xi nhan. - Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.	Không nhấp nháy hoặc nhấp nháy liên tục  Thay Bóng Đèn Tr. 373, 374
		Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái Nhấp nháy cùng với đèn xi nhan khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi lái xe ở tốc độ cao.	 Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp Tr. 342
	Đèn Báo Đèn Bật	Sáng khi bật đèn vị trí, đèn hậu và các đèn ngoài xe.	 Công Tác Đèn Tr. 185
	Đèn Báo Chiếu Xa	Sáng khi bật các đèn chiếu xa.	—
	Đèn Báo Chiếu Xa Tự Động*	Sáng khi đáp ứng tất cả các điều kiện hoạt động của đèn chiếu xa tự động.	 Chiếu Xa Tự Động* Tr. 191
	Đèn Báo Đèn Sương Mù*	Sáng khi bật đèn sương mù.	 Đèn Sương Mù* Tr. 188

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Điều Khiển Đèn*	Sáng nếu đèn chiếu sáng có sự cố.	Sáng khi đang lái xe - Đèn chiếu sáng có thể không sáng. Khi điều kiện cho phép bạn lái xe an toàn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt.
	Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	Nhấp nháy khi hệ thống cảnh báo an ninh được cài đặt.	📖 Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh Tr. 174

* 1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

* 2: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
 Đèn Báo Đèn Báo Đèn Báo	Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	Nhấp nháy nếu hệ thống chống nổ máy không nhận dạng được thông tin chìa khóa.	Nhấp nháy - Bạn không thể khởi động động cơ. Hãy xoay khóa điện đến KHÓA 0^{*3}, rút chìa khóa ra, sau đó cắm chìa khóa vào và xoay lại đến BẬT II^{*3}. Nhấp nhiều lần - Hệ thống có thể có sự cố. Đưa xe đến đại lý kiểm tra. - Không cố sửa hệ thống hoặc thêm bất kỳ thiết bị nào khác vào hệ thống. Sự cố điện có thể xảy ra.
ECO	Đèn báo ECO	Sáng khi động cơ đang hoạt động ở phạm vi tiết kiệm nhất.	—

* 1: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

* 2: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

* 3: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Hổ Phách)*	Sáng nếu hệ thống ACC có sự cố.	Sáng khi đang lái xe - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		- Sáng nếu ACC bị tắt tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại. - Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa. - ACC bị huỷ tự động.	- Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra. - Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa. ► Giới Hạn Tải Tr. 247 Sáng suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)*	- Đèn sáng màu trắng khi bạn ấn nút . - Đèn sáng màu xanh lục khi bạn ấn nút RES/+ hoặc -/SET.	► Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Tr. 291

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Hồ Phách)*	Sáng nếu hệ thống LKAS có sự cố.	Sáng suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.	- Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép. 📄 Giới Hạn Tải Tr. 247 Sáng suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
	Đèn Báo Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)*	- Đèn sáng màu trắng khi bạn ấn nút LKAS. - Đèn sáng màu xanh lục khi LKAS hoạt động.	📄 Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ làn Đường (LKAS) Tr. 310
	Đèn Báo Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (Màu Trắng/Màu Xanh Lục)*	- Đèn sáng màu trắng khi bạn thay đổi chế độ chạy ổn định. - Đèn sáng màu xanh lục khi bạn đã cài đặt tốc độ cho điều khiển chế độ chạy ổn định.	📄 Chuyển ACC sang Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Tr. 307

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hô Phách)*	Sáng khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS có sự cố.	Sáng suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		Đèn báo có thể sáng tạm thời khi vượt quá giới hạn tải tối đa cho phép.	- Đảm bảo tổng trọng tải nằm trong giới hạn tải tối đa cho phép. Giới Hạn Tải Tr. 247 Sáng suốt - Đưa xe đến đại lý để kiểm tra.
		Sáng nếu hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS bị ngừng hoạt động tạm thời sau khi tháo ắc quy, sau đó lắp lại.	Lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hồ Trợ An Toàn (Màu Hổ Phách)*	Sáng khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và/hoặc CMBS tự tắt.	Sáng suốt - Nhiệt độ bên trong camera quá cao. Sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ để làm mát camera. Hệ thống hoạt động khi nhiệt độ bên trong camera giảm. Camera Trước Tr. 336
			Sáng suốt - Vùng xung quanh camera bị bụi bẩn, bùn bám, v.v. Hãy dừng xe ở nơi an toàn, dùng giẻ sạch, mềm lau sạch bụi bẩn. - Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu đèn báo và thông báo vẫn hiển thị trên màn hình thậm chí sau khi đã lau sạch vùng xung quanh camera. Camera Trước Tr. 336 - Đèn có thể sáng khi điều kiện môi trường xung quanh tối, như khi lái xe qua đường hầm, hoặc lái xe vào ban đêm, lúc sáng sớm, hoặc lúc chập tối.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Báo	Tên	Sáng/Nhấp Nháy	Diễn Giải
	Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Xanh Lục/ Màu Xám)*	- Sáng màu xanh lục khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS bật. - Sáng màu xanh lục và xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường hoặc CMBS tắt. - Sáng màu xám khi hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS tắt.	➤ Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 327 ➤ Bật và Tắt CMBS Tr. 283
NO KEY	Đèn Báo KHÔNG CÓ CHÌA KHÓA*	Bật khi bạn đóng cửa với chế độ nguồn ở BẬT mà không có điều khiển từ xa bên trong xe.	Đèn báo sẽ tắt khi bạn mang chìa khóa điều khiển từ xa trở lại bên trong xe và đóng cửa lại.
	Đèn Báo PIN CHÌA KHÓA*	Sáng khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu.	Thay pin càng sớm càng tốt. ➤ Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Tr. 389

Đồng Hồ Đo

Đồng hồ đo bao gồm đồng hồ đo tốc độ xe, đồng hồ đo nhiên liệu và các đèn báo liên quan. Các đồng hồ này sẽ hiển thị khi khóa điện ở BẬT ^{*1}.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe

Hiển thị tốc độ xe tính bằng km/h và mph*.

Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ

Hiển thị số vòng quay động cơ tính bằng vòng/phút.

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình chứa nhiên liệu.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Loại xe Châu Phi

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng l/100 km.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng km/l.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km hoặc số dặm* mà xe của bạn đã đi được.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Bạn nên nạp nhiên liệu khi kim chỉ xăng ở . Hết nhiên liệu có thể làm cho động cơ không nổ, làm hỏng bộ trung hòa khí xả.

Lượng nhiên liệu còn lại trên thực tế có thể khác so với chỉ số trên đồng hồ đo.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

■ Chế Độ Hiện Tại cho ACC và LKAS*

Hiện thị chế độ hiện tại cho ACC và LKAS.

➤ Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Tr. 291

➤ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) Tr. 310

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

■ Đồng Hồ

Hiện thị đồng hồ.

» Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và thay đổi màn hình thị đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc đồng hồ 24 giờ.

➤ Đồng Hồ Tr. 146

Nhiệt Độ Ngoài Trời*

Hiển thị nhiệt độ ngoài trời theo đơn vị độ C.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm bạn xoay khóa điện đến BẬT **[II]**^{*1}, nhiệt độ ngoài trời sẽ nhấp nháy 10 giây.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Nếu nhiệt độ ngoài trời dưới 3°C tại thời điểm đặt chế độ nguồn ở BẬT, thông báo **Outside temperature low** (nhiệt độ ngoài trời thấp) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Điều chỉnh màn hình nhiệt độ ngoài trời

Điều chỉnh số đo nhiệt độ lên xuống $\pm 3^{\circ}\text{C}$ nếu nhiệt độ không chính xác.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

1. Xoay khóa điện đến BẬT **[II]**^{*1}.
2. Ấn và giữ nút **TRIP** trong 10 giây trở lên trong khi nhiệt độ ngoài trời hiển thị trên màn hình hiển thị thông tin.
 - Màn hình hiển thị thông tin chuyển sang chế độ điều chỉnh nhiệt độ. Màn hình hiển thị bắt đầu hiển thị từ -3°C đến +3°C.
3. Nhả nút **TRIP** khi lượng điều chỉnh phù hợp được hiển thị.
 - Hoàn thành việc điều chỉnh.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

▣ Nhiệt Độ Ngoài Trời*

Cảm biến nhiệt độ nằm ở tấm cản trước. Hơi nóng từ mặt đường và khí xả của xe khác có thể làm ảnh hưởng tới chỉ báo nhiệt độ khi tốc độ xe dưới 30 km/h (19 mph).

Có thể mất vài phút để cập nhật màn hình sau khi nhiệt độ đã ổn định.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể điều chỉnh chỉ báo nhiệt độ.

► Cài Đặt Tr. 129

Màn Hình Hiển Thị Thông Tin*

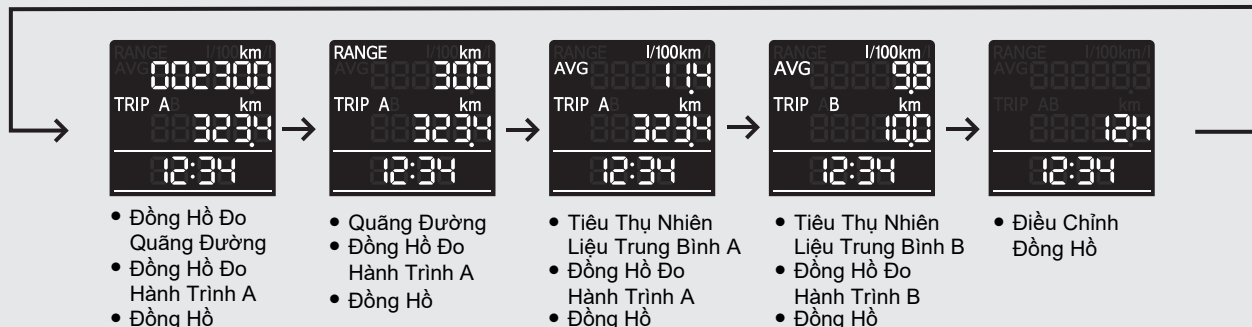
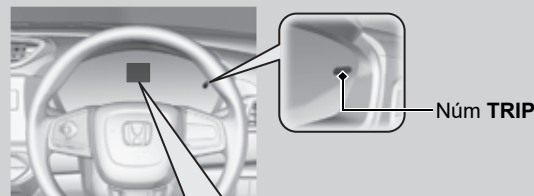
Màn hình hiển thị thông tin hiển thị đồng hồ đo quãng đường, đồng hồ đo hành trình và các đồng hồ đo khác.

■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Ấn nút **TRIP** để thay đổi màn hình hiển thị.

► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

► Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 146



■ Đồng Hồ Đo Quãng Đường

Hiển thị tổng số km mà xe của bạn đã đi được.

■ Đồng Hồ Đo Hành Trình

Hiển thị tổng số km xe bạn đã đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ đo A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

■ Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn và giữ nút **TRIP**.

► Đồng hồ đo hành trình được cài đặt lại từ **0.0**.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Loại xe Châu Phi

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng l/100km.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Hiển thị mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l.

Tất cả các loại xe

Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Quãng Đường

Cho biết quãng đường ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào lượng tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

■ Đồng Hồ

Hiển thị đồng hồ.

»Đồng Hồ Đo Hành Trình

Ấn nút **TRIP** để chuyển giữa đồng hồ hành trình A và đồng hồ hành trình B.

»Quãng Đường

Quãng đường xe đi được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể chạy được.

»Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian bằng tay và thay đổi màn hình hiển thị đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 giờ hoặc đồng hồ 24 giờ.

► Đồng Hồ Tr. 146

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*

Màn hình giao diện thông tin cho người lái hiển thị các thông tin như quãng đường đi dự kiến và mức tiêu thụ nhiên liệu của xe. Màn hình này cũng hiển thị các thông báo như cảnh báo hoặc các thông tin hữu ích khác.

Khi thông báo cảnh báo xuất hiện, hãy kiểm tra thông báo và liên hệ với đại lý và đưa xe tới đại lý để kiểm tra nếu cần thiết. Hãy tham khảo các phần sau nếu thông báo **Engine oil pressure low**. (Áp suất dầu động cơ thấp) hoặc **Engine temperature too hot**. (Nhiệt độ động cơ quá nóng) xuất hiện.

📌 Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện Tr. 422

📌 Quá Nhiệt Tr. 418

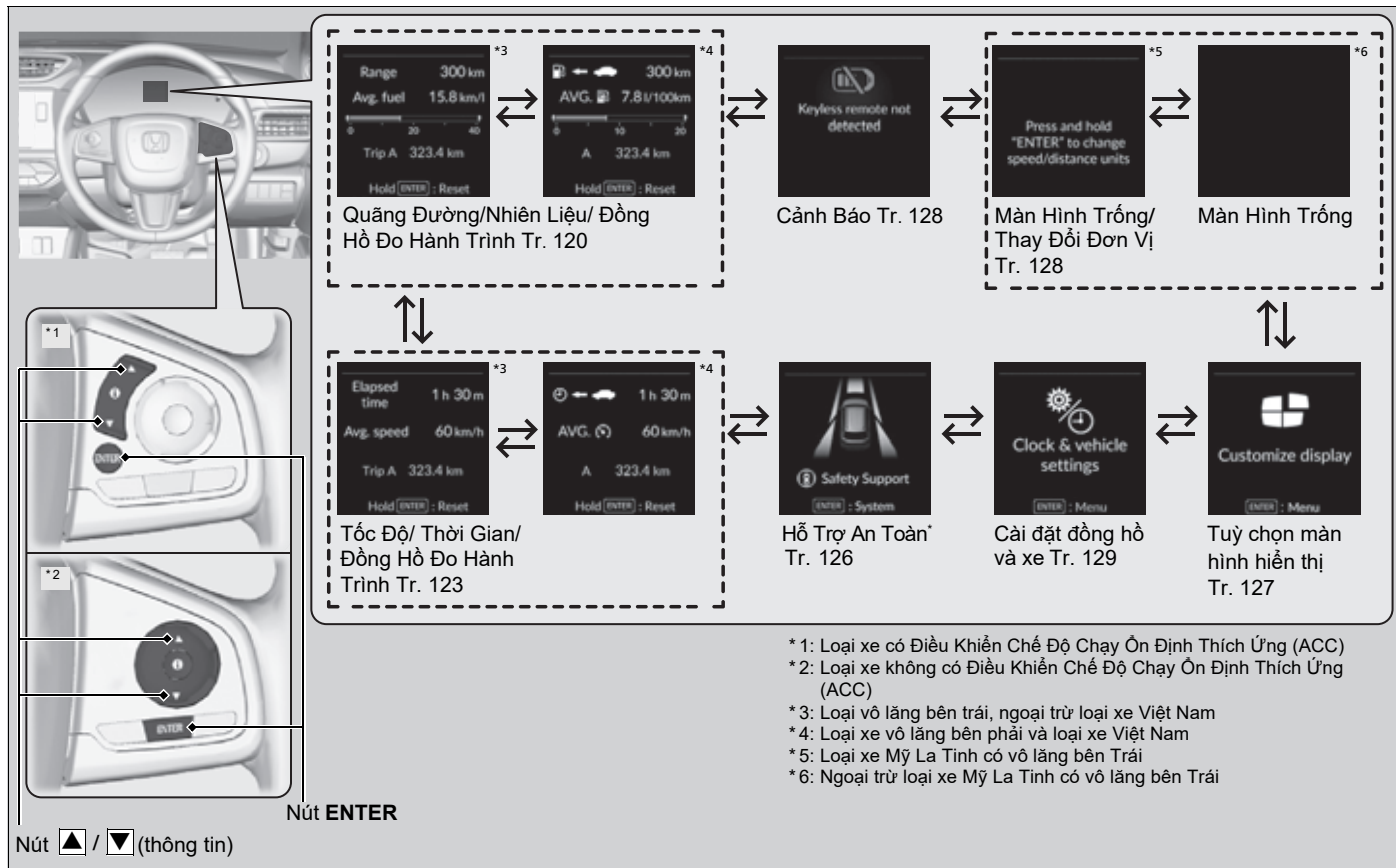
■ Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

Ấn nút  /  (thông tin) để chuyển đổi màn hình hiển thị.

►► Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị

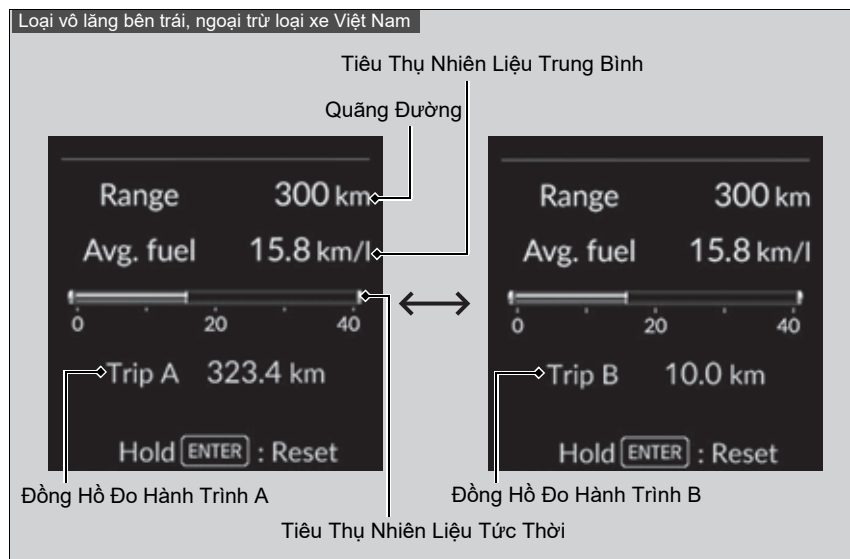
Bạn có thể thêm hoặc xóa nội dung trên đồng hồ.

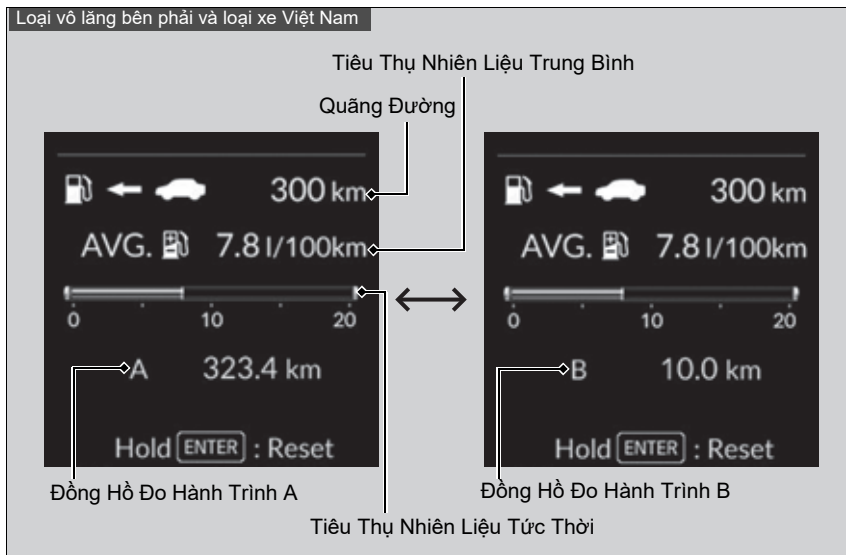
📌 Tùy Chọn Màn Hình Hiển Thị Tr. 127



■ Quãng Đường / Nhiên Liệu / Đồng Hồ Đo Hành Trình

Ấn nút **ENTER** để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.





■ Đồng hồ đo hành trình

Hiện thị tổng số km hoặc dặm* xe bạn đi được kể từ lần cài đặt lại gần đây nhất. Có thể sử dụng đồng hồ A và B để đo hai hành trình riêng biệt.

Cài đặt lại đồng hồ đo hành trình

Để cài đặt lại đồng hồ đo hành trình, cho đồng hồ hiển thị, ấn và giữ nút **ENTER**.

► Đồng hồ đo được cài đặt lại từ 0.0.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Loại xe Châu Phi

Cho biết mức tiêu thụ nhiên liệu ước tính cho mỗi hành trình tính bằng l/100 km.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Cho biết mức tiêu thụ nhiên liệu ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l hoặc mpg.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái và loại xe Châu Phi

Cho biết mức tiêu thụ nhiên liệu ước tính cho mỗi hành trình tính bằng km/l hoặc l/100 km.

Tất cả các loại xe

Màn hình hiển thị được cập nhật ở những lần cài đặt khác nhau. Khi cài đặt lại đồng hồ đo hành trình thì mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình cũng được cài đặt lại.

■ Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời

Loại xe Châu Phi

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng l/100 km.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng km/l hoặc mpg.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái và loại xe Châu Phi

Biểu thị lượng tiêu thụ nhiên liệu tức thời dưới dạng biểu đồ dạng cột tính bằng km/l hoặc l/100 km.

■ Quảng Đường

Cho biết quãng đường ước tính xe còn đi được với lượng nhiên liệu còn lại. Quãng đường này được ước tính dựa vào mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại của xe.

►► Đồng Hồ Đo Quãng Đường/Nhiên Liệu/ Hành Trình

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái và Loại xe Châu Phi

Bạn có thể thay đổi đơn vị tiêu thụ nhiên liệu theo km/l và l/100km.

► **Cài Đặt Tr. 129**

►► Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình.

► **Cài Đặt Tr. 129**

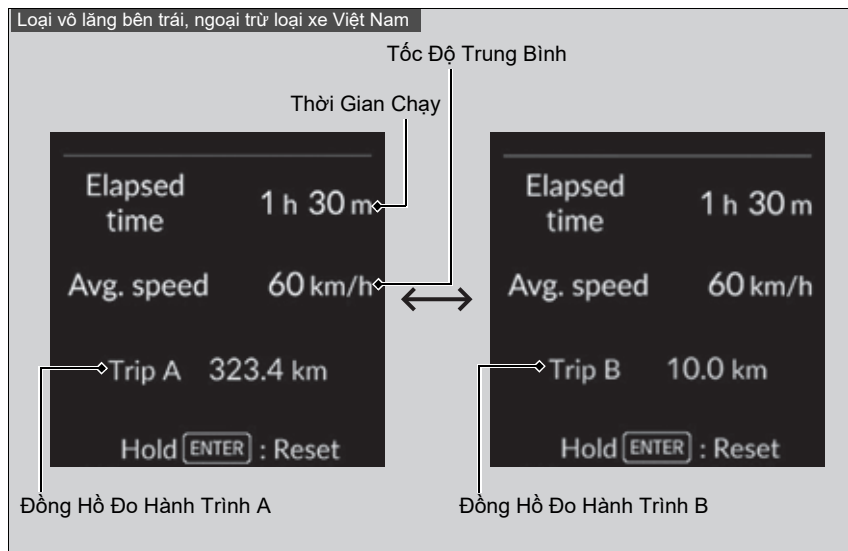
►► Quảng Đường

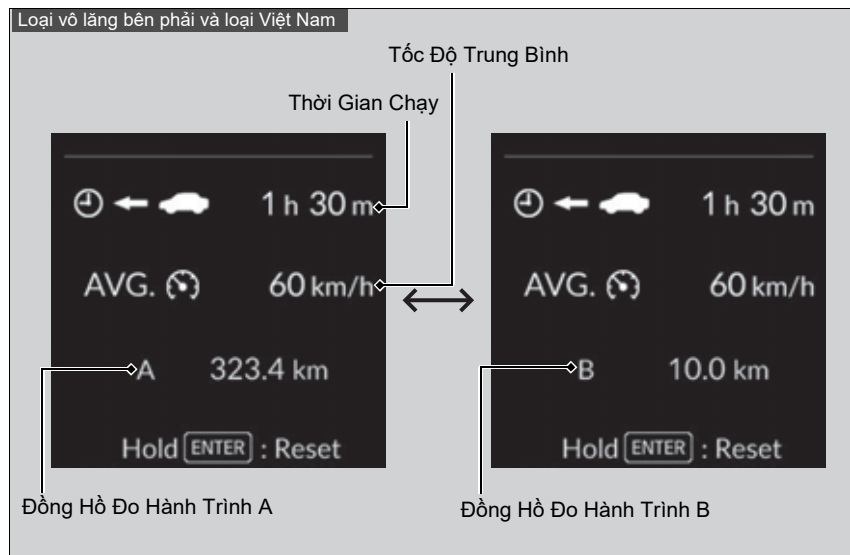
Quãng đường xe đi được hiển thị chỉ là ước tính và có thể khác với quãng đường thực tế mà xe có thể đi được.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Tốc Độ / Thời Gian / Đồng Hồ Đo Hành Trình

Ấn nút **ENTER** để chuyển đổi giữa đồng hồ đo hành trình A và đồng hồ đo hành trình B.





■ Đồng hồ đo hành trình

📄 Đồng hồ đo hành trình Tr. 122

■ Thời gian chạy

Cho biết thời gian chạy kể từ khi cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

■ Tốc độ trung bình

Cho biết tốc độ trung bình tính bằng km/h hoặc mph* kể từ khi cài đặt lại Hành Trình A hoặc Hành Trình B.

» Thời gian chạy

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại thời gian chạy.

📄 Cài Đặt Tr. 129

» Tốc Độ Trung Bình

Bạn có thể thay đổi khi cài đặt lại tốc độ trung bình.

📄 Cài Đặt Tr. 129

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn*

Biểu thị trạng thái của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường và CMBS như Bật, Tắt hoặc Lỗi, bằng màu sắc hoặc thông báo bằng chữ.

Những màu sắc sau biểu thị trạng thái của bất kỳ hệ thống nào được nhắc đến ở trên:

- Màu Xanh Lục: Hệ thống bật.
- Màu Xám: Hệ thống tắt.
- Màu Hở phách: Hệ thống có sự cố.



► Hệ Thống Hỗ Trợ An Toàn*

Nếu hệ thống hiển thị màu hở phách, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Để bật hoặc tắt từng hệ thống, trước tiên hãy ấn nút / (thông tin) để chuyển màn hình hiển thị. Từ màn hình tiếp theo, bạn có thể chọn bật hoặc tắt hệ thống.

► **Bật và Tắt Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường** Tr. 327

► **Bật và Tắt CMBS** Tr. 283

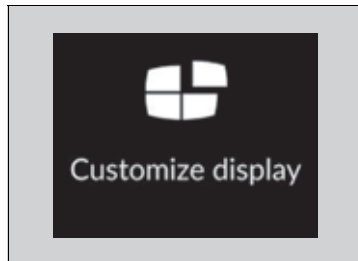
Bạn cũng có thể xác nhận trạng thái của từng chức năng bằng màu sắc của đèn báo hỗ trợ an toàn.

► **Đèn Báo Hỗ Trợ An Toàn (Màu Hở Phách)*** Tr. 111

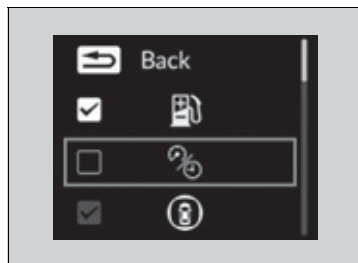
► **Đèn Báo Hỗ Trợ an Toàn (Màu Xanh Lục/ Màu Xám)*** Tr.112

■ Tuỳ Chọn Màn Hình Hiển Thị

Bạn có thể lựa chọn biểu tượng hiển thị trên màn hình chính.



1. Ấn nút / (thông tin) để chọn **Customize display**, sau đó ấn nút **ENTER**.



2. Ấn nút / (thông tin) để cuộn các biểu tượng, sau đó ấn nút **ENTER** để chọn hoặc bỏ chọn các biểu tượng.

▣ Tuỳ Chọn Màn Hình Hiển Thị

Không thể xóa các biểu tượng màu xám ở màn hình chính.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Đơn Vị Đo Tốc Độ/Quãng Đường

Cho phép bạn hiển thị đơn vị khác trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và cài đặt các phép đo được hiển thị để đọc theo km và km/h hoặc dặm và mph.

Ấn và giữ nút **ENTER** khi bạn chọn Blank trên màn hình giao diện thông tin cho người lái. Mỗi lần như vậy, đơn vị sẽ thay đổi từ km và km/h sang dặm và mph hoặc ngược lại. Sau đó, một màn hình xác nhận sẽ xuất hiện trong vài giây.

■ Cảnh Báo

Bạn có thể kiểm tra xem đang có bất kỳ thông báo cảnh báo nào không.

» Cảnh Báo

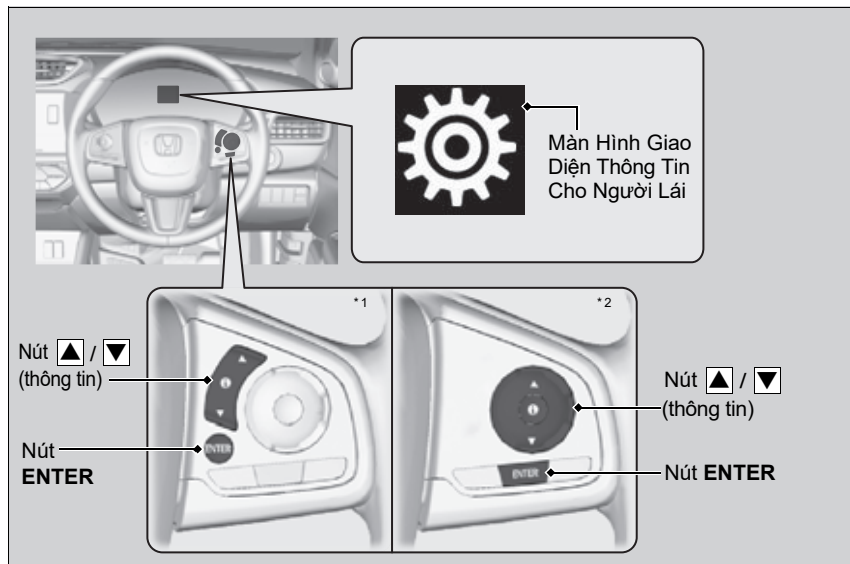
Nếu có nhiều cảnh báo, bạn có thể ấn nút  /  (thông tin) để xem các cảnh báo khác.

■ Cài Đặt

Tùy chọn một số tính năng trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

■ Cách tùy chọn

Chọn màn hình  bằng cách ấn nút  /  (thông tin) trong khi chế độ nguồn ở BẬT, xe ở trạng thái dừng hẳn và vị trí số ở **P** (hộp số vô cấp) hoặc đã gài phanh đỗ (hộp số sàn). Sau đó, ấn nút **ENTER**.



* 1: Loại xe có Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

* 2: Loại xe không có Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

►► Cài Đặt

Để tùy chọn các tính năng khác, ấn nút  /  (thông tin).

► **Danh sách tùy chọn** Tr. 130

► **Ví dụ cài đặt tùy chọn** Tr. 140

Loại hộp số vô cấp

Khi bạn tùy chọn cài đặt, sang số **P**.

Loại xe số sàn

Khi bạn tùy chọn cài đặt, gài phanh đỗ.

■ Danh sách tùy chọn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
TPMS calibration*	—	Hiệu chỉnh TPMS.	Calibrate/Cancel (Hiệu Chỉnh/Hủy)
Clock setup	Adjust clock	Điều chỉnh thời gian. ⚙️ Điều Chỉnh Đồng Hồ Tr. 146	—
	Clock display	Cài đặt kiểu hiển thị đồng hồ 24 giờ, 12 giờ hoặc tắt.	24h/12h^{*1}/OFF (24h/12h ^{*1} /TẮT)
	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Forward collision warning distance Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam	Thay đổi khoảng cách mà Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) cảnh báo.	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Long/Normal^{*1}/Short (Dài/Trung Bình ^{*1} /Ngắn)
	Preceding vehicle proximity warning distance		Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Far/Normal^{*1}/Near (Xa/Trung Bình ^{*1} /Gần)
Driver assist system setup*	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam ACC forward vehicle detect beep Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi hệ thống phát hiện ra xe khác hoặc khi xe ra khỏi phạm vi ACC.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	ACC vehicle ahead detected beep		
	Lead car departure notification system*	Thay đổi cài đặt hệ thống cảnh báo xe phía trước khởi hành.	Normal^{*1}/Early/OFF (Trung Bình ^{*1} /Sớm/TẮT)

* 1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Driver assist system setup*	Road departure mitigation setting	Thay đổi cài đặt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Narrow/Normal^{*1}/Wide/Warning only (Hẹp/Trung Bình ^{*1} /Rộng/Chỉ cảnh báo) Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Early/Normal^{*1}/Delayed/Warning only (Sớm/Trung Bình ^{*1} /Muộn/Chỉ cảnh báo)
	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Lane keeping assist suspend beep Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Lane keep assist beep	Làm hệ thống phát ra tiếng bíp khi LKAS bị treo.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT^{*1})

* 1: Cài đặt mặc định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
	Language selection*	Thay đổi ngôn ngữ hiển thị.	English/Français/Español*¹ (Tiếng Anh/Tiếng Pháp/Tiếng Tây Ban Nha* ¹)
	Adjust outside temp. display*	Điều chỉnh nhiệt độ tăng, giảm một vài độ.	-3°C ~ ±0°C*¹ ~ +3°C
	“Trip A” reset timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình A, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình A, tốc độ trung bình A và thời gian xe chạy A.	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam When fully refueled/IGN OFF/Manually reset*¹ (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khóa điện ở TẮT/Cài đặt lại bằng tay*¹) Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset*¹ (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay*¹)
Meter setup	“Trip B” reset timing	Thay đổi cách cài đặt lại đồng hồ đo hành trình B, mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình B, tốc độ trung bình B và thời gian xe chạy B.	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam When fully refueled/IGN OFF/Manually reset*¹ (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khóa điện ở TẮT/Cài đặt lại bằng tay*¹) Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam When fully refueled/When ignition is turned OFF/Manual reset*¹ (Khi nạp đầy nhiên liệu/Khi xoay khóa điện đến TẮT/Cài đặt lại bằng tay*¹)

* 1: Cài đặt mặc định

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Meter setup	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Adjust alarm volume	Thay đổi âm báo như tiếng bíp, cảnh báo, tiếng xi nhan và các âm khác.	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam High/Mid^{*1}/Low (Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp)
	Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Alarm volume control		Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Max/Mid^{*1}/Min (Cao/Trung Bình ^{*1} /Thấp)
	Rear seat reminder	Bật và tắt tính năng Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn Ghế Sau.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Speed/distance units[*]	Chọn đơn vị đo tốc độ/quãng đường.	mph·miles^{*1}/km/h·km
	Fuel economy unit[*]	Chọn đơn vị đo lượng tiêu thụ nhiên liệu.	Ngoại trừ loại xe Việt Nam km/l^{*1}/l/100km Loại xe Việt Nam km/l/l/100km^{*1}

* 1: Cài đặt mặc định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Keyless access setup	Door unlock mode*	Thay đổi cài đặt mở khóa cửa khi bạn nắm tay nắm cửa người lái.	Driver door only*¹/All doors (Chỉ cửa người lái* ¹ /Tất cả các cửa)
	Keyless access beep volume*	Thay đổi âm lượng tiếng bíp khi bạn cầm chìa khóa điều khiển từ xa và nắm tay nắm cửa trước.	High*¹/Low (Cao* ¹ /Thấp)
	Keyless access light flash	Làm một số đèn ngoài xe nhấp nháy khi bạn mở khóa/khóa các cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Keyless access beep	Làm tiếng bíp vang lên khi bạn mở khóa/khóa các cửa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Remote start system ON/OFF*	Bật và tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)

* 1: Cài đặt mặc định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting setup	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Auto high-beam*	Bật và tắt chiếu xa tự động.	ON^{*1}/OFF (BẬT^{*1}/TẮT)
	Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Auto High-Beam*		
	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Interior light dimming time	Thay đổi khoảng thời gian đèn trong xe sáng sau khi bạn đóng các cửa.	60sec/30sec^{*1}/15sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây)
	Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Interior light dimmer duration		
	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Headlight auto off timer	Thay đổi khoảng thời gian đèn ngoài xe sáng sau khi bạn đóng cửa người lái.	60sec/30sec/15sec^{*1}/0sec (60 giây/30 giây ^{*1} /15 giây/0 giây)
	Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Headlight auto OFF timer		

* 1: Cài đặt mặc định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Lighting setup	Auto light sensitivity*	Thay đổi thời điểm sáng của đèn chiếu sáng	Max/High/Mid*¹/Low/Min (Cao Nhất/Cao/Trung Bình* ¹ /Thấp/Thấp Nhất)
	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Auto headlight ON with wiper ON*	Thay đổi cài đặt vận hành cần gạt nước khi đèn chiếu sáng tự động sáng trong khi công tắc đèn chiếu sáng ở vị trí AUTO .	ON*¹/OFF (BẬT* ¹ /TẮT)
	Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Headlight integration with wipers*		

* 1: Cài đặt mặc định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door setup	Auto door lock*	Thay đổi cài đặt tính năng khóa cửa và cửa hậu tự động.	With vehicle speed*¹/Shift from P*²/OFF (Có tốc độ xe* ¹ /Sang số từ P* ² /TẮT)
	Auto door unlock*	Thay đổi cài đặt tính năng mở cửa và cửa hậu tự động.	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái và loại xe Châu Phi Shift to P*²,*³/IGN OFF*⁴/OFF (Sang số P* ² ,* ³ , KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/TẮT) Loại xe Châu Phi Driver door with Shift to P*¹/All doors with Shift to P/Driver door with IGN OFF/All doors with IGN OFF/OFF (Cửa người lái khi Sang số P* ¹ /Tắt cả các cửa khi Sang số P/Cửa người lái khi KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/Tắt cả các cửa khi KHÓA ĐIỆN Ở TẮT/TẮT)
	Key and remote unlock mode*	Cài đặt tính năng mở khóa cửa người lái hoặc tắt cả các cửa khi vận hành chia khóa điều khiển từ xa hoặc chia khóa tích hợp lần thứ nhất.	Loại xe Châu Phi Driver door only*¹/All doors (Chỉ cửa người lái* ¹ /Tắt cả các cửa) Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái Driver door*¹/All doors (Cửa người lái* ¹ /Tắt cả các cửa)

- * 1: Cài đặt mặc định
- * 2: Chỉ loại hộp số vô cấp
- * 3: Cài đặt mặc định cho loại hộp số vô cấp
- * 4: Cài đặt mặc định cho xe số sàn

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Door setup	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Walk away auto lock	Thay đổi cài đặt chức năng khóa cửa tự động khi bạn ra khỏi xe và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa.	ON/OFF^{*1} (BẬT/TẮT ^{*1})
	Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Walk away lock		
	Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam Keyless lock answer back	KHÓA/MỞ KHÓA - Đèn ngoài xe nhấp nháy. KHÓA (ấn lần 2) - Tiếng bíp vang lên.	ON^{*1}/OFF (BẬT ^{*1} /TẮT)
	Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Keyless lock notification		
	Security relock timer	Thay đổi thời gian để các cửa khóa lại và hệ thống an ninh được thiết lập sau khi bạn mở khóa xe mà không mở bất kỳ cửa nào.	90sec/60sec/30sec^{*1} (90 giây/60 giây/30 giây ^{*1})
	Auto folding door mirror[*]	Thay đổi cách cụp gương cửa.	Auto fold with keyless^{*1}/ Manual only (Tự động cụp bằng chìa khóa điều khiển từ xa ^{*1} /Chỉ bằng tay)

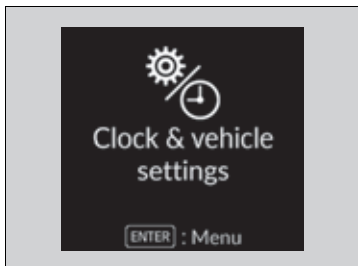
* 1: Cài đặt mặc định

Các Cài Đặt	Tính Năng Tùy Chọn	Mô Tả	Lựa Chọn Cài Đặt
Maintenance reset[*]	—	Cài đặt lại màn hình nhắc bảo dưỡng sau khi bạn thực hiện sửa chữa-bảo dưỡng	Cancel/Reset (Huỷ/Cài Đặt Lại) Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam
Default all	—	Hủy các thay đổi tùy chọn mà bạn đã thực hiện hoặc khôi phục lại về cài đặt mặc định.	Cancel/Set (Huỷ/Cài Đặt) Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam Cancel/OK (Huỷ/OK)

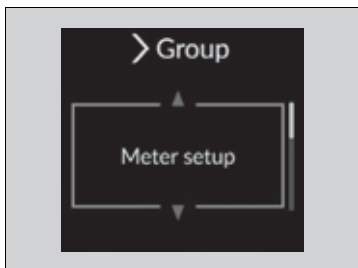
* 1: Cài đặt mặc định

■ Ví dụ về các cài đặt tùy chọn

Các bước thay đổi cài đặt “**Trip A**” **reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành Trình A") sang **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu) hiển thị như bên dưới. Cài đặt mặc định cho “**Trip A**” **reset timing** là **Manually reset**^{*1}/**Manual reset**^{*2} (Cài đặt lại bằng tay).



1. Ấn nút  /  (thông tin) để chọn màn hình , sau đó ấn nút **ENTER**.



2. Ấn nút  /  (thông tin) đến khi **Meter setup** (Cài đặt đồng hồ đo) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
3. Ấn nút **ENTER**.

* 1: Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam

* 2: Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam



Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

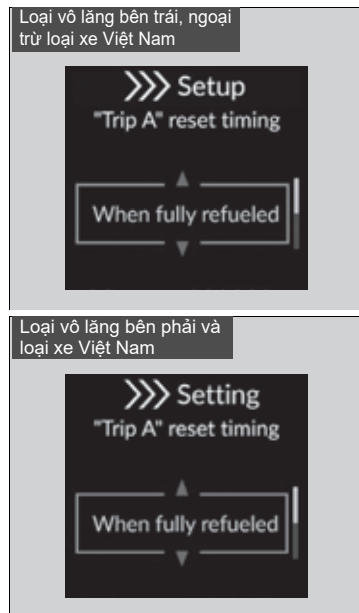


4. Ấn nút  /  (thông tin) đến khi **"Trip A" reset timing** (Hẹn giờ cài đặt lại "Hành Trình A") xuất hiện trên màn hình hiển thị, sau đó ấn nút **ENTER**.

► Màn hình hiển thị chuyển sang màn hình tùy chọn, ở đó bạn có thể chọn **When fully refueled, IGN OFF^{*1}/When ignition is turned OFF^{*2}, Manually reset^{*1}/Manual reset^{*2}** (Khi nạp đầy nhiên liệu, TẮT KHÓA ĐIỆN^{*1}/Khi xoay khóa điện sang TẮT^{*2}, Cài đặt lại bằng tay^{*1}/Cài đặt lại bằng tay^{*2}) hoặc **Back** (Quay lại).

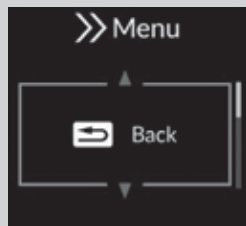
* 1: Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam

* 2: Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

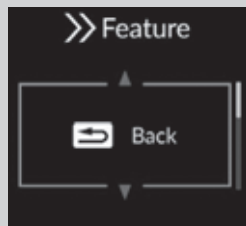


5. Ấn nút  /  (thông tin) và chọn **When fully refueled** (Khi nạp đầy nhiên liệu), sau đó ấn nút **ENTER**.
- **Selected** (Đã chọn) xuất hiện, sau đó màn hình quay trở về màn hình danh mục tùy chọn.

Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ
loại xe Việt Nam



Loại vô lăng bên phải và loại
xe Việt Nam



6. Ấn nút **ENTER** sau khi **Back** xuất hiện trên màn hình hiển thị.
7. Lặp lại Bước 6 cho đến khi màn hình quay trở lại màn hình bình thường.

Điều Khiển

Chương này mô tả cách vận hành một số chức năng cần thiết của xe.

Đồng Hồ	146
Khóa và Mở Khóa Cửa	
Chìa Khóa.....	147
Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa yếu*	149
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài.....	150
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong.....	158
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em.....	159
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*	160
Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động.....	162, 167
Cửa Hậu	170

Hệ Thống An Ninh	
Hệ Thống Chống Nổ Máy	173
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	174
Cửa Kính	177
Vận Hành Các Công Tác Quanh Vô Lãng	
Khóa Điện*	179
Nút ENGINE START/STOP*	180
Xi Nhan	184
Công Tác Đèn.....	185
Đèn Sương Mù	188
Đèn Ban Ngày.....	189
Điều chỉnh Đèn Chiếu Sáng*	190
Chiếu Xa Tự Động*	191
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	194
Nút Sấy Kính Sau*	196

Điều chỉnh Độ Sáng	197
Điều chỉnh Vô Lãng.....	199
Gương	
Gương Chiếu Hậu Trong Xe.....	200
Gương Cửa Điện.....	200
Ghế Ngồi	
Ghế Trước	202
Hàng Ghế Thứ Hai.....	204
Hàng Ghế Thứ Ba.....	207
Nhấc Ghế Sau*	210
Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp	211
Tựa Đầu.....	212
Tựa Tay.....	215
Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong	216
Hệ Thống Sưởi và Làm Mát*	226
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ*	233

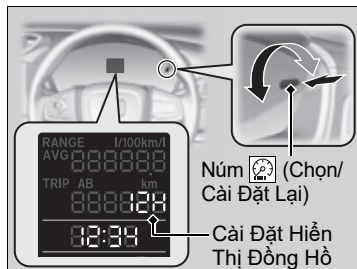
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Bạn có thể điều chỉnh thời gian hiện trên màn hình đồng hồ khi khóa điện ở BẬT ^{*1}.

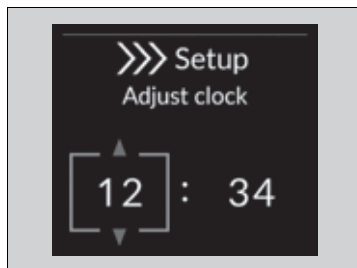
Điều Chỉnh Thời Gian

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



1. Ấn nút  (chọn/cài đặt lại) liên tục để hiển thị màn hình điều chỉnh đồng hồ.
► Màn hình đồng hồ bắt đầu nhấp nháy.
2. Xoay  để điều chỉnh phút.
Khi bạn tăng hoặc giảm phút, giờ sẽ tăng hoặc giảm theo.
3. Ấn nút  để cài đặt thời gian.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



1. Ấn nút  /  (thông tin) đến khi **Clock & vehicle settings** xuất hiện trên màn hình, sau đó ấn nút **ENTER**.
► **Clock setup** xuất hiện trước tiên trên màn hình.
2. Ấn nút **ENTER**.
3. Ấn nút **ENTER** để chọn **Adjust clock**.
4. Ấn nút  /  (thông tin) để thay đổi giờ, sau đó ấn **ENTER**.
5. Ấn nút  /  (thông tin) để thay đổi phút, sau đó ấn **ENTER**.

Điều Chỉnh Đồng Hồ

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Bạn cũng có thể chuyển đổi màn hình đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 giờ, đồng hồ 24 giờ hoặc tắt bằng cách ấn và giữ nút  trong khi màn hình điều chỉnh đồng hồ hiển thị.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

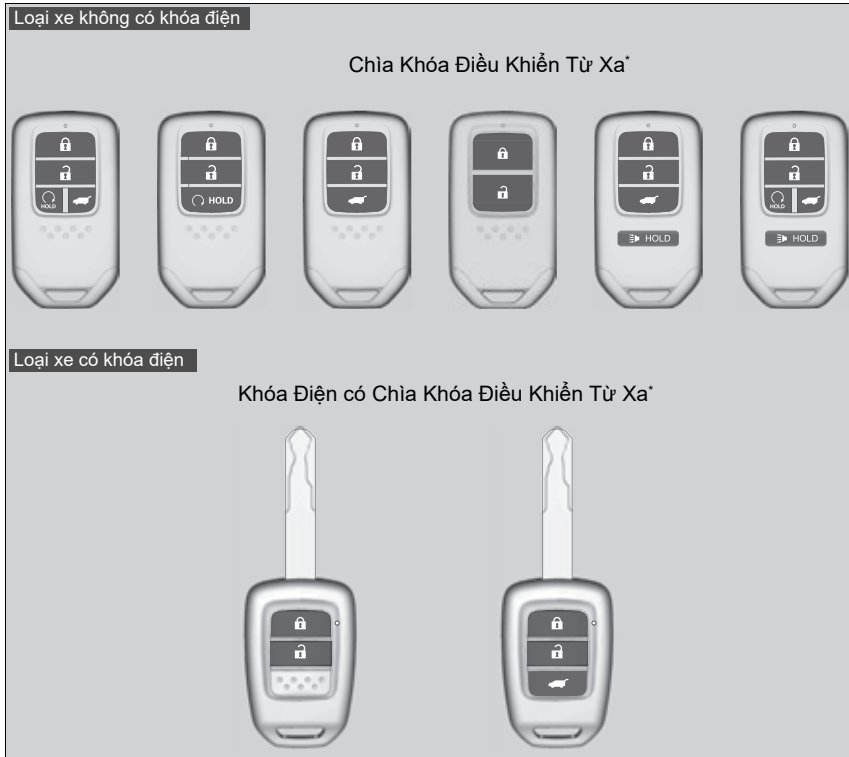
Bạn có thể tùy chọn hiển thị đồng hồ để hiển thị đồng hồ 12 giờ, đồng hồ 24 giờ hoặc tắt.

► **Cài Đặt Tr. 129**

*1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Chìa Khóa

Xe này có những chìa khóa sau:



Sử dụng những chìa khóa này để khởi động và tắt động cơ, khóa và mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe.

Chìa Khóa

Tất cả các chìa khóa đều có hệ thống chống nộm máy. Hệ thống chống nộm máy giúp bảo vệ xe khỏi bị trộm cắp.

Hệ Thống Chống Nộm Máy Tr. 173

Làm theo lời khuyên sau đây để tránh làm hỏng chìa khóa:

- Không để chìa khóa dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp, hoặc những nơi có nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Không làm rơi chìa khóa hoặc để vật nặng lên nó.
- Để chìa khóa cách xa các chất lỏng, bụi bẩn hoặc cát.
- Không tháo rời các bộ phận chìa khóa ra trừ khi thay pin.

Nếu mạch trong chìa khóa bị hỏng, động cơ có thể không khởi động được và chìa khóa điều khiển từ xa/hệ thống truy cập từ xa* có thể không hoạt động. Nếu chìa khóa không hoạt động tốt, hãy mang đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có bộ khởi động động cơ từ xa

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng bộ khởi động động cơ từ xa.

Khởi Động Động Cơ Từ Xa* Tr. 251

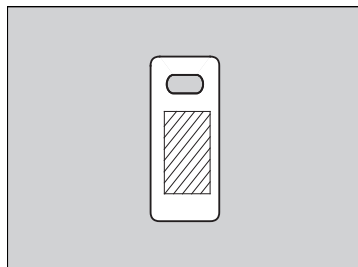
■ Chìa Khóa Tích Hợp*



Có thể sử dụng chìa khóa tích hợp để khóa/mở khóa các cửa khi pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu và không thể khóa/mở khóa cửa điện.

Để tháo chìa khóa tích hợp, trượt núm nhả, sau đó kéo chìa khóa ra. Để lắp lại, đẩy chìa khóa tích hợp vào trong chìa khóa điều khiển từ xa cho đến khi nghe thấy tiếng tách.

■ Nhãn Mã Số Chìa Khóa



Chứa mã số mà bạn sẽ cần nếu bạn mua một cái thay thế.

»»Nhãn Mã Số Chìa Khóa

Để nhãn mã số chìa khóa tách biệt với chìa khóa tại một nơi an toàn bên ngoài xe. Nếu bạn muốn mua thêm một chìa khóa nữa, hãy liên hệ với đại lý.

Nếu bạn mất chìa khóa và bạn không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu*

Xe truyền tín hiệu sóng radio để xác định vị trí chìa khóa điều khiển từ xa để khởi động động cơ, khóa và mở khóa* tất cả các cửa và cửa hậu.

Trong các trường hợp sau, việc khởi động động cơ hoặc khóa/mở khóa* cửa/cửa hậu có thể bị hạn chế hoặc vận hành không ổn định:

- Có một thiết bị gần đó đang phát ra sóng radio mạnh.
- Bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa cùng với các thiết bị truyền thông, máy tính xách tay, điện thoại di động, hoặc các thiết bị không dây.
- Một vật bằng kim loại đang chạm hoặc phủ lên chìa khóa điều khiển từ xa.

►►Tín Hiệu Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu*

Liên lạc giữa chìa khóa điều khiển từ xa và xe sẽ tiêu thụ pin của chìa khóa điều khiển từ xa. Tuổi thọ của pin được khoảng hai năm, nhưng có thể thay đổi tùy thuộc vào cường độ sử dụng. Pin sẽ bị hao điện mỗi khi chìa khóa điều khiển từ xa nhận được sóng radio mạnh. Không để chìa khóa gần các thiết bị điện tử như ti vi và máy tính cá nhân.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

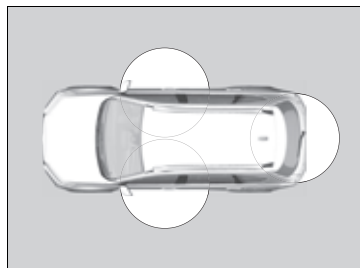
Có thể giảm mức tiêu thụ pin bằng cách tắt tính năng thu sóng radio. Khi bạn giữ các nút khóa và mở khóa cùng lúc trong khoảng ba giây, đèn LED sẽ nhấp nháy hai lần và tính năng thu sóng radio sẽ tắt.

Nếu bạn ấn nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa một lần, chìa khóa sẽ bắt đầu nhận lại sóng radio.

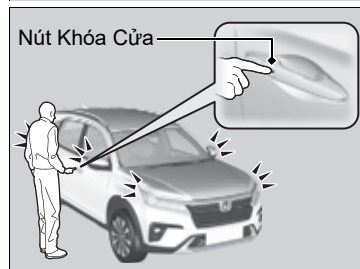
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

■ Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*



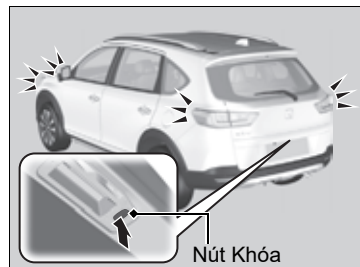
Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn có thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu. Bạn có thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu trong bán kính 80 cm tính từ tay nắm bên ngoài cửa hoặc tay nắm bên ngoài cửa hậu.



■ Khóa cửa và cửa hậu

Ấn nút khóa cửa trên cửa trước hoặc cửa hậu.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy; tiếng bíp vang lên; tắt các cửa và cửa hậu khóa; hệ thống an ninh được thiết lập.



►►Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài

Nếu công tắc đèn trong xe ở vị trí kích hoạt cửa, đèn trong xe sẽ sáng khi bạn mở khóa cửa và cửa hậu. Không cửa nào mở: Đèn tắt dần sau 30 giây. Cửa và cửa hậu khóa lại: Đèn tắt ngay lập tức.

►►Đèn Trong Xe Tr. 216

►►Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng hệ thống truy cập từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng hệ thống truy cập từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

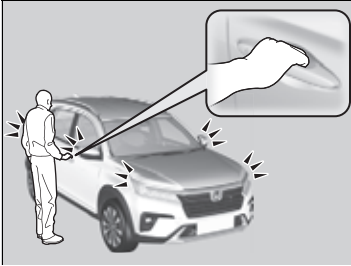
Loại xe Châu Phi

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ thống truy cập từ xa không thể khóa xe khi có một cửa nào đó mở.

Loại xe khác

Hệ thống truy cập từ xa không thể khóa xe khi có một cửa nào đó hoặc cửa hậu mở.



►►Mở khóa cửa và cửa hậu

Loại xe Châu Phi

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Nắm tay nắm cửa người lái:

- Cửa người lái mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên hai lần.

Nắm tay nắm cửa hành khách trước:

- Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên hai lần.

Loại xe khác

Nắm tay nắm cửa trước:

- Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên hai lần.

Ấn vào tay nắm bên ngoài cửa hậu:

Loại xe Châu Phi

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Cửa hậu sẽ mở khóa.

Loại xe khác

- Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ mở khóa.

Tất cả các loại xe

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và tiếng bip vang lên hai lần.

►►Mở/Đóng Cửa Hậu Tr. 171



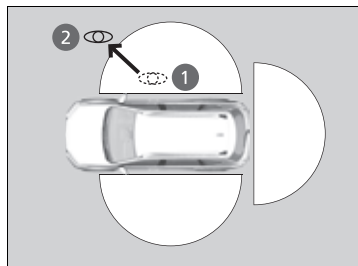
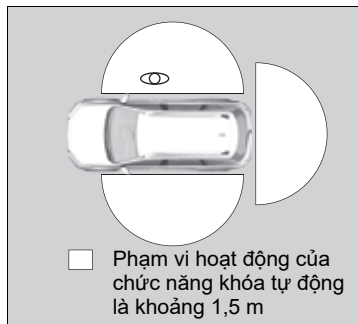
►►Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa*

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe khi bạn ra khỏi xe. Hãy mang theo bên mình.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu khi ai đó cầm chìa khóa điều khiển từ xa trong phạm vi cho phép.
- Cửa có thể mở khóa nếu tay nắm cửa bị dính nước mưa hoặc khi rửa xe cho dù chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi cho phép.
- Nếu bạn đeo găng tay và nắm vào tay nắm cửa trước, cảm biến cửa có thể phản ứng chậm hoặc không phản ứng khi mở khóa cửa.
- Sau khi khóa cửa, chờ 2 giây, trong khi đó kéo tay nắm cửa để kiểm tra xem cửa khóa chưa. Nếu bạn cần mở khóa ngay sau khi khóa cửa, phải đợi ít nhất 2 giây trước khi nắm tay nắm cửa, nếu không sẽ không thể mở khóa cửa.
- Cửa có thể không mở nếu bạn kéo nó ngay sau khi nắm tay nắm cửa. Nắm lại tay nắm và đảm bảo cửa đã mở khóa trước khi kéo tay nắm.
- Thậm chí trong bán kính 80 cm, bạn không thể khóa/mở khóa cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa nếu để nó lên trên hoặc dưới tay nắm bên ngoài cửa.
- Chìa khóa điều khiển từ xa có thể không hoạt động nếu nó ở quá gần cửa, cửa kính và cửa hậu.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Có thể sử dụng màn hình giao diện thông tin cho người lái để tùy chọn các cài đặt nhấp nháy đèn, tiếng bip và chế độ mở khóa cửa*.

►►Cài Đặt Tr. 129



■ Mở khóa cửa và cửa hậu (Tự động khóa cửa khi ra khỏi xe)

Khi bạn ra khỏi xe sau khi đóng tất cả các cửa và cửa hậu và mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa. Chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động khi tất cả các cửa và cửa hậu đóng, và chìa khóa điều khiển từ xa cách tay nắm bên ngoài cửa hoặc tay nắm bên ngoài cửa hậu 1,5 m. Hãy ra khỏi xe, mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đóng (các) cửa và cửa hậu.

1. Cách xe khoảng 1,5 m.

► Tiếng bíp vang lên, chức năng khóa cửa tự động sẽ hoạt động.

2. Mang chìa khóa điều khiển từ xa ra ngoài xe, cách xe 1,5 m và ở ngoài phạm vi này khoảng từ 2 giây trở lên.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy, tiếng bíp vang lên; sau đó tất cả các cửa và cửa hậu sẽ được khóa.

►►Khóa cửa và cửa hậu (khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Chức năng khóa cửa tự động được cài đặt ở TẮT là cài đặt mặc định gốc. Có thể thay đổi cài đặt sang BẬT cho chức năng này bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nếu bạn cài đặt chức năng khóa cửa tự động ở BẬT bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái, chỉ có thể sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa cửa người lái trước khi thay đổi cài đặt, thì mới có thể kích hoạt khóa cửa tự động.

► Cài Đặt Tr. 129

Sau khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt, khi bạn ở trong phạm vi vận hành khóa/mở khóa cửa, đèn báo trên chìa khóa điều khiển từ xa sẽ tiếp tục nhấp nháy cho tới khi các cửa và cửa hậu được khóa.

Khi bạn ở bên cạnh xe trong phạm vi hoạt động, cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa trong khoảng 30 giây sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên.

Khi bạn mở cửa hoặc cửa hậu sau khi tiếng bíp kích hoạt chức năng khóa cửa tự động vang lên, chức năng khóa cửa tự động sẽ bị hủy.

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Tiếng bíp không vang lên.
- Chìa khóa điều khiển từ xa bị mang ra khỏi phạm vi hoạt động trước khi tất cả các cửa đóng.
- Tiếng bíp vang lên.

Để tạm thời hủy kích hoạt chức năng:

1. Đặt chế độ nguồn ở TẮT.
2. Mở cửa người lái.
3. Sử dụng công tắc khóa cửa chính, vận hành khóa như sau:
Khóa→ Mở Khóa → Khóa → Mở Khóa.
► Tiếng bíp vang lên và chức năng khóa cửa bị hủy.

Để khôi phục chức năng:

- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
- Khóa xe mà không sử dụng chức năng khóa cửa tự động.
- Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa và đi ra xa khỏi phạm vi hoạt động của chức năng khóa cửa tự động.
- Mở cửa bất kỳ.

►►Khoá cửa và cửa hậu (Khóa cửa tự động khi ra khỏi xe)

Trong các trường hợp sau, chức năng khóa cửa tự động sẽ không hoạt động:

- Chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.
- Cửa, cửa hậu hoặc nắp ca-pô không đóng.
- Chế độ nguồn được đặt ở chế độ bất kỳ trừ chế độ TẮT.
- Chìa khóa điều khiển từ xa không ở cách xe 1,5 m khi bạn ra khỏi xe và đóng cửa và cửa hậu.

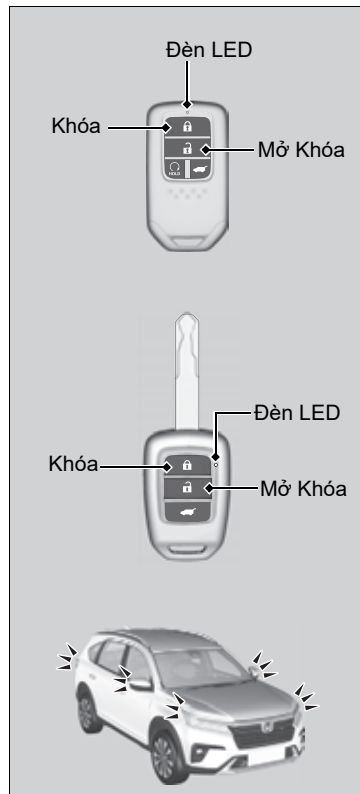
Tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động

Sau khi chức năng khóa cửa tự động hoạt động, tiếng bíp báo dừng hoạt động chức năng khóa cửa tự động sẽ vang lên trong khoảng hai giây trong các trường hợp sau.

- Đưa chìa khóa điều khiển từ xa vào bên trong xe qua cửa kính.
- Bạn đứng quá gần xe.
- Để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý.

Nếu tiếng bíp cảnh báo vang lên, đảm bảo bạn đang mang theo chìa khóa điều khiển từ xa. Sau đó, mở/đóng cửa và xác nhận tiếng bíp báo khóa cửa tự động hoạt động vang lên một lần.

■ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa



■ Khóa các cửa và cửa hậu

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Ấn nút khóa.

Một lần:

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần, tất cả các cửa, cửa hậu và hệ thống an ninh được thiết lập.

Hai lần (trong vòng năm giây sau khi ấn lần đầu tiên):

- Tiếng bíp vang lên và xác nhận hệ thống an ninh đã được thiết lập.

Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa

Ấn nút khóa.

- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần tất cả các cửa, cửa hậu và hệ thống an ninh được thiết lập.

▣ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Nếu bạn không mở cửa hoặc cửa hậu trong vòng 30 giây sau khi mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa, các cửa và cửa hậu sẽ tự động khóa lại.

Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ khóa lại.

► **Cài Đặt Tr. 129**

■ Mở khóa các cửa và cửa hậu

Loại xe Châu Phi

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Ấn nút mở khóa.

Một lần:

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần và cửa người lái mở.

Hai lần:

► Các cửa còn lại và cửa hậu mở khóa.

Các loại xe khác

Ấn nút mở khóa.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy hai lần, tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa.

»»Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Loại xe có khóa điện

Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không hoạt động khi chìa khóa nằm trong ổ khóa.

Loại xe không có khóa điện

Bạn chỉ có thể khóa hoặc mở khóa cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa khi chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

Chìa khóa điều khiển từ xa sử dụng tín hiệu công suất thấp, vì vậy phạm vi hoạt động có thể thay đổi tùy thuộc vào môi trường xung quanh.

Loại xe Châu Phi

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không khóa xe khi cửa mở.

Các loại xe khác

Chìa khóa điều khiển từ xa sẽ không khóa xe khi có một cửa hoặc cửa hậu mở.

Nếu khoảng cách hoạt động của chìa khóa điều khiển từ xa thay đổi, có thể sẽ làm pin yếu. Nếu đèn LED không sáng khi bạn ấn nút, tức là pin bị hết điện.

► Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa
Tr. 389

Loại xe Châu Phi có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khóa cửa.

► Cài Đặt Tr. 129

■ Khóa/Mở Khóa các Cửa Bằng Chìa Khóa

Nếu nút khóa hoặc mở khóa cửa của chìa khóa điều khiển từ xa không hoạt động, hãy sử dụng chìa khóa thay cho chìa khóa điều khiển từ xa.



Cắm hết cỡ chìa khóa vào ổ khóa và xoay.

►►Khóa/Mở Khóa các Cửa Bằng Chìa Khóa

Loại xe Châu Phi

Khi bạn khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng lúc. Khi mở khóa, cửa người lái sẽ mở khóa trước. Xoay chìa khóa lần thứ hai trong vòng vài giây sẽ không mở khóa các cửa còn lại.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Khi bạn khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng lúc. Khi mở khóa, cửa người lái sẽ mở khóa trước. Xoay chìa khóa lần thứ hai trong vòng vài giây để mở khóa các cửa còn lại và cửa hậu.

Các loại xe khác

Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng chìa khóa, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

Loại xe Châu Phi

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ vang lên.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái và loại xe Châu Phi

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa và mở cửa trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ vang lên.

Loại xe Châu Phi có màn hình giao diện thông tin cho người lái

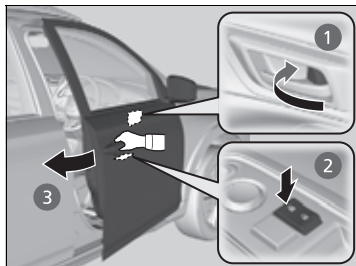
Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Bạn có thể tùy chọn cài đặt chế độ mở khóa.

► Cài Đặt Tr. 129

■ Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Nếu bạn không mang theo chìa khóa hoặc vì lý do nào đó bạn không khóa được cửa bằng chìa khóa, bạn có thể khóa cửa mà không cần dùng đến chìa.



■ Khóa cửa người lái

Đẩy tay khóa về phía trước ❶ hoặc đẩy cổng tắc khóa cửa chính theo hướng khóa ❷, sau đó kéo và giữ tay nắm bên ngoài cửa. Đóng cửa ❸, sau đó thả tay ra.

■ Khóa cửa hành khách

Đẩy tay khóa về phía trước và đóng cửa.

■ Hệ thống chống khóa cửa

Loại xe có khóa điện

Không thể khóa cửa và cửa hậu khi chìa khóa vẫn cắm trong ổ khóa điện.

Loại xe không có khóa điện

Không thể khóa cửa và cửa hậu khi để chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.

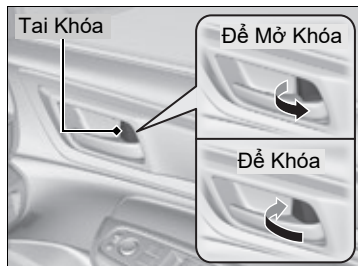
►►Khóa Cửa Không Sử Dụng Chìa Khóa

Khi bạn khóa cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng một lúc.

Trước khi khóa cửa, hãy đảm bảo không để chìa khóa trong xe.

Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong

■ Sử Dụng Tai Khóa



■ Khóa cửa

Đẩy tai khóa về phía trước.

■ Mở khóa cửa

Kéo tai khóa về phía sau.

■ Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Người Lái



Kéo tay nắm bên trong cửa người lái.

- Cửa sẽ mở khóa và mở bằng một thao tác.

►►Sử Dụng Tai Khóa

Loại xe Châu Phi

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Khi bạn khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa cùng lúc. Khi bạn mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, chỉ có cửa người lái mở khóa.

Tất cả các loại xe

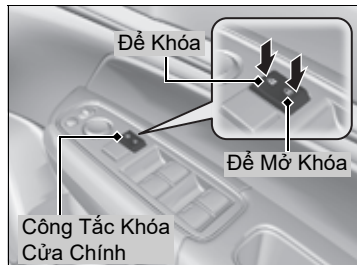
Khi bạn khóa/mở khóa cửa bằng tai khóa trên cửa người lái, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

►►Mở Khóa Bằng Tay Nắm Bên Trong Cửa Người Lái

Tay nắm bên trong cửa người lái có chức năng giúp người lái mở cửa bằng một thao tác. Tuy nhiên, tính năng này yêu cầu người lái không được kéo tay nắm bên trong cửa khi xe đang chạy. Trẻ em luôn phải ngồi ghế sau có khóa phòng ngừa trẻ em.

► Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em Tr. 159

■ Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

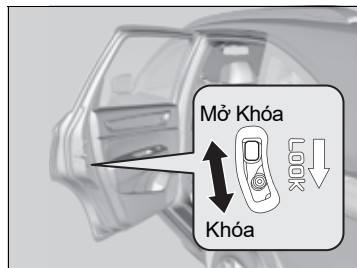


Ấn công tắc khóa cửa chính như hình vẽ để khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu.

Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Khóa phòng ngừa trẻ em giúp ngăn không cho các cửa sau bị mở từ bên trong bất kể vị trí của tai khóa ở đâu.

■ Cài Đặt Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em



Trượt lẫy ở cửa sau đến vị trí khóa và đóng cửa.

■ Khi mở cửa

Mở cửa bằng tay nắm bên ngoài cửa.

►►Sử Dụng Công Tắc Khóa Cửa Chính

Khi bạn khóa/mở khóa cửa người lái bằng công tắc khóa cửa chính, tất cả các cửa khác và cửa hậu sẽ khóa/mở khóa cùng một lúc.

►►Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em

Để mở cửa từ bên trong khi khóa phòng ngừa trẻ em bật, gạt tai khóa đến vị trí mở khóa, hạ cửa kính sau, đưa tay ra bên ngoài cửa kính và kéo tay nắm bên ngoài cửa.

Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Xe của bạn tự động khóa tất cả các cửa hoặc mở khóa tất cả các cửa/cửa người lái khi đáp ứng một số điều kiện nhất định.

■ Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ khóa khi lái xe

Tất cả các cửa và cửa hậu sẽ khóa khi tốc độ xe khoảng 15 km/h.

Loại hộp số vô cấp

■ Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ mở khóa khi đỗ xe

Loại xe Châu Phi

Cửa người lái mở khóa khi xe ở số **[P]** và nhấn bàn đạp phanh. Có thể thay đổi cài đặt để mở khóa tất cả các cửa.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa khi xe ở số **[P]** và nhấn bàn đạp phanh.

►►Khoá/Mở Khóa Cửa Tự Động*

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khác cho chức năng khóa/mở khóa cửa tự động bằng màn hình giao diện thông tin cho người lái.

🔧 Cài Đặt Tr. 129

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Bạn có thể tắt hoặc chuyển sang cài đặt khác cho chức năng khóa/mở khóa cửa tự động bằng công tắc khóa cửa chính.

🔧 Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động Tr. 162, 167

Loại xe số sàn

■ Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Chế độ mở khóa theo khóa điện

Loại xe Châu Phi

Cửa người lái mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT II^{*1}.

Có thể thay đổi cài đặt để mở khóa tất cả các cửa.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT II^{*1}.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Loại xe Châu Phi có màn hình hiển thị thông tin

Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động

Bạn có thể tùy chọn cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động theo ý muốn bằng công tắc khóa cửa chính.

Danh Sách Các Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode * ¹ (Chế Độ Khóa Khi Lái Xe* ¹)	Tắt cả các cửa và cửa hậu khóa khi tốc độ xe đạt 15 km/h.
Park Lock Mode * ² (Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe* ²)	Tắt cả cửa và cửa hậu khóa khi nhấn bàn đạp phanh và gạt cần số ra khỏi P .
Off (Tắt)	Khóa cửa tự động không hoạt động mọi lúc.

* 1: Cài đặt mặc định

* 2: Chỉ loại hộp số vô cấp

■ Mở khóa cửa tự động

	Chế Độ	Mô Tả
Park Unlock Mode ^{*2, *3} (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe ^{*2, *3})	To unlock driver's door ^{*1} (Để mở khóa cửa người lái ^{*1})	Cửa người lái mở khóa khi gạt cần số đến P và nhấn bàn đạp phanh.
	To unlock all doors (Để mở khóa tất cả các cửa)	Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa khi gạt cần số đến P và nhấn bàn đạp phanh.
Ignition Switch Unlock Mode ^{*4} (Chế Độ Mở Khóa Theo Khóa Điện ^{*4})	To unlock driver's door ^{*1} (Để mở khóa cửa người lái ^{*1})	Cửa người lái mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT II ^{*5} .
	To unlock all doors (Để mở khóa tất cả các cửa)	Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi vị trí BẬT II ^{*5} .
Off (Tắt)		Mở khóa cửa tự động không hoạt động mọi lúc.

* 1: Cài đặt mặc định

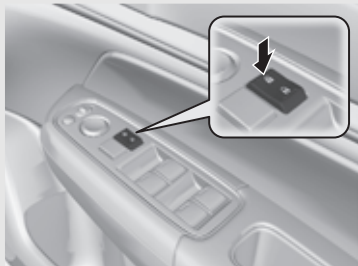
* 2: Chỉ loại hộp số vô cấp

* 3: Cài đặt mặc định cho loại hộp số vô cấp

* 4: Cài đặt mặc định cho xe số sàn

* 5: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Các Bước Tùy Chọn để Khóa Cửa Tự Động

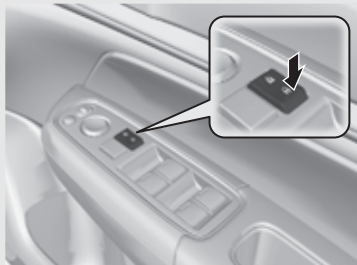
Bước	Chế Độ Khóa Khi Lái Xe	Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe* ¹	Tắt
1	Gài phanh đỗ. Đảm bảo cần số ở P * ¹ .		
2	Xoay khóa điện đến BẬT II * ² .		
3	Ở bước này, phải đóng cửa người lái.	Mở cửa người lái.	
4	Gạt cần số ra khỏi P và nhấn bàn đạp phanh* ¹ .	—	
5	Ấn và giữ công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây cho đến khi nghe thấy tiếng tách thì nhả ra. 		
6	Gạt cần số đến P * ¹ .	—	
7	Xoay khóa điện đến khóa 0 * ² ► Hoàn thành tùy chọn.		

* 1: Chỉ loại hộp số vô cấp

* 2: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Các Bước Tùy Chọn để Mở Khóa Cửa Tự Động

Bước	Chế Độ Mở Khóa Theo Khóa Điện		Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe ^{*1}		Tắt
	Để mở khóa cửa người lái	Để mở khóa tất cả các cửa	Để mở khóa cửa người lái	Để mở khóa tất cả các cửa	
1	Gài phanh đỗ. Đảm bảo cần số ở P ^{*1} .				
2	Xoay khoá điện đến BẬT II ^{*2} .				
3	Ở bước này, phải đóng cửa người lái.				Mở cửa người lái.
4	Gạt cần số ra khỏi P và nhấn bàn đạp phanh ^{*1} .		—		
5	Ấn và giữ công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây cho đến khi nghe thấy tiếng tách thì nhả ra.				



* 1: Chỉ loại hộp số vô cấp

* 2: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Bước	Chế Độ Mở Khóa Theo Khóa Điện		Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe ^{*1}		Tắt
	Để mở khóa cửa người lái	Để mở khóa tất cả các cửa	Để mở khóa cửa người lái	Để mở khóa tất cả các cửa	
6	Nhả công tắc.	Tiếp tục ấn công tắc trong năm giây nữa và nghe thấy một tiếng tách nữa.	Nhả công tắc.	Tiếp tục ấn công tắc trong năm giây nữa và nghe thấy một tiếng tách nữa.	Nhả công tắc.
7	Gạt cần số đến P ^{*1} .		—		
8	Xoay khoá điện đến KHÓA 0 ^{*2} ► Hoàn thành tùy chọn.				

* 1: Chỉ loại hộp số vô cấp

* 2: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Loại xe Indonesia và Philippin có màn hình hiển thị thông tin

Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động

Bạn có thể tùy chọn cài đặt khóa/mở khóa cửa tự động theo ý thích của mình bằng công tắc khóa cửa chính.

■ Danh Sách các Lựa Chọn Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động

■ Khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Drive Lock Mode ^{*1} (Chế Độ Khóa Khi Lái Xe ^{*1})	Tất cả các cửa và cửa hậu khóa khi tốc độ đạt 15 km/h.
Park Lock Mode ^{*2} (Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe ^{*2})	Tất cả các cửa và cửa hậu khóa khi nhấn bàn đạp phanh và gạt gần số khởi [P] .
Off (Tắt)	Khóa cửa tự động không hoạt động mọi lúc.

■ Mở khóa cửa tự động

Chế Độ	Mô Tả
Park Unlock Mode ^{*2, *3} (Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe ^{*2, *3})	Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa khi gạt cần số đến [P] và nhấn bàn đạp phanh.
Ignition Switch Unlock Mode ^{*4} (Chế Độ Mở Khóa Theo Khóa Điện ^{*4})	Tất cả các cửa và cửa hậu mở khóa khi xoay khóa điện ra khỏi BẬT [II] ^{*5} .
Off (Tắt)	Mở khóa cửa tự động không hoạt động mọi lúc.

* 1: Cài đặt mặc định

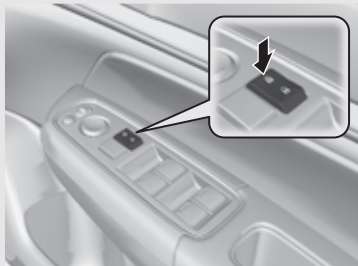
* 2: Chỉ loại hộp số vô cấp

* 3: Cài đặt mặc định cho loại hộp số vô cấp

* 4: Cài đặt mặc định cho xe số sàn

* 5: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

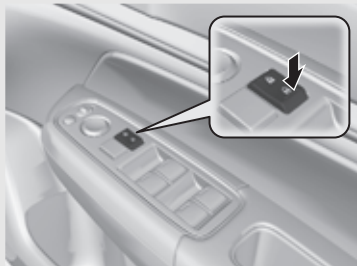
■ Các Bước Tùy Chọn để Khóa Cửa Tự Động

Bước	Chế Độ Khóa Khi Lái Xe	Chế Độ Khóa Khi Đỗ Xe* ¹	Tắt
1	Gài phanh đỗ. Đảm bảo cần số ở P ^{*1} .		
2	Xoay khóa điện đến BẬT II ^{*2} .		
3	Ở bước này, phải đóng cửa người lái.	Mở cửa người lái.	
4	Gạt cần số ra khỏi P và nhấn bàn đạp phanh ^{*1} .	—	
5	Ấn và giữ công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây cho đến khi nghe thấy tiếng tách thì nhả ra. 		
6	Gạt cần số đến P ^{*1} .	—	
7	Xoay Khóa điện đến KHÓA 0 ^{*2} ► Hoàn thành tùy chọn.		

* 1: Chỉ loại hộp số vô cấp

* 2: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho Khóa điện.

■ Các Bước Tùy Chọn để Mở Khóa Cửa Tự Động

Bước	Chế Độ Mở Khóa Theo Khóa Điện	Chế Độ Mở Khóa Khi Đỗ Xe* ¹	Tắt
1	Gài phanh đỗ. Đảm bảo cần số ở P * ¹ .		
2	Xoay khóa điện đến BẬT II * ² .		
3	Ở bước này, phải đóng cửa người lái.	Mở cửa người lái.	
4	Gạt cần số ra khỏi P và nhấn bàn đạp phanh* ¹ .	—	
5	Ấn và giữ công tắc khóa cửa chính trên cửa người lái trong hơn năm giây cho đến khi nghe thấy tiếng tách thì nhả ra. 		
6	Gạt cần số đến P * ¹ .	—	
7	Xoay khóa điện đến KHÓA 0 * ² ► Hoàn thành tùy chọn.		

* 1: Chỉ loại hộp số vô cấp

*2: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Lưu Ý Khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Trước khi mở hoặc đóng cửa hậu cần đảm bảo không có người nào và vật gì ở gần đó.

- Mở hoàn toàn cửa hậu.
 - ▶ Nếu cửa hậu không mở hết, cửa sẽ tự đóng lại bởi sức nặng của cửa.
- Cần thận khi trời có gió vì gió có thể làm cửa hậu sập xuống.

Luôn đảm bảo đóng cửa hậu khi lái xe để:

- ▶ Tránh hư hỏng có thể xảy ra.
- ▶ Ngăn khí xả lọt vào xe.
 - 📌 **Khí CO** Tr. 92

»Lưu Ý Khi Mở/Đóng Cửa Hậu

⚠CẢNH BÁO

Không để ai ở gần cửa hậu khi cửa đang đóng hoặc mở để tránh bị kẹp, gây trọng thương.

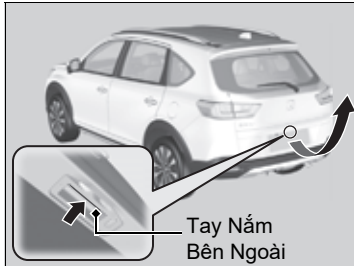
Luôn đảm bảo không có ai ở gần cửa hậu trước khi mở hoặc đóng cửa.

Cần thận không va đầu vào cửa hậu hoặc không để tay vào giữa cửa hậu và khoang hành lý khi đóng cửa hậu.

Khi bạn cất hoặc lấy hành lý từ khoang hành lý khi động cơ đang chạy không tải, không đứng trước ống xả để tránh bị bỏng.

Không để bất kỳ hành khách nào ngồi trong khoang hành lý để tránh bị thương khi xe phanh gấp, tăng ga đột ngột, hoặc khi xảy ra va chạm.

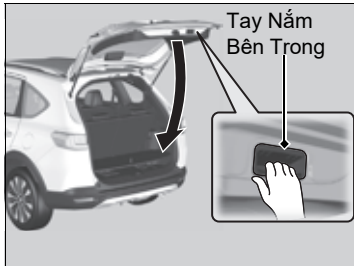
Mở/Đóng Cửa Hậu



Sau khi mở khóa tất cả các cửa hoặc ấn nút mở khóa cửa hậu* trên chìa khóa điều khiển từ xa, cửa hậu sẽ được mở khóa. Ấn tay nắm bên ngoài cửa hậu và nâng cửa hậu lên để mở.

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn không cần phải mở khóa cửa hậu trước khi mở cửa.



Để đóng cửa hậu, nắm tay nắm bên trong, kéo cửa hậu xuống và ấn cửa sập xuống từ bên ngoài.

Loại xe Châu Phi

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

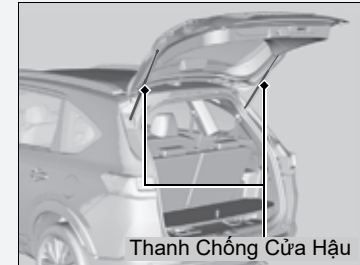
Nếu bạn đóng cửa hậu khi cửa người lái khóa, cửa hậu sẽ tự động khóa.

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Lưu Ý Khi Mở/Đóng Cửa Hậu

Đảm bảo hành lý hoặc các vật dụng khác không chạm vào thanh chống cửa hậu.



►► Mở/Đóng Cửa hậu

Loại xe có hệ thống truy cập từ xa

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong xe khi bạn ra ngoài. Hãy mang theo bên mình.
- Ngay cả khi bạn không mang theo chìa khóa điều khiển từ xa, bạn vẫn có thể mở khóa cửa hậu khi người khác cầm chìa khóa điều khiển từ xa ở trong phạm vi điều khiển mở khóa cửa.

Loại xe Châu Phi có hệ thống truy cập từ xa

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Không để chìa khóa điều khiển từ xa bên trong khoang hành lý và đóng cửa hậu. Tiếng bip sẽ vang lên và không đóng được cửa hậu.

■ Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Ấn nút mở khóa cửa hậu để mở khóa cửa hậu.

►► Sử Dụng Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*

Nếu bạn mở khóa và mở cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa, khi đóng, cửa hậu sẽ tự động khóa.

Hệ Thống Chống Nổ Máy

Hệ thống chống nổ máy giúp ngăn việc khởi động động cơ bằng chìa khóa chưa được đăng ký trước.

Chú ý những điểm sau khi cắm chìa khóa vào ổ khóa hoặc ấn nút **ENGINE START/STOP**:

- Không để những vật có sóng radio mạnh gần ổ khóa hoặc nút **ENGINE START/STOP**.
- Đảm bảo chìa khóa không bị che hay chạm vào những vật thể bằng kim loại.
- Không để chìa khóa của một xe khác có lắp hệ thống chống nổ máy gần ổ khóa hoặc nút **ENGINE START/STOP**.
- Không để chìa khóa gần các vật có từ tính. Các thiết bị điện tử như tivi và các hệ thống âm thanh tạo ra từ trường mạnh. Lưu ý rằng ngay cả móc chìa khóa cũng có từ tính.

»Hệ Thống An Ninh

CHÚ Ý

Để chìa khóa trong xe có thể bị mất trộm xe hoặc vô tình làm xe di chuyển. Luôn mang theo chìa khóa bên mình mỗi khi bạn ra khỏi xe.

Không thay đổi hệ thống hoặc gắn thêm thiết bị khác vào hệ thống. Vì như vậy có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Nếu hệ thống liên tiếp không nhận mã chìa khóa, hãy liên hệ với đại lý. Nếu bạn mất chìa khóa và không thể khởi động động cơ, hãy liên hệ với đại lý.

Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh hoạt động khi cửa hậu, nắp ca-pô hoặc các cửa mở theo cách bất thường. Cảnh báo an ninh không hoạt động nếu cửa hậu hoặc các cửa được mở bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Tuy nhiên, cảnh báo an ninh sẽ hoạt động nếu có một cửa được mở bằng chìa khóa và sau đó gạt cần số ra khỏi **P** hoặc nắp ca-pô được mở trước khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh kích hoạt

Còi kêu liên tục và một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Hủy kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh

Mở khóa xe bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*, hoặc xoay khóa điện đến BẬT **II***¹. Hệ thống cùng với còi và đèn đang nhấp nháy sẽ ngừng hoạt động.

►► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không thay đổi hệ thống này hoặc gắn thêm thiết bị khác. Làm như vậy có thể làm hỏng hệ thống và làm xe bạn không thể khởi động được.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ thống cảnh báo an ninh sẽ tiếp tục cảnh báo trong khoảng 5 phút trước khi hệ thống an ninh ngừng hoạt động.

Hệ thống sẽ tiến hành đủ mười chu kỳ 30 giây, trong quá trình đó còi sẽ kêu và các đèn báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy.

Tùy từng trường hợp, hệ thống an ninh có thể tiếp tục hoạt động trong hơn 5 phút.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ thống cảnh báo an ninh tiếp tục hoạt động trong tối đa hai phút cho đến khi hệ thống cảnh báo an ninh tắt.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh tự động được cài đặt nếu đáp ứng các điều kiện sau:

Loại xe không có khoá điện

- TẮT MÁY.

Loại xe có khoá điện

- Xoay khoá điện đến KHÓA [0], và đã rút chìa khoá ra khỏi ổ khoá.

Tất cả các loại xe

- Nắp ca-pô đóng.
- Tất cả các cửa và cửa hậu được khoá bằng chìa khoá, chìa khoá điều khiển từ xa, hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

■ Khi hệ thống cảnh báo an ninh được thiết lập

Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh trên bảng điều khiển nhấp nháy và thời gian nhấp nháy thay đổi sau khoảng 15 giây.

■ Hủy hệ thống cảnh báo an ninh

Hệ thống cảnh báo an ninh được hủy khi xe được mở khóa bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa*, hoặc khóa điện được xoay đến BẬT [II]*¹. Đèn báo hệ thống cảnh báo an ninh cũng sẽ tắt.

►► Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh

Không cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh khi có ai đó trên xe hoặc có một cửa kính còn mở. Hệ thống có thể kích hoạt ngẫu nhiên khi:

- Mở khóa cửa bằng tay khóa.
- Mở nắp ca-pô bằng lẫy mở nắp ca-pô.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Gạt cần số ra khỏi [P].

Nếu ắc quy chết sau khi bạn cài đặt hệ thống cảnh báo an ninh, cảnh báo an ninh có thể vang lên khi ắc quy được nạp lại hoặc thay thế.

Nếu trường hợp này xảy ra, hãy hủy kích hoạt hệ thống cảnh báo an ninh bằng cách mở khóa cửa bằng chìa khóa*, chìa khóa điều khiển từ xa, hoặc hệ thống truy cập từ xa*.

Loại xe Châu Phi

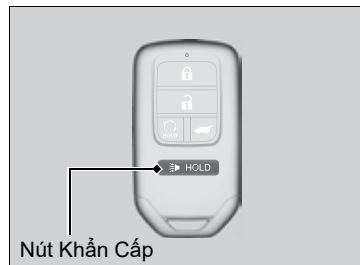
Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ vang lên.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Nếu bạn mở khóa cửa bằng chìa khóa và mở cửa trong khi hệ thống an ninh hoạt động, cảnh báo sẽ vang lên.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Chế Độ Khẩn Cấp*



■ Nút khẩn cấp trên chìa khóa điều khiển từ xa

Nếu bạn ấn nút khẩn cấp trong khoảng một giây, những điều sau đây sẽ xảy ra trong khoảng 30 giây:

- Còi vang lên.
- Một số đèn ngoài xe nhấp nháy.

■ Huỷ chế độ khẩn cấp

- Ấn nút bất kỳ trên chìa khóa điều khiển từ xa.
- Đặt chế độ nguồn ở BẬT.

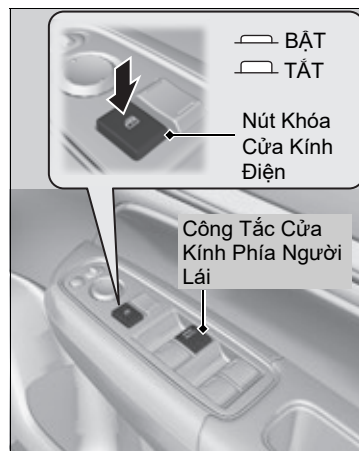
Mở/Đóng Cửa Kính Điện

Có thể mở và đóng cửa kính điện bằng các công tắc trên các cửa khi khóa điện ở BẬT *1.

Có thể sử dụng các công tắc phía người lái để mở và đóng tất cả các cửa kính. Để mở và đóng các cửa kính từ vị trí bất kỳ trừ ghế người lái thì phải tắt nút khóa cửa kính điện phía người lái (không ấn xuống).

Khi ấn nút khóa cửa kính điện xuống, bạn chỉ có thể vận hành cửa kính người lái. Bật nút khóa cửa kính điện khi có trẻ nhỏ trên xe.

Mở/Đóng Cửa Kính có Chức Năng Mở/Đóng Tự Động



■ Vận hành bằng tay

Để mở: Ấn nhẹ công tắc xuống và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí bạn muốn.

Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên và giữ cho đến khi cửa kính đến vị trí bạn muốn.

■ Vận hành tự động

Để mở: Ấn nhẹ công tắc xuống.

Để đóng: Kéo nhẹ công tắc lên.

Cửa kính mở hoặc đóng hoàn toàn. Để dừng cửa kính bất cứ lúc nào, ấn hoặc kéo nhanh công tắc.

» Mở/Đóng Cửa Kính Điện

⚠ CẢNH BÁO

Đóng cửa kính điện trong khi ai đó để ngón tay hoặc bàn tay lên cửa kính đó có thể gây trọng thương.

Đảm bảo hành khách cách xa cửa kính trước khi đóng cửa.

CẢNH BÁO: Luôn mang theo chìa khóa xe mỗi khi bạn ra khỏi xe dù trong xe còn người hay không.

Cửa kính điện có thể hoạt động trong vòng 10 phút sau khi bạn TẮT MÁY.

Mở một trong hai cửa trước để hủy chức năng này.

Tự Động Đảo Chiều

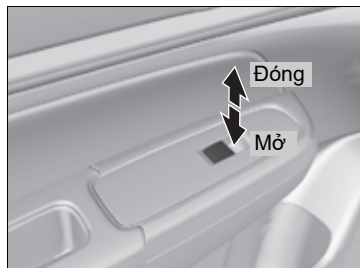
Nếu cửa kính điện cảm nhận được vật cản khi đang đóng tự động, cửa sẽ ngừng đóng và đảo chiều.

Chức năng tự động đảo chiều cửa kính người lái ngừng hoạt động khi bạn tiếp tục kéo công tắc lên liên tục.

Chức năng tự động đảo chiều sẽ ngừng cảm nhận khi cửa kính đã đóng gần hết để đảm bảo cửa đóng hoàn toàn.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Mở/Đóng Cửa Kính không có Chức Năng Mở/Đóng Tự Động

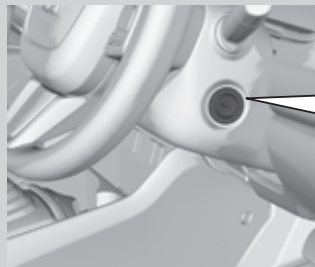


Để mở: Ấn công tắc xuống.

Để đóng: Kéo công tắc lên.

Nhả công tắc khi cửa kính đến vị trí mong muốn.

Khóa Điện*



[0] KHÓA: Cắm và rút chìa khóa ở vị trí này.

[I] PHỤ KIỆN: Vận hành hệ thống âm thanh và các phụ kiện khác ở vị trí này.

[II] BẬT: Đây là vị trí trong khi lái xe.

[III] KHỞI ĐỘNG: Vị trí này để khởi động động cơ. Công tắc sẽ xoay lại đến BẬT [II] khi bạn thả tay khỏi chìa khóa.

»Khóa Điện*

⚠CẢNH BÁO

Rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa trong khi lái xe sẽ làm vô lăng bị khóa. Điều này có thể khiến bạn bị mất lái.

Chỉ rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa khi đã đỗ xe.

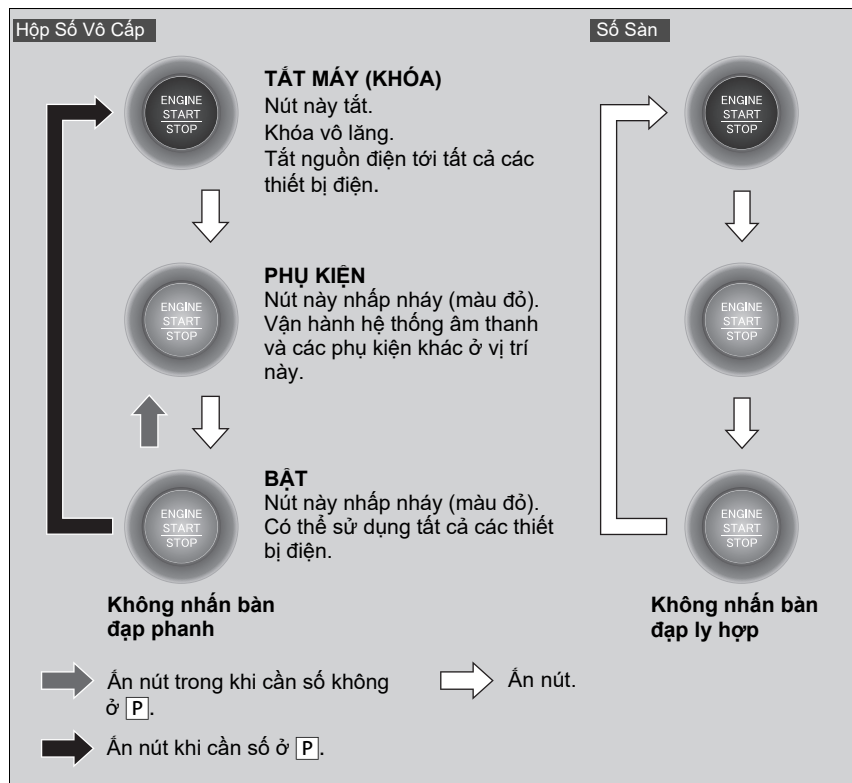
Nếu bạn mở cửa người lái khi chìa khóa ở vị trí KHÓA [0] hoặc PHỤ KIỆN [I], tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên để nhắc bạn rút chìa khóa ra.

Nếu không xoay được chìa khóa từ KHÓA [0] sang PHỤ KIỆN [I], xoay chìa khóa đồng thời xoay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ được mở khóa và bạn sẽ xoay được chìa khóa.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nút ENGINE START/STOP*

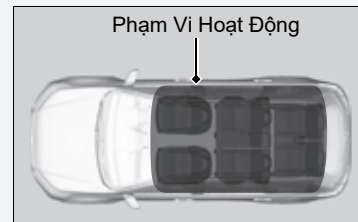
■ Thay Đổi Chế Độ Nguồn



►► Nút ENGINE START/STOP*

Phạm Vi Hoạt Động Của Nút ENGINE START/STOP

Bạn có thể khởi động động cơ khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.



Động cơ cũng có thể khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa ở gần cửa hoặc cửa kính, ngay cả khi chìa khóa ở bên ngoài xe.

Chế độ BẬT:

Nút **ENGINE START/STOP** (màu đỏ) khi động cơ đang chạy.

Nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu, động cơ có thể không khởi động khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**. Nếu động cơ không khởi động, hãy tham khảo mục sau.

►► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**
Tr. 413

■ Tắt Nguồn Tự Động

Nếu bạn ra khỏi xe trong khoảng thời gian từ 30 đến 60 phút mà cần số ở **P***¹ và xe ở chế độ PHỤ KIẾN, xe sẽ tự động chuyển sang chế độ tương tự như TẮT MÁY (KHÓA) để tránh làm hao điện ắc quy.

Khi xe ở chế độ này:

Vô lăng không khóa.

Bạn không thể khóa hoặc mở khóa các cửa bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc hệ thống truy cập từ xa.

Ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần để chuyển sang chế độ TẮT MÁY (KHÓA).

📖 **Thay Đổi Chế Độ Nguồn** Tr. 180

►► Nút ENGINE START/STOP*

Không để xe ở chế độ PHỤ KIẾN hoặc BẬT khi bạn ra khỏi xe.

Nếu chế độ nguồn không chuyển từ TẮT MÁY sang PHỤ KIẾN, ấn nút **ENGINE START/STOP** đồng thời xoay vô lăng sang trái và phải. Vô lăng sẽ mở khóa để cho phép thay đổi chế độ.

* 1: Chỉ loại hộp số vô cấp

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Nhắc Chế Độ Nguồn

Nếu bạn mở cửa người lái khi đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên.

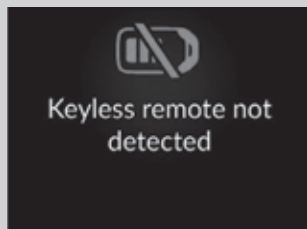
■ Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Khi đặt chế độ nguồn ở chế độ bất kỳ trừ TẮT và bạn rút chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe và đóng cửa, âm thanh cảnh báo sẽ vang lên. Nếu âm thanh cảnh báo tiếp tục vang lên, hãy để chìa khóa điều khiển từ xa ở một nơi khác.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái



■ **Khi xe ở chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN**
Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ bên ngoài xe.

■ **Khi chế độ nguồn ở BẬT**
Âm thanh cảnh báo sẽ vang lên từ cả bên ngoài và bên trong xe. Đồng thời, đèn cảnh báo cũng sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển.

► Nhắc Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống và cửa người lái đóng, chức năng cảnh báo sẽ bị hủy.

Nếu mang chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe sau khi động cơ khởi động, bạn không thể thay đổi chế độ nút **ENGINE START/STOP** hoặc khởi động lại động cơ được nữa. Luôn đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe khi bạn ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lấy chìa khóa điều khiển từ xa ra khỏi xe qua cửa kính sẽ không kích hoạt được tiếng bíp cảnh báo.

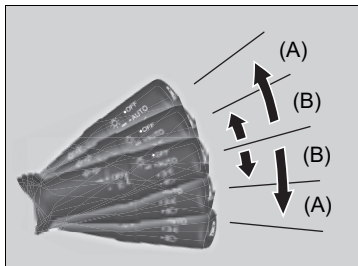
Không đặt chìa khóa điều khiển từ xa lên trên bảng táp-lô hoặc trong hộp đựng đồ để tránh tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên. Trong một số điều kiện khác, việc này có thể làm cho xe không xác định được vị trí của chìa khóa, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên ngay cả khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động của hệ thống.

So Sánh Khóa Điện và Chế Độ Nguồn

Vị Trí Khóa Điện	KHÓA 0 (có/không có chìa khóa) 	PHỤ KIỆN I 	BẬT II 	KHỞI ĐỘNG III 
Không Có Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	• Động cơ tắt và nguồn tắt. • Vô lăng khóa. • Không sử dụng được các thiết bị điện.	• Động cơ tắt. • Một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh và ổ cắm điện phụ kiện có thể hoạt động.	• Vị trí thông thường của chìa khóa trong khi lái xe. • Có thể sử dụng được tất cả các thiết bị điện.	• Khởi động động cơ ở vị trí này. • Khóa điện trở về vị trí BẬT II khi bạn thả tay ra khỏi chìa khóa.
Chế Độ Nguồn	TẮT MÁY (KHÓA) 	PHỤ KIỆN 	BẬT   Nút: Nhấp nháy Sáng	KHỞI ĐỘNG 
Có Hệ Thống Truy Cập Từ Xa và Nút ENGINE START/STOP	Nút - Tắt • Động cơ tắt và nguồn tắt. • Vô lăng khóa. • Không sử dụng được các thiết bị điện.	Nút - Nhấp Nháy • Động cơ tắt. • Một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh và ổ cắm điện phụ kiện có thể hoạt động.	Nút - Nhấp Nháy (động cơ tắt) Sáng (động cơ đang chạy) • Có thể sử dụng được tất cả các thiết bị điện.	Nút - Sáng • Chế độ tự động trở lại BẬT sau khi khởi động động cơ.

Xi Nhan

Có thể sử dụng xi nhan khi khóa điện ở **BẬT** ^{*1}.



■ (A): Xi nhan

Đẩy cần gạt lên hoặc xuống tùy theo hướng bạn muốn rẽ và đèn xi nhan sẽ nhấp nháy.

■ (B): Gạt xi nhan một lần

Khi gạt nhẹ cần lên hoặc xuống rồi nhả ra, đèn xi nhan sẽ nhấp nháy 3 lần.

- Nếu bạn đẩy nhẹ cần theo hướng ngược lại trong khi xi nhan đang nhấp nháy, thì đèn báo sẽ không nhấp nháy nữa.

►► Xi Nhan

Đèn báo xi nhan trên bảng điều khiển sẽ nhấp nháy khi đèn xi nhan bên ngoài xe nhấp nháy.

■ Đèn Báo Tr. 96

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Công Tắc Đèn

Vận Hành Bằng Tay



Xoay công tắc đèn để bật và tắt các đèn, bất kể chế độ nguồn hoặc khóa điện ở vị trí nào.

■ Chiếu xa

Đẩy cần về phía trước cho đến khi bạn nghe thấy tiếng tách.

■ Chiếu gần

Khi ở chế độ chiếu xa, kéo cần trở lại để về chế độ chiếu gần.

■ Nháy đèn chiếu xa

Kéo cần trở lại và nhả ra.

Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

■ Tắt đèn

Xoay cần đến **TẮT** với một trong hai điều kiện:

- Cần số ở **P**.
- Gài phanh đỗ.

Để bật lại đèn, xoay cần sang vị trí **TẮT** để hủy chế độ tắt đèn. Ngay cả khi bạn không hủy chế độ tắt đèn, đèn vẫn tự động bật khi:

- Gạt cần số ra khỏi **P** và nhả phanh đỗ.
- Xe bắt đầu di chuyển

►► Công Tắc Đèn

Loại xe không có khóa điện

Nếu bạn đặt chế độ nguồn ở **TẮT MÁY** trong khi các đèn đang bật, chuông cảnh báo sẽ vang lên khi cửa người lái mở.

Loại xe có khóa điện

Nếu bạn rút chìa khóa ra khỏi khóa điện trong khi các đèn đang bật, chuông cảnh báo sẽ vang lên khi cửa người lái mở.

Khi các đèn bật, các đèn báo trên bảng điều khiển sẽ sáng.

► Đèn Báo Đèn Bật Tr .105

Không để đèn sáng khi đã tắt máy để tránh làm hao điện ắc quy.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Nếu bạn cảm thấy độ sáng của đèn chiếu sáng bất thường, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*



Có thể sử dụng điều khiển chiếu sáng tự động khi xe ở chế độ BẬT.

Khi công tắc đèn ở **AUTO**, đèn chiếu sáng và các đèn ngoài xe khác sẽ bật và tắt tự động phụ thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh.

Đèn chiếu sáng bật khi bạn mở khóa cửa ở chỗ tối với công tắc đèn chiếu sáng ở chế độ **AUTO**.

- Khi bạn khóa cửa, đèn chiếu sáng sẽ tắt.

►► Vận Hành Tự Động (điều khiển chiếu sáng tự động)*

Bạn nên bật đèn bằng tay khi lái xe vào ban đêm, khi sương mù dày đặc, hoặc ở chỗ tối như trong đường hầm hoặc ở các bãi đỗ xe.

Cảm biến ánh sáng nằm ở vị trí như hình vẽ bên dưới. Không phủ bất cứ vật gì lên cảm biến ánh sáng này, nếu không, hệ thống chiếu sáng tự động này có thể không hoạt động tốt.



Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Bạn có thể điều chỉnh độ nhạy chiếu sáng tự động như sau:

Cài đặt	Các đèn ngoài xe sáng khi ánh sáng xung quanh ở mức
Cao Nhất	
Cao	
Trung Bình	
Thấp	
Thấp nhất	

► Cài Đặt Tr. 129

■ Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước*

Các đèn chiếu sáng sẽ tự động sáng khi các cần gạt nước được gạt vài lần trong một khoảng nhất định với công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO**.
Các đèn chiếu sáng tự động tắt sau vài phút nếu các cần gạt nước ngừng hoạt động.

■ Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Loại xe không có khóa điện

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt trong vòng 15 giây sau khi bạn TẮT MÁY, rút chìa khóa và đóng cửa người lái.

Loại xe có khóa điện

Các đèn chiếu sáng, tất cả các đèn ngoài xe khác và các đèn bảng điều khiển sẽ tắt trong vòng 15 giây sau khi bạn rút chìa khóa và đóng cửa người lái.

Nếu bạn xoay khóa điện đến KHÓA $\square$ ^{*1} khi các đèn chiếu sáng bật, nhưng không mở cửa, các đèn chiếu sáng sẽ tắt sau 10 phút (3 phút, nếu công tắc ở vị trí **AUTO**).

Các đèn sẽ sáng trở lại khi bạn mở khóa hoặc mở cửa người lái. Nếu bạn mở khóa cửa, nhưng không mở cửa trong vòng 15 giây, các đèn sẽ tắt. Nếu bạn mở cửa người lái, bạn sẽ nghe thấy âm thanh báo nhắc đèn đang bật.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

►► Đèn Chiếu Sáng Tích Hợp với Cần Gạt Nước*

Tính năng này được kích hoạt trong khi các đèn chiếu sáng được tắt ở chế độ **AUTO**.
Độ sáng bảng điều khiển không thay đổi khi các đèn chiếu sáng bật.

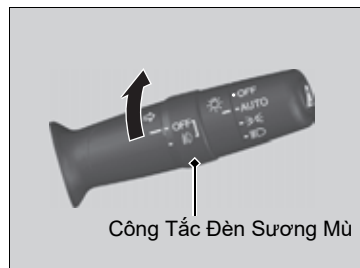
Nếu môi trường xung quanh tối, tính năng điều khiển chiếu sáng tự động sẽ bật các đèn chiếu sáng bất kể số lần gạt của cần gạt nước là bao nhiêu.

►► Tính Năng Tắt Đèn Tự Động

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái
Bạn có thể thay đổi cài đặt hẹn giờ tự động tắt đèn chiếu sáng.

► Cài Đặt Tr. 129

Đèn Sương Mù*



Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh
có vô lăng bên Trái

Có thể sử dụng khi bật đèn vị trí hoặc đèn
chiếu sáng.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Khi bật đèn chiếu gần, hãy bật công tắc
đèn sương mù để sử dụng đèn sương mù.

Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/đèn ban ngày sẽ sáng khi đáp ứng các điều kiện sau:

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Khóa điện ở **BẬT** ^{*1}.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **OFF**^{*2} hoặc **AUTO**^{*3}.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Xe ở chế độ **BẬT**.
- Công tắc đèn chiếu sáng ở **OFF**^{*2}, **AUTO**^{*3} hoặc .
- Nhả phanh đỗ.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Đèn vẫn sáng khi bạn đã gài phanh đỗ.

Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

Đèn ban ngày sẽ tắt khi bật công tắc đèn chiếu sáng hoặc khi công tắc đèn chiếu sáng ở **AUTO** và bên ngoài trời đang tối dần.

Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

Các đèn ban ngày sẽ tắt khi bật đèn chiếu sáng.

Tất cả các loại xe

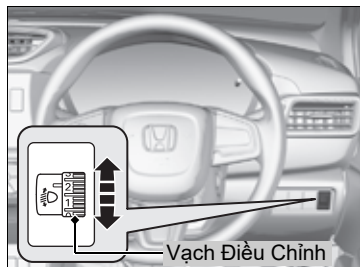
Các đèn ban ngày sẽ tắt khi tắt khóa điện^{*1}.

*1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

*2: Loại xe không có điều khiển chiếu sáng tự động

*3: Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*



Bạn có thể điều chỉnh góc đối đỉnh của đèn chiếu gần khi khóa điện ở BẬT **[II]**^{*1}.

Xoay núm điều chỉnh để chọn góc phù hợp cho các đèn chiếu sáng.

Số vạch điều chỉnh càng lớn thì góc chiếu càng nhỏ.

■ Chọn vị trí vạch điều chỉnh

Tham khảo bảng sau để biết vị trí vạch phù hợp cho điều kiện tải trọng và số người ngồi trên xe.

Điều kiện	Vị trí vạch
Người lái hoặc người lái và hành khách ở ghế trước.	0
Bốn người ở hàng ghế trước và hàng ghế thứ ba.	1
- Bảy người ở hàng ghế trước, hàng ghế thứ hai và hàng ghế thứ ba. - Bảy người ở hàng ghế trước, hàng ghế thứ hai, hàng ghế thứ ba và hành lý trong khoang hành lý nằm trong giới hạn trọng lượng tối đa cho phép trên cầu và trọng lượng xe tối đa cho phép.	2
Một người lái và hành lý trong khoang hành lý nằm trong giới hạn trọng lượng tối đa cho phép trên cầu và trọng lượng xe tối đa cho phép	3

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

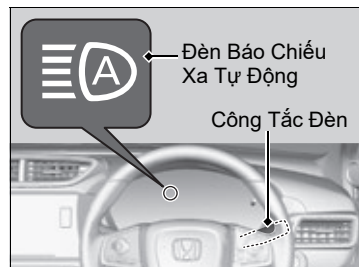
Chiếu Xa Tự Động*

Camera trước phát hiện các nguồn sáng phía trước xe bạn như đèn xe phía trước hoặc đèn xe ngược chiều đang đến gần hoặc đèn đường. Khi bạn lái xe vào ban đêm, hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa và ngược lại tùy từng điều kiện.

■ Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

■ Kích hoạt hệ thống

Đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng và hệ thống sẽ tự động chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại tùy từng trường hợp khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau.



- Chế độ nguồn ở BẬT.
- Công tắc đèn ở **AUTO**.
- Cần điều khiển ở vị trí chiếu gần.
- Đèn chiếu sáng đã được kích hoạt tự động.
- Bên ngoài trời tối.

Nếu đèn báo chiếu xa tự động vẫn không sáng ngay cả khi đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hãy thực hiện theo quy trình sau và đèn báo sẽ sáng.

- Kéo cần điều khiển về phía bạn sau đó thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến  sau đó xoay công tắc đến **AUTO**.

⚡ Chiếu Xa Tự Động*

Hệ thống chiếu xa tự động không thể hoạt động trong mọi tình huống mà chỉ có thể hỗ trợ người lái. Vì thế bạn cần phải luôn quan sát xung quanh khi lái xe và dùng tay chuyển đèn chiếu sáng từ chế độ chiếu xa sang chiếu gần nếu cần thiết.

Phạm vi và khoảng cách mà camera có thể phát hiện ra sẽ thay đổi tùy vào điều kiện giao thông xung quanh xe.

Tham khảo phần sau để biết thêm thông tin về việc xử lý camera gắn bên trong kính chắn gió.

📺 Camera Trước Tr. 336

Để hệ thống chiếu xa tự động hoạt động tốt:

- Không đặt bất cứ vật gì phản chiếu ánh sáng lên bảng táp-lô.
- Giữ vệ sinh kính chắn gió khu vực quanh camera.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, chú ý không để nước rửa kính chắn gió bắn vào thấu kính camera.
- Không dán vật gì, nhãn dán hoặc màng phủ lên khu vực quanh camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.

Nếu camera bị tác động mạnh hoặc cần sửa chữa khu vực quanh camera, hãy liên hệ với đại lý.

■ Tự động chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Khi đèn báo chiếu xa tự động sáng, có thể chuyển chế độ từ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại theo các điều kiện dưới đây.

Chiếu xa

Phải đáp ứng tất cả các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu xa.

- Tốc độ xe từ 30 km/h trở lên.
- Xe phía trước hoặc xe đang đến gần không bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
- Có ít đèn đường phía trước.

Chiếu gần

Phải đáp ứng một trong các điều kiện sau trước khi bật chế độ chiếu gần.

- Tốc độ xe từ 24 km/h trở xuống.
- Xe phía trước hoặc xe đang đến gần bật đèn chiếu sáng hoặc đèn hậu.
- Có nhiều đèn đường phía trước.



►► Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống chiếu xa tự động không thể chuyển chế độ chiếu sáng một cách chính xác hoặc thời gian chuyển có thể thay đổi. Nếu bạn không quen sử dụng chức năng chuyển chiếu sáng tự động, hãy điều chỉnh bằng tay.

- Độ sáng của đèn xe phía trước hoặc xe đang đến gần quá mạnh hoặc quá yếu.
- Tầm nhìn kém do thời tiết (mưa, tuyết, sương mù, kính chắn gió bị đóng băng, v.v.).
- Các nguồn sáng khác như đèn đường, đèn biển quảng cáo và đèn giao thông đang sáng ở đoạn đường phía trước.
- Mức độ sáng của đoạn đường phía trước thay đổi liên tục.
- Đường xá gồ ghề hoặc có nhiều khúc cua.
- Có xe khác đột ngột xuất hiện ngay phía trước xe bạn hoặc có xe phía trước không chạy cùng chiều hoặc ngược chiều với xe bạn.
- Xe bạn bị nghiêng do tải nặng ở sau xe.
- Biển báo giao thông, gương hoặc các vật khác phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh về phía xe bạn.
- Xe đang đến gần thường khuất sau các lùm cây bên đường hoặc vật cản giữa đường.
- Xe cùng chiều phía trước hoặc xe đang đến gần là xe máy, xe đạp, xe lăn điện hoặc xe cỡ nhỏ khác.

Hệ thống chiếu xa tự động sẽ giữ ở chế độ chiếu gần khi:

- Cần gạt kính chắn gió gạt với tốc độ cao.
- Camera bị mờ do có lớp sương dày phủ lên.

■ Dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại

Nếu bạn muốn dùng tay chuyển chế độ chiếu xa sang chiếu gần và ngược lại, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây. Cần lưu ý khi bạn chuyển chế độ, đèn báo chiếu xa tự động sẽ tắt và chế độ chiếu xa tự động sẽ ngừng hoạt động.

Sử dụng cần điều khiển:

Kéo cần về phía bạn để nháy đèn chiếu xa, sau đó thả ra hoặc đẩy cần về phía trước đến vị trí chiếu xa.

- Để bật lại chế độ chiếu xa tự động, hãy thực hiện một trong hai quy trình dưới đây và đèn báo chế độ chiếu xa sẽ sáng.
- Kéo cần về phía bạn rồi thả ra.
- Xoay công tắc đèn đến , sau đó đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần.

Sử dụng công tắc đèn:

Xoay công tắc đèn đến .

- Để bật lại chế độ chiếu xa tự động, xoay công tắc đèn đến **AUTO** khi cần ở vị trí chiếu gần, đèn báo chiếu xa tự động sẽ sáng.

►► Cách Sử Dụng Chiếu Xa Tự Động

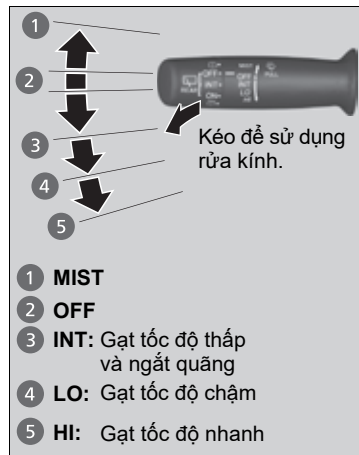
Cách tắt Hệ Thống Chiếu Xa Tự Động

Bạn có thể bật và tắt chiếu xa tự động.

► Cài Đặt Tr. 129

Cần Gạt Nước và Rửa Kính

■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính



Có thể sử dụng cần gạt nước và rửa kính chắn gió khi khóa điện ở BẬT **[II]***1.

■ MIST

Các cần gạt nước gạt ở tốc độ cao cho đến khi bạn thả cần.

■ Công tắc cần gạt nước (OFF, INT, LO, HI)

Gạt cần gạt nước lên hoặc xuống để thay đổi cài đặt cần gạt nước.

■ Rửa kính

Nước rửa kính sẽ phun ra trong khi bạn kéo cần gạt về phía bạn. Khi bạn thả cần trong hơn một giây, nước sẽ ngừng phun, cần gạt nước sẽ quét thêm hai hoặc ba lần trước khi dừng hẳn.

►► Cần Gạt Nước và Rửa Kính

CHÚ Ý

Không vận hành các cần gạt nước khi kính chắn gió khô để tránh làm kính chắn gió bị xước, hoặc các lưới cao su bị hỏng.

Hãy tắt chế độ rửa kính nếu không có nước phun ra để tránh làm hỏng bơm.

Mô-tơ cần gạt nước có thể dừng hoạt động tạm thời để tránh quá tải. Vận hành cần gạt nước sẽ trở lại bình thường trong vài phút.

Loại xe có sấy kính

CHÚ Ý

Khi trời lạnh, các lưới gạt có thể đóng băng vào kính chắn gió.

Vận hành các cần gạt ở điều kiện này có thể làm hỏng các cần gạt nước. Sử dụng sấy kính để làm ấm kính chắn gió, sau đó bật các cần gạt.

Nếu cần gạt nước ngừng hoạt động do có vật cản như tuyết đóng băng, hãy đỗ xe ở nơi an toàn. Xoay công tắc cần gạt nước đến **OFF** và xoay công tắc đến PHỤ KIỆN **[I]***1 hoặc KHÓA **[0]***1, sau đó loại bỏ vật cản.

*1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Cần Gạt Nước/Rửa Kính Sau



Có thể sử dụng cần gạt nước/rửa kính sau khi khóa điện ở BẬT *¹.

■ Công tắc cần gạt (OFF, INT, ON)

Thay đổi cài đặt công tắc cần gạt theo lượng mưa.

■ Rửa kính ()

Nước rửa kính sẽ được phun ra khi bạn xoay công tắc đến vị trí này.

Giữ công tắc để kích hoạt cần gạt nước phía sau và phun nước rửa kính. Sau khi thả ra, vòi phun nước rửa kính sẽ dừng và cần gạt nước phía sau sẽ trở về vị trí cài đặt đã chọn sau vài lần gạt.

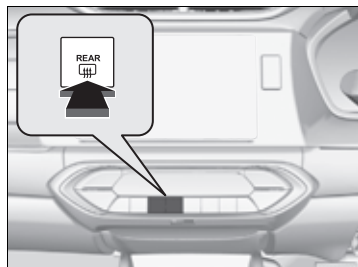
■ Vận hành khi lùi xe

Khi bạn gạt cần số đến với cần gạt nước kính chắn gió đang hoạt động, cần gạt nước sau sẽ tự động hoạt động như sau ngay cả khi công tắc tắt.

Vị trí Cần Gạt Nước Trước	Hoạt Động Cần Gạt Nước Sau
INT (Gạt ngắt quãng)	Ngắt Quãng
LO (Gạt tốc độ chậm)	Liên Tục
HI (Gạt tốc độ nhanh)	Liên Tục

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Nút Sấy Kính Sau*



Ấn nút sấy kính sau để làm tan sương cửa kính sau khi khóa điện ở BẬT **II**^{*1}.

Loại xe có hệ thống điều khiển nhiệt độ

Sấy kính sau sẽ tự động tắt sau 10-30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời. Tuy nhiên, nếu nhiệt độ ngoài trời là từ 0°C trở xuống, tính năng này sẽ không tự động tắt.

Loại xe có hệ thống sưởi và làm mát

Sấy kính sau sẽ tự động tắt sau 30 phút tùy thuộc vào nhiệt độ ngoài trời.

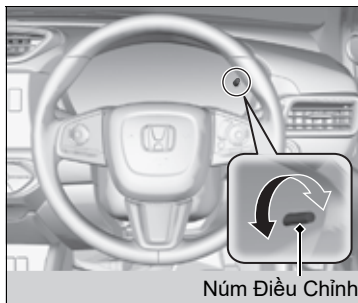
►► Nút Sấy Kính Sau*

Hệ thống này tiêu thụ rất nhiều điện, do vậy hãy tắt hệ thống này khi các cửa kính đã tan sương. Đồng thời, không sử dụng hệ thống lâu khi động cơ đang chạy không tải để tránh làm ắc quy bị yếu điện và tránh làm động cơ khó khởi động.

*1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe.

Điều Chỉnh Độ Sáng



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Khi độ sáng của đồng hồ đo giảm, bạn có thể sử dụng nút điều chỉnh độ sáng để điều chỉnh độ sáng của bảng điều khiển.

Sáng lên: Xoay nút sang phải.

Mờ đi: Xoay nút sang trái.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Khi xe ở chế độ BẬT, bạn có thể sử dụng nút điều chỉnh độ sáng để điều chỉnh độ sáng bảng điều khiển.

Sáng lên: Xoay nút sang phải.

Mờ đi: Xoay nút sang trái.

Ngoại trừ loại xe Châu Phi

Bạn sẽ nghe thấy tiếng bíp khi độ sáng đạt mức tối thiểu hoặc tối đa. Vài giây sau khi điều chỉnh độ sáng, màn hình sẽ quay lại màn hình trước đó.

►► Điều Chỉnh Độ Sáng

Độ sáng bảng điều khiển sẽ giảm ở các điều kiện sau:

- Khóa điện ở BẬT **II**^{*1}.
- Các đèn vị trí bật.

Loại xe có điều khiển chiếu sáng tự động

- Công tắc đèn không ở vị trí tắt và bên ngoài trời tối.

Có thể cài đặt độ sáng khác nhau khi các đèn ngoài xe bật và tắt.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

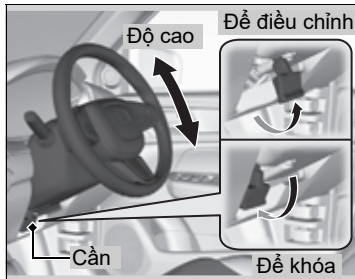


■ Vạch biểu thị mức độ sáng

Vạch biểu thị độ sáng sẽ xuất hiện trên màn hình khi bạn điều chỉnh độ sáng.

Điều Chỉnh Vô Lãng

Bạn có thể điều chỉnh độ cao từ vô lăng đến người bạn để có thể điều khiển vô lăng một cách thoải mái theo tư thế lái.



1. Khi xe đã dừng, kéo cần điều chỉnh vô lăng lên.
► Cần điều chỉnh vô lăng nằm ở dưới trụ lái.
2. Di chuyển vô lăng lên hoặc xuống.
► Đảm bảo bạn có thể quan sát được các đồng hồ đo và các đèn báo trên bảng điều khiển.
3. Ấn cần điều chỉnh vô lăng xuống để khóa vô lăng vào đúng vị trí.
► Sau khi điều chỉnh vị trí, di chuyển vô lăng lên và xuống để đảm bảo bạn đã khóa chặt vô lăng vào đúng vị trí.

►► Điều Chỉnh Vô Lãng

⚠ CẢNH BÁO

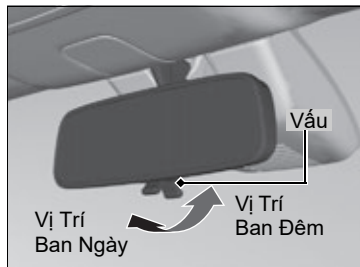
Điều chỉnh vị trí vô lăng trong khi lái xe có thể làm bạn mất kiểm soát xe và bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đã dừng.

Gương Chiếu Hậu Trong Xe

Điều chỉnh góc gương chiếu hậu khi bạn đang ngồi ở vị trí lái đúng.

■ Gương Chiếu Hậu ở Các Vị Trí Ban Ngày và Ban Đêm



Lật vấu để chuyển vị trí.

Vị trí ban đêm giúp giảm chói từ các đèn chiếu sáng đằng sau xe bạn khi lái xe trong trời tối.

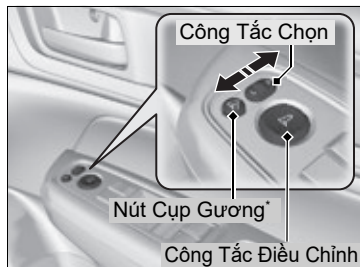
» Gương

Làm sạch mặt trong, mặt ngoài của gương và điều chỉnh gương để nhìn rõ nhất.

Điều chỉnh các gương trước khi lái xe.

➡ **Ghế Trước Tr.** 202

Gương Cửa Điện



Bạn có thể điều chỉnh các gương cửa khi khóa điện ở BẬT **II***1.

■ Điều chỉnh vị trí gương

Công tắc chọn L/R: Chọn gương trái hoặc phải. Sau khi điều chỉnh gương, xoay lại công tắc đến vị trí giữa.

Công tắc điều chỉnh vị trí gương: Ấn công tắc trái, phải, lên, hoặc xuống để điều chỉnh gương.

■ Cụp gương cửa*

Ấn nút cụp để cụp và mở các gương cửa.

*1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

■ Cụp các gương cửa

Ấn nút khóa trên chìa khóa điều khiển từ xa, hoặc ấn nút khóa cửa trên cửa trước.

► Các gương tự động cụp vào.

■ Mở các gương cửa

Mở khóa tất cả các cửa và cửa hậu bằng chìa khóa điều khiển từ xa và hệ thống truy cập từ xa.

► Các gương tự động mở ra.

⌘Chức Năng Tự Động Cụp Gương Cửa*

Bạn không thể mở gương tự động nếu chúng đã được cụp bằng nút cụp.

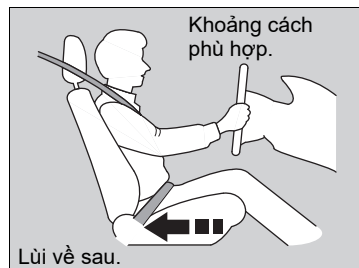
Bạn có thể bật và tắt chức năng tự động cụp gương cửa.

⚙ Cài Đặt Tr. 129

Các gương cửa sẽ không tự động cụp khi xe được khóa từ bên trong bằng vấu khóa hoặc công tắc khóa cửa chính.

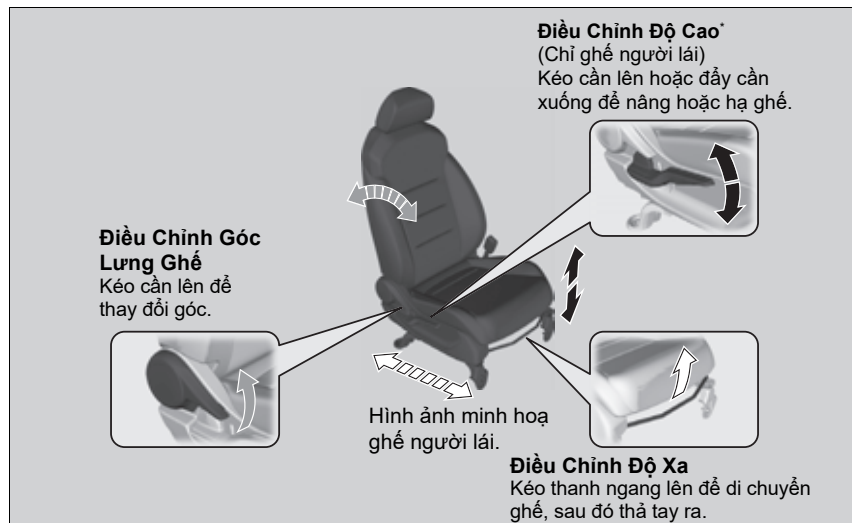
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe.

Ghế Trước



Điều chỉnh ghế người lái càng xa về phía sau càng tốt đồng thời vẫn cho phép bạn điều khiển xe thoải mái. Bạn nên ngồi thẳng, sát vào lưng ghế để có thể dễ dàng nhấn bàn đạp mà không cần nghiêng về phía trước và điều khiển vô lăng thoải mái. Ghế hành khách cần được điều chỉnh theo cách tương tự, càng xa túi khí trước trong bảng táp-lô càng tốt.

Điều Chỉnh Vị Trí Ghế Ngồi



Ghế Ngồi

Luôn điều chỉnh ghế ngồi trước khi lái xe.

Ghế Trước

⚠ CẢNH BÁO

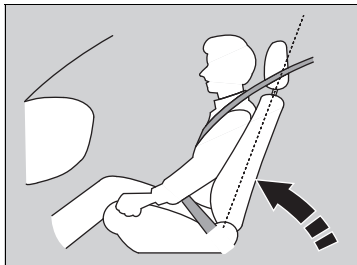
Ngồi quá gần túi khí phía trước có thể bị trọng thương hoặc tử vong nếu túi khí trước nổ.

Luôn ngồi càng xa các túi khí trước càng tốt đồng thời đảm bảo điều khiển xe thoải mái.

Ngoài điều chỉnh ghế ngồi, bạn có thể điều chỉnh vô lăng lên và xuống. Khoảng cách tối thiểu giữa tâm vô lăng và ngực người lái là 25 cm.

Khi ghế đã được điều chỉnh phù hợp, hãy lắc ghế qua lắc lại để đảm bảo ghế đã được khóa vào đúng vị trí.

■ Điều Chỉnh Lưng Ghế



Điều chỉnh lưng ghế người lái đến vị trí thoải mái, vuông góc, để một không gian rộng giữa ngực bạn và nắp che túi khí ở giữa vô lăng.

Hành khách ngồi ghế phía trước cũng nên điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái, vuông góc.

Ngả lưng ghế mà phần đai vai của dây đai không thắt qua ngực người ngồi sẽ làm giảm khả năng bảo vệ của dây đai. Điều đó cũng làm tăng khả năng bị trượt ra khỏi dây đai khi xảy ra va chạm và dẫn đến trọng thương. Lưng ghế càng ngả nhiều, nguy cơ bị thương càng lớn.

►► Điều Chỉnh Lưng Ghế

⚠ CẢNH BÁO

Ngả lưng ghế quá xa có thể gây trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí vuông góc và dựa thoải mái trên lưng ghế.

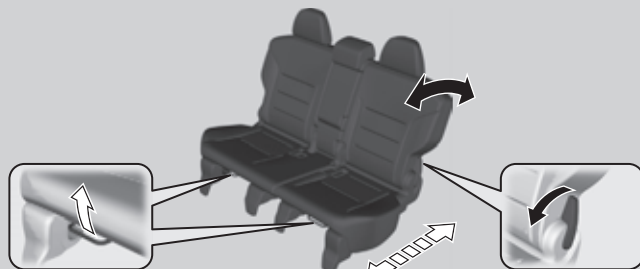
Không kê đệm, hoặc đồ vật khác giữa lưng ghế và lưng bạn.

Làm như vậy có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động của dây đai hoặc túi khí.

Nếu bạn không thể ngồi cách xa vô lăng theo tiêu chuẩn, bạn nên tìm hiểu một số thiết bị chuyên dụng để trợ giúp.

Hàng Ghế Thứ Hai

■ Điều Chỉnh Vị Trí Ghế



Điều Chỉnh Độ Xa
Kéo cần lên để di chuyển ghế, sau đó thả cần ra.

Cần Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế/Gập Ghế
Kéo cần lên để thay đổi góc và gập lưng ghế xuống.

►► Hàng Ghế Thứ Hai

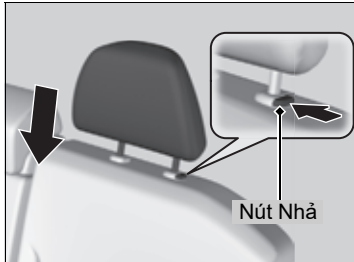
⚠ CẢNH BÁO

Ghế hoặc lưng ghế không được cố định chắc chắn có thể dịch chuyển ra khỏi vị trí hoặc bị đổ bất ngờ nếu xe tăng ga, dừng đột ngột hoặc khi xảy ra va chạm.

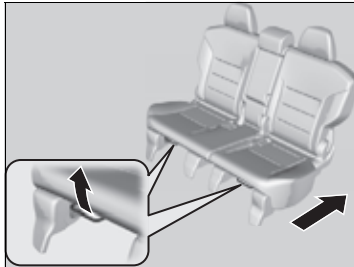
Ghế hoặc lưng ghế dịch chuyển đột ngột hoặc bị đổ có thể gây trọng thương hoặc tử vong.

Luôn đảm bảo tất cả các ghế và lưng ghế được khóa chắc chắn vào đúng vị trí trước khi lái xe.

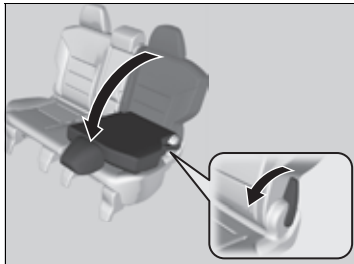
■ Vào Trong hoặc Ra Ngoài Hàng Ghế Thứ Ba



Để vào hoặc ra khỏi hàng ghế thứ ba:
1. Hạ tựa đầu xuống vị trí thấp nhất.



2. Kéo thanh ngang lên, di chuyển ghế ra phía sau và thả thanh ngang ra.



3. Đẩy cần điều chỉnh lưng ghế ở phía hàng ghế thứ hai xuống.
4. Nghiêng lưng ghế về phía trước.

► Vào Trong hoặc Ra Ngoài Hàng Ghế Thứ Ba

⚠ CẢNH BÁO

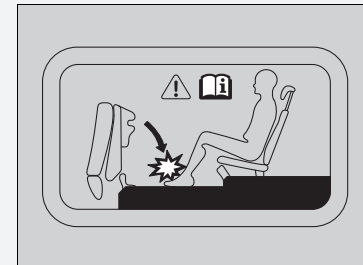
Hãy đảm bảo lưng ghế được khóa an toàn trước khi lái xe.

Khi bạn ngồi vào hàng ghế thứ ba, cẩn thận để không bị vướng vào dây đai an toàn hàng ghế thứ hai.

Không để hàng ghế thứ hai bị nghiêng lên.

Đảm bảo lưng ghế và đệm ghế được chốt chắc chắn vào đúng vị trí trước khi lái xe. Ngoài ra, cần đảm bảo tất cả các dây đai vai ghế sau được đặt ở phía trước lưng ghế và dây đai an toàn giữ được đặt về đúng vị trí trên ghế.

Nhãn hướng dẫn được dán vào mặt sau của đệm ghế hàng thứ hai.



Hãy cẩn thận vì hàng ghế thứ hai có thể rơi xuống chân bạn.



5. Kéo bệ ghế lên để nghiêng ghế ở hàng thứ hai.
6. Đảm bảo trả hàng ghế thứ hai về vị trí ban đầu khi có hành khách ngồi ở hàng ghế thứ ba. Ấn bệ ghế xuống, sau đó kéo lưng ghế lên cho đến khi lưng ghế được chốt chắc chắn.
 - Đảm bảo ghế và lưng ghế được khóa chắc chắn trước khi lái xe.

Hàng Ghế Thứ Ba

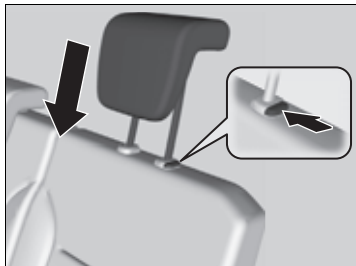
■ Điều Chỉnh Vị Trí Ghế Ngồi



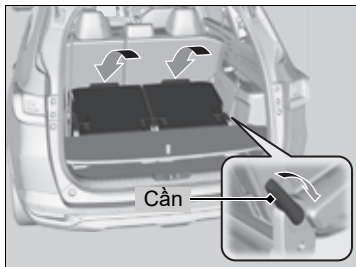
Cần Điều Chỉnh Góc Lưng Ghế/Gập Ghế
Ấn cần xuống để thay đổi góc và gập lưng ghế xuống.

■ Gập Hàng Ghế Thứ Ba

Có thể gập riêng hàng ghế thứ ba để tăng không gian chứa đồ.



1. Cất khóa dây đai an toàn vào khe trên đệm ghế.
2. Hạ tựa đầu xuống vị trí thấp nhất.



3. Đẩy cần điều chỉnh lưng ghế xuống.
► Lưng ghế gập phẳng.

▣ Gập Hàng Ghế Thứ Ba

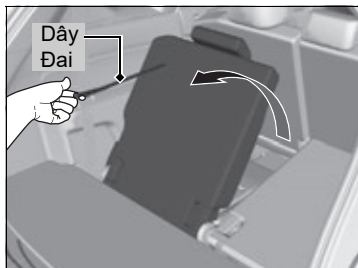
Đảm bảo các đồ vật trong khoang hành lý hoặc các đồ vật gác lên hàng ghế thứ ba phải được buộc chặt. Đồ vật buộc lỏng có thể bị xô về phía trước nếu bạn phanh gấp.

Loại bỏ tất cả các vật dụng ra khỏi đệm ghế và sàn của hàng ghế thứ ba trước khi bạn gập hàng ghế thứ ba xuống.

Đẩy (các) ghế ở hàng ghế thứ hai về phía trước và tạo đủ khoảng trống để không cản trở việc gập hàng ghế thứ ba xuống.

Để khóa lưng ghế thẳng đứng, đẩy lưng ghế về phía sau cho đến khi lưng ghế khóa lại.

Đảm bảo lưng ghế được chốt chặt trở lại đúng vị trí trước khi lái xe. Ngoài ra, cần đảm bảo cả hai dây đai vai phía sau đều được đặt ở phía trước lưng ghế.



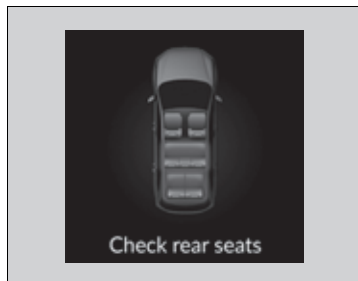
Đẩy ghế trở lại vị trí ban đầu:

Kéo dây đai trên lưng ghế và kéo lưng ghế thẳng đứng.

- Đảm bảo ghế và lưng ghế được khóa an toàn trước khi lái xe.

Nhắc Ghế Sau*

Tính năng này cảnh báo cho bạn biết có thể có người ngồi hoặc có vật gì ở hàng ghế thứ hai hoặc hàng ghế thứ ba trước khi bạn ra khỏi xe. Tính năng này hoạt động khi TẮT MÁY nếu các cửa sau mở hé trước khi hoặc sau khi đặt chế độ nguồn ở BẬT.



Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và âm báo sẽ vang lên khi bạn đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY.

►► Nhắc Ghế Sau*

Khi đặt chế độ nguồn ở TẮT MÁY, hệ thống nhắc ghế sau sẽ sáng một lúc, sau đó chức năng này sẽ dừng hoạt động.

Chức năng nhắc sẽ không hoạt động nếu không đặt chế độ nguồn ở BẬT trong vòng 10 phút từ khi đóng/mở các cửa sau.

Hệ thống sẽ không phát hiện ra có người ngồi ở ghế sau. Thay vào đó, hệ thống có thể phát hiện cửa sau đóng hoặc mở, tức là có cái gì đó ở ghế sau.

Bạn có thể cài đặt tắt thông báo.

► Cài Đặt Tr. 129

Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

Sau khi tắt cả mọi người trên xe đã điều chỉnh ghế, tựa đầu và đã thắt dây đai an toàn, họ cần phải duy trì tư thế ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân lên sàn cho đến khi xe dừng an toàn và động cơ tắt.

Ngồi không đúng tư thế có thể làm tăng nguy cơ bị thương khi xảy ra va chạm. Ví dụ, ngã dài người trên ghế, nằm trên ghế, quay ngang quay dọc, ngồi sát về phía trước, ngã người về phía trước hoặc sang bên cạnh, để chân lên ghế, thì khả năng bị thương khi xảy ra va chạm sẽ là rất lớn.

Ngoài ra, nếu hành khách ghế trước ngồi sai vị trí có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm do va đập vào các bộ phận bên trong xe hoặc bị va vào túi khí trước đang nổ.

►► Duy Trì Vị Trí Ngồi Thích Hợp

⚠ CẢNH BÁO

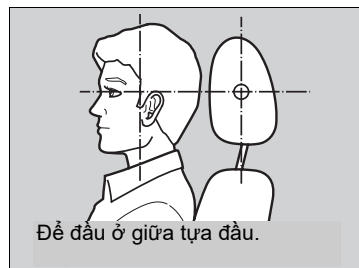
Ngồi không đúng cách hoặc ngồi lệch có thể dẫn đến trọng thương hoặc tử vong khi xảy ra va chạm.

Luôn ngồi thẳng, tựa vào lưng ghế, để chân trên sàn.

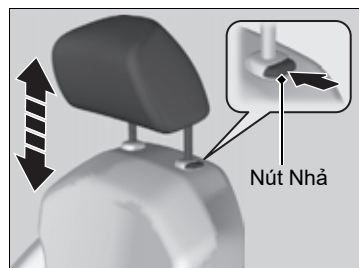
Tựa Đầu

Xe bạn được trang bị tựa đầu ở tất cả các vị trí ghế ngồi.

■ Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước



Tựa đầu có tác dụng bảo vệ tốt nhất tránh tổn thương do va chạm từ phía sau, khi phần giữa phía sau đầu của người ngồi sát với phần giữa của tựa đầu. Đỉnh của tai người ngồi phải ngang bằng với phần giữa của tựa đầu.



Đề nâng tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên.

Đề hạ tựa đầu:

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

►► Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước

⚠ CẢNH BÁO

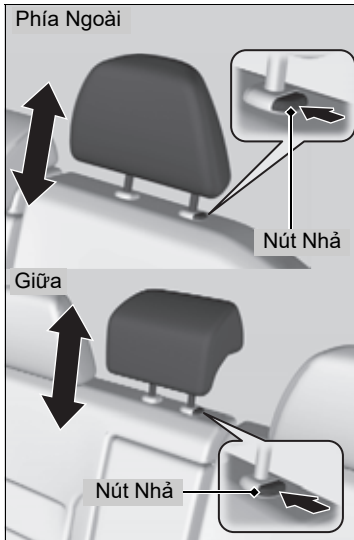
Tựa đầu không được điều chỉnh hợp lý sẽ làm giảm hiệu quả bảo vệ và làm tăng nguy cơ trọng thương khi xảy ra va chạm.

Đảm bảo các tựa đầu được đặt đúng vị trí và được điều chỉnh phù hợp trước khi lái.

Để hệ thống tựa đầu hoạt động tốt:

- Không treo bất cứ vật gì lên các tựa đầu, hoặc các chân tựa đầu.
- Không để bất cứ vật gì giữa người ngồi và lưng ghế.
- Lắp các tựa đầu vào đúng vị trí.

■ Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Hàng Ghế Thứ Hai



Hành khách ngồi ở hàng ghế thứ hai cần điều chỉnh độ cao tựa đầu của họ đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu chạy.

Để nâng tựa đầu:

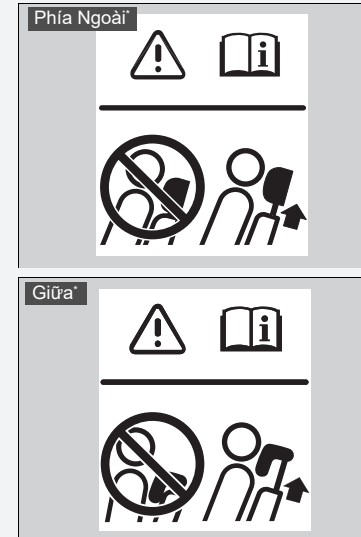
Kéo tựa đầu lên.

Để hạ tựa đầu:

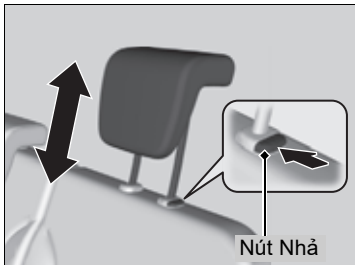
Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

►► Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Hàng Ghế Thứ Hai

Khi bạn sử dụng tựa đầu ở hàng ghế thứ, hãy kéo tựa đầu đến vị trí cao nhất. Không sử dụng tựa đầu ở vị trí thấp hơn.



■ Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Hàng Ghế Thứ Ba



Hành khách ngồi ở hàng ghế thứ ba cần điều chỉnh độ cao tựa đầu của họ đến vị trí thích hợp trước khi xe bắt đầu chạy.

Để nâng tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên.

Để hạ tựa đầu:

Ấn tựa đầu xuống đồng thời ấn nút nhả.

■ Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

Có thể tháo tựa đầu ra để vệ sinh hoặc sửa chữa.

Để tháo tựa đầu:

Kéo tựa đầu lên hết cỡ. Sau đó, ấn nút nhả, kéo tựa đầu lên sau đó kéo tựa đầu ra.

Để lắp lại tựa đầu:

Lắp các chân vào đúng vị trí, sau đó điều chỉnh tựa đầu đến độ cao thích hợp đồng thời ấn nút nhả. Kéo tựa đầu lên để kiểm tra xem tựa đầu đã được khóa vào đúng vị trí chưa.

►► Điều Chỉnh Vị Trí Tựa Đầu Hàng Ghế Thứ Ba

Khi bạn sử dụng tựa đầu ở hàng ghế thứ ba, hãy kéo tựa đầu đến vị trí cao nhất. Không sử dụng tựa đầu ở vị trí thấp hơn.



►► Tháo và Lắp Lại Tựa Đầu

⚠ CẢNH BÁO

Không lắp tựa đầu, hoặc lắp lại không chính xác có thể dẫn đến bị trọng thương khi xảy ra va chạm.

Luôn lắp lại tựa đầu trước khi lái xe.

Tựa Tay*

■ Sử Dụng Tựa Tay Ghế Trước*



Có thể sử dụng nắp hộp đựng đồ trung tâm để làm tựa tay.

■ Sử Dụng Tựa Tay Hàng Ghế Thứ Hai*

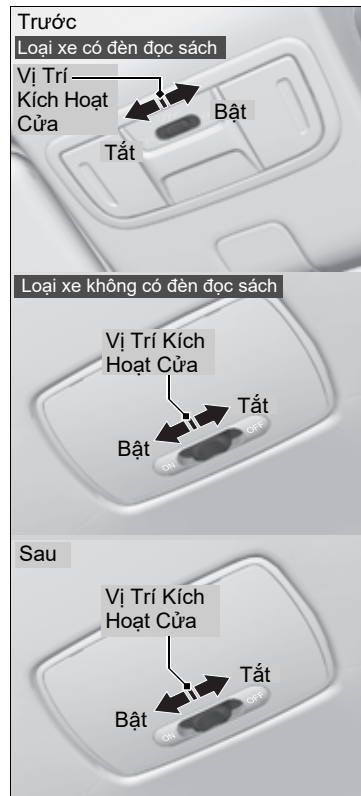


Kéo tựa tay ở lưng ghế giữa xuống.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Trong Xe

Công Tắc Đèn Trong Xe



■ BẬT

Các đèn trong xe sáng cho dù cửa hậu và các cửa mở hay đóng.

■ Kích hoạt cửa

Các đèn trong xe sáng trong những trường hợp sau:

- Khi cửa hậu hoặc cửa bất kỳ mở.
- Khi bạn mở khóa cửa người lái.

Loại xe không có khóa điện

- Khi TẮT MÁY.

Loại xe có khóa điện

- Khi rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa.

■ TẮT

Các đèn trong xe vẫn tắt dù cửa hậu hoặc các cửa mở hay đóng.

» Công Tắc Đèn Trong Xe

Ở vị trí kích hoạt cửa, các đèn trong xe mờ dần và tắt sau khi đóng các cửa và cửa hậu khoảng 30 giây

Các đèn tắt sau 30 giây trong những trường hợp sau:

- Khi bạn mở khóa cửa người lái nhưng không mở cửa.

Loại xe không có khóa điện

- Khi bạn TẮT MÁY nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có khóa điện

- Khi bạn rút khóa ra khỏi ổ khóa nhưng không mở cửa nào.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Bạn có thể thay đổi thời gian mờ của đèn trong xe.

➡ Cài Đặt Tr. 129

- Khi bạn khóa cửa người lái.
- Đèn trong xe tắt ngay trong những trường hợp sau:

Loại xe không có khóa điện

- Khi bạn đóng cửa người lái và xe ở chế độ PHỤ KIỆN.
- Khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.

Loại xe có khóa điện

- Khi bạn đóng cửa người lái và cắm chìa khóa vào ổ khóa.
- Khi bạn xoay khóa điện đến BẬT **II**.

■ Công Tắc Đèn Đọc Sách*



Ấn vào thấu kính để bật và tắt đèn đọc sách.

►►Công Tắc Đèn Trong Xe

Để tránh làm hao điện ắc quy, không để đèn trong xe sáng trong thời gian dài khi đã tắt động cơ.

Nếu bạn để cửa hậu hoặc bất kỳ cửa nào mở khi xe ở chế độ TẮT MÁY hoặc không cắm chìa khóa vào ổ khóa, đèn trong xe sẽ tắt sau khoảng 15 phút.

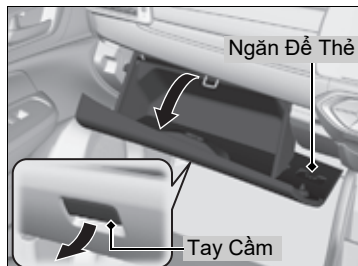
►►Công Tắc Đèn Đọc Sách*

Khi công tắc đèn trong xe phía trước ở vị trí kích hoạt cửa và có một cửa bất kỳ mở, đèn đọc sách sẽ không tắt khi bạn ấn vào thấu kính.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe.

Ngăn Để Đồ

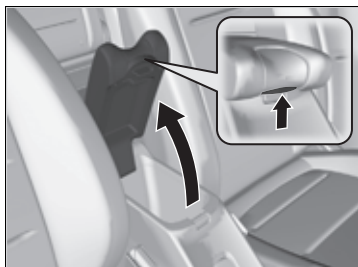
■ Hộp Đựng Đồ



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ.

Bạn có thể sử dụng ngăn để thẻ nằm trong nắp hộp đựng đồ.

■ Hộp Đựng Đồ Trung Tâm*



Kéo tay cầm để mở hộp đựng đồ trung tâm.

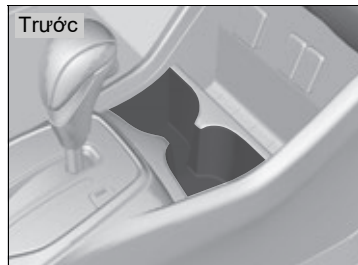
►►Hộp Đựng Đồ

⚠CẢNH BÁO

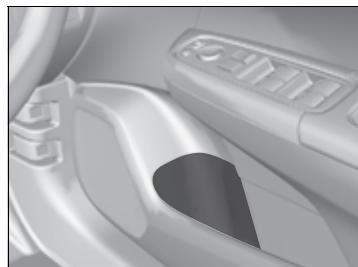
Để hộp đựng đồ mở có thể làm cho hành khách bị trọng thương khi xảy ra va chạm, ngay cả khi hành khách đã thắt dây đai an toàn.

Luôn đóng hộp đựng đồ khi lái xe.

■ Ngăn Để Cốc



■ Ngăn để cốc ghế trước



■ Ngăn để cốc cánh cửa trước

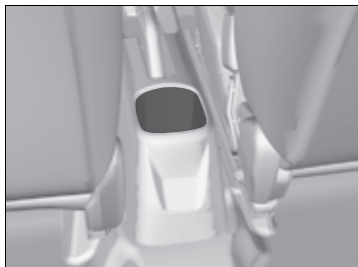
Được đặt ở cả hai hốc của cánh cửa trước.

►►Ngăn Để Cốc

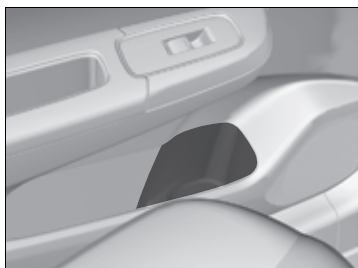
CHÚ Ý

Chất lỏng tràn ra có thể làm hỏng tấm đệm, thảm và các thiết bị điện trong xe.

Cẩn thận khi sử dụng ngăn để cốc. Nước nóng có thể làm bạn bị bỏng.

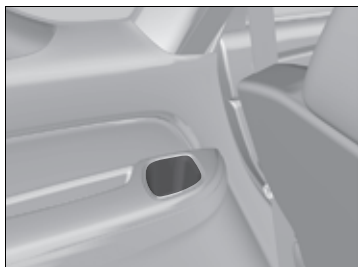


■ **Ngăn để cốc hàng ghế thứ hai***



■ **Ngăn để cốc cánh cửa sau**

Được đặt ở cả hai hốc cửa cánh cửa sau.



■ **Ngăn để cốc hàng ghế thứ ba**

Được đặt ở cạnh ngoài của hàng ghế thứ ba.

■ Móc Treo Áo*



Có một móc treo áo ở trên tay nắm phía sau.
Kéo xuống để sử dụng.

►►Móc Treo Áo*

Không sử dụng móc treo áo để treo những vật to hoặc nặng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

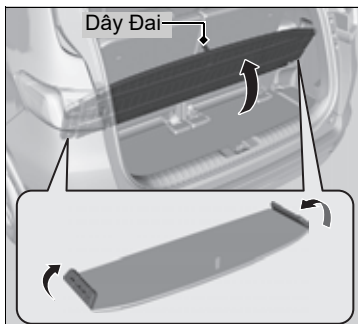
■ Tầm Lót Khoang Hành Lý*



Bạn có thể nâng hoặc hạ tầm lót khoang hành lý tùy theo hành lý.

■ Thay đổi vị trí:

Kéo dây đai và thay đổi vị trí tầm lót.



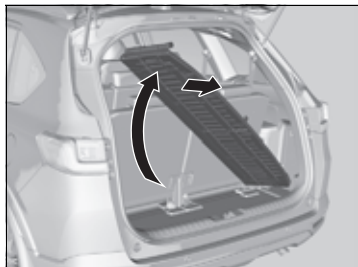
■ Tháo:

1. Kéo dây đai lên để nâng tầm lót.
2. Gấp các mép ở cả hai cạnh của tầm lót.

» Tầm Lót Khoang Hành Lý*

CHÚ Ý

Không để hành lý nặng trên 50 kg trên sàn khoang hành lý để tránh làm hỏng tầm lót.

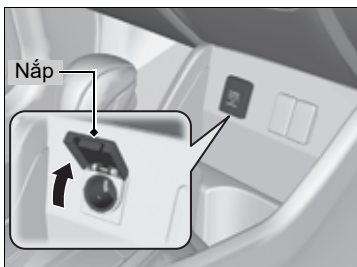


- 3.** Nghiêng tấm lót theo hướng mũi tên như trong hình và lấy tấm lót ra.

Hạng Mục Tiện Ích Bên Trong Khác

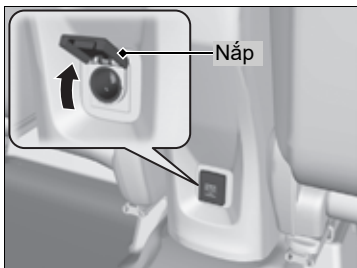
■ Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

Có thể sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi khóa điện ở PHỤ KIỆN **I**^{*1} hoặc BẬT **II**^{*1}.



■ Ổ cắm điện phụ kiện ở hộp đựng đồ trung tâm

Mở nắp để sử dụng.



■ Ổ cắm điện phụ kiện ở phía sau hộp đựng đồ trung tâm*

Mở nắp để sử dụng.

►► Ổ Cắm Điện Phụ Kiện

CHÚ Ý

Không cắm ổ châm thuốc loại tự động vào ổ cắm này để tránh làm ổ cắm bị quá nhiệt.

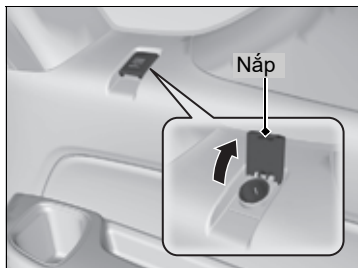
Ổ cắm điện phụ kiện cung cấp nguồn điện một chiều 12 vôn với công suất từ 180 W (15 ampe) trở xuống.

Để tránh ắc quy bị hết điện, chỉ sử dụng ổ cắm điện phụ kiện khi động cơ đang chạy.

Khi không sử dụng ổ cắm điện phụ kiện, hãy đóng nắp để ngăn không cho bất kỳ vật gì lọt vào ổ cắm điện phụ kiện.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



■ **Bên phải của hàng ghế thứ ba***

Mở nắp để sử dụng.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

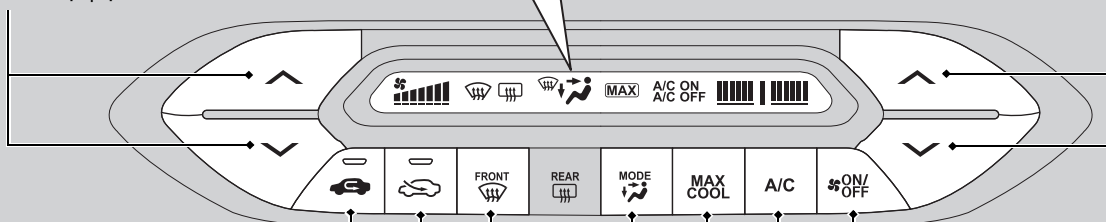
Sử Dụng Hệ Thống Thông Gió, Sưởi* và A/C

Loại xe có hệ thống sưởi



Nút Điều chỉnh Quạt
Điều chỉnh tốc độ quạt.

Nút Điều chỉnh Nhiệt Độ
Điều chỉnh nhiệt độ trong xe.



Nút (Lấy Gió Trong)
Tuần hoàn không khí từ bên
trong xe thông qua hệ thống.

Nút (Lấy Gió Ngoài)
Duy trì thông gió bên ngoài. Để hệ
thống ở chế độ lấy gió ngoài trong
các điều kiện bình thường.

Nút (Sấy Kính Chắn Gió)

Núm Điều Khiển Chế Độ
Thay đổi luồng khí.

Nút (BẬT/TẮT)
Ấn để bật hoặc tắt hệ thống.

Nút A/C (Điều Hòa Không Khí)
Ấn để làm mát trong xe hoặc hút
ẩm trong khi sưởi.

Nút MAX COOL
Ấn để hạ nhiệt bên trong xe một
cách nhanh chóng.

Loại xe có vô lăng bên trái không có hệ thống sưởi



Khe thông gió
bằng táp-lô



Khe thông gió bằng
táp-lô và sàn



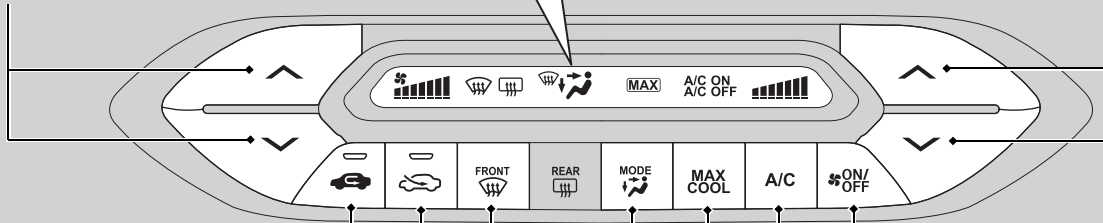
Khe thông gió sàn



Khe thông gió sàn
và sấy kính

Nút Điều chỉnh Quạt
Điều chỉnh tốc độ quạt.

Nút Điều chỉnh Nhiệt Độ
Điều chỉnh nhiệt độ trong xe.



Nút (Lấy Gió Trong)
Tuần hoàn không khí từ bên
trong xe thông qua hệ thống.

Nút (Lấy Gió Ngoài)
Duy trì thông gió bên ngoài. Để hệ
thống ở chế độ lấy gió ngoài trong
các điều kiện bình thường.

Nút (Sấy Kính Chắn Gió)

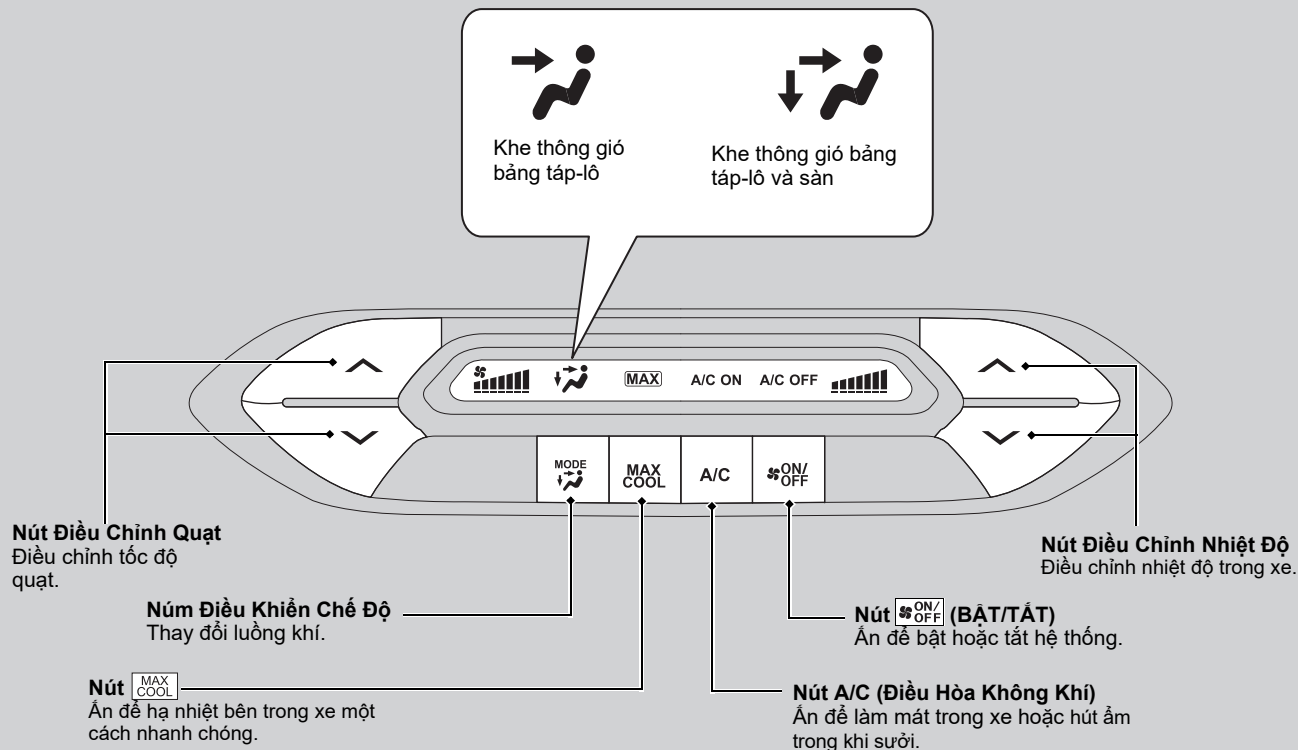
Nút Điều khiển Chế Độ
Thay đổi luồng khí.

Nút (BẬT/TẮT)
Ấn để bật hoặc tắt hệ thống.

Nút A/C (Điều Hòa Không Khí)
Ấn để làm mát trong xe hoặc hút
ẩm trong khi sưởi.

Nút
Ấn để hạ nhiệt bên trong xe một
cách nhanh chóng.

Loại xe có vô lăng bên phải không có hệ thống sưởi



■ Sưởi*

Bộ sưởi sử dụng nước làm mát động cơ để làm ấm không khí.

1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng nút điều chỉnh quạt.
2. Chọn .
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng nút điều chỉnh nhiệt độ.
4. Ấn nút  (đèn báo sáng).

■ Làm ấm bên trong xe nhanh

1. Chọn quạt tới tốc độ tối đa.
2. Chọn .
3. Chọn nhiệt độ đến ấm tối đa.
4. Ấn nút  (đèn báo sáng).

■ Hút ẩm bên trong xe

Khi được sử dụng cùng với bộ sưởi, hệ thống điều hòa không khí làm bên trong xe ấm lên, làm khô và có thể ngăn việc đọng sương trên cửa kính.

1. Bật quạt.
2. Ấn nút **A/C** để bật điều hòa không khí.
3. Chọn  và ấn nút  (đèn báo sáng).
4. Điều chỉnh nhiệt độ theo nhu cầu của bạn.

►► Làm ấm bên trong xe nhanh

Thay đổi chế độ lấy gió ngoài ngay khi nhiệt độ bên trong xe đủ ấm. Các cửa kính sẽ bị đọng sương nếu vẫn để chế độ lấy gió trong.

■ Làm Mát

1. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng nút điều chỉnh quạt.
2. Chọn .
3. Điều chỉnh nhiệt độ bằng nút điều chỉnh nhiệt độ.
4. Ấn nút **A/C** (**A/C ON** xuất hiện).
5. Ấn nút * (đèn báo sáng).

■ Hạ nhiệt bên trong xe nhanh

1. Ấn nút .
2. Ấn nút * (đèn báo sáng).

■ Hút ẩm bên trong xe

1. Bật quạt.
2. Ấn nút **A/C** để bật điều hòa không khí.
3. Chọn .
4. Ấn nút * (đèn báo sáng).
5. Điều chỉnh nhiệt độ cho đến khi bạn cảm thấy thoải mái.

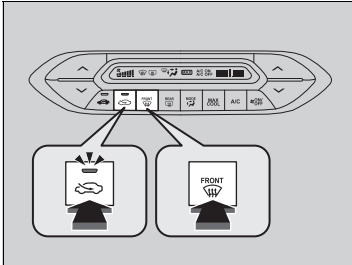
»» Hạ nhiệt bên trong xe nhanh

Nếu trong xe quá nóng, bạn có thể hạ nhiệt nhanh hơn bằng cách mở hé cửa kính.

»» Hút ẩm bên trong xe

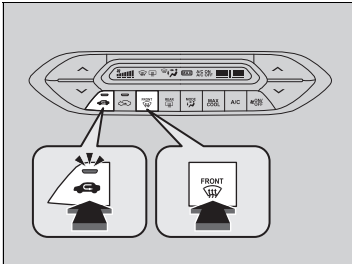
Nếu bạn không muốn sử dụng điều hòa không khí: Đặt quạt ở tốc độ tối đa và chọn chế độ lấy gió ngoài* có thể giúp loại bỏ sương mù từ bên trong cửa kính.

■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính*



1. Đặt quạt ở tốc độ cao.
2. Ấn nút .
3. Ấn nút  (đèn báo sáng).
4. Điều chỉnh nhiệt độ đến khi cảm nhận thấy luồng khí ấm.

■ Làm tan sương các cửa kính nhanh



1. Đặt quạt ở tốc độ tối đa.
2. Ấn nút .
3. Ấn nút  (đèn báo sáng).
4. Điều chỉnh nhiệt độ đến khi cảm nhận thấy luồng khí ấm.

►► Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính*

Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.

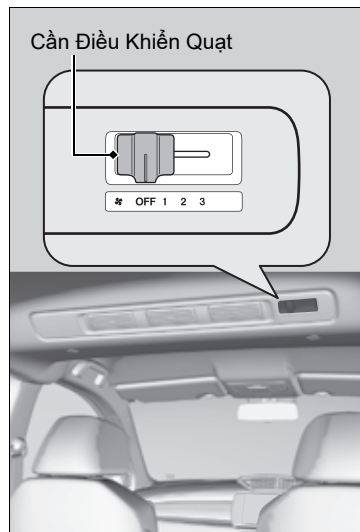
Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài cửa kính chắn gió có thể đọng sương.

►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

Sau khi làm tan băng hoặc làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đọng sương do hơi ẩm dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Làm Mát Sau*



Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Bật hệ thống điều hòa không khí trên bảng điều khiển phía trước.

► **Làm Mát** Tr. 230

2. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng cần điều khiển quạt.

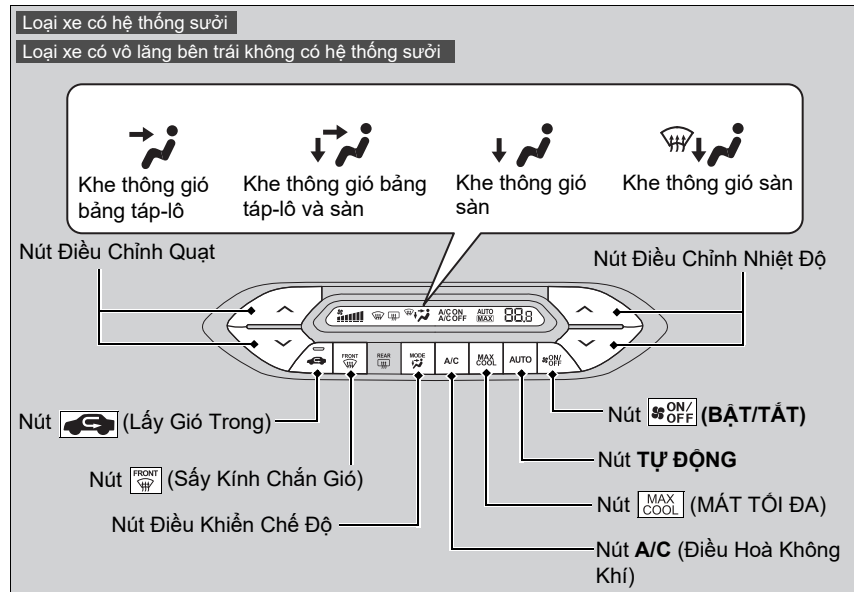
3. Trượt cần điều khiển quạt đến vị trí **OFF** để hủy.

►►Hệ Thống Làm Mát Sau*

Chỉ có thể điều chỉnh tốc độ quạt khi tắt nút **A/C** trên bảng điều khiển phía trước.

Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động duy trì nhiệt độ bên trong xe mà bạn đã chọn. Hệ thống cũng sẽ chọn nhiệt độ nóng* hoặc lạnh một cách hợp lý để làm tăng hoặc giảm nhiệt độ trong xe đến mức bạn muốn một cách nhanh nhất.



Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng nút điều chỉnh nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF** để hủy.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động

Nếu bạn ấn nút bất kỳ khi đang sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động, chức năng của nút được ấn sẽ được ưu tiên.

Đèn báo nút **AUTO** sẽ tắt, nhưng những chức năng không liên quan đến nút mà bạn đã ấn sẽ vẫn được điều khiển tự động.

Để ngăn khí lạnh thổi vào từ bên ngoài, quạt có thể không chạy ngay khi ấn nút **AUTO**.

Nếu bên trong xe quá nóng, bạn có thể làm mát nhanh chóng bằng cách mở hé cửa kính, ấn nút **MAX COOL**.

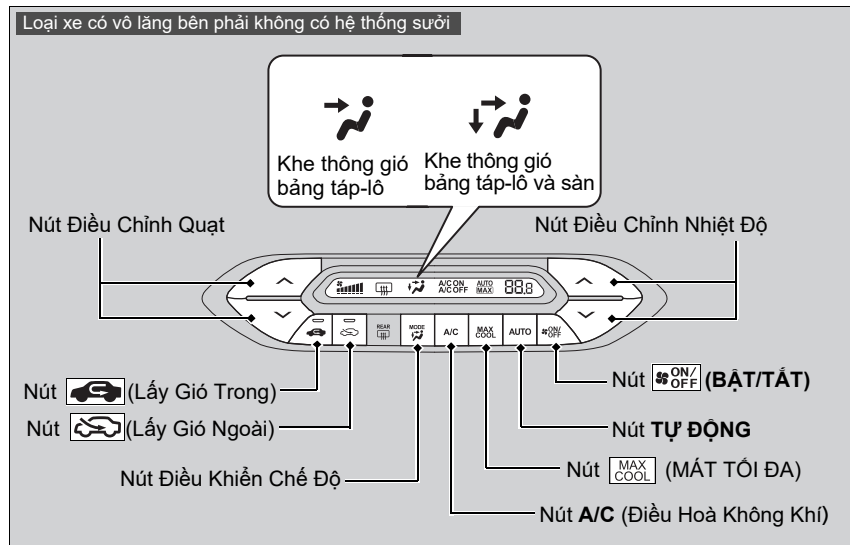
Loại xe có hệ thống sưởi

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức thấp hoặc cao, **Lo** hoặc **Hi** sẽ hiển thị.

Loại xe không có hệ thống sưởi

Khi bạn đặt nhiệt độ ở mức thấp hoặc cao, **Lo** hoặc **28.0** sẽ hiển thị.

Ấn nút **ON/OFF** để bật và tắt hệ thống điều khiển nhiệt độ. Khi bật, hệ thống sẽ trở lại lựa chọn gần đây nhất.

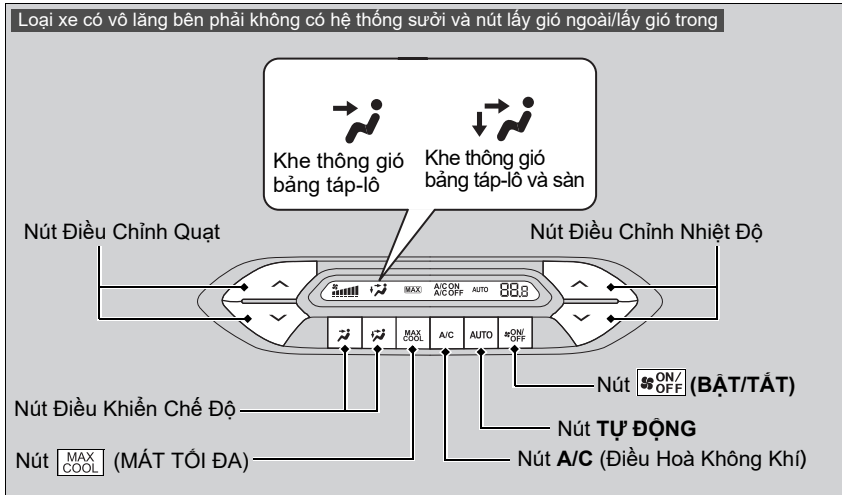


Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **AUTO**.

2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng nút điều chỉnh nhiệt độ.

3. Ấn nút **ON/OFF** để hủy.



Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Ấn nút **AUTO**.
2. Điều chỉnh nhiệt độ trong xe bằng nút điều chỉnh nhiệt độ.
3. Ấn nút **ON/OFF** để hủy.

■ Chuyển đổi giữa chế độ lấy gió trong và lấy gió ngoài*

Loại xe có hệ thống sưởi

Loại xe có vô lăng bên trái không có hệ thống sưởi

Ấn nút  (lấy gió trong) và chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

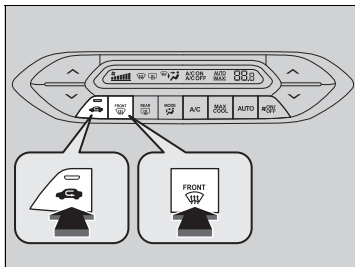
Loại xe có vô lăng bên phải không có hệ thống sưởi

Ấn nút  (lấy gió trong) hoặc  (lấy gió ngoài) để chuyển chế độ tùy theo điều kiện môi trường.

Chế độ lấy gió trong (đèn báo sáng): Tuần hoàn không khí từ bên trong xe thông qua hệ thống.

Chế độ lấy gió ngoài (đèn báo tắt): Duy trì thông gió bên ngoài. Giữ hệ thống ở chế độ lấy gió ngoài trong các điều kiện bình thường.

■ Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính*

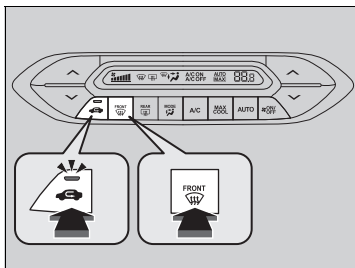


Ấn nút  (sấy kính chắn gió) để bật hệ thống điều hoà không khí.

Ấn nút  (đèn báo tắt) để chuyển sang chế độ lấy gió ngoài.

Ấn nút  thêm một lần nữa để tắt, hệ thống sẽ trở về chế độ cài đặt trước đó.

■ Làm tan sương các cửa kính nhanh



1. Ấn nút .
2. Ấn nút  (đèn báo sáng).

►► Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính*

Vì sự an toàn của bạn, cần đảm bảo bạn có thể nhìn rõ qua các cửa kính trước khi lái.

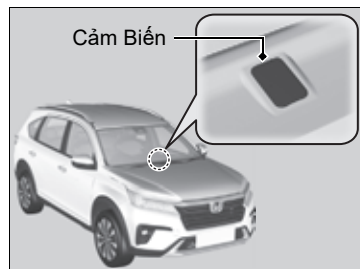
Không đặt nhiệt độ ở gần mức cao hoặc thấp. Khi khí lạnh phả vào kính chắn gió, phía ngoài kính chắn gió có thể đóng sương.

►► Làm tan sương các cửa kính nhanh

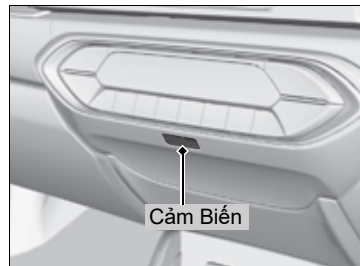
Sau khi làm tan sương các cửa kính, hệ thống sẽ chuyển về chế độ lấy gió ngoài. Nếu bạn vẫn để hệ thống ở chế độ lấy gió trong, các cửa kính có thể đóng sương do hơi ẩm dẫn đến làm giảm tầm nhìn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

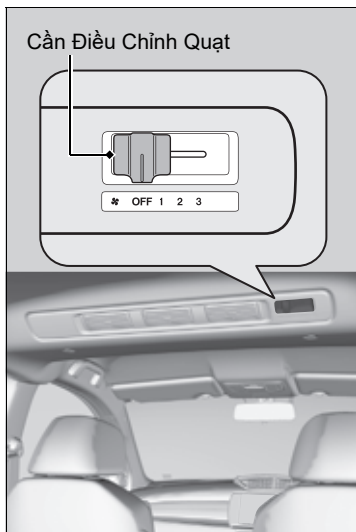
Cảm Biến Điều Khiển Nhiệt Độ Tự Động



Hệ thống điều khiển nhiệt độ tự động được trang bị các cảm biến. Không được che hoặc làm tràn chất lỏng vào các cảm biến này.



Hệ Thống Làm Mát Sau



Sử dụng hệ thống khi động cơ đang chạy.

1. Bật hệ thống điều hòa không khí trên bảng điều khiển phía trước.

► **Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ*** Tr. 233

2. Điều chỉnh tốc độ quạt bằng cần điều chỉnh quạt.

3. Trượt cần điều chỉnh quạt đến **OFF** để hủy.

►► Hệ Thống Làm Mát Sau

Chỉ có thể điều chỉnh tốc độ quạt khi tắt nút **A/C** trên bảng điều khiển phía trước.

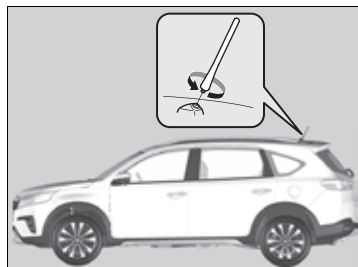
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Tính Năng

Nếu xe này được trang bị hệ thống âm thanh, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống âm thanh.
Tham khảo đại lý để biết chi tiết.

Hệ Thống Âm Thanh*	
Ăng Ten Âm Thanh*	242

Ăng Ten Âm Thanh*



Xe bạn được trang bị ăng ten có thể tháo
ở sau nóc xe.

»Ăng Ten Âm Thanh*

CHÚ Ý

Trước khi sử dụng máy rửa xe tự động, hãy tháo
ăng ten ra bằng tay để tránh bàn chải rửa xe làm
hỏng ăng ten.



Lái Xe

Chương này đề cập đến việc lái xe và nạp nhiên liệu.

Trước Khi Lái Xe

Chuẩn Bị Lái Xe.....	244
Giới Hạn Tải	247
Kéo Rơ-moóc	248

Khi Lái Xe

Khởi Động Động Cơ.....	249
Lưu Ý Khi Lái Xe	256
Hộp Số Vô Cấp*	257
Sang Số.....	258, 260, 264
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	266
Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)	268
Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) - Giải Thích Liên Bang Bắt Buộc	271

Quan Sát Làn Đường*	273
Honda Sensing*	276
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	279
Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC).....	291
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS).....	310
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường	322
Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*	332
Camera Trước	336

Phanh

Hệ Thống Phanh	338
----------------------	-----

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	340
Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp	341
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp	342

Đỗ Xe

Khi Xe Đã Dừng	343
Hệ Thống Cảm Biến Đỗ*	344

Nạp Nhiên Liệu

Thông Tin Về Nhiên Liệu	346
Cách Nạp Nhiên Liệu	347

Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Khí Thái CO₂

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thái CO ₂	349
---	-----

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Chuẩn Bị Lái Xe

Kiểm tra các mục sau trước khi lái xe.

Kiểm Tra Bên Ngoài

- Đảm bảo không có vật cản trên cửa kính, gương cửa, đèn ngoài xe hoặc các bộ phận khác của xe.
 - ▶ Gạt bỏ hết sương, tuyết, hoặc băng.
 - ▶ Gạt bỏ tuyết trên nóc xe, vì tuyết có thể rơi xuống làm cản trở tầm nhìn của bạn khi đang lái. Nếu tuyết đã đóng cứng, hãy gạt bỏ khi đã tan bớt.
 - ▶ Khi gạt băng ra khỏi bánh xe, cần đảm bảo không làm hỏng bánh xe hoặc các bộ phận của bánh xe.
- Đảm bảo đóng chặt nắp ca-pô.
 - ▶ Nếu nắp ca-pô mở khi đang lái, tầm nhìn phía trước sẽ bị che khuất.
- Đảm bảo các lốp xe còn tốt.
 - ▶ Kiểm tra áp suất lốp, kiểm tra hư hỏng và mòn quá mức.
- Đảm bảo không có người hoặc vật cản phía sau hoặc xung quanh xe.
 - ▶ Có các điểm mù từ bên trong xe.

❏ Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 382

» Kiểm Tra Bên Ngoài

CHÚ Ý

Khi các cửa bị đóng băng, hãy đổ nước ấm xung quanh các mép cửa để làm tan băng. Không cố dùng lực mở cửa để tránh làm hỏng gioăng cao su xung quanh các cửa. Sau khi làm xong, lau khô để tránh bị đóng băng trở lại.

Không đổ nước ấm vào trong ổ khóa vì nếu làm thế sẽ không thể cho chìa khóa vào được nếu nước bị đóng băng trong ổ khóa.

Nhiệt từ động cơ và ống xả có thể làm cháy các vật liệu dễ cháy bám ở phía dưới nắp ca-pô, gây cháy nổ. Nếu bạn đỗ xe lâu ngày, hãy kiểm tra và loại bỏ rác xung quanh xe, như cỏ và lá khô bị rơi xuống hoặc do động vật làm tổ. Đồng thời, kiểm tra các vật liệu dễ cháy có thể vương lại dưới nắp ca-pô sau khi bạn hoặc ai đó vừa thực hiện bảo dưỡng xe.

Không để bất cứ vật gì (ví dụ: hành lý, xe đạp v.v) lên giá nóc xe* vì giá này không phải dùng để chất đồ.

Kiểm Tra Bên Trong

- Buộc hoặc để chắc chắn các đồ vật trong khoang hành lý.
 - Chờ quá nhiều đồ, hoặc để không đúng cách có thể ảnh hưởng đến việc lái xe, độ ổn định xe, khoảng cách dừng, lốp xe và làm giảm độ an toàn.
 - 📖 **Giới Hạn Tải** Tr. 247
- Không để các đồ vật cao hơn ghế.
 - Chúng có thể che tầm nhìn của bạn hoặc xô về phía trước khi bạn phanh gấp.
- Không để vật gì ở chỗ để chân ghế trước. Đảm bảo gắn chắc thảm lót sàn.
 - Đồ vật hoặc thảm lót sàn không được gắn chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến việc nhấn bàn đạp phanh và bàn đạp ga trong khi lái.
- Nếu có động vật trên xe, không để chúng di chuyển tự do trong xe.
 - Chúng có thể làm cản trở việc lái xe và gây ra va chạm.
- Đóng chặt tất cả các cửa và cửa hậu.
- Điều chỉnh vị trí ngồi thích hợp.
 - Đồng thời điều chỉnh tựa đầu.
 - 📖 **Ghế Ngồi** Tr. 202
 - 📖 **Điều Chỉnh Tựa Đầu Ghế Trước** Tr. 212
- Điều chỉnh gương và vô lăng phù hợp.
 - Điều chỉnh khi đã ngồi với tư thế thoải mái.
 - 📖 **Gương** Tr. 200
 - 📖 **Điều Chỉnh Vô Lăng** Tr. 199

►► Kiểm Tra Bên Trong

Thường thì không cần điều chỉnh hướng của đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên để vật nặng trong khoang hành lý, hãy đến đại lý để kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

Loại xe có điều chỉnh đèn chiếu sáng

Bạn có thể tự điều chỉnh góc chiếu gần.

📖 **Điều Chỉnh Đèn Chiếu Sáng*** Tr. 190

- Cần đảm bảo đồ vật để dưới sàn, phía sau ghế trước không lẫn dưới các ghế.
 - Chúng có thể ảnh hưởng đến việc vận hành bàn đạp của người lái, hoặc ảnh hưởng đến việc điều chỉnh các ghế.
- Mọi người trong xe đều phải thắt dây đai an toàn.
 - 📖 **Thắt Dây Đai An Toàn** Tr. 44
- Đảm bảo các đèn báo trên bảng điều khiển sáng khi bạn khởi động xe và tắt ngay sau đó.
 - Nếu các đèn báo có sự cố, hãy đến đại lý để kiểm tra.
 - 📖 **Đèn Báo** Tr. 96

Giới Hạn Tải

Khi xe bạn chở hành lý, tổng trọng lượng của xe, toàn bộ hành khách và hành lý không được vượt quá tải trọng tối đa cho phép.

📖 **Thông Số Kỹ Thuật** Tr. 438

►► Giới Hạn Tải

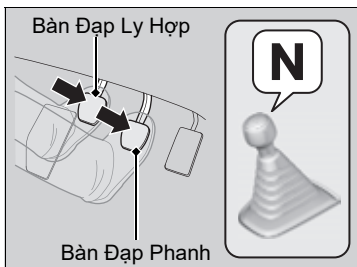
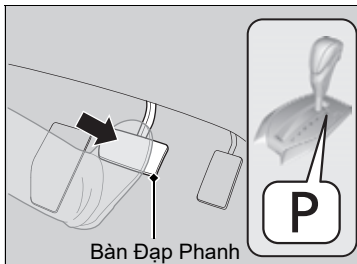
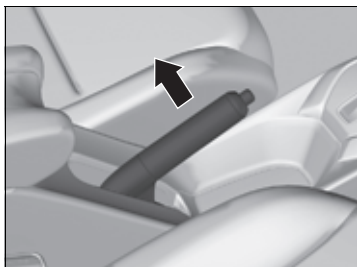
⚠ CẢNH BÁO

Tải quá nặng hoặc tải không đúng cách có thể ảnh hưởng đến điều khiển và cân bằng của xe và có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo tất cả các hướng dẫn về giới hạn tải và các hướng dẫn tải khác trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

Xe của bạn không được thiết kế để kéo rơ-moóc. Nếu cố kéo có thể làm mất hiệu lực bảo hành cho xe của bạn.

Khởi Động Động Cơ



1. Đảm bảo gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Đảm bảo cần số ở **P**, sau đó nhấn bàn đạp phanh.

► Mặc dù có thể khởi động xe ở **N**, nhưng khởi động xe ở **P** vẫn an toàn hơn.

Loại xe số sàn

2. Kiểm tra xem cần số có ở **N** không. Sau đó, dùng chân phải nhấn bàn đạp phanh, chân trái nhấn bàn đạp ly hợp.

► Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để khởi động động cơ.

» Khởi Động Động Cơ

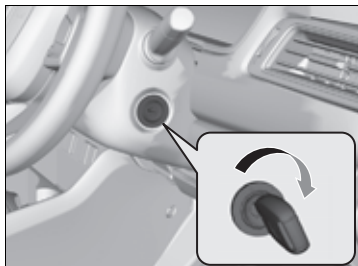
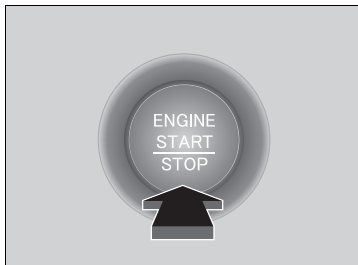
Đề chân chắc chắn trên bàn đạp phanh khi khởi động động cơ.

Động cơ khó khởi động hơn trong thời tiết lạnh và không khí loãng ở độ cao trên 2.400 mét.

Khi khởi động động cơ ở thời tiết lạnh, hãy tắt tất cả các phụ kiện điện như đèn, hệ thống sưởi và làm mát/hệ thống điều khiển nhiệt độ* và sấy kính sau* để giảm mức tiêu hao điện ắc quy.

Nếu hệ thống xả phát ra âm thanh bất thường hoặc có mùi khí xả bên trong xe, có thể động cơ hoặc hệ thống xả có sự cố. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Loại xe không có khóa điện

3. Ấn nút **ENGINE START/STOP** mà không nhấn bàn đạp ga.

Loại xe có khóa điện

3. Xoay khóa điện đến **KHỞI ĐỘNG**  mà không nhấn bàn đạp ga.

►► Khởi Động Động Cơ

Loại xe không có khóa điện

Mang chìa khóa điều khiển từ xa đến gần nút **ENGINE START/STOP** nếu pin chìa khóa điều khiển từ xa yếu.

► **Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu**
Tr. 413

Loại xe không có khóa điện

Động cơ có thể không khởi động nếu chìa khóa điều khiển từ xa bị nhiễu sóng vô tuyến mạnh.

Loại xe có khóa điện

Không để chìa khóa ở **KHỞI ĐỘNG**  trong hơn 10 giây.

- Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi khởi động lại động cơ.
- Nếu động cơ khởi động nhưng sau đó dừng ngay, hãy đợi ít nhất 30 giây trước khi lặp lại bước 3 khi đang nhấn nhẹ bàn đạp ga. Nhả bàn đạp ga khi động cơ khởi động.

Loại xe không có khóa điện

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** để khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động, đợi ít nhất 30 giây trước khi khởi động lại động cơ.

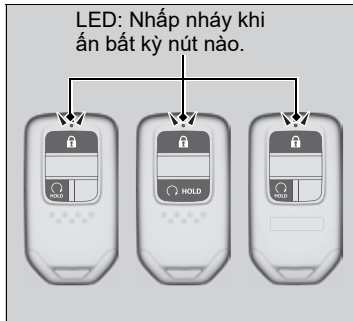
Hệ thống chống nổ máy bảo vệ xe bạn khỏi trộm cắp. Nếu dùng thiết bị có mã không đúng, hệ thống nhiên liệu của động cơ sẽ không hoạt động.

► **Hệ Thống Chống Nổ Máy** Tr. 173

■ Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Bạn có thể khởi động động cơ từ xa bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

■ Khởi động động cơ



Ấn nút , sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp nháy một lần.

Nếu động cơ khởi động được, một số đèn ngoài xe nhấp nháy sáu lần.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả từ động cơ có chứa khí CO.

Hít phải khí CO có thể gây chết người hoặc gây bất tỉnh.

Không được sử dụng bộ khởi động động cơ từ xa khi xe đang đỗ trong gara hoặc khu vực khác có hệ thống thông gió kém.

Khởi động động cơ từ xa có thể vi phạm các quy định ở địa phương. Trước khi sử dụng khởi động động cơ từ xa, hãy xem lại các quy định của địa phương.

Nếu có toà nhà hay vật cản giữa xe và chìa khóa điều khiển từ xa, phạm vi sẽ bị thu hẹp. Khoảng cách có thể thay đổi do nhiễu điện từ tác động bên ngoài.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Nếu động cơ không khởi động, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy.

► Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

Khi khởi động từ xa, động cơ sẽ tự động tắt sau 10 phút chạy ở chế độ không tải và/hoặc không đồng thời nhấn bàn đạp phanh và ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Nếu muốn chạy thêm 10 phút nữa ở lần lăn bánh đầu tiên, ấn nút  sau đó ấn và giữ nút .

► Một số đèn ngoài xe nhấp sáu lần nếu yêu cầu chạy thêm 10 phút được gửi đi thành công.

►► Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

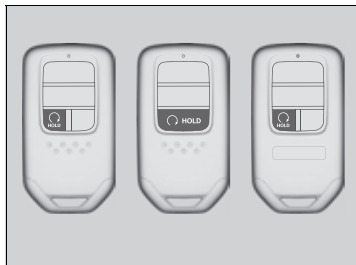
Không thể khởi động động cơ từ xa nếu:

• Bạn đã tắt tính năng khởi động động cơ từ xa.

► **Cài Đặt Tr.** 129

- Chế độ nguồn không ở TẮT MÁY.
- Cần số không ở **P**.
- Nắp ca-pô mở hoặc cửa bất kỳ hoặc cửa hậu mở khóa.
- Bạn đã sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa hai lần để khởi động động cơ.
- Một chìa khóa điều khiển từ xa khác đã được đăng ký vẫn để trong xe.
- Có ăng ten nào đó bị lỗi.
- Cửa được mở khóa bằng chìa khóa tích hợp.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Hệ thống cảnh báo an ninh không được thiết lập.

■ Dừng động cơ



Ấn và giữ nút  trong một giây.



Nếu động cơ dừng thành công, các đèn ngoài xe sẽ nhấp nháy một lần.



Khi chìa khóa điều khiển từ xa nằm ngoài phạm vi của hệ thống điều khiển mở cửa từ xa, các đèn ngoài xe sẽ không nhấp nháy.

Động cơ sẽ không dừng lại.

▶ Di chuyển vào trong phạm vi và thử lại.

▶▶ Khởi Động Động Cơ Từ Xa*

Động cơ có thể dừng trong khi đang chạy nếu:

- Không chạy xe trong vòng 10 phút từ khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Dừng động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa.
- Không thiết lập hệ thống cảnh báo an ninh.
- Mở khóa cửa bằng chìa khóa tích hợp.
- Nắp ca-pô mở, cửa bất kỳ mở, hoặc cửa hậu mở khóa.
- Ấn nút nhả cần số.
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ quá cao.
- Áp suất dầu động cơ thấp.
- Đèn báo sự cố sẽ sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải gặp sự cố.

Loại xe không có hệ thống điều khiển nhiệt độ

Khi động cơ đang chạy, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Hệ thống làm mát sẽ hoạt động khi nhiệt độ được cài đặt ở **Lo**.

Loại xe có hệ thống điều khiển nhiệt độ

Khi động cơ đang chạy, xe sẽ tự động điều chỉnh nhiệt độ bên trong xe.

Khi trời ấm:

- Hệ thống điều khiển nhiệt độ sẽ hoạt động ở chế độ lấy gió trong*.

Khi trời lạnh:

- Chế độ sẽ tự động thay đổi để làm cabin ấm vừa phải.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Bắt Đầu Lái Xe

Loại xe có hộp số vô cấp

Khi khởi động động cơ bằng chìa khóa điều khiển từ xa

1. Nhấn và giữ bàn đạp phanh, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Khi khởi động động cơ trong trường hợp bất kỳ

2. Giữ chân phải trên bàn đạp phanh, nhả phanh đỗ. Đảm bảo đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu đỏ) đã tắt.

☞ Phanh Đỗ Tr. 338

3. Sang số **[D]**. Chọn **[R]** khi lùi xe.

4. Nhả bàn đạp phanh từ từ và nhấn nhẹ bàn đạp ga để kéo hết cỡ.

■ Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc giữ phanh luôn bám đường, giúp xe không bị trôi xuống dốc khi bạn rời chân từ bàn đạp phanh sang bàn đạp ga.

Loại xe có hộp số vô cấp

Sang số **[D]**, **[S]** hoặc **[L]*** khi lên dốc, hoặc **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

Loại xe số sàn

Nhấn bàn đạp ly hợp, vào một số tiến khi lên dốc, hoặc vào số **[R]** khi xuống dốc, sau đó nhả bàn đạp phanh.

►► Bắt Đầu Lái Xe

Khi động cơ được khởi động bằng nút  trên chìa khóa điều khiển từ xa

Động cơ dừng khi gạt cần số ra khỏi **[P]** trước khi ấn nút **ENGINE START/STOP**. Làm theo bước 1 khi bắt đầu lái.

►► Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể giúp xe khỏi bị trôi xuống dốc khi dốc quá cao hoặc dừng đứng và cũng không hoạt động trên dốc thấp.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc không thể thay thế phanh đỗ.

Hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ vẫn hoạt động ngay cả khi VSA tắt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe không có khóa điện

■ Dừng Động Cơ

Bạn có thể tắt động cơ khi xe đã dừng hoàn toàn.

Loại xe có hộp số vô cấp

1. Gạt cần số đến **P**.
2. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Loại xe số sàn

- Nếu cần số ở **N**, ấn nút **ENGINE START/STOP**.
- Nếu cần số không ở **N**, nhấn bàn đạp ly hợp, sau đó ấn nút **ENGINE START/STOP**.

Lưu Ý Khi Lái Xe

■ Khi có Sương Mù

Tầm nhìn sẽ bị hạn chế khi có sương mù. Khi lái xe, bạn nên bật đèn chiếu gần ngay cả vào ban ngày. Lái xe chậm lại, đi theo vạch ở giữa đường, chú ý quan sát lan can và đèn hậu của xe phía trước.

■ Khi có Gió Mạnh

Khi đang lái xe nếu gió thổi mạnh, hãy giữ chặt vô lăng, từ từ giảm tốc độ và lái xe ra giữa đường. Cần thận khi có gió mạnh, nhất là khi lái xe ra khỏi đường hầm, lái xe trên cầu hoặc bờ sông hay lái xe qua khu vực khai thác đá hoặc khi có một xe tải lớn đi qua.

►► Lưu Ý Khi Lái Xe

LƯU Ý: Không lái xe trên đường có vũng nước sâu. Lái xe chỗ vũng nước sâu sẽ làm hỏng động cơ, hỏng các thiết bị điện và xe sẽ bị xuống cấp.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Không gạt cần số trong khi đang nhấn bàn đạp ga để tránh làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

Nếu liên tục xoay vô lăng khi xe ở tốc độ quá thấp, hoặc xoay và giữ vô lăng sang phải hoặc trái một lúc, hệ thống lái trợ lực điện (EPS) sẽ nóng lên. Hệ thống sẽ chuyển sang chế độ bảo vệ và hạn chế vận hành và sẽ càng khó khăn hơn khi vận hành vô lăng. Khi hệ thống nguội đi, hệ thống EPS sẽ tiếp tục hoạt động. Liên tục vận hành xe trong các điều kiện này có thể làm hỏng hệ thống.

Nếu xoay khóa điện đến PHỤ KIỆN  trong khi lái, động cơ sẽ tắt và toàn bộ các chức năng hỗ trợ lái và trợ lực phanh sẽ bị dừng, gây khó khăn trong việc điều khiển xe.

Không sang số  khi đang lái để tránh làm mất hiệu suất phanh động cơ (và tăng ga).

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ Khi Trời Mưa

Đường thường bị trơn trượt khi trời mưa. Tránh phanh gấp, tăng tốc nhanh, xoay vô lăng đột ngột và chú ý hơn khi lái xe. Xe có thể bị trượt nước khi chạy trên đường có nhiều vũng nước. Không lái xe ngập sâu trong nước và trên đường ngập nước để tránh làm hỏng động cơ, hệ thống truyền động hoặc các thiết bị điện.

■ Lưu Ý Khác

Nếu có vật gì đó tác động mạnh vào gầm xe, hãy dừng xe nơi an toàn. Kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ dầu dưới gầm xe.

Hộp Số Vô Cấp*

■ Chuyển Động Từ Từ

Khi động cơ chạy không tải ở tốc độ cao thì xe sẽ tự chuyển động từ từ. Nhấn bàn đạp phanh chắc chắn khi dừng.

■ Nhảy Về Số

Nhấn nhanh bàn đạp ga trong khi lái xe lên dốc có thể làm hộp số nhảy về số thấp hơn, làm cho xe bị tăng tốc bất ngờ. Hãy nhấn bàn đạp ga cẩn thận, đặc biệt là khi lái ở đường trơn và vòng cua.

►► Lưu Ý Khi Lái Xe

Khi lái xe ở 1.000 km (600 dặm) đầu tiên, tránh tăng ga đột ngột hoặc vận hành bướm ga hết cỡ để không làm hỏng động cơ hoặc hệ thống truyền động.

Tránh phanh gấp trong 300 km (200 dặm) đầu tiên sau khi mua xe mới, hoặc thay má phanh hoặc rô-to và để chạy roda đúng cách.

►► Khi Trời Mưa

Hãy cẩn thận khi xảy ra hiện tượng trượt nước. Khi bạn lái xe trên đường ngập đầy nước với tốc độ quá cao, nước dưới mặt đường sẽ bắn lên lớp xe làm bạn không thể xoay vô lăng và phanh theo ý muốn.

Từ từ giảm tốc khi bạn về số. Nếu đường trơn trượt, phanh đột ngột sẽ làm lốp bị trượt.

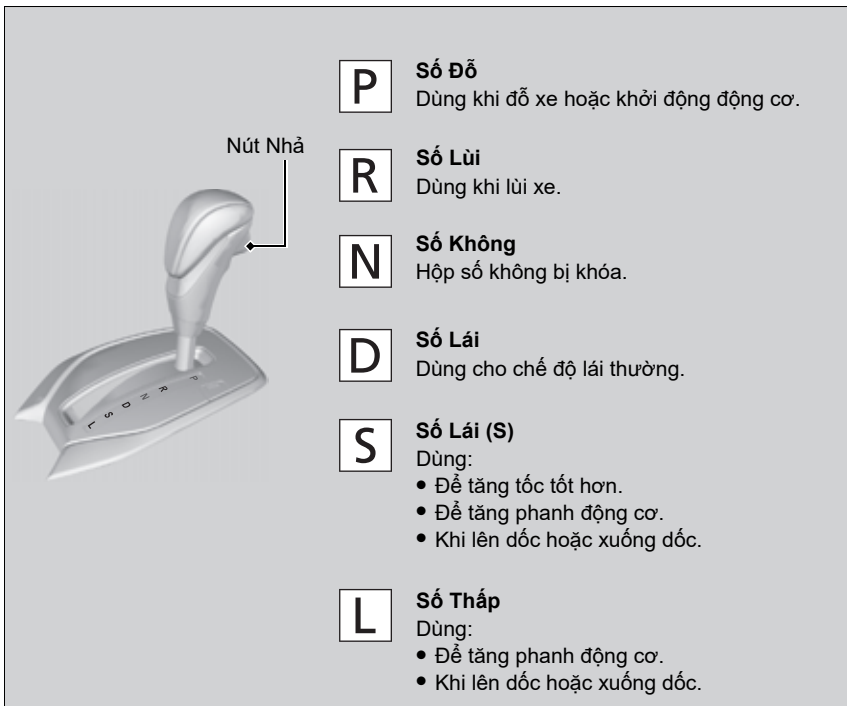
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hộp số vô cấp không có lẫy sang số

Sang Số

Sang số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí cần số



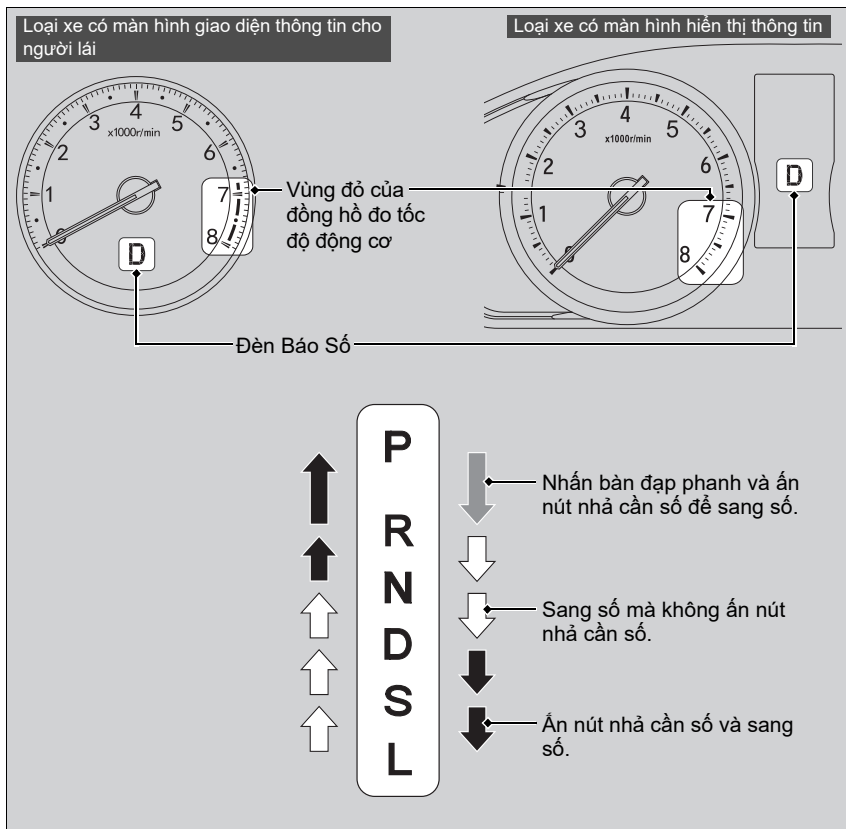
►► Vị trí cần số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ BẬT sang TẮT MÁY trừ khi cần số ở [P] .

Xe có thể di chuyển rất nhẹ với cần số ở [N] khi động cơ nguội.

Giữ chắc bàn đạp phanh, khi cần, hãy nhấn phanh đỗ.

Vận Hành Cần Số



Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển số từ **D** sang **R** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo số và kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống hộp số nhấp nháy khi lái xe ở bất cứ vị trí nào chứng tỏ hộp số có sự cố. Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe khi tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số được hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở vị trí số đúng trước khi lái.

Loại xe có hộp số vô cấp có lấy sang số

Sang Số

Sang số phù hợp với nhu cầu lái xe của bạn.

■ Vị trí cần số



» Sang Số

Bạn không thể chuyển chế độ nguồn từ **BẬT** sang **TẮT MÁY** trừ khi cần số ở **P**.

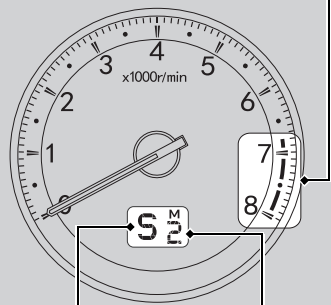
Xe có thể di chuyển nhẹ về phía trước với cần số ở **N** khi động cơ nguội.

Nhấn chắc bàn đạp phanh, khi cần, hãy gài phanh đỗ.

■ Vận Hành Cần Số

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

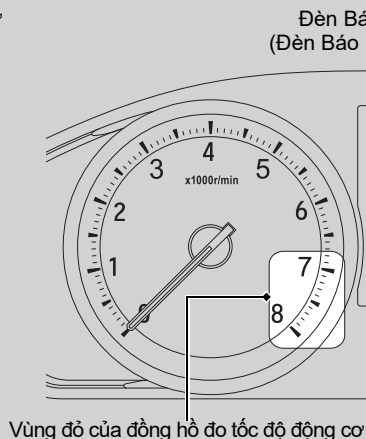
Vùng đồ của đồng hồ đo tốc độ động cơ



Đèn Báo Số
(Đèn Báo Hộp Số)

Đèn Báo M (Chế Độ Sang
Số Thường 7 Cấp)/Đèn Báo Số

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin



Đèn Báo Số
(Đèn Báo Hộp Số)

Vùng đồ của đồng hồ đo tốc độ động cơ

Đèn Báo M (Chế Độ Sang
Số Thường 7 Cấp)/Đèn Báo Số



↓ Nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số để sang số.

↓ Sang số mà không ấn nút nhả cần số.

↓ Ấn nút nhả cần số và sang số.

►► Vận Hành Cần Số

CHÚ Ý

Khi bạn chuyển số từ **D** sang **R** và ngược lại, hãy dừng hẳn xe đồng thời nhấn và giữ bàn đạp phanh. Vận hành cần số trước khi xe dừng hẳn có thể làm hỏng hộp số.

Quan sát đèn báo số và kiểm tra vị trí cần số trước khi kéo.

Nếu đèn báo hệ thống hộp số nhấp nháy khi lái xe ở bất cứ vị trí nào chứng tỏ hộp số có sự cố. Tránh tăng tốc đột ngột và đến đại lý để kiểm tra hộp số càng sớm càng tốt.

Việc cấp nhiên liệu có thể bị ngắt nếu bạn lái xe khi tốc độ động cơ ở mức hoặc vượt quá vùng đồ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ (giới hạn tốc độ động cơ). Nếu điều này xảy ra, bạn có thể cảm thấy rung nhẹ.

Có thể không vận hành được cần số nếu đang nhấn bàn đạp phanh và ấn nút nhả cần số. Hãy nhấn bàn đạp phanh trước.

Khi sang số ở nơi có nhiệt độ quá thấp (-30°C), sẽ có khoảng dừng ngắn trước khi vị trí số được hiển thị. Luôn xác nhận bạn ở vị trí số đúng trước khi lái.

■ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Dùng lấy sang số để thay đổi giữa cấp số 1 và cấp số 7 mà không cần bỏ tay ra khỏi vô lăng. Hộp số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp nếu bạn kéo lấy sang số khi đang lái xe. Chế độ này rất hữu ích khi cần dùng đến phanh động cơ.

■ Khi cần số ở **[D]**:

Chế độ sang số sẽ tạm thời chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số.

Chế độ sang số thường 7 cấp sẽ tự động hủy nếu bạn lái xe với tốc độ ổn định hoặc tăng tốc và số trên đèn báo số sẽ tắt.

Bạn có thể hủy chế độ này bằng cách kéo lấy sang số **[+]** trong vài giây. Chế độ sang số thường 7 cấp đặc biệt hữu ích khi tạm thời giảm tốc độ trước khi rẽ.

■ Khi cần số ở **[S]**:

Chế độ sang số sẽ chuyển sang chế độ sang số thường 7 cấp. Đèn báo **M** và số cấp sẽ hiển thị trên đèn báo số. Khi tốc độ xe giảm, số sẽ tự động giảm theo. Khi xe chuẩn bị dừng, hệ thống sẽ tự động giảm xuống số 1.

Nếu tốc độ xe tăng và tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ trên đồng hồ đo tốc độ động cơ, số sẽ tự động tăng.

Bạn chỉ có thể kéo cần số khi ở số 1.

Khi hủy chế độ sang số thường 7 cấp, sang số từ **[S]** đến **[D]**. Khi chế độ sang số thường 7 cấp bị hủy, đèn báo **M** và đèn báo số sẽ tắt.

⌘ Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Ở chế độ sang số thường 7 cấp, số tăng hoặc giảm theo vận hành của lấy sang số khi đáp ứng các điều kiện sau:

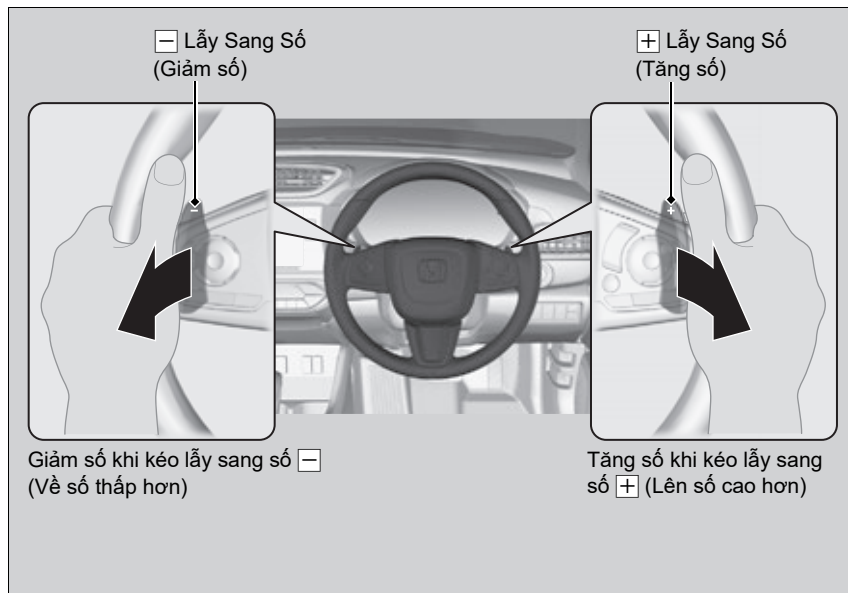
Tăng Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng thấp nhất của số cao hơn.

Giảm Số: Tốc độ động cơ ở ngưỡng cao nhất của số thấp hơn.

Khi tốc độ động cơ gần đạt đến vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ, số sẽ tự động tăng. Khi tốc độ động cơ đạt ngưỡng thấp nhất của vị trí số đã chọn, số sẽ tự động giảm.

Vận hành lấy sang số trên bề mặt trượt có thể làm lốp xe bị khóa. Trong trường hợp này, chế độ sang số thường 7 cấp sẽ bị hủy và trở về chế độ lái thường **[D]**.

■ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp



▣ Vận Hành Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp

Mỗi lần vận hành lấy sang số sẽ làm thay đổi một cấp tốc độ.

Để thay đổi liên tục, nhả lấy sang số trước khi kéo lại để sang cấp tốc độ tiếp theo.

Đèn báo số sẽ nhấp nháy khi bạn không thể tăng số hoặc giảm số. Điều này có nghĩa là không thể sang số với tốc độ xe đang chạy. Tăng tốc và giảm tốc nhẹ để tăng số và giảm số khi đèn báo nhấp nháy.

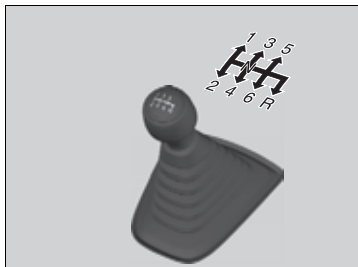
Loại xe số sàn

Sang Số

Vận Hành Cần Số

Nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp để vận hành cần số và sang số, sau đó nhả từ từ bàn đạp.

Nhấn bàn đạp ly hợp và tạm dừng vài giây trước khi sang số [R], hoặc vào số tiến một lúc để bánh răng không "cọ sát" vào nhau.



Khi không sang số, không đặt chân lên bàn đạp ly hợp để tránh làm ly hợp bị mòn nhanh hơn.

►► Sang Số

CHÚ Ý

Không sang số [R] khi xe chưa dừng hẳn.

Sang số [R] khi xe chưa dừng có thể làm hỏng hộp số.

CHÚ Ý

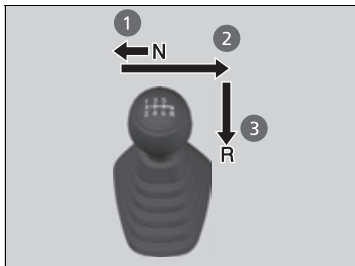
Trước khi giảm số, cần đảm bảo động cơ sẽ không nằm trong vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ để tránh làm hỏng động cơ nghiêm trọng.

Nếu bạn vượt quá tốc độ tối đa của số hiện tại, tốc độ động cơ sẽ đi vào vùng đỏ của đồng hồ đo tốc độ động cơ và lúc này bạn có thể cảm thấy xe rung nhẹ.

■ Khóa Số Lùi

Hộp số sàn có cơ chế khóa tránh vô tình sang số **[R]** từ số tiến trong khi xe đang chạy quá tốc độ quy định.

Khi bạn không sang được số **[R]** khi xe đã dừng hẳn, hãy làm như sau:



1. Nhấn bàn đạp ly hợp, gạt cần số hết cỡ sang trái và sang số **[R]**.
2. Nếu bạn vẫn không thể sang số **[R]**, hãy gài phanh đỗ và đặt chế độ nguồn ở PHỤ KIỆN **[I]** hoặc KHÓA **[0]**^{*1}.
3. Nhấn bàn đạp ly hợp và sang số **[R]**.
4. Tiếp tục nhấn bàn đạp ly hợp và khởi động động cơ.

►►Khóa Số Lùi

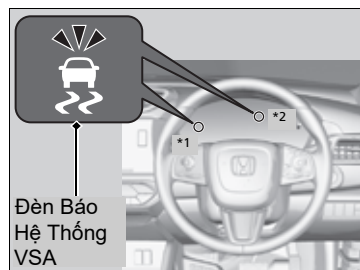
Đưa xe đến đại lý để kiểm tra xe nếu bạn phải thực hiện quy trình này nhiều lần.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA giúp ổn định xe trong khi rẽ nếu xe rẽ nhiều hoặc ít hơn dự định. Hệ thống cũng hỗ trợ trong việc duy trì lực bám trên các bề mặt trơn trượt. Hệ thống này có thể thực hiện như vậy bằng cách điều chỉnh công suất động cơ và sử dụng phanh phù hợp.

Hoạt Động Của VSA



Khi VSA hoạt động, bạn có thể thấy động cơ không phản hồi lại bàn đạp ga. Bạn cũng có thể nghe thấy tiếng ồn từ hệ thống phanh thủy lực và nhìn thấy đèn báo nhấp nháy.

►► Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

VSA không thể hoạt động hiệu quả nếu các lốp không cùng chủng loại và kích cỡ. Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại và luôn giữ áp suất lốp ở mức quy định.

Khi đèn báo hệ thống VSA sáng và cứ sáng suốt trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố. Dù điều này không làm cản trở đến việc lái thông thường, nhưng bạn vẫn nên đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

VSA không thể cải thiện tính ổn định của xe trong mọi tình huống và không điều khiển toàn bộ hệ thống phanh. Bạn vẫn cần phải lái và rẽ với tốc độ phù hợp ở mọi điều kiện và luôn giữ một khoảng cách đủ an toàn.

Chức năng Chính của hệ thống VSA là Điều Khiển Ổn Định Điện Tử (ESC). Hệ thống cũng có chức năng điều khiển lực kéo.

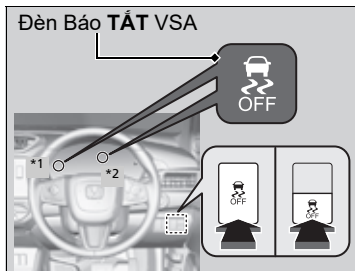
Các đèn báo hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, áp suất lốp thấp/TPMS* và hỗ trợ an toàn* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái* xuất hiện khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT **III***³ sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

*1: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

*2: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

*3: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Bật và Tắt VSA



Nút này nằm ở bảng điều khiển phía người lái. Để tắt một số chức năng/tính năng VSA, hãy ấn và giữ nút cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

Xe bạn sẽ có khả năng phanh và rẽ bình thường, nhưng khả năng bám đường sẽ giảm.

Để bật lại chức năng/tính năng của VSA, ấn nút  (**TẮT VSA**) cho đến khi nghe thấy tiếng bíp.

VSA sẽ được bật mỗi khi bạn khởi động động cơ, cho dù bạn đã tắt tính năng này vào lần lái xe gần đây nhất.

Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)

Ở một số điều kiện bất thường như khi xe bị kẹt trong tuyết hoặc vũng bùn nông, xe sẽ dễ thoát ra hơn khi tắt VSA tạm thời.

Khi ấn nút , khả năng bám đường sẽ giảm cho phép bánh xe quay tự do hơn ở tốc độ thấp. Bạn chỉ nên tắt VSA để đưa xe thoát khỏi tình trạng bị kẹt nếu như không thể khắc phục được tình trạng đó khi bật VSA.

Ngay sau khi xe thoát khỏi tình trạng kẹt, đảm bảo bật lại VSA. Không nên lái xe khi VSA tắt.

Bạn có thể nghe thấy âm thanh hoạt động của mô-tơ từ khoang động cơ trong khi thực hiện kiểm tra hệ thống ngay sau khi khởi động động cơ hoặc trong khi lái. Điều này là bình thường.

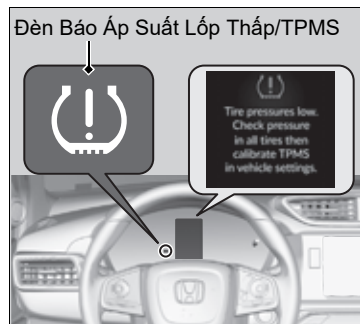
* 1: Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

* 2: Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)

Thay vì trực tiếp đo áp suất của từng lốp, hệ thống TPMS trên xe sẽ theo dõi và so sánh bán kính lăn và đặc tính quay của từng bánh xe và lốp xe trong khi lái để xác định một hay nhiều lốp bị non hơi.



Điều này sẽ làm cho đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

►► Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)

Hệ thống không theo dõi lốp xe khi lái xe ở tốc độ thấp.

Các điều kiện như nhiệt độ môi trường thấp và thay đổi độ cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến áp suất lốp và làm cho đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng.

Nếu kiểm tra và bơm lốp khi:

- Thời tiết ẩm thì áp suất lốp đó sẽ là non khi ở thời tiết lạnh hơn.
- Thời tiết lạnh thì áp suất lốp đó sẽ là quá căng khi ở thời tiết ẩm hơn.

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ không sáng do lốp xe quá căng.

TPMS sẽ không hoạt động hiệu quả nếu lốp không cùng chủng loại và kích cỡ.

Đảm bảo sử dụng lốp cùng kích cỡ và chủng loại.

► Kiểm Tra và Thay Lốp Tr. 382

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ sáng chậm hoặc không sáng khi bạn:

- Tăng tốc, giảm tốc, hoặc xoay vô lăng đột ngột.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.

Đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ sáng trong các điều kiện sau:

- Sử dụng lốp dự phòng tạm thời*.
- Có một lốp phải tải nặng hơn và các lốp tải không đều so với khi hiệu chỉnh.

■ Hiệu Chỉnh TPMS

Bạn phải hiệu chỉnh TPMS mỗi khi bạn:

- Điều chỉnh áp suất của một hoặc nhiều lốp xe.
- Đảo lốp.
- Thay một hoặc nhiều lốp xe.

Trước khi hiệu chỉnh hệ thống cảnh báo xẹp lốp:

- Thiết lập áp suất lốp nguội ở cả bốn lốp.

📖 **Kiểm Tra Lốp** Tr. 382

Đảm bảo:

- Xe dừng hoàn toàn.
- Cần ở số **P**.
- Chế độ nguội ở **BẬT**.

►► Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS)

Các đèn báo hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, áp suất lốp thấp/TPMS và hỗ trợ an toàn* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái xuất hiện khi bạn đặt chế độ nguội ở **BẬT** sau khi lắp lại ắc quy.

Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

►► Hiệu Chỉnh TPMS

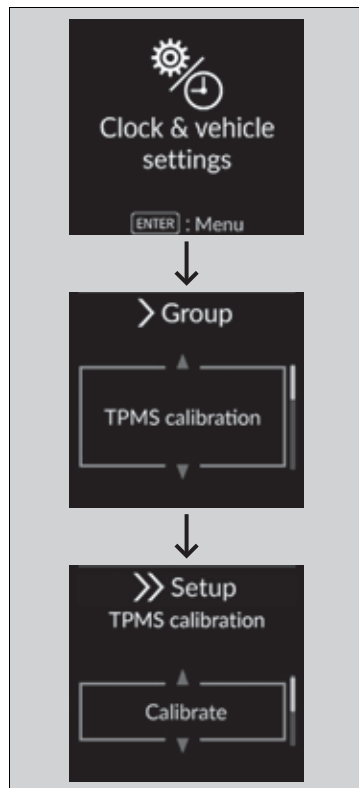
Không thể hiệu chỉnh TPMS nếu lắp lốp dự phòng tạm thời*.

Quy trình hiệu chỉnh phải mất khoảng 30 phút khi lái xe với tốc độ từ 48-105 km/h ((30-65 mph). Trong thời gian hiệu chỉnh, nếu chế độ nguội ở **BẬT** và xe không chạy trong vòng 45 giây, đèn báo áp suất lốp thấp sẽ sáng một lúc. Điều này là bình thường và chứng tỏ quy trình hiệu chỉnh chưa hoàn thành.

Nếu đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sáng ngay cả khi dùng loại lốp thường được bơm đúng áp suất quy định, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Bạn nên thay lốp cùng nhãn hiệu, cùng chủng loại và cùng kích cỡ với lốp ban đầu. Hãy tham khảo đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Bạn có thể hiệu chỉnh hệ thống bằng tính năng tùy chọn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► **Chuyển Đổi Màn Hình** Tr. 118

1. Ấn nút / (thông tin) để chọn màn hình rồi ấn nút **ENTER**.
 - **TPMS calibration** (hiệu chỉnh TPMS) xuất hiện trên màn hình.
 2. Ấn nút **ENTER**.
 - Màn hình chuyển sang màn hình cài đặt tùy chọn để bạn có thể chọn **Cancel** hoặc **Calibrate**.
 3. Ấn nút / (thông tin) và chọn **Calibrate** (hiệu chỉnh), sau đó ấn nút **ENTER**.
 - Màn hình **Calibration started** (Hiệu chỉnh khởi động) xuất hiện sau đó chuyển sang màn hình danh mục tùy chọn.
- Nếu thông báo **Calibration failed to start** (Hiệu chỉnh không khởi động được) xuất hiện, lặp lại bước 2-3.
 - Quy trình hiệu chỉnh tự kết thúc.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp (TPMS) - Giải Thích Liên Bang Bắt Buộc

Mỗi lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng (nếu được trang bị), phải được kiểm tra hàng tháng khi nguội và được bơm căng đến áp suất quy định do nhà sản xuất xe khuyến nghị trên biển báo xe hoặc nhãn áp suất lốp.

(Nếu xe của bạn dùng lốp có kích thước khác với kích thước ghi trên biển báo xe hoặc nhãn áp suất lốp, bạn nên xác định áp suất lốp thích hợp cho những lốp đó.)

Xe của bạn được trang bị hệ thống giám sát áp suất lốp (TPMS) với tính năng an toàn bổ sung. Chỉ báo áp suất lốp thấp



sẽ sáng khi một hoặc nhiều lốp xe của bạn bị non hơi đáng kể.

Theo đó, khi chỉ báo áp suất lốp thấp sáng lên, bạn nên dừng xe và kiểm tra lốp xe càng sớm càng tốt, đồng thời bơm căng lốp đến áp suất phù hợp.

Lái xe với lốp non hơi đáng kể sẽ khiến lốp bị quá nhiệt và có thể dẫn đến hỏng lốp. Lốp non hơi cũng làm giảm hiệu quả sử dụng nhiên liệu và tuổi thọ của gai lốp, đồng thời có thể ảnh hưởng đến khả năng xử lý và dừng của xe.

Xin lưu ý rằng TPMS không thể thay thế cho việc bảo dưỡng lốp đúng cách và người lái xe có trách nhiệm duy trì áp suất lốp phù hợp, ngay cả khi lốp non chưa đạt đến mức kích hoạt chỉ báo áp suất lốp thấp TPMS.

Xe của bạn cũng đã được trang bị đèn báo sự cố TPMS để cho biết khi nào hệ thống hoạt động không bình thường. Đèn báo sự cố TPMS được kết hợp với chỉ báo áp suất lốp thấp. Khi hệ thống phát hiện sự cố, chỉ báo áp suất lốp thấp sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút và sau đó vẫn sáng liên tục. Trình tự này sẽ tiếp tục trong các lần khởi động xe tiếp theo chừng nào còn sự cố.

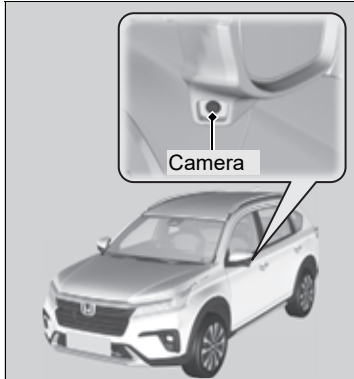
Khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống có thể không phát hiện hoặc báo hiệu áp suất lốp thấp như dự định.

Sự cố TPMS có thể xảy ra vì nhiều lý do, như do việc lắp lốp hoặc bánh xe thay thế hoặc do việc thay lốp xe hoặc bánh xe khiến TPMS không hoạt động bình thường.

Luôn kiểm tra thông tin về sự cố TPMS sau khi thay thế một hoặc nhiều lốp hoặc bánh xe cho xe của bạn để đảm bảo rằng lốp và bánh xe thay thế hoặc tháo tác thay lốp và bánh xe cho phép TPMS tiếp tục hoạt động bình thường.

Hệ Thống Quan Sát Làn Đường*

Quan Sát Làn Đường là hệ thống hỗ trợ giúp bạn kiểm tra khu vực sau phía hành khách được hiển thị trên màn hình giải trí/thông tin khi gạt cần xi nhan sang phía hành khách.



Camera lắp ở gương cửa hành khách sẽ theo dõi khu vực này và giúp bạn kiểm tra được xe, đồng thời kiểm tra bằng hình ảnh và sử dụng gương cửa hành khách. Bạn cũng có thể bật hệ thống để thuận tiện trong khi lái xe.

⚠️ Hệ Thống Quan Sát Làn Đường*

⚠️ CẢNH BÁO

Nếu trước khi chuyển làn đường mà bạn không quan sát kỹ thì rất dễ xảy ra va chạm, gây trọng thương hoặc tử vong.

Không nên quá phụ thuộc vào hệ thống Quan Sát Làn Đường khi lái xe.

Luôn nhìn vào gương ở hai bên xe và đằng sau bạn để quan sát các xe khác trước khi chuyển làn đường.

⚠️ Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

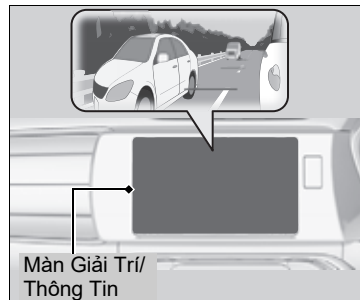
Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, Quan Sát Làn Đường cũng có hạn chế. Nếu bạn quá phụ thuộc vào Quan Sát Làn Đường có thể dẫn đến va chạm.

Chức năng của Quan Sát Làn Đường có thể bị ảnh hưởng bởi thời tiết, ánh sáng (gồm đèn chiếu sáng và mặt trời lặn xuống thấp), bóng tối xung quanh, tình trạng camera, và tình trạng tải của xe.

Quan Sát Làn Đường không thể cung cấp hình ảnh về tình trạng giao thông ở hai bên và phía sau xe trong các trường hợp sau:

- Hệ thống treo của xe bị thay đổi làm thay đổi độ cao của xe.
- Lốp xe quá căng hoặc quá non.
- Lốp xe hoặc bánh xe khác nhau về kích thước hoặc cấu tạo.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



Hệ thống hoạt động khi bạn thực hiện một trong các thao tác sau:

- Ấn nút Quan Sát Làn Đường.
- Gạt cần xi nhan sang phía hành khách.

Hệ thống sẽ ngừng hoạt động khi bạn ấn nút Quan Sát Làn Đường thêm một lần nữa.

Tầm nhìn phía hành khách sẽ xuất hiện trên màn hình giải trí/thông tin.

►► Hệ Thống Quan Sát Làn Đường*

Tầm quan sát của camera Quan Sát Làn Đường rất hạn chế. Thấu kính của camera làm cho vật thể trông khác hơn một chút so với thực tế.

Màn hình Quan Sát Làn Đường không bật khi cần số ở [R].

Để Quan Sát Làn Đường hoạt động tốt:

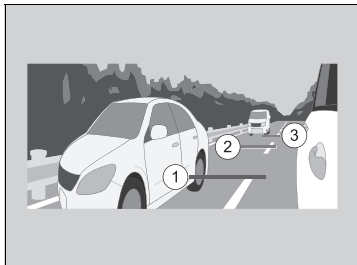
- Camera được đặt trong gương cửa phía hành khách. Luôn giữ cho camera sạch sẽ. Nếu thấu kính camera bị bụi hoặc ẩm, hãy dùng vải mềm, ẩm để lau sạch thấu kính.
- Không che phủ thấu kính camera bằng bất kỳ vật gì.
- Không chạm vào thấu kính camera.

■ Tùy chọn cài đặt Quan Sát Làn Đường

Bạn có thể tùy chọn các mục sau trên màn hình giải trí/ thông tin.

- **Show with Turn Signal:** Chọn bật hoặc tắt màn hình Quan Sát Làn Đường khi vận hành cần xi nhan.
- **Display Time after Turn Signal Off:** Thay đổi khoảng thời gian màn hình Quan Sát Làn Đường sáng sau khi bạn kéo cần xi nhan về phía sau.
- **Reference Line:** Chọn hiển thị hoặc không hiển thị vạch khoảng cách trên màn hình Quan Sát Làn Đường.
- **Display:** Điều chỉnh các cài đặt hiển thị.

■ Vạch Khoảng Cách



Ba vạch kẻ xuất hiện trên màn hình có thể đưa ra nhận định về khoảng cách tương ứng từ xe của bạn đến xe khác hoặc đến vật thể. Nếu vật thể ở gần vạch 1 (màu đỏ) tức là vật thể đó ở gần xe của bạn, còn nếu vật thể ở vạch kẻ thứ 3 thì có nghĩa vật thể đang ở cách xa xe bạn.

▣ Vạch Khoảng Cách

Khu vực xung quanh vạch 1 (màu đỏ) rất gần xe của bạn. Luôn quan sát làn đường để đảm bảo an toàn trước khi chuyển làn.

Khoảng cách giữa xe của bạn và các vạch 1, 2 và 3 trên màn hình thay đổi tùy vào điều kiện đường xá và tải trọng của xe. Ví dụ, vạch khoảng cách trên màn hình có thể gần hơn so với khoảng cách thực tế khi phía sau xe của bạn đang tải nặng.

Liên hệ với đại lý nếu:

- Gương cửa phía hành khách, hoặc khu vực xung quanh bị tác động mạnh dẫn đến thay đổi góc camera.
- Màn hình Quan Sát Làn Đường tắt.

Honda Sensing là một hệ thống hỗ trợ người lái sử dụng camera trước được gắn ở bên trong kính chắn gió, phía sau gương chiếu hậu.

Honda Sensing có các chức năng sau.

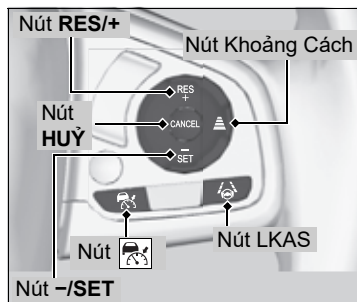
■ Chức năng không cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) ➡ Tr. 279
- Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường ➡ Tr. 322
- Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* ➡ Tr. 332

■ Chức năng cần vận hành công tắc để kích hoạt

- Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) ➡ Tr. 291
- Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS) ➡ Tr. 310

■ Vận Hành Các Công Tắc cho Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)/Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)



■ Nút

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho ACC.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

■ Nút LKAS

Ấn để kích hoạt chế độ chờ cho LKAS.
Hoặc ấn để hủy hệ thống.

■ Nút Khoảng Cách

Ấn để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC.

■ Nút CANCEL

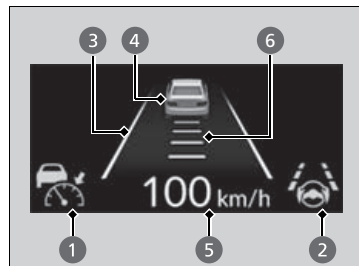
Ấn để hủy ACC.

■ Nút RES/+ và -/SET

Ấn nút **RES/+** lên để cài đặt hoặc tiếp tục tính năng ACC hoặc tăng tốc độ xe.

Ấn nút **-/SET** để cài đặt ACC hoặc giảm tốc độ xe.

■ Nội Dung Hiển Thị Trên Đồng Hồ Đo



Bạn có thể thấy được trạng thái của Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) và Hệ Thống Hỗ Trợ giữ Làn Đường (LKAS).

- ❶ Biểu thị ACC đã sẵn sàng hoạt động.
 - Màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
 - Màu đỏ phách: Hệ thống có sự cố.
- ❷ Biểu thị LKAS đã sẵn sàng hoạt động.
 - Màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Màu trắng: Hệ thống ở chế độ chờ.
 - Màu đỏ phách: Hệ thống có sự cố.
- ❸ Biểu thị LKAS hoạt động và phát hiện được các vạch báo làn đường hay không.
 - Vạch báo màu xanh lục: Hệ thống bật.
 - Vạch báo màu trắng: Phát hiện vạch báo làn đường.
 - Vạch báo màu đỏ phách: Phát hiện làn đường.
- ❹ Biểu thị có phát hiện được xe phía trước hay không.
- ❺ Biểu thị ACC hiển thị tốc độ xe đã cài đặt.
- ❻ Biểu thị ACC hiển thị khoảng cách xe đã cài đặt.

Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Hệ thống này có thể hỗ trợ bạn khi xe bạn có nguy cơ va chạm vào sau xe chạy phía trước (gồm cả xe máy), va chạm vào đầu xe đang đến gần, va chạm vào người đi bộ hoặc người đang đi xe đạp (xe đạp đang di chuyển).

CMBS có chức năng cảnh báo bạn khi xác định có khả năng va chạm, đồng thời giúp giảm tốc độ xe, giảm thiểu va chạm và giảm nguy cơ thương vong do va chạm.

►►Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

CMBS có chức năng làm giảm thương vong do va chạm không thể tránh khỏi. Hệ thống không thể giúp xe tránh bị va chạm hay dừng xe tự động. Bạn cần vận hành bàn đạp phanh và vô lăng phù hợp với điều kiện lái.

CMBS không hoạt động hoặc không phát hiện xe phía trước trong các điều kiện nhất định:

► **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 284

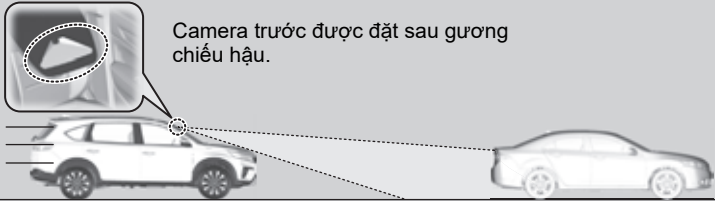
Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera trang bị cho hệ thống này.

► **Camera Trước** Tr. 336

Sau khi được kích hoạt, CMBS sẽ vẫn hoạt động kể cả khi chỉ nhấn một phần bàn đạp ga. Tuy nhiên, chức năng này sẽ bị hủy nếu nhấn hết cỡ bàn đạp ga.

■ Cách hoạt động của hệ thống

Thời điểm sử dụng



Camera trước được đặt sau gương chiếu hậu.

Hệ thống bắt đầu giám sát đoạn đường phía trước khi tốc độ xe của bạn khoảng từ 5 km/h (3 mph) trở lên và sẽ tìm kiếm xe khác, tìm kiếm người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

CMBS hoạt động khi:

- Phát hiện chênh lệch giữa tốc độ xe bạn và xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước khoảng từ 5 km/h (3 mph) trở lên và có khả năng xảy ra va chạm.
- Tốc độ xe bạn khoảng 30 km/h (18 mph) trở xuống và có khả năng xảy ra va chạm trực diện với xe đang đến gần được phát hiện khi bạn rẽ trái¹/phải² tại đoạn đường giao nhau.
- Tốc độ xe bạn khoảng 100 km/h (62 mph) trở xuống và hệ thống xác nhận có khả năng xảy ra va chạm với:
 - Xe phía trước đang đến gần hoặc không di chuyển.
 - Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước xe bạn.

CMBS sẽ bị hủy khi xe bạn dừng hoặc hệ thống xác định không còn nguy cơ xảy ra va chạm.

CMBS cũng có thể bị hủy khi người lái vận hành vô lăng và sử dụng bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga để tránh xảy ra va chạm.

* 1: Loại vô lăng bên trái

* 2: Loại vô lăng bên phải

►►Cách hoạt động của hệ thống

Camera ở CMBS cũng có tính năng phát hiện người đi bộ.

Tuy nhiên, tính năng phát hiện người đi bộ này không hoạt động hoặc không thể phát hiện ra người đi bộ phía trước xe bạn ở các điều kiện nhất định.

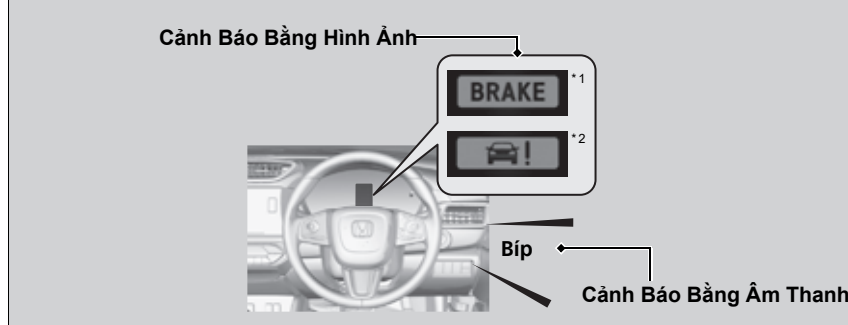
Tham khảo thông tin về hạn chế phát hiện người đi bộ.

►►Điều Kiện và Hạn Chế Của CMBS Tr. 284

■ Khi hệ thống hoạt động

Hệ thống phát cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh giúp nhận biết khả năng xảy ra va chạm và dừng lại nếu tránh được va chạm.

► Thực hiện thao tác phù hợp để tránh va chạm (gài phanh, chuyển làn, v.v.).



Ở giai đoạn cảnh báo va chạm sớm nhất của hệ thống, bạn có thể thay đổi khoảng cách (**Long**^{*1}/**Far**^{*2}, **Normal** hoặc **Short**^{*1}/**Near**^{*2}) (Dài^{*1}/Xa^{*2}, Trung Bình hoặc Ngắn^{*1}/Gần^{*2}) giữa các xe.

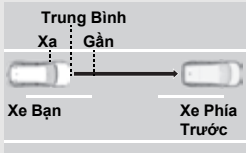
📺 Cài Đặt Tr. 129

* 1: Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam

* 2: Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

■ **Giai Đoạn Cảnh Báo Va Chạm**

Hệ thống có ba giai đoạn cảnh báo khả năng va chạm. Tuy nhiên, tùy theo từng trường hợp, CMBS có thể không thực hiện tất cả các giai đoạn trước khi chuyển sang giai đoạn cuối.

Khoảng cách giữa các xe		CMBS		
		Cảm biến phát hiện xe	CẢNH BÁO bằng Âm Thanh và Hình Ảnh	Phanh
Giai đoạn một		Có khả năng xảy ra va chạm với xe phía trước.	Khi cài đặt ở Long^{*1}/Far^{*2} (Dài ^{*1} /Xa ^{*2}), cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện ở khoảng cách xa hơn từ xe phía trước so với cài đặt ở Normal (Trung Bình) và Short^{*1}/Near^{*2} (Ngắn ^{*1} /Gần ^{*2}), khoảng cách sẽ gần hơn so với cài đặt ở Normal (Trung Bình).	—
Giai đoạn hai		Khả năng xảy ra va chạm tăng lên, thời gian phản ứng giảm.	Cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh.	Nhấn nhẹ
Giai đoạn ba		CMBS xác định không thể tránh khỏi va chạm.		Nhấn mạnh

* 1: Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam
* 2: Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

Bật và Tắt CMBS



Khi bật và tắt CMBS, hãy làm như sau.

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.
2. Ấn nút ▲ / ▼ (thông tin) đến biểu tượng và ấn nút **ENTER**.
 - Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bật hoặc tắt hệ thống.
 - Dấu tích sẽ xuất hiện trong ô và màu của biểu tượng sẽ chuyển sang màu xanh lục khi bật hệ thống. Dấu tích sẽ biến mất và màu của biểu tượng sẽ chuyển sang màu xám khi tắt hệ thống.

CMBS sẽ bật mỗi khi bạn khởi động động cơ ngay cả khi bạn đã tắt hệ thống ở lần lái xe gần đây nhất.

Bật và Tắt CMBS

Không tắt được CMBS khi đang lái xe.

CMBS có thể tắt tự động, đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) sẽ sáng và sáng suốt ở các điều kiện nhất định.

► **Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS** Tr. 284

CMBS không hoạt động trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Bạn có thể chọn thông tin hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

► **Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái*** Tr. 118

Các đèn báo hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), áp suất lốp thấp/TPMS* và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở **BẬT** sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12mph). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Trong các điều kiện sau, camera có thể không phát hiện chính xác các phương tiện, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc điều kiện đường xá, điều này có thể làm cho CMBS hoạt động không tốt.

📷 **Camera Trước** Tr. 336

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe, người đi bộ, xe đạp đang di chuyển hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc.
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

▶▶ Điều Kiện và Hạn Chế của CMBS

Hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra nếu phát hiện hệ thống có gì bất thường (như thông báo cảnh báo xuất hiện liên tục).

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ* v.v.).
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ **Ví dụ về các hạn chế phát hiện của camera do tình trạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển**

- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước quá gần.
- Xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển bất ngờ cắt ngang phía trước mặt hoặc bất ngờ lao ra.
- Xe đạp đã dừng.
- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dần hàng ngang.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không nhận ra.
- Khi có nhóm người đi bộ hoặc xe đạp di chuyển phía trước xe bạn.
- Khi người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển cắt ngang qua đường quá nhanh.
- Người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển theo hướng ngược chiều.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước hoặc xe đang đến gần sáng ở một bên hoặc cả hai bên không sáng khi xe đi vào chỗ tối.
- Khi bộ phận trên cơ thể của người đi bộ (đầu, tay chân, v.v.) bị hành lý che khuất.
- Khi người đi bộ cúi xuống hoặc ngồi xổm, hoặc khi họ giơ tay hoặc chạy.
- Khi người đi bộ cao dưới 1 mét hoặc cao hơn 2 mét.
- Khi người đi bộ đang đẩy xe đẩy hoặc dắt xe đạp.

►►Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)

Đảm bảo tất cả các lốp có cùng kích cỡ, chủng loại và nhãn hiệu được chỉ định và mòn đều. Nếu bạn sử dụng lốp có kích cỡ, chủng loại, nhãn hiệu hoặc mức độ mòn khác nhau, hệ thống có thể không hoạt động tốt.

Không sửa đổi hệ thống treo. Việc thay đổi chiều cao của xe có thể khiến hệ thống hoạt động kém hiệu quả.

■ Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống

- Khi xe phía trước xe bạn là xe máy nhỏ, xe máy có thùng xe bên cạnh, xe lăn, xe ba bánh* hoặc xe có hình dạng đặc biệt.
- Khi xe có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hành lý, hoặc loại xe hẹp.
- Khi xe phía trước xe bạn, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển không ở phía chính diện xe bạn.
- Sự chênh lệch tốc độ giữa xe bạn và xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hay xe đạp đang di chuyển phía trước quá lớn.
- Khi xe khác hoặc xe đạp đang di chuyển phía trước giảm tốc đột ngột.
- Khi người lái vận hành bàn đạp phanh và vô lăng để tránh va chạm.
- Khi xe bạn đến gần xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển thì xe bạn tăng tốc nhanh hoặc xoay vô lăng (trừ khi rẽ trái¹/phải² tại đoạn đường giao nhau, v.v.)³.
- Khi xe đang di chuyển là xe đạp trẻ em, xe đạp gấp, xe ba bánh hoặc các loại xe đạp khác có lốp nhỏ, hoặc xe đạp dài như xe đạp đôi.
- Khi camera trước không nhận diện đúng hình dạng của xe phía trước, xe đang đến gần, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi khoảng sáng gầm xe tối thiểu của xe phía trước rất cao.

* 1: Loại vô lăng bên trái

* 2: Loại vô lăng bên phải

* 3: Khi có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước với xe đang đến gần trong khi rẽ trái¹/rẽ phải², CMBS sẽ hoạt động. Tuy nhiên, hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn xoay vô lăng đột ngột.

■ Tự động tắt

CMBS có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) sẽ sáng và sáng suốt khi:

- Bạn lái xe trên đường gồ ghề, đường núi, hoặc đường quanh co và gặp ghềnh trong thời gian dài.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ.
- Nhiệt độ camera quá cao.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường (lốp không cùng kích cỡ, lốp bị xẹp, v.v.).

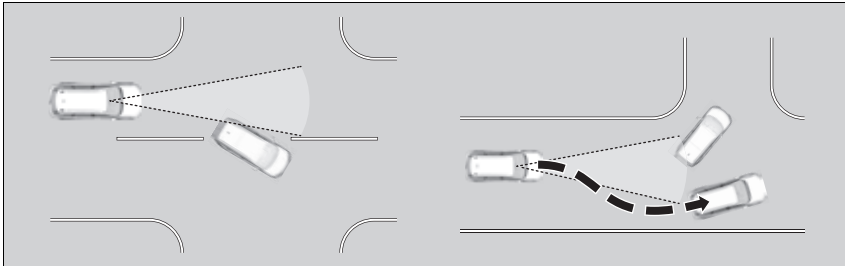
Khi các điều kiện làm CMBS bị tắt được cải thiện hoặc được xử lý (ví dụ như làm sạch), hệ thống sẽ hoạt động trở lại.

■ Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm

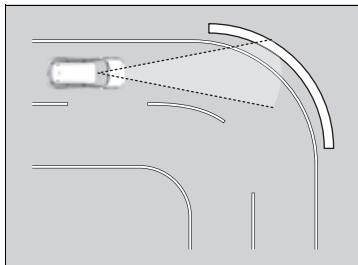
Ngay cả khi ít khả năng xảy ra va chạm, CMBS có thể hoạt động trong các điều kiện sau:

Đồng thời, hệ thống có thể hoạt động nếu phát hiện có khả năng xảy ra va chạm với người đi bộ, xe đạp đang di chuyển, hoặc xe khác.

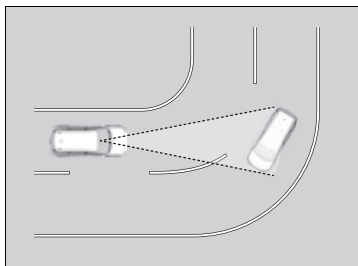
- Xe của bạn tiến gần hoặc vượt xe khác khi xe đó đang rẽ trái hoặc phải.
- Xe của bạn tiến gần đến xe phía trước và bạn chuyển làn đường để vượt.



- Khi xe bạn tiến gần đến xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển.
- Khi xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đang di chuyển vượt qua phía trước xe bạn.
- Khi bạn lái qua công trình thấp hoặc qua cổng hẹp ở tốc độ cao.
- Khi có các biển báo giao thông hoặc các công trình như lan can ở đoạn đường dọc theo khúc cua.



- Khi lái xe qua khúc cua, xe bạn đến điểm mà xe đang tới ở ngay phía trước mặt bạn.



- Khi xe bạn đến gần xe khác đứng yên hoặc đến gần bức tường, chẳng hạn như khi đỗ xe.

Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

Giúp duy trì tốc độ xe ổn định và thiết lập khoảng cách an toàn giữa xe bạn với xe phía trước mà bạn không cần giữ chân lên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga.

Khi ACC giảm tốc độ xe bằng cách phanh xe, đèn phanh của xe sẽ sáng lên.

Thời điểm sử dụng



Camera trước được lắp phía sau gương chiếu hậu.



- Tốc độ xe cho ACC: Tốc độ mong muốn trong phạm vi trên 40 km/h (25 mph)^{*1}/ 30 km/h^{*2}.
- Vị trí số cho ACC: Ở **D** hoặc **S**.

* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

* 2: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

⚠️ Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

⚠️ CẢNH BÁO

Sử dụng ACC không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Chỉ sử dụng ACC khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện thời tiết tốt.

⚠️ CẢNH BÁO

ACC có khả năng phanh hạn chế.

Khi tốc độ xe của bạn giảm xuống dưới 35 km/h (22 mph)^{*1}/25 km/h^{*2}, ACC sẽ tự động hủy và không sử dụng phanh của xe.

Luôn sẵn sàng nhấn bàn đạp phanh trong tình huống cần thiết.

Nhắc Nhở Quan Trọng

Giống như bất kỳ hệ thống nào, ACC cũng có các hạn chế. Hãy sử dụng bàn đạp phanh bất cứ khi nào cần, và luôn giữ khoảng cách an toàn giữa xe bạn với các xe khác.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

📷 Camera Trước Tr. 336

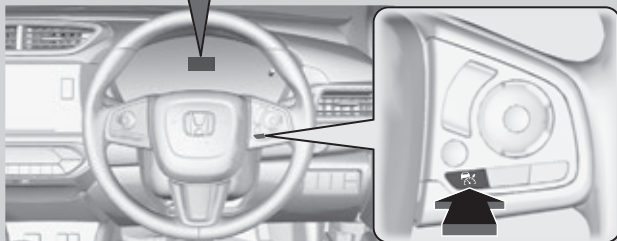
■ Cách kích hoạt hệ thống

Cách sử dụng



 (màu trắng) sáng trên đồng hồ đo.
ACC sẵn sàng để sử dụng.

■ Ấn nút  trên vô lăng.



►► Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

Loại xe Thái Lan

LƯU Ý: Cần vận hành thiết bị này khi kết nước cách xa cơ thể người ít nhất 20 cm trở lên (không bao gồm các chi: bàn tay, cổ tay, bàn chân và mắt cá chân).

Thiết bị viễn thông này phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của NTC.

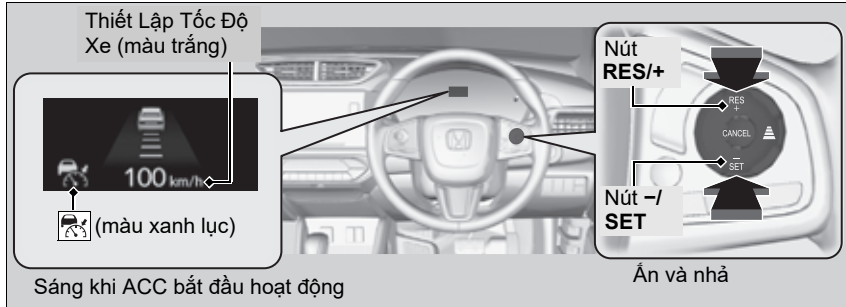
Thiết bị viễn thông này có bức xạ EMF tuân theo tiêu chuẩn phơi nhiễm NTC EMF.

ACC có thể không hoạt động tốt trong các điều kiện nhất định.

🔍 Điều Kiện và Hạn Chế của ACC Tr. 298

Khi không sử dụng ACC: Ấn nút  để tắt điều khiển chế độ chạy ổn định thích ứng.

■ Thiết Lập Tốc Độ Xe



Nhấc chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **RES/+** hoặc **-/SET** khi bạn đạt đến tốc độ mong muốn. Khi bạn nhả nút, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định, và ACC sẽ bắt đầu hoạt động.

►Thiết Lập Tốc Độ Xe

Không sử dụng ACC trong các điều kiện sau:

- Trên đường có phương tiện chuyển làn thường xuyên hoặc dừng và đi liên tục, ACC có thể không thể giữ khoảng cách thích hợp giữa xe bạn và xe phía trước.
- Trên đường có khúc cua gấp.
- Trên đường có các thiết bị soát vé hoặc các vật thể khác chắn giữa làn đường hoặc ở khu vực đỗ xe hoặc các thiết bị truy cập khi lái.
- Lái xe trong thời tiết xấu (có mưa, sương mù, tuyết, v.v.) khiến ACC không thể phát hiện đúng khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước.
- Đường trơn trượt hoặc bị đóng băng. Các bánh xe có thể bị trượt và làm xe bị mất lái.
- Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc cao.
- Đường nhiều dốc.

Các đèn báo hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), và **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), áp suất lốp thấp/TPMS* và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hồ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bạn đặt chế độ nguồn ở **BẬT** sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12mph). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

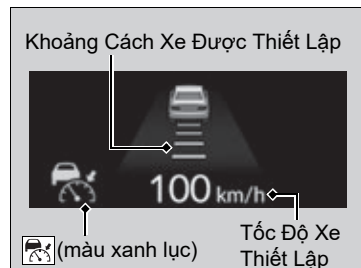
Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Bạn có thể chuyển đổi các đơn vị đo tốc độ đã đạt được hiển thị trên giao diện thông tin cho người lái từ km/h sang mph và ngược lại.

► **Đơn Vị Đo Tốc Độ/Quãng Đường Tr. 128**

► **Cài Đặt Tr. 129**

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe



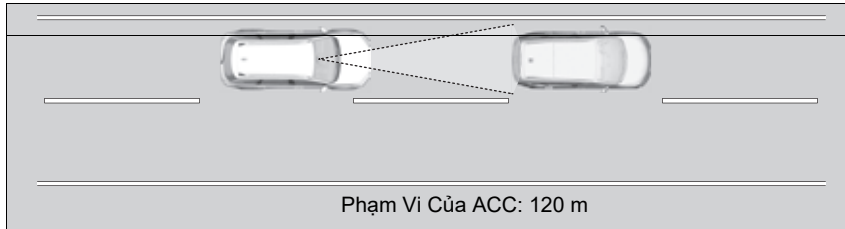
Khi ACC bắt đầu hoạt động, biểu tượng xe, các thanh biểu thị khoảng cách và tốc độ đã được thiết lập sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

■ Khi Hoạt Động

■ Có xe phía trước

ACC sẽ giám sát nếu xe phía trước xe bạn đi vào phạm vi ACC. Trong trường hợp này, hệ thống ACC sẽ duy trì hoặc giảm tốc độ xe đã được thiết lập để giữ khoảng cách đã thiết lập với xe phía trước.

📌 **Thiết Lập hoặc Thay Đổi Khoảng Cách Giữa Các Xe** Tr. 303

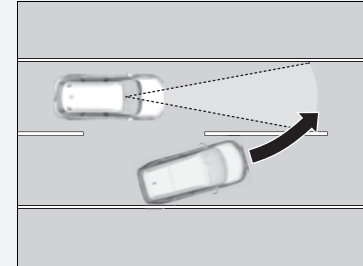


* 1: Loại vô lăng bên trái ngoại trừ loại xe Việt Nam

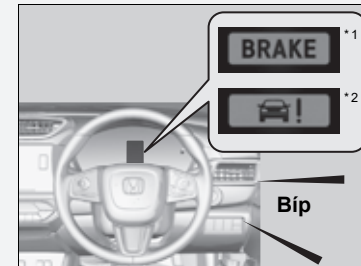
* 2: Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

▶ Khi Hoạt Động

Nếu xe phía trước giảm tốc độ bất ngờ, hoặc có xe khác cắt ngang phía trước, tiếng bíp sẽ vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.



Nhấn bàn đạp phanh và giữ khoảng cách phù hợp với xe phía trước.





Khi có một xe khác phía trước chạy với tốc độ thấp hơn tốc độ xe bạn đã thiết lập hoặc cắt ngang qua đầu xe bạn và camera phát hiện ra, xe của bạn sẽ bắt đầu giảm tốc.

►► Khi Hoạt Động

Ngay cả khi phát hiện xe bạn đang chạy gần với xe phía trước, ACC có thể bắt đầu tăng tốc xe trong các trường hợp sau:

- Xe phía trước chạy với tốc độ gần bằng hoặc nhanh hơn xe bạn.
- Xe cắt ngang phía trước xe bạn chạy nhanh hơn xe bạn, dần dần bỏ xa xe bạn.

Bạn cũng có thể cài đặt để hệ thống phát ra tiếng bíp khi phát hiện xe phía trước đi vào hoặc ra khỏi phạm vi phát hiện của ACC. Chọn bật và tắt tiếng bíp khi phát hiện xe.

► Cài Đặt Tr. 129

Hạn chế

Bạn có thể cần đến phanh để duy trì khoảng cách an toàn khi sử dụng ACC. Bên cạnh đó, ACC có thể không hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định.

► Điều Kiện và Hạn Chế của ACC Tr. 298

■ Không có xe phía trước



Biểu tượng xe dưới dạng nét đứt xuất hiện trên đồng hồ đo.

Xe của bạn duy trì tốc độ đã được thiết lập mà không phải giữ chân trên bàn đạp phanh hay bàn đạp ga. Nếu trước đó phát hiện ra xe phía trước khiến xe bạn không thể giữ tốc độ đã được thiết lập, ACC sẽ tăng tốc đến tốc độ đã thiết lập và duy trì tốc độ đó.

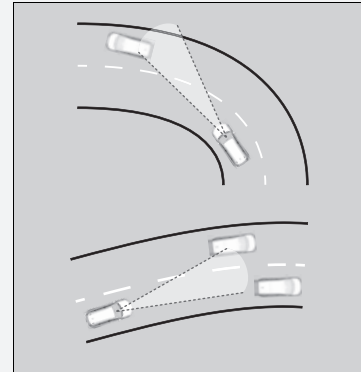
Khi xuống dốc cao trong khi ACC hoạt động, hệ thống sẽ phanh để tránh tăng ga quá mức nhằm duy trì tốc độ đã thiết lập. Tuy nhiên, tốc độ xe có thể trở nên nhanh hơn tốc độ đã thiết lập.

■ Khi bạn nhấn bàn đạp ga

Bạn có thể tạm thời tăng tốc độ xe. Trong trường hợp này, sẽ không có âm thanh hay hình ảnh gì thông báo cho bạn ngay khi xe ở trong phạm vi của ACC. ACC tiếp tục hoạt động trừ khi bạn hủy. Khi bạn nhả bàn đạp ga, hệ thống sẽ trở lại tốc độ đã thiết lập.

▶▶ Khi Hoạt Động

- ACC có thể tạm thời kiểm soát khoảng cách giữa xe bạn và xe trong làn đường liền kề hoặc vùng xung quanh tùy thuộc vào điều kiện đường xá (ví dụ: chỗ khúc cua) hoặc điều kiện xe (ví dụ: xoay vô lăng hoặc thay đổi vị trí xe trong làn đường).



- Khi xe phía trước di chuyển ra xa, chẳng hạn như khi đi vào nút giao thông hoặc trạm dừng chân, ACC có thể tiếp tục duy trì khoảng cách giữa các xe đã thiết lập trong thời gian ngắn.

■ Điều Kiện và Hạn Chế của ACC

Hệ thống có thể tự động tắt trong những điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó. Các điều kiện khác có thể làm giảm một số chức năng của ACC.

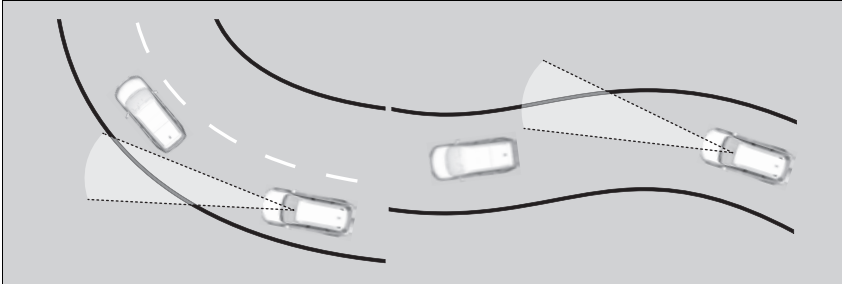
📷 Camera Trước Tr. 336

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối như trong đường hầm (do ánh sáng yếu nên khó phát hiện ra xe khác).
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc.



- Lái xe trên đường hằn lún (đường có tuyết hoặc đường không lát, v.v.).
- Mặt đường bị dính nước hoặc có vũng nước.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc nơi tối (ví dụ: hầm) và đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ* v.v.).
- Hệ thống treo đã bị sửa đổi.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

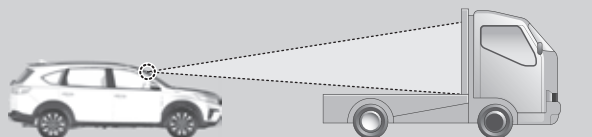
■ Ví dụ về các điều kiện mà camera không phát hiện ra xe phía trước

- Khi xe khác bắt ngờ cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Khi xe phía trước hòa lẫn vào nền không gian khiến hệ thống không thể nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe phía trước sáng một bên hoặc cả hai bên đều không sáng khi xe đi vào chỗ tối.

■ Ví dụ về các điều kiện khiến hệ thống có thể không hoạt động hiệu quả

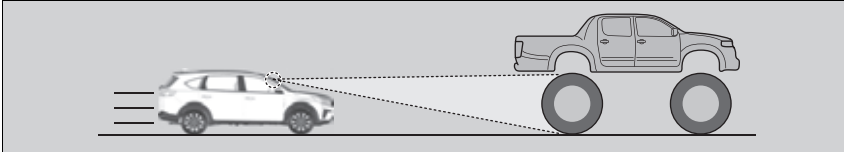
- Xe phía trước dừng và chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe phía trước quá lớn.
- Khi xe phía trước giảm tốc độ đột ngột.
- Khi xe phía trước là xe ba bánh* hoặc có hình dáng đặc biệt.
- Khi xe phía trước có cấu tạo phía sau thấp hơn phía trước, chẳng hạn như xe tải không chở hàng lý, hoặc loại xe hẹp.

Camera phát hiện xe tải phía trước có thùng xe rỗng.



- Khi xe bạn hoặc xe phía trước đang lái ở rìa làn đường.
- Khi xe phía trước là xe kích cỡ nhỏ, chẳng hạn như xe gắn máy.

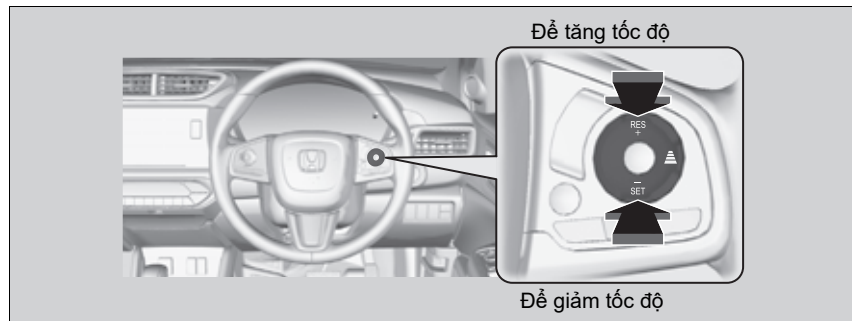
- Khi khoảng sáng tối thiểu gầm xe của xe phía trước quá cao.



- Khi camera trước không xác định được chính xác hình dạng của xe phía trước.

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Ấn nút **RES/+** hoặc **-/SET** trên vô lăng để tăng hoặc giảm tốc độ xe.



- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **-/SET**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h hoặc 1 mph*.
- Nếu bạn ấn và giữ nút **RES/+** hoặc **-/SET**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 5 km/h hoặc 5 mph*¹/10 km/h*².

* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

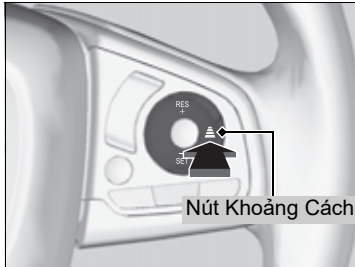
* 2: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

►►Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

Nếu phát hiện xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp hơn tốc độ đã thiết lập để tăng tốc, ACC không thể tăng tốc độ xe của bạn. Điều này giúp duy trì khoảng cách đã cài đặt giữa xe bạn và xe phía trước.

Khi bạn nhấn bàn đạp ga, sau đó ấn và nhả nút **-/SET**, tốc độ xe khi đó sẽ được thiết lập.

■ Cài Đặt hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác



Ấn nút khoảng cách để thay đổi khoảng cách với xe khác của ACC.

Mỗi khi ấn nút, chu kỳ thiết lập khoảng cách với xe khác (khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước được phát hiện) chuyển giữa rất xa, xa, trung bình và gần.

Xác định khoảng cách với xe khác phù hợp nhất tùy theo điều kiện lái cụ thể. Đảm bảo tuân theo quy định của địa phương về khoảng cách lái.

Tốc độ xe bạn càng cao, khoảng cách giữa hai xe ở các mức gần, trung bình, xa và rất xa càng trở lên lớn hơn. Xem các ví dụ sau để tham khảo.

Khoảng cách xe		Khi Tốc Độ Xe Được Thiết Lập là:	
		80 km/h	104 km/h
Gần		26,6 mét 1,2 giây	33,7 mét 1,2 giây
Trung Bình		34,6 mét 1,6 giây	44,9 mét 1,6 giây
Xa		44,0 mét 2,0 giây	57,1 mét 2,0 giây
Rất Xa		53,6 mét 2,4 giây	70,0 mét 2,4 giây

⌘Cài Đặt hoặc Thay Đổi Khoảng Cách với Xe Khác

Người lái phải duy trì khoảng cách phanh vừa đủ với xe phía trước trong mọi trường hợp và phải biết rằng khoảng cách tối thiểu và thời gian giãn cách tối thiểu có thể được quy định trong Luật Giao Thông ở địa phương và trách nhiệm của người lái là phải tuân thủ luật.

Hủy Chế Độ



Để hủy ACC, hãy làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
 - Đèn báo (xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (màu trắng).
- Ấn nút .
 - Đèn báo (màu xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh khi xe di chuyển về phía trước.
 - Đèn báo (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo (màu trắng).

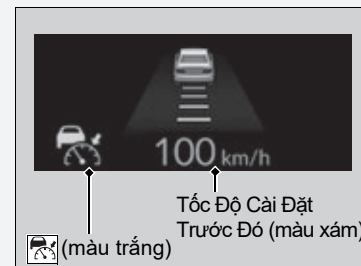
Hủy Chế Độ

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó: Sau khi bạn đã hủy ACC, bạn có thể kích hoạt ACC với tốc độ đã cài đặt trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn nút **RES/+**.

Khi bạn tắt ACC bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ cài đặt trước đó sẽ hiển thị trên đồng hồ đo màu xám.

Khi bạn ấn nút **RES/+**, ACC sẽ hoạt động theo tốc độ đã hiển thị.

Nếu đèn báo (màu trắng) xuất hiện và bạn ấn nút **RES/+** nhưng tốc độ cài đặt trước đó (màu xám) không hiển thị, tốc độ xe đang chạy sẽ được thiết lập.



Không thể thiết lập hoặc khôi phục tốc độ đã thiết lập khi tắt ACC bằng nút . Ấn nút để kích hoạt hệ thống, sau đó cài đặt tốc độ mong muốn. Nếu tốc độ xe dưới 40 km/h (25 mph)¹/30 km/h² hệ thống không thể hoạt động trở lại.

* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

* 2: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Hủy tự động

Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi ACC bị hủy tự động. ACC sẽ tự động bị hủy ở bất kỳ điều kiện nào sau đây:

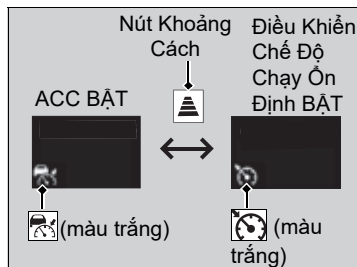
- Thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v)
- Không thể phát hiện ra xe phía trước.
- Phát hiện tình trạng lốp bất thường hoặc lốp bị trượt.
- Lái trên đường đồi núi, lái ở đường hiểm trở trong thời gian dài.
- Bề lái đột ngột.
- Khi kích hoạt ABS, VSA hoặc CMBS.
- Khi đèn báo hệ thống VSA sáng.
- Khi gạt phanh đỗ bằng tay.
- Khi tốc độ xe dưới 35 km/h (22 mph)^{*1}/25km/h^{*2}.
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Lái xe khi ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ: vào lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Khi phát hiện xe khác trong phạm vi ACC ở quá gần với xe bạn.
- Khi tăng tốc nhanh.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Khi tắt động cơ.
- Xe chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Khi đi qua khu vực tối ví dụ như trong đường hầm.
- Khi đèn báo phanh đỗ và hệ thống phanh (màu hồ phách) sáng.
- Nhấn phanh nhiều lần để duy trì tốc độ đã thiết lập (ví dụ như khi đang xuống dốc dài).
- Khi hệ thống không phát hiện bất kỳ thao tác lái xe nào của người lái trong một khoảng thời gian nhất định đồng thời LKAS cũng được kích hoạt.

* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

* 2: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Chuyển ACC sang Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định



Ấn và giữ nút Khoảng cách trong một giây. **Chế độ chạy ổn định đã chọn** sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái trong hai giây, sau đó chế độ này sẽ chuyển sang Chế độ chạy ổn định. Đèn báo  sáng.

- Màu xanh lục: Hệ thống bật.
- Màu trắng: Hệ thống chờ.

Để trở lại chế độ ACC, ấn và giữ nút khoảng cách lần nữa trong một giây.

■ Thời điểm sử dụng

Tốc độ mong muốn trong khoảng trên 40 km/h (25 mph).

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Thiết Lập Tốc Độ Xe

Thả chân ra khỏi bàn đạp và ấn nút **RES/+** hoặc **-/SET** khi bạn đã đạt đến tốc độ mong muốn.

Khi bạn nhả nút **RES/+** hoặc **-/SET**, tốc độ đã thiết lập sẽ được cố định, và điều khiển chế độ chạy ổn định sẽ bắt đầu hoạt động. Màu của đèn báo  sẽ chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục.

►►Chuyển ACC sang Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định

Cần xác định được bạn đang ở chế độ nào. Khi bạn đang lái xe ở chế độ Chạy ổn định, hệ thống sẽ không hỗ trợ bạn duy trì khoảng cách với xe phía trước.

Bạn không thể chuyển ACC sang Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe được thiết lập.
- Khi ACC không hoạt động.

Bạn có thể thay đổi đơn vị đo tốc độ đã cài đặt được hiển thị trên màn hình giao diện thông tin cho người lái từ km/h sang mph và ngược lại.

► **Đơn Vị Đo Tốc Độ/Quãng Đường** Tr. 128

► **Cài Đặt** Tr. 129

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Điều Chỉnh Tốc Độ Xe

- Mỗi lần bạn ấn nút **RES/+** hoặc **-/SET**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 1 km/h hoặc 1 mph.
- Nếu bạn ấn giữ nút **RES/+** hoặc **-/SET**, tốc độ xe sẽ tăng hoặc giảm tương ứng khoảng 5 km/h hoặc 5 mph.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Hủy Chế Độ

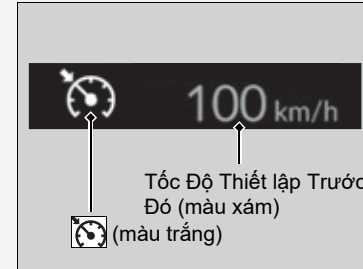
Để hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, làm như sau:

- Ấn nút **CANCEL**.
 - Đèn báo  (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo  (màu trắng).
- Ấn nút .
 - Đèn báo  (màu xanh lục) tắt.
- Nhấn bàn đạp phanh.
 - Đèn báo  (màu xanh lục) trên đồng hồ đo chuyển sang đèn báo  (màu trắng).

►► Hủy Chế Độ

Khôi phục tốc độ cài đặt trước đó: Sau khi bạn hủy điều khiển chế độ chạy ổn định, bạn có thể kích hoạt điều khiển chế độ chạy ổn định theo tốc độ thiết lập trước đó được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám) bằng cách ấn nút **RES/+** trong khi lái xe với tốc độ ít nhất 40 km/h (25 mph) trở lên. Khi bạn tắt điều khiển chế độ chạy ổn định bằng cách ấn nút **CANCEL** hoặc nhấn bàn đạp phanh, tốc độ thiết lập trước đó sẽ được hiển thị trên đồng hồ đo (màu xám). Khi ấn nút **RES/+**, điều khiển chế độ chạy ổn định sẽ được kích hoạt theo tốc độ đã hiển thị. Nếu đèn báo  (màu trắng) hiển thị và bạn ấn nút **RES/+** nhưng tốc độ thiết lập trước đó (màu xám) không hiển thị, tốc độ hiện tại của xe sẽ được thiết lập.

►►Hủy Chế Độ



Không thể thiết lập hoặc khôi phục trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ xe dưới 40 km/h (25 mph)
- Điều khiển chế độ chạy ổn định sẽ bị huỷ bằng cách ấn nút .

Khi tốc độ xe ở 35 km/h (22 mph) trở xuống, điều khiển chế độ chạy ổn định sẽ bị huỷ tự động.

Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Hệ thống giúp điều khiển hệ thống lái để giữ xe đi giữa làn đường đã phát hiện và đưa ra cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh* và hình ảnh nếu phát hiện xe ra ngoài làn đường.

■ Hỗ trợ hệ thống lái

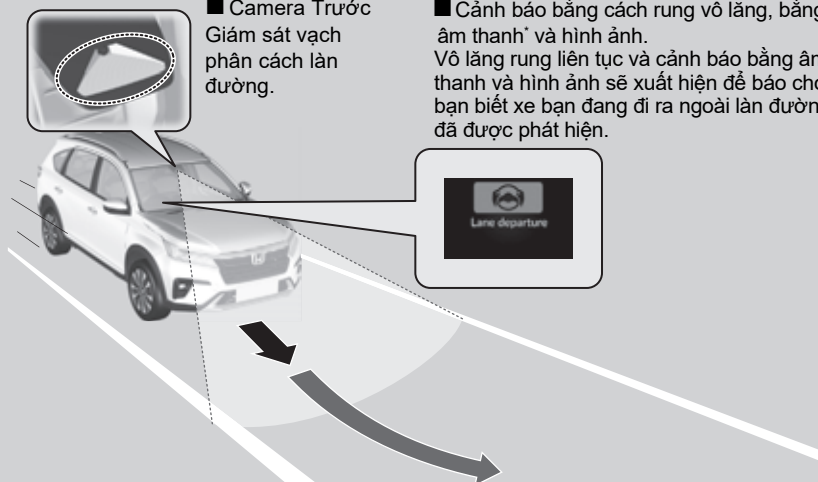
Hệ thống tác động mô-men lực lên hệ thống lái nhằm giữ xe ở giữa vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải. Mô-men lực sẽ lớn dần khi xe đến gần một trong hai vạch phân cách làn đường.

■ Camera Trước

Giám sát vạch phân cách làn đường.

■ Cảnh báo bằng cách rung vô lăng, bằng âm thanh* và hình ảnh.

Vô lăng rung liên tục và cảnh báo bằng âm thanh và hình ảnh sẽ xuất hiện để báo cho bạn biết xe bạn đang đi ra ngoài làn đường đã được phát hiện.



Khi bạn bật xi nhan để chuyển làn, hệ thống sẽ tạm dừng và tiếp tục hoạt động sau khi tắt xi nhan.

Nếu bạn chuyển làn mà không bật xi nhan, cảnh báo LKAS sẽ kích hoạt và lực mô-men sẽ tác động vào hệ thống lái.

▶▶ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

LKAS chỉ giúp bạn lái xe thuận tiện chứ không thể thay thế cho việc điều khiển xe của bạn. Hệ thống sẽ không hoạt động nếu bạn bỏ tay ra khỏi vô lăng hoặc không lái.

LKAS rất tiện lợi khi sử dụng trên đường cao tốc hoặc đường có hai làn xe.

Không để bất cứ vật gì lên bảng điều khiển vì các vật đó có thể phản chiếu lên kính chắn gió và khiến hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.

LKAS chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn đang đi lệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ thống LKAS không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường hoặc làn đường; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường.

Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

LKAS không thể hoạt động hiệu quả trong một số điều kiện nhất định:

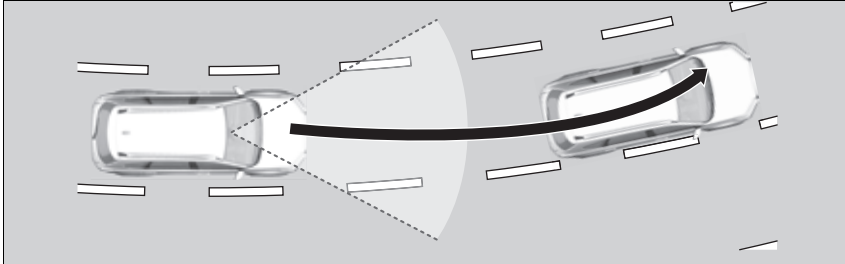
▶▶ Điều Kiện và Hạn Chế của LKAS Tr. 318

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

▶▶ Camera Trước Tr. 336

■ Chức Năng Hỗ Trợ Giữ Làn Đường

Hỗ trợ xe đi giữa làn đường. Khi xe đi gần vạch màu trắng hoặc màu vàng, lực lái của hệ thống lái trợ lực điện sẽ tăng lên.



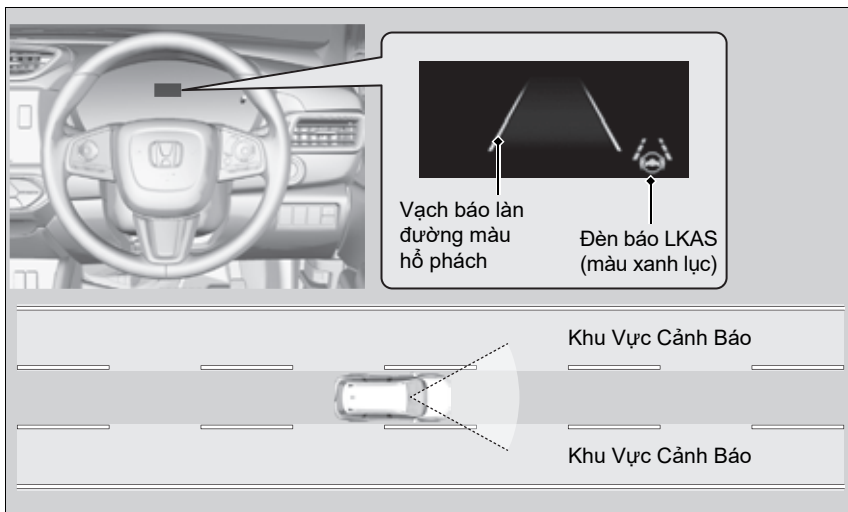
▣ Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)

Nếu LKAS không phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tạm thời bị hủy. Khi phát hiện ra làn đường, hệ thống sẽ tự động hoạt động trở lại.

LKAS không thể hoạt động hiệu quả khi lái xe trong điều kiện giao thông đông đúc hoặc trên đường ngoằn ngoèo.

■ Chức Năng Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Khi xe đi vào khu vực cảnh báo, LKAS sẽ cảnh báo cho bạn biết bằng cách rung nhẹ vô lăng đồng thời xuất hiện cảnh báo bằng âm thanh* và hình ảnh.



Hệ Thống có thể được Sử Dụng Khi

Hệ thống có thể được sử dụng khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Làn đường đang lái có các vạch báo làn đường để phát hiện ở cả hai bên đường và xe bạn đang đi giữa làn đường.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Xe đang chạy với tốc độ trong khoảng từ 72 đến 145 km/h (45 đến 90 mph).

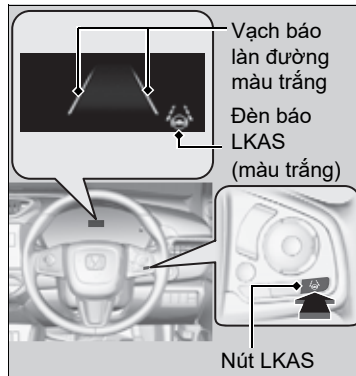
Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Xe đang chạy với tốc độ trong khoảng 72 đến 180 km/h.

Tất cả các loại xe

- Lái trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tắt xi nhan.
- Không nhấn bàn đạp phanh.

Cách kích hoạt hệ thống



1. Ấn nút LKAS.

- Đèn báo LKAS (màu trắng) sẽ sáng trên đồng hồ đo.
Hệ thống đang ở chế độ chờ.
- Nếu phát hiện vạch phân cách làn đường, vạch màu trắng sẽ xuất hiện trên đồng hồ đo.

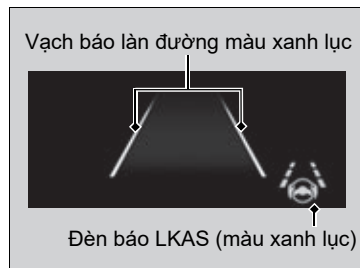
Hệ Thống có thể được Sử Dụng Khi

Nếu xe tạt sang làn đường bên trái hoặc phải do mô-men xoắn tác động lên hệ thống, hãy tắt LKAS và đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Đảm bảo thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây để hệ thống hoạt động hiệu quả:

- Đảm bảo kính chắn gió xung quanh camera luôn sạch sẽ.
- Khi vệ sinh kính chắn gió, lưu ý không để nước rửa kính chắn gió dính vào thấu kính camera.
- Không chạm vào thấu kính camera.
- Không dán nhãn vào khu vực xung quanh camera.

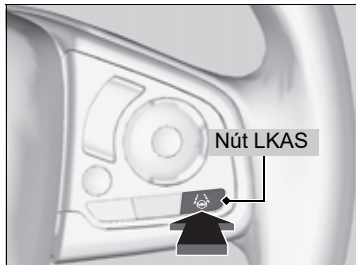
Nếu ấn nút LKAS khi có thể sử dụng hệ thống, LKAS sẽ bật mà không cần ở chế độ chờ.



2. Giữ xe ở gần giữa làn đường khi lái xe.

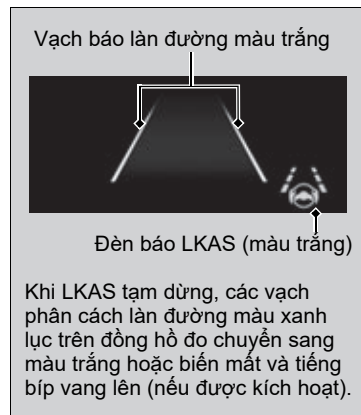
- Đèn báo LKAS chuyển từ màu trắng sang màu xanh lục và vạch màu trắng chuyển sang màu xanh lục khi hệ thống bắt đầu hoạt động sau khi phát hiện vạch báo làn đường bên trái và bên phải.

■ Hủy Chế Độ



Ấn nút LKAS.

LKAS sẽ tắt mỗi khi bạn tắt động cơ, ngay cả khi bạn đã bật hệ thống vào lần lái xe gần đây nhất.



■ Hệ thống sẽ tạm dừng nếu bạn:

- Giảm tốc độ xe xuống khoảng 64 km/h (40 mph) trở xuống.
 - Tăng tốc độ xe lên khoảng từ 72 km/h (45 mph) trở lên, LKAS sẽ hoạt động trở lại.
- Nhấn bàn đạp phanh.
 - LKAS tiếp tục hoạt động và bắt đầu phát hiện vạch phân cách làn đường khi nhả bàn đạp phanh.
- Bạn đang lái xe sang phải hoặc sang trái làn đường.

►►Hủy Chế Độ

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho LKAS.
Có thể chọn bật và tắt tiếng bíp tạm dừng LKAS.

► Cài Đặt Tr. 129

■ LKAS có thể tự động tạm dừng khi:

- Hệ thống không phát hiện ra vạch phân cách làn đường.
- Xoay vô lăng nhanh.
- Xe bị mất lái.
- Lái xe trên đường có góc cua hẹp.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Lái ở tốc độ vượt quá khoảng 150 km/h (94 mph).

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Lái ở tốc độ vượt quá khoảng 185 km/h.

Tất cả các loại xe

- Hệ thống ABS hoặc VSA được kích hoạt.

LKAS sẽ tự động hoạt động trở lại khi những điều kiện trên không còn nữa.

■ LKAS có thể tự động hủy khi:

Trong những trường hợp sau, vạch phân cách làn đường có thể biến mất trên đồng hồ đo, tiếng bíp có thể vang lên và LKAS có thể tự động bị hủy:

- Nhiệt độ camera quá cao.
- Camera ở phía sau gương chiếu hậu, hoặc khu vực quanh camera và kính chắn gió bị bẩn.

■ Điều Kiện và Hạn Chế Của LKAS

Hệ thống không thể phát hiện ra vạch phân cách làn đường và vì thế không thể giữ xe ở giữa làn đường trong các trường hợp sau:

■ Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường là không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết v.v).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đây (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi vào hoặc đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua hầm (do ánh sáng yếu, làn đường hoặc mặt đường có thể không được chiếu sáng).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần, không nhìn thấy vạch báo làn đường hoặc mặt đường.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách làn đường khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường đã cũ.

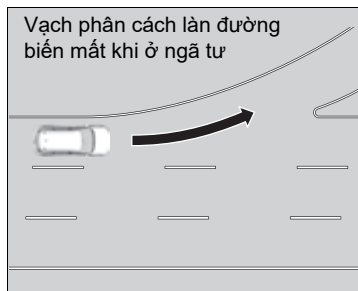


- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hay cắt nhau, ví dụ ở đoạn đường giao nhau hay đường dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.



- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc lái gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.

- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện, v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái trên đường gồ ghề hoặc không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Lái trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái trên đường có tuyết hoặc trơn trượt.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Mặt đường dính nước hoặc có vũng nước.
- Không nhận diện được chính xác các vạch màu trắng (hoặc màu vàng) do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Đi qua ngã tư.



■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ* v.v.).
- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định xe bạn có nguy cơ chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe đang đến gần.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Cảnh báo và hỗ trợ bạn khi hệ thống xác định khả năng xe bạn vô tình cắt ngang qua vạch phân cách làn đường và/hoặc ra khỏi làn đường xe chạy.

►►Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Nhắc Nhở Quan Trọng Về Sự An Toàn

Giống như tất cả các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cũng có hạn chế.

Quá phụ thuộc vào hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể dẫn đến va chạm. Bạn cần giữ xe đi đúng làn đường.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường cảnh báo cho bạn khi phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi), phát hiện có xe đang đến gần hoặc phát hiện xe bạn lấn sang làn đường khác mà không bật xi nhan.

Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện tất cả vạch phân cách làn đường hoặc việc lấn làn.

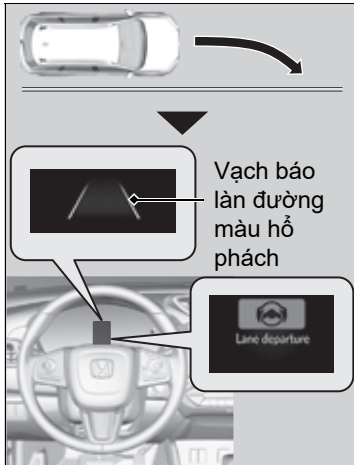
Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện xe bạn sắp đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc phát hiện có xe khác đang đến gần. Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể hỗ trợ bạn do các điều kiện về thời tiết, tốc độ và điều kiện đường xá.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường chỉ cảnh báo cho bạn khi phát hiện bạn đang đi chệch làn đường mà không dùng xi nhan. Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể phát hiện ra tất cả vạch phân cách làn đường, làn đường hay vạch xuất phát đường bộ; độ chính xác sẽ thay đổi do điều kiện thời tiết, tốc độ xe và vạch báo làn đường. Bạn cần vận hành xe an toàn và tránh va chạm.

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái



Camera trước gắn phía sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải màu trắng hoặc màu vàng, giám sát ngoài lề đường (vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc giám sát xe đang đến gần.

Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường, chạy ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc chạy gần xe đang đi đến mà bạn không bật xi nhan thì hệ thống sẽ hoạt động.

- Nếu hệ thống không phát hiện vạch phân cách làn đường (màu trắng hoặc màu vàng) thì hệ thống không thể hỗ trợ việc tránh va chạm với xe đang đến gần. Ngoài việc cảnh báo bằng hình ảnh, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái và thông báo cho bạn biết bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

► Cài Đặt Tr. 129

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure** (Chệch làn đường) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi chệch ra khỏi vạch phân cách làn đường được phát hiện, hoặc tránh đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc tránh va chạm với xe đang đến gần.

Nếu hệ thống vận hành vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn.

Còn nữa

►►Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không kích hoạt trong khoảng 15 giây sau khi khởi động động cơ.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được trang bị cho hệ thống này.

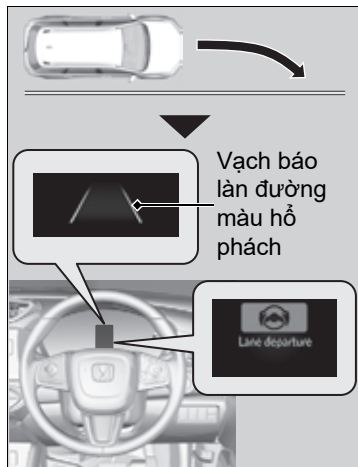
► Camera Trước Tr. 336

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường không thể hoạt động tốt ở một số điều kiện nhất định:

► Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường Tr. 328

Đôi khi bạn không nhận thấy được các chức năng của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường do hoạt động của xe hoặc tình trạng mặt đường.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái



Camera trước gắn phía sau gương chiếu hậu sẽ giám sát vạch phân cách làn đường bên trái và bên phải (màu trắng hoặc màu vàng). Nếu xe của bạn chạy quá gần với vạch phân cách làn đường mà bạn không bật xi nhan, hệ thống sẽ tác động lực vào hệ thống lái ngoài việc cảnh báo bằng hình ảnh và thông báo cho bạn biết bằng cách rung nhanh vô lăng để giúp bạn đi đúng làn đường được phát hiện.

► Cài Đặt Tr. 129

Để cảnh báo bằng hình ảnh, thông báo **Lane departure** (Chệch làn đường) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Hệ thống sẽ hủy hỗ trợ khi bạn xoay vô lăng để tránh đi ngang qua vạch phân cách làn đường được phát hiện.

►►Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Bạn có thể thay đổi cài đặt cho hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường. Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định xe bạn có khả năng đi qua các vạch phân cách làn đường đã phát hiện, đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc tiến sát vào xe đang đến gần.

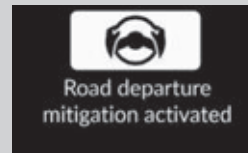
► Cài Đặt Tr. 129

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

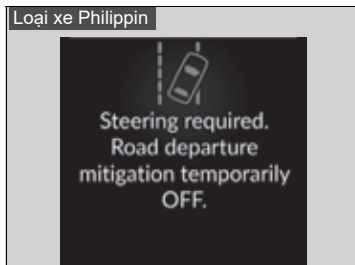
Bạn có thể thay đổi cài đặt cho hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường.

Nếu LKAS tắt, thông báo bên dưới có thể xuất hiện nếu hệ thống xác định xe bạn có khả năng đi qua các vạch phân cách làn đường đã phát hiện.

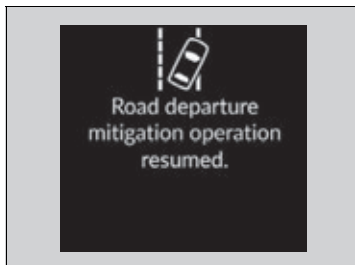
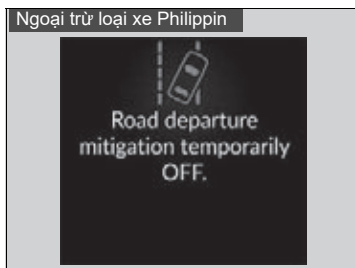
► Cài Đặt Tr. 129



Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái



Nếu hệ thống vận hành vài lần mà không thấy phản ứng của người lái, hệ thống sẽ phát ra tiếng bíp để thông báo cho bạn. Sau đó, tính năng hỗ trợ lái hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường tạm thời dừng và chỉ có âm thanh cảnh báo.



Sau một vài phút, thông báo ở hình bên trái xuất hiện và hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ được khôi phục hoàn toàn.

■ Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ hoạt động khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Các vạch phân cách làn đường là màu trắng (màu vàng).
Tốc độ xe từ khoảng 72 đến 145 km/h (45 đến 90 mph)*1/72 đến 180 km/h*2.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

► Khi xe đang đến gần đang chạy

Tốc độ xe từ khoảng 72 đến 145 km/h (45 đến 90 mph).

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Xe đi ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi).
Tốc độ xe từ khoảng 72 đến 145 km/h (45 đến 90 mph).

Tất cả các loại xe

- Xe đang chạy trên đường thẳng hoặc đường có độ cua nhẹ.
- Tất xi nhan.
- Hệ thống xác định người lái không chủ động tăng tốc, phanh hoặc xoay vô lăng.

* 1: Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

* 2: Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

►►Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể tự động tắt và đèn báo hỗ trợ an toàn (màu hổ phách) sáng và sáng suốt.

► Đèn Báo Tr. 96

Chức năng hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể bị ảnh hưởng khi xe:

- Lái ở phía trong của đường vòng hoặc ngoài làn đường.
- Lái ở làn đường hẹp.

Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường



Để bật và tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, hãy làm như sau.

1. Ấn công tắc hỗ trợ an toàn.
2. Ấn nút / (thông tin) để đến biểu tượng và ấn nút **ENTER**.
 - ▶ Thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi bật hoặc tắt hệ thống.
 - ▶ Dấu tích xuất hiện trong ô và màu của biểu tượng chuyển sang màu xanh lục khi bật hệ thống. Dấu tích sẽ biến mất và màu của biểu tượng chuyển sang màu xám khi tắt hệ thống.

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường sẽ bật (tích) hoặc tắt (không tích) tương ứng với lựa chọn trước đó mỗi khi bạn khởi động động cơ.

Bật và Tắt hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Bạn có thể chọn các thông tin hỗ trợ an toàn trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

▶ Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái* Tr. 118

Khi bạn chọn **Warning only** (Chỉ cảnh báo), hệ thống sẽ không vận hành vô lăng.

▶ Cài Đặt Tr. 129

Các đèn báo hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), áp suất lốp thấp/TPMS* và hỗ trợ an toàn có thể sáng màu hỗ phách đồng thời thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái xuất hiện khi bạn đặt chế độ nguồn ở **BẬT** sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Điều Kiện và Hạn Chế của hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ thống không thể phát hiện đúng vạch phân cách làn đường (màu trắng hoặc màu vàng), xe ra ngoài lề đường (vào vệ cỏ hoặc sỏi) hoặc xe đang đến gần trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Hệ thống không thể phát hiện đúng vạch phân cách làn đường và vị trí của xe trong các điều kiện nhất định. Dưới đây là một số ví dụ về các điều kiện đó.

Điều kiện môi trường

- Sự khác biệt giữa vạch phân cách làn đường và bề mặt đường không rõ ràng.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc ướt.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu (ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng).
- Bóng của vật thể gần đây (cây cối, tòa nhà, lan can, xe cộ, v.v.) song song với vạch báo làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hay đi ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, tòa nhà, v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu lên mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như khi đi qua đường hầm (do ánh sáng yếu nên không chiếu rõ làn đường, mặt đường hoặc xe đang đến gần).
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần và không nhìn rõ vạch phân cách làn đường và bề mặt đường.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Ngoài lề đường có các đồ vật, vật liệu, v.v ... không phải là cỏ hoặc sỏi.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường tạm thời.
- Có thể nhìn thấy nhiều vạch phân cách khác nhau đã mờ ở lòng đường do sửa đường hoặc vạch phân cách làn đường cũ.
- Đường có vạch đánh dấu phân cách, giao nhau hoặc cắt nhau ví dụ ở đoạn đường giao nhau hoặc đường dành dành cho người đi bộ.
- Vạch phân cách làn đường quá hẹp, rộng, hoặc thay đổi liên tục.
- Một phần của vạch báo làn đường bị vật gì đó che, ví dụ như một chiếc xe khác.
- Lái xe ở đoạn đường đồi hoặc gần đến đỉnh đồi.
- Xe bị rung lắc mạnh khi đi trên mặt đường không bằng phẳng.
- Khi các vật thể trên đường (như rìa đường, lan can, cột điện v.v) nhìn giống như các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng).
- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không lát đá, mặt đường mấp mô.
- Lái xe trên đường có vạch phân cách làn đường kép.
- Lái xe trên đường có tuyết hoặc trơn.
- Đi qua ngã tư.
- Chỉ có thể nhìn thấy một phần mặt đường do có tuyết hoặc vũng nước trên đường.
- Lái xe trên đường không lát đá hoặc đường bị hằn lún.
- Các vạch phân cách làn đường màu trắng (hoặc màu vàng) không được nhận dạng chính xác do các điều kiện đường như đường cong, có khúc quanh hoặc có dốc.

■ Điều kiện xe

- Khi ánh sáng yếu do thấu kính đèn chiếu sáng bị bụi bẩn, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi ở nơi tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Phía trước của camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Khi người lái vận hành bàn đạp phanh và vô lăng.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (không cùng kích cỡ, kích cỡ hoặc cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ* v.v.).
- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ Ví dụ về các hạn chế của hệ thống trong việc phát hiện do điều kiện của xe đang đến gần

- Xe đang đến gần hoặc xe phía trước chạy dàn hàng ngang.
- Xe đang đến gần đột ngột xuất hiện phía trước xe bạn.
- Khi xe đang đến gần lấn vào nền không gian khiến hệ thống không nhận diện được.
- Đèn chiếu sáng của xe đang đến gần sáng ở một bên hoặc không sáng cả hai bên khi xe đi vào chỗ tối.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe đang đến gần quá gần.
- Một phần của xe đang đến gần bị xe phía trước xe bạn che khuất.
- Phía trước có nhiều làn đường hoặc nhiều ngã rẽ.
- Xe ở làn bên cạnh đang đỗ hoặc di chuyển với tốc độ rất chậm.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ **Ví dụ về các hạn chế khác trong việc phát hiện hoặc hoạt động của hệ thống**

- Khi xe đang đến gần có hình dạng đặc biệt.
- Khi camera trước không xác định được chính xác hình dạng của xe đang đến gần.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

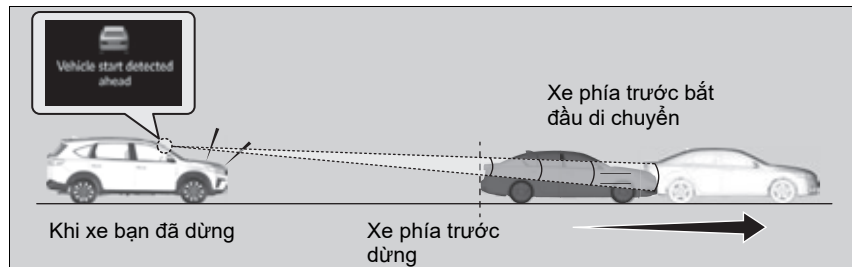
■ **Trường Hợp Ít Xảy Ra Va Chạm**

Hệ thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường có thể hoạt động trong các điều kiện dưới đây.

- Khi lái xe qua các khúc cua, xe của bạn đang đi đến một điểm nơi có xe đang đến gần ở ngay phía trước xe bạn.

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

Thông báo cho bạn bằng hình ảnh và âm thanh khi xe bạn dừng lại mặc dù xe phía trước bạn đã bắt đầu di chuyển.



Cách Hoạt Động Của Hệ Thống

Hệ thống sẽ phát hiện ra xe khác dừng phía trước xe bạn khi hai xe cách nhau trong vòng 10 m và cả hai xe đều đã dừng lại được một thời gian. Khi phát hiện xe kia di chuyển nhưng xe bạn không di chuyển, hệ thống sẽ hoạt động.

■ Khi cần số ở **D** hoặc **S**

Hệ thống sẽ hoạt động khi nhấn bàn đạp phanh.

■ Khi cần số ở **N**

Hệ thống sẽ hoạt động khi xe dừng, nhấn bàn đạp phanh hoặc phanh đỗ đang hoạt động.

►► Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

⚠ CẢNH BÁO

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành là một hệ thống hỗ trợ lái. Hệ thống không thể thông báo cho bạn biết khi nào an toàn để bắt đầu lái.

Sử dụng hệ thống này không đúng cách có thể dẫn đến va chạm.

Phải quan sát kỹ xung quanh để đảm bảo an toàn trước khi lái xe và duy trì khoảng cách an toàn giữa các xe.

Bạn có thể tìm hiểu thông tin xử lý camera được đặt phía sau gương chiếu hậu.

► Camera Trước Tr. 336

Giống như các hệ thống hỗ trợ khác, hệ thống này có thể không hoạt động hiệu quả do thời tiết, điều kiện môi trường, v.v.

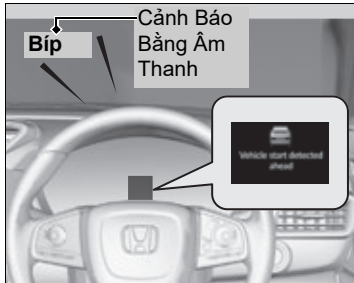
Bạn có thể chọn một trong hai chế độ hoạt động hệ thống, **Normal** (Trung Bình) và **Early** (Sớm).

➡ **Cài Đặt Tr. 129**

Ở chế độ Normal, hệ thống sẽ hoạt động khi xe phía trước đã di chuyển cách nơi dừng khoảng 3m.

Ở chế độ Early, hệ thống sẽ hoạt động ngay khi phát hiện xe phía trước di chuyển.

■ Khi Hệ Thống Hoạt Động



Tiếng bíp vang lên và thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái khi hệ thống hoạt động.

► Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành*

Bạn có thể tắt Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành.

➔ **Cài Đặt Tr. 129**

Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành sẽ không hoạt động trong khi Đèn Báo Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) sáng.

▣ Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC) Tr. 291

■ Điều Kiện và Hạn Chế của Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành

Ở các điều kiện sau, hệ thống có thể hoạt động hoặc không hoạt động bất kể xe phía trước có di chuyển hay không.

■ Điều kiện môi trường

- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, tuyết, sương mù, v.v.).
- Nước hoặc tuyết bắn ra từ xe phía trước.
- Thay đổi đột ngột giữa sáng và tối như khi đi vào hoặc ra khỏi đường hầm hoặc bóng cây, toà nhà v.v.
- Tia sáng mạnh phản chiếu vào xe hoặc mặt đường.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở chỗ tối như trong đường hầm nơi có ánh sáng yếu không chiếu rõ toàn bộ xe.
- Lái xe dưới ánh sáng mặt trời yếu ví dụ lúc bình minh hoặc tranh tối tranh sáng.

■ Điều kiện đường xá

- Lái xe trên đường quanh co, gập ghềnh, mấp mô hoặc có dốc hoặc rẽ trái hoặc phải đột ngột.

■ Điều kiện xe

- Xe bị nghiêng do chất hành lý nặng ở khoang hành lý hoặc ở hàng ghế sau.
- Xe chỉ dừng trong thời gian ngắn.
- Phía trước camera bị bụi bẩn, sương mù, mưa, bùn, tuyết, keo dán, phụ kiện, miếng dán che khuất, hoặc kính chắn gió bị mờ.
- Lái xe vào ban đêm hoặc ở nơi tối (ví dụ: trong đường hầm) mà đèn chiếu sáng tắt.
- Có cặn bám trên kính chắn gió khi cần gạt nước kính chắn gió hoạt động.
- Khi ánh sáng yếu do bụi bẩn bám vào thấu kính đèn chiếu sáng, hoặc xe có tầm nhìn kém khi đi vào chỗ tối do điều chỉnh đèn chiếu sáng không đúng cách.
- Tình trạng lốp xe hoặc bánh xe bất thường (sai kích cỡ, có kích cỡ và cấu tạo khác nhau, độ căng lốp không phù hợp, lốp dự phòng loại nhỏ*, v.v.).
- Hệ thống treo bị sửa đổi.

■ Ví dụ về các điều kiện mà camera có thể không phát hiện ra xe phía trước

- Xe phía trước chỉ dừng lại một lúc.
- Khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước quá gần.
- Xe phía trước di chuyển quá chậm.
- Xe phía trước đột ngột quay đầu hoặc rẽ trái hoặc phải.
- Xe phía trước lấn vào không gian và không thể phát hiện ra.
- Xe phía trước chỉ bật một đèn hậu hoặc cả hai đèn hậu đều không sáng.

■ Ví dụ về các hạn chế phát hiện khác

- Có người đi bộ, xe đạp, xe máy hoặc các xe có hình dạng đặc biệt khác phía trước.
- Có xe khác, người đi bộ hoặc xe đạp đi giữa xe bạn và xe phía trước.
- Xe phía trước không ở ngay phía trước xe bạn.

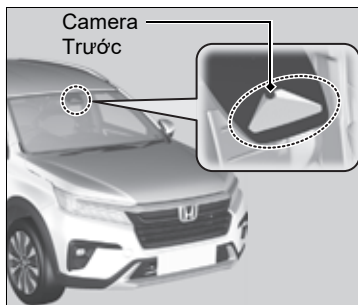
■ Ví dụ về các hạn chế khác về hoạt động của hệ thống

- Camera không thể phát hiện chính xác hình dạng của xe phía trước.
- Xe phía trước có khoảng sáng gầm xe rất cao.
- Xe phía trước, ví dụ như xe tải không có rơ-moóc, có phía sau nhỏ hơn phía trước.

Camera Trước

Camera trước được sử dụng ở các hệ thống như Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS), Hệ Thống Cảnh Báo Chệch Làn Đường, Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC), Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS) và Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước Khởi Hành* để giúp phát hiện vật thể làm cản trở hoạt động của các hệ thống này.

■ Lưu Ý Về Vị Trí và Việc Sử Dụng Camera



Camera trước này được gắn phía sau gương chiếu hậu.

Để tránh tình trạng nhiệt độ cao trong xe làm hệ thống cảm biến camera tắt khi đỗ xe, hãy tìm nơi có bóng râm để đỗ xe hoặc che phía trước xe để ánh nắng mặt trời không chiếu vào. Nếu bạn dùng tấm che nắng, không được để nó che phần vỏ camera để tránh tình trạng làm tập trung nhiệt vào camera.

► Camera Trước

Không được dán hoặc gắn bất cứ vật gì lên kính chắn gió, nắp ca-pô hoặc lưới tản nhiệt trước để tránh làm cản tầm nhìn của camera và làm cho hệ thống hoạt động bất thường.

Vết xước, nứt và các hư hỏng khác trên kính chắn gió trong tầm nhìn của camera trước có thể khiến hệ thống hoạt động bất thường. Nếu điều này xảy ra, bạn hãy thay kính chắn gió chính hiệu Honda. Chỉ sửa chữa nhỏ trong tầm nhìn của camera hoặc lắp loại kính chắn gió không chính hiệu có thể khiến cho hệ thống hoạt động bất thường. Sau khi thay kính chắn gió, hãy đưa xe đến đại lý để hiệu chỉnh lại camera. Cần hiệu chỉnh camera đúng cách để hệ thống hoạt động hiệu quả.

Không để vật gì lên bảng điều khiển để tránh làm phản chiếu lên kính chắn gió và làm hệ thống không thể phát hiện chính xác vạch phân cách làn đường.

▶▶Camera Trước

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Camera temperature too high** (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Nhiệt độ camera quá cao) xuất hiện:

- Sử dụng hệ thống điều khiển nhiệt độ để làm mát bên trong xe, nếu cần, sử dụng cả chế độ sấy với hướng gió hướng thẳng vào camera.
- Bắt đầu lái xe để làm giảm nhiệt độ kính chắn gió, đồng thời sẽ làm giảm nhiệt độ xung quanh camera.

Nếu thông báo **Some driver assist systems cannot operate: Clean front windshield or poor viewing condition.**^{*1/} **Some driver assist system cannot operate: Clean front windscreen or poor viewing condition.**^{*2} (Một số hệ thống hỗ trợ người lái không hoạt động: Lau sạch kính chắn gió trước hoặc điều kiện quan sát kém) xuất hiện:

- Đỗ xe ở nơi an toàn và đảm bảo kính chắn gió đã được lau sạch.

Lau sạch kính chắn gió nếu bị bẩn. Nếu thông báo không biến mất sau khi bạn lái xe được một lúc, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

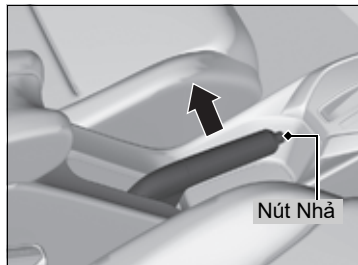
* 1: Loại vô lăng bên trái ngoại trừ loại xe Việt Nam

* 2: Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

Hệ Thống Phanh

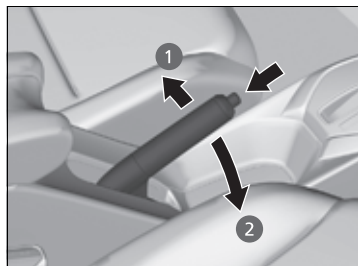
Phanh Đỗ

Sử dụng phanh đỗ để giữ xe không chuyển động khi đỗ.



Gài phanh:

Kéo cần lên hết cỡ mà không ấn nút nhả.



Nhả phanh:

1. Kéo cần nhẹ nhàng rồi ấn và giữ nút nhả.
2. Hạ cần xuống hết cỡ rồi nhả nút.

Phanh Đỗ

CHÚ Ý

Nhả hoàn toàn phanh đỗ trước khi lái xe. Phanh sau và trục xe có thể bị hỏng nếu bạn lái xe mà đang gài phanh đỗ.

Nếu bạn bắt đầu lái xe mà không nhả hoàn toàn phanh đỗ, tiếng bíp cảnh báo sẽ vang lên và thông báo **Release parking brake** (Nhả phanh đỗ) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*. Luôn gài phanh đỗ khi đỗ xe.

■ Phanh Chân

Xe của bạn được trang bị phanh đĩa ở bánh trước và phanh trống ở bánh sau. Trợ lực chân không giúp giảm lực tác dụng cần thiết lên bàn đạp phanh.

Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp sẽ làm tăng lực phanh khi bạn nhấn mạnh bàn đạp phanh trong trường hợp khẩn cấp.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bạn giữ kiểm soát lái khi phanh gấp.

► **Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)** Tr. 340

► **Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp** Tr. 341

►►Phanh Chân

Kiểm tra các phanh sau khi lái xe qua vùng nước sâu, hoặc đường có nhiều nước. Nếu cần, hãy làm khô các phanh bằng cách nhấn nhẹ bàn đạp phanh vài lần.

Nếu bạn nghe thấy tiếng rít phát ra do kim loại cọ sát khi nhấn phanh, cần thay các má phanh. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Giữ phanh liên tục trong khi xuống dốc dài sẽ làm phanh nóng lên, làm giảm hiệu quả của phanh. Hãy dùng phanh động cơ bằng cách nhấc chân ra khỏi bàn đạp ga và về số thấp hơn. Với loại xe số sàn, hãy dùng số thấp hơn để phanh hiệu quả hơn.

Không đặt chân lên bàn đạp phanh khi đang lái, vì việc này sẽ tác dụng nhẹ lên phanh và làm giảm hiệu quả phanh và giảm tuổi thọ má phanh. Việc này cũng sẽ làm người lái xe phía sau xe bạn lúng túng.

Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

■ ABS

Giúp các bánh xe không bị bó cứng và giúp bạn kiểm soát lái nhờ việc nhấp nhả phanh nhanh, nhanh hơn rất nhiều thao tác chân của bạn.

Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD) thuộc hệ thống ABS, giúp phân phối lực phanh giữa các bánh trước và bánh sau theo tải trọng xe.

Bạn không nên nhấp nhả bàn đạp phanh. Hãy để ABS hoạt động thay bạn bằng cách luôn giữ một lực chắc chắn, ổn định lên bàn đạp phanh. Điều này đôi khi được gọi là “nhấn và lái.”

■ Hoạt động của ABS

Bàn đạp phanh có thể rung nhẹ khi ABS đang hoạt động. Hãy nhấn và giữ chắc chắn bàn đạp phanh. Khi lái xe trên đường khô ráo, bạn cần nhấn bàn đạp phanh thật mạnh trước khi ABS hoạt động. Tuy nhiên, bạn có thể cảm thấy ABS hoạt động ngay nếu bạn cố dừng xe trên đường có băng hoặc tuyết.

ABS có thể kích hoạt khi bạn nhấn bàn đạp phanh khi lái xe trên:

- Đường ướt hoặc tuyết phủ.
- Đường được lát bằng đá.
- Đường có bề mặt không bằng phẳng, chẳng hạn như đường có ổ gà, vết nứt, hố ga, v.v.

Khi tốc độ xe dưới 10 km/h (6 mph), ABS sẽ ngừng hoạt động.

►►Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)

CHÚ Ý

ABS có thể không hoạt động hiệu quả nếu bạn dùng lốp xe không đúng chủng loại và kích cỡ.

Nếu đèn báo **ABS** sáng trong khi lái, có thể hệ thống có sự cố. ABS có thể không hoạt động khi phanh thông thường vẫn hoạt động bình thường. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

ABS không có chức năng làm giảm thời gian và khoảng cách dừng xe vì hệ thống được thiết kế để hạn chế bó cứng phanh, tránh tình trạng xe bị trượt và mất kiểm soát lái.

Trong các trường hợp sau, xe cần có khoảng cách xa hơn để dừng so với xe không có ABS:

- Lái xe trên đường gồ ghề hoặc không bằng phẳng như đường rải đá hoặc có tuyết.

Có thể xuất hiện các hiện tượng sau khi có hệ thống ABS:

- Tiếng ồn của mô-tơ phát ra từ khoang động cơ khi nhấn phanh hoặc khi thực hiện kiểm tra hệ thống sau khi khởi động động cơ và trong khi xe đang tăng tốc.
- Bàn đạp phanh và/hoặc thân xe rung lên khi ABS hoạt động.

Những tiếng rung và âm thanh này là bình thường đối với hệ thống ABS và không cần lo ngại.

Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp

Có chức năng hỗ trợ người lái bằng cách tạo ra lực phanh lớn hơn khi bạn nhấn bàn đạp phanh trong khi phanh khẩn cấp.

■ Vận hành hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp

Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh để tăng lực phanh.

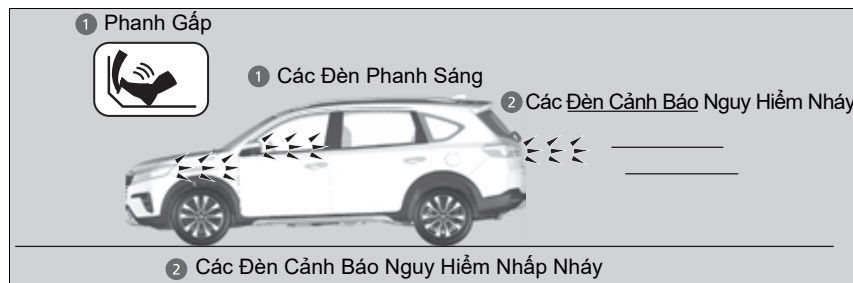
Khi hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp hoạt động, bàn đạp phanh có thể lắc nhẹ và có tiếng ồn phát ra. Điều này là bình thường. Hãy nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.

Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Hoạt động khi bạn phanh gấp trong lúc đang lái ở tốc độ 50 km/h trở lên nhằm cảnh báo cho người lái phía sau xe bạn về việc phanh khẩn cấp bằng cách nhấp liên tục các đèn cảnh báo nguy hiểm. Việc này có thể giúp cảnh báo người lái phía sau xe bạn tránh được va chạm có thể xảy ra với xe của bạn.

■ Khi hệ thống hoạt động:



Đèn cảnh báo nguy hiểm ngừng nhấp nháy khi:

- Bạn nhả bàn đạp phanh.
- ABS tắt.
- Tốc độ giảm tốc xe của bạn trở nên vừa phải.
- Bạn ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

►►Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp

Tín hiệu dừng khẩn cấp không phải là hệ thống có thể ngăn được các va chạm phía sau có khả năng xảy ra do phanh gấp. Các đèn cảnh báo nguy hiểm sẽ nhấp khi bạn phanh gấp. Bạn nên tránh phanh gấp trừ trường hợp thực sự cần thiết.

Tín hiệu dừng khẩn cấp không hoạt động khi ấn nút cảnh báo nguy hiểm.

Nếu ABS dừng hoạt động trong một khoảng thời gian nhất định khi phanh, tín hiệu dừng khẩn cấp có thể không hoạt động.

Khi Xe Đã Dừng

1. Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh.
2. Gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

3. Gạt cần số đến **P**.
4. Tắt động cơ.

Loại xe số sàn

3. Gạt cần số đến **N**.
4. Tắt động cơ và gạt cần số đến **R** hoặc **1**.

Luôn gài phanh đỗ, đặc biệt nếu bạn đỗ xe trên dốc.

» Khi Xe Đã Dừng

Loại xe có hộp số vô cấp

⚠ CẢNH BÁO

Xe có thể bị trượt nếu không đảm bảo đã gài phanh Đỗ.
Xe bị trượt có thể gây ra va chạm dẫn đến trọng thương hoặc tử vong. Luôn giữ chân trên bàn đạp phanh cho đến khi bạn xác nhận **P** hiển thị trên đèn báo số.

Loại xe có hộp số vô cấp

CHÚ Ý

Những hành động sau có thể làm hỏng hộp số:

- Nhấn đồng thời cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh.
- Giữ xe đứng yên trên dốc bằng cách nhấn bàn đạp ga.
- Gạt cần số đến **P** trước khi xe dừng hẳn.

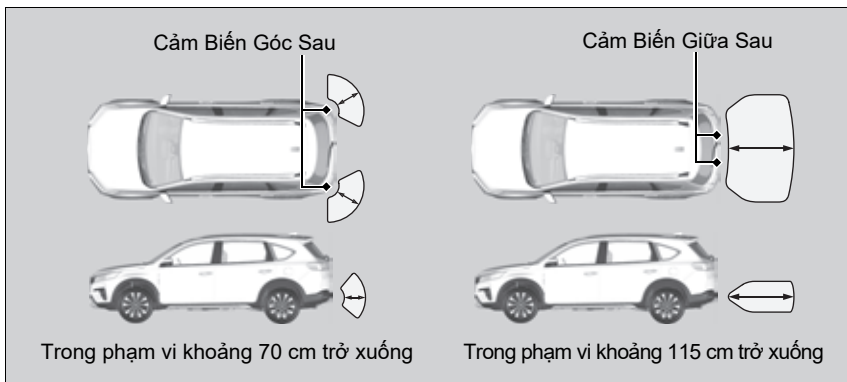
Không đỗ xe gần những vật dễ bắt lửa, như cỏ khô, dầu, hoặc gỗ.
Nhiệt từ hệ thống xả cũng có thể gây cháy.

Ở điều kiện thời tiết quá lạnh, phanh đỗ có thể bị đóng băng khi đã gài. Nếu gặp phải tình trạng thời tiết như vậy, không gài phanh đỗ, nhưng nếu đỗ xe trên dốc, bạn cần đánh lái sao cho các bánh trước quay vào sát gờ lề đường nếu xe có nguy cơ lăn xuống, hoặc chèn các bánh xe để cho xe không di chuyển. Nếu không làm như vậy, xe có thể bị lăn bất ngờ, gây va chạm.

Hệ Thống Cảm Biến Đỡ*

Các cảm biến góc sau và cảm biến giữa theo dõi các vật cản gần xe bạn, tiếng bíp và màn hình giao diện thông tin cho người lái giúp bạn biết khoảng cách thích hợp giữa xe và vật cản.

■ Vị trí và phạm vi của cảm biến



Hệ thống hoạt động khi cần số ở **[R]**, và tốc độ xe dưới 8 km/h (5 mph).

►►Hệ Thống Cảm Biến Đỡ*

Ngay cả khi hệ thống bật, trước khi đỗ xe cần xác nhận xem có vật cản nào gần xe bạn không.

Hệ thống có thể không hoạt động tốt khi:

- Các cảm biến bị tuyết, băng, bùn hoặc bụi che phủ.
- Xe để bên ngoài trời nóng hoặc lạnh.
- Có đồ vật gần đó phát ra sóng siêu âm hoặc âm thanh tần số cao.
- Lái xe trong thời tiết xấu (mưa, sương mù, tuyết, v.v.).
- Có phụ kiện bất kỳ đặt lên trên hoặc xung quanh cảm biến.

Hệ thống không thể phát hiện các vật cản sau:

- Các vật thể mỏng hoặc thấp.
- Các vật liệu hấp thụ sóng âm, như tuyết, bông, hoặc vật xốp.
- Các vật bám bên dưới cản xe.

Hệ thống có thể phát hiện sai vật cản trong các trường hợp sau:

- Xe chạy ở nơi không bằng phẳng, như có cỏ, đường gồ ghề, hoặc đường đồi.
- Khi ở gần xe khác có cảm biến siêu âm hoặc các vật thể khác hấp thụ sóng siêu âm.
- Nước bắn gần các cảm biến do mưa to, v.v.

■ Khi khoảng cách giữa xe và chướng ngại vật ngắn hơn

Độ dài tiếng bíp	Khoảng cách giữa Tầm Cản và Vật Cản		Đèn Báo*	Màn hình giao diện thông tin cho người lái*
	Cảm Biến Góc	Cảm Biến Giữa		
Trung bình	—	Khoảng 115-60 cm	Sáng Màu Vàng* ¹	Đèn báo sáng ở nơi cảm biến phát hiện vật cản. *2 *3
Ngắn	Khoảng 70-45 cm	Khoảng 60-45 cm	Sáng Màu Hở Phách	
Rất ngắn	Khoảng 45-35 cm	Khoảng 45-35 cm		
Liên tục	Khoảng 35 cm trở xuống	Khoảng 35 cm trở xuống	Sáng Màu Đỏ	

* 1: Ở giai đoạn này, chỉ các cảm biến giữa phát hiện các vật cản.

* 2: Loại vô lăng bên trái, ngoại trừ loại xe Việt Nam

* 3: Loại vô lăng bên phải và loại xe Việt Nam

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thông Tin Nhiên Liệu

■ Nhiên liệu khuyến dùng

Loại xe Indonesia và Mỹ La Tinh có vô lăng bên Phải

Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại lớn và làm hỏng động cơ.

Loại xe Thái Lan, Sri Lankan, Banglades và Paraguay

Xăng không chì/pha cồn lên đến E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại và làm hỏng động cơ.

Các loại xe của các nước khác

Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên

Sử dụng xăng có chỉ số Octan thấp hơn có thể gây ra tiếng gõ kim loại và làm hỏng động cơ.

■ Dung tích bình nhiên liệu: 42 L

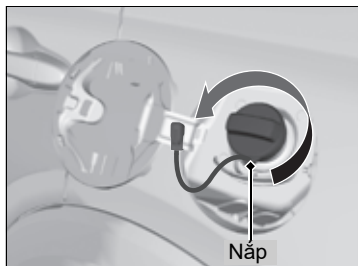
»Thông Tin Nhiên Liệu

CHÚ Ý

Sử dụng xăng có chì có thể gây ra nguy hại sau:

- Làm hỏng hệ thống xả bao gồm bộ trung hòa khí xả
- Làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu
- Ảnh hưởng đến động cơ và các hệ thống khác

Cách Nạp Nhiên Liệu



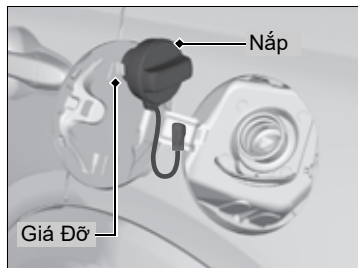
1. Dừng xe ở trạm xăng sao cho máy bơm xăng ở phía sau, bên trái của xe.
2. Tắt động cơ.
3. Kéo lấy nhả cửa nạp nhiên liệu ở dưới góc bên ngoài dưới bảng táp lô phía người lái.
► Cửa nạp nhiên liệu mở.
4. Từ từ xoay nắp bình nhiên liệu. Nếu nghe thấy tiếng hơi xì ra, đợi đến khi không còn tiếng xì, xoay núm từ từ để mở nắp bình nhiên liệu.

►► Cách Nạp Nhiên Liệu

⚠ CẢNH BÁO

Xăng có khả năng cháy và nổ rất cao. Bạn có thể bị bỏng hoặc bị trọng thương khi xử lý nhiên liệu.

- Dừng động cơ và để xe tránh xa nguồn nhiệt, các tia lửa, và ngọn lửa.
- Chỉ xử lý nhiên liệu ở ngoài trời.
- Lau sạch ngay vết xăng tràn ra.



5. Đặt nắp bình nhiên liệu vào giá đỡ.

6. Đưa vòi bơm nhiên liệu vào.

- Khi bình nhiên liệu đầy, vòi phun sẽ tự động ngắt để để lại khoảng trống trong bình phòng khi nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

- Nếu bạn không đổ đầy bình nhiên liệu, cần đổ thêm tối thiểu 1,2 US gal (5,0 L) nhiên liệu.

7. Sau khi đổ đầy, đậy nắp bình nhiên liệu, siết chặt nắp đến khi nghe thấy ít nhất một tiếng tách.

- Dùng tay đóng cửa nạp nhiên liệu.

►► Cách Nạp Nhiên Liệu

Vòi bơm nhiên liệu tự động ngắt để lại khoảng trống trong bình nhiên liệu để phòng trường hợp nhiên liệu nở ra do thay đổi nhiệt độ.

Không nạp thêm nhiên liệu sau khi vòi bơm đã tự động dừng. Nhiên liệu nạp thêm có thể vượt quá dung tích bình nhiên liệu.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Nếu bạn thường xuyên đổ vào bình ít hơn lượng nhiên liệu tối thiểu quy định, đèn báo sự cố có thể sáng. Nếu điều này xảy ra, hãy đưa xe của bạn đến đại lý kiểm tra.

Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Việc tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO₂ phụ thuộc vào một số điều kiện như điều kiện lái xe, tải trọng, thời gian chạy không tải, thói quen lái xe và tình trạng xe. Tùy theo các điều kiện này và một số điều kiện khác, có thể bạn không thể đạt được tiết kiệm nhiên liệu định mức cho xe.

Bảo Dưỡng và Tiết Kiệm Nhiên Liệu

Bạn có thể tối ưu hóa tiết kiệm nhiên liệu nếu bảo dưỡng xe đúng cách. Làm theo lịch bảo dưỡng trong sổ bảo hành kèm theo xe.

📖 Lịch Bảo Dưỡng Tr. 358

- Sử dụng dầu động cơ có độ nhớt phù hợp.
 - 📖 Dầu Động Cơ Khuyến Dùng Tr. 364
- Duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không được tải quá trọng lượng cho phép.
- Vệ sinh xe sạch sẽ. Tuyệt hoặc bùn tích tụ dưới gầm xe sẽ làm tăng trọng lượng và sức cản gió cho xe.

» Cải Thiện Tiết Kiệm Nhiên Liệu và Giảm Khí Thải CO₂

Tính toán trực tiếp là cách tính được khuyến nghị để xác định lượng nhiên liệu tiêu thụ thực tế khi lái xe.

100	×	Lít nhiên liệu	÷	Kilomet đi được	=	Lít trên 100 km
Kilomet đi được	÷	Lít nhiên liệu	=	Kilomet trên Lít		
Dặm đi được	÷	Galông nhiên liệu	=	Dặm trên Lít		

MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Nhãn hiệu: HONDA

Nhà sản xuất/Nhập khẩu: CÔNG TY HONDA VIỆT NAM

Loại nhiên liệu: XĂNG

Chu trình thử: Theo TCVN 6785:2015;

Phương pháp thử: Phương pháp cân bằng các bon theo TCVN7792:2015

Số loại	Chu trình tổ hợp	Chu trình đô thị cơ bản	Chu trình đô thị phụ
BR-V G (DG384TL)	6,4	7,8	5,6
BR-V L (DG388TEN)	6,4	7,8	5,6
Đơn vị: Lít/100km			
Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe.			

Bảo Dưỡng

Chương này đề cập đến quy trình bảo dưỡng cơ bản.



Trước Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng	352
An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng ...	353
Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng.....	354
Nhắc Bảo Dưỡng*	355
Lịch Bảo Dưỡng	358
Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô	
Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô	362
Mở Nắp Ca-pô	363
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng	364
Kiểm Tra Dầu	366
Bổ Sung Dầu Động Cơ	367

Nước Làm Mát Động Cơ	368
Dầu Hộp Số	370
Dầu Phanh/Ly Hợp*	371
Đổ Đầy Nước Rửa Kính	372
Lọc Nhiên Liệu	372
Thay Bóng Đèn	373
Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước	378
Kiểm Tra và Thay Lốp	
Kiểm Tra Lốp	382
Vạch Báo Độ Mòn Lốp	383
Tuổi Thọ Lốp	383
Thay Lốp và Bánh Xe	384
Đảo Lốp	385

Ắc Quy	387
Bảo Dưỡng Chia Khóa Điều Khiển Từ Xa	
Thay Pin Chia Khoá Điều Khiển Từ Xa	389
Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát*/Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ*	391
Vệ Sinh	
Vệ Sinh Nội Thất	393
Vệ Sinh Ngoại Thất	395
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	398
Phụ Kiện	398
Điều Chỉnh	398

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

Để đảm bảo an toàn, hãy thực hiện tất cả các quy trình kiểm tra và bảo dưỡng đã được liệt kê để xe luôn trong tình trạng tốt. Nếu phát hiện ra bất kỳ sự cố nào (có tiếng ồn, có mùi, thiếu dầu phanh, có cặn dầu trên đất, v.v.), hãy đưa xe đến đến đại lý để kiểm tra. Tham khảo Sổ Bảo Dưỡng* kèm theo xe/lịch bảo dưỡng trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này để biết thêm thông tin chi tiết về quy trình kiểm tra và bảo dưỡng.

➡ **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 358

Phân Loại Kiểm Tra và Bảo Dưỡng

■ Kiểm tra hàng ngày

Thực hiện kiểm tra trước các chuyến đi xa, khi rửa xe, hoặc khi nạp nhiên liệu.

■ Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra mức dầu phanh/dầu ly hợp* hàng tháng.
➡ **Dầu Phanh/Ly Hợp*** Tr. 371
- Kiểm tra áp suất lốp hàng tháng. Kiểm tra xem gân lốp có bị mòn và dính bất kỳ vật gì không.
➡ **Kiểm Tra và Thay Lốp** Tr. 382
- Kiểm tra các đèn ngoài xe hàng tháng.
➡ **Thay Bóng Đèn** Tr. 373
- Kiểm tra tình trạng của các lưới gạt nước ít nhất sáu tháng một lần.
➡ **Kiểm Tra và Thay Lưới Gạt Nước** Tr. 378

An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

Phần này đề cập đến một số biện pháp an toàn quan trọng nhất khi bảo dưỡng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể cảnh báo cho bạn tất cả các nguy hiểm có thể xảy ra trong quá trình bảo dưỡng. Chỉ bạn mới có thể quyết định có nên thực hiện các công việc bảo dưỡng cụ thể hay không.

An Toàn Khi Bảo Dưỡng

- Để giảm khả năng cháy nổ, hãy để ắc quy và tất cả các bộ phận liên quan đến nhiên liệu tránh xa thuốc lá, các tia lửa và ngọn lửa.
- Không để vải vụn, giẻ lau, hoặc các vật dễ cháy dưới nắp ca-pô.
► Nhiệt nóng từ động cơ và khí xả có thể bắt lửa gây cháy.
- Để làm sạch các phụ tùng, hãy dùng bình xịt hoặc dung dịch vệ sinh phụ tùng, không dùng xăng.
- Đeo kính và mặc quần áo bảo hộ khi làm việc với ắc quy hoặc khí nén.
- Khí xả động cơ có chứa CO₂ rất độc hại và có thể gây chết người.
► Chỉ vận hành động cơ ở khu vực có thông gió tốt.

An Toàn Cho Xe

- Phải dừng xe.
► Đảm bảo đỗ xe nơi bằng phẳng, gài phanh đỗ và tắt động cơ.
- Hãy cẩn thận với các bộ phận còn nóng có thể gây bỏng.
► Đảm bảo để động cơ và hệ thống xả nguội hoàn toàn trước khi chạm vào các bộ phận trên xe.
- Lưu ý rằng các bộ phận di chuyển trên xe có thể khiến bạn bị thương.
► Không khởi động động cơ trừ khi được chỉ dẫn và không chạm tay vào các bộ phận đang di chuyển.

► An Toàn Khi Thực Hiện Bảo Dưỡng

⚠ CẢNH BÁO

Bảo dưỡng xe không đúng cách hoặc không xử lý sự cố xe trước khi lái có thể gây ra va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các khuyến nghị và lịch kiểm tra, bảo dưỡng trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng/Sổ Bảo Dưỡng* này.

⚠ CẢNH BÁO

Không thực hiện đúng theo các chỉ dẫn và lưu ý bảo dưỡng có thể làm bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Luôn làm theo các quy trình và lưu ý trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Phụ Tùng và Dung Dịch Dùng trong Bảo Dưỡng

Hãy sử dụng các phụ tùng và các dung dịch chính hiệu Honda khi bảo dưỡng và sửa chữa xe. Các phụ tùng chính hiệu Honda được sản xuất theo các tiêu chuẩn chung chất lượng cao và được sử dụng riêng cho xe của Honda.

Khi xe bạn đi được một quãng đường nhất định, thông báo cảnh báo sẽ xuất hiện để nhắc bạn khi đến hạn bảo dưỡng theo lịch.

📅 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 358

Khi Đến Hạn Bảo Dưỡng

Thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái mỗi khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT.

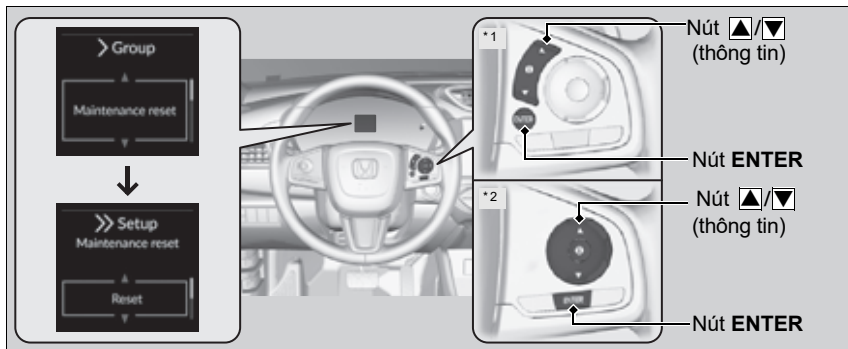
■ Thông Báo Nhắc Bảo Dưỡng trên Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái

Thông Báo Nhắc Bảo Dưỡng	Nội Dung Nhắc	Thông Tin
	Xe bạn đã chạy được 8.500 km (5.000 dặm) đến 10.000 km (6.000 dặm).	Cần sớm kiểm tra và bảo dưỡng xe.
	Xe bạn đã chạy quá 10.000 km (6.000 dặm) mà chưa bảo dưỡng.	Cần bảo dưỡng xe càng nhanh càng tốt.

Đèn báo thông báo hệ thống ⓘ sáng đồng thời thông tin nhắc bảo dưỡng sẽ xuất hiện.

■ Thiết Lập Lại Màn Hình

Thiết lập lại màn hình nhắc bảo dưỡng nếu bạn đã thực hiện bảo dưỡng.



1. Đặt chế độ nguồn ở BẬT.
2. Ấn nút ▲/▼ (thông tin) để chọn màn hình , rồi ấn nút **ENTER**.
3. Ấn nút ▲/▼ (thông tin) cho đến khi **Maintenance reset** (Thiết lập lại bảo dưỡng) hiển thị trên màn hình.
4. Ấn nút **ENTER**.
5. Ấn nút ▲/▼ (thông tin) để chọn **Reset** (Thiết lập lại) và ấn nút **ENTER**.
► Nếu bạn muốn hủy chế độ thiết lập lại màn hình nhắc bảo dưỡng, hãy chọn **Cancel**.

* 1: Loại xe có Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

* 2: Loại xe không có Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)

►►Thiết Lập Lại Màn Hình

Đại lý sẽ thiết lập lại màn hình nhắc bảo dưỡng sau khi hoàn thành bảo dưỡng. Nếu đại lý không thực hiện bảo dưỡng, bạn hãy tự thiết lập lại màn hình nhắc bảo dưỡng.

Nếu xe bạn có sổ bảo dưỡng, thì lịch bảo dưỡng cho xe đã có sẵn trong sổ. Đối với xe không có sổ bảo dưỡng, hãy tham khảo lịch bảo dưỡng dưới đây.

Lịch bảo dưỡng tóm tắt quy trình bảo dưỡng cần thiết tối thiểu cần thực hiện để đảm bảo xe không gặp sự cố khi hoạt động. Do sự khác nhau về khí hậu và vùng miền, cần bổ sung vài quy trình bảo dưỡng. Hãy tham khảo sổ bảo hành để biết thêm thông tin chi tiết.

Công việc bảo dưỡng phải được thực hiện bởi kỹ thuật viên có tay nghề và có đầy đủ thiết bị. Đại lý ủy quyền của bạn sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu này.

Ngoại trừ loại xe Nam Phi

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	dặm x 1.000	12,5	25	37,5	50	62,5	75	87,5	100	112,5	125
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Thay dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc 1 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 5.000 km (3.000 dặm) hoặc 6 tháng									
Thay lọc dầu động cơ	Bình Thường	Sau mỗi 20.000 km (12.500 dặm) hoặc 2 năm									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc 1 năm									
Thay màng lọc gió		Sau mỗi 30.000 km (18.500 dặm)									
Kiểm tra khe hở xu-páp ^{*1}		Sau mỗi 120.000 km (75.000 dặm)									
Thay bu-gi		Sau mỗi 100.000 km (62.500 dặm)									
Kiểm tra dây đai truyền động			•		•		•		•		•
Thay nước làm mát động cơ		Ở 200.000 km (125.000 dặm) hoặc 10 năm, sau đó sau mỗi 100.000 km (62.500 dặm) hoặc 5 năm									
Thay dầu hộp số	CVT		•		•		•		•		•
	MT Bình Thường						•				
	Khắc Nghiệt			•			•			•	
Thay lọc gió điều hoà		•	•	•	•	•	•	•	•	•	•

* 1: Dùng Phương Pháp Cảm Quan điều chỉnh van trong quá trình bảo dưỡng cho xe đã chạy được 120.000 km (75.000 dặm) nếu xe bị òn.

Bảo dưỡng theo quãng đường hoặc thời gian - tùy theo điều kiện nào đến trước.	km x 1.000	20	40	60	80	100	120	140	160	180	200
	dặm x 1.000	12,5	25	37,5	50	62,5	75	87,5	100	112,5	125
	tháng	12	24	36	48	60	72	84	96	108	120
Kiểm tra phanh trước và sau		Sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc 1 năm									
Thay dầu phanh		Sau mỗi 3 năm									
Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa ^{*1}	Bình Thường	Sau mỗi 140.000 km (87.500 dặm)									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 90.000 km (56.000 dặm) ^{*3}									
Thay lọc nhiên liệu trong bình chứa ^{*2}	Bình Thường	Sau mỗi 120.000 km (75.000 dặm)									
	Khắc Nghiệt	Sau mỗi 60.000 km (37.500 dặm) ^{*3}									
Kiểm tra điều chỉnh phanh đỗ		•	•		•		•		•		•
Đảo lốp (Kiểm tra xẹp lốp và tình trạng lốp ít nhất mỗi tháng một lần)		Sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm)									
Kiểm tra bằng mắt các mục sau:											
Chấn bụi trực truyền động Đầu thanh nối, hộp bánh răng hệ thống lái và chấn bụi Thành phần hệ thống treo		Sau mỗi 10.000 km (6.000 dặm) hoặc 1 năm									
Các ống mềm phanh và dây phanh (bao gồm ABS/VSA) Hệ thống xả Đường ống và những chỗ nối ống nhiên liệu Tất cả các mức dầu và tình trạng dầu		•	•	•	•				•	•	

* 1: Ngoại trừ loại xe Châu Phi, Nam Mỹ và Indonesia

* 2: Loại xe Châu Phi, Nam Mỹ và Indonesia

* 3: Nên thay lọc nhiên liệu nếu nghi ngờ nhiên liệu đang sử dụng bị nhiễm bụi bẩn, v.v. để tránh lọc nhiên liệu nhanh bị tắc.

Ngoại trừ loại xe Nam Phi

Điều Kiện Lái Khắc Nghiệt

Loại vô lăng bên phải

Nếu bạn lái xe trong điều kiện khắc nghiệt, bạn nên thực hiện theo lịch bảo dưỡng cho điều kiện Khắc Nghiệt.

Mục	Điều kiện
Dầu động cơ và lọc dầu	A, B, C, D và E
Dầu hộp số	B, D

Loại vô lăng bên trái

Thực hiện theo Lịch bảo Dưỡng cho Điều Kiện Lái Khắc Nghiệt nếu bạn THƯỜNG XUYÊN lái xe ở một hoặc nhiều các điều kiện dưới đây:

- Lái dưới 8 km (5 dặm) trong mỗi chuyến đi, hoặc ở nhiệt độ đóng băng, lái dưới 16 km (10 dặm) trong mỗi chuyến đi.
- Lái khi nhiệt độ quá nóng, trên 35°C.
- Chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng và đi trong thời gian dài.
- Tải nặng trên nóc xe hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- Lái trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

CHÚ Ý: Nếu bạn chỉ THỈNH THOẢNG lái xe trong điều kiện “khắc nghiệt”, bạn nên thực hiện theo Lịch Bảo Dưỡng cho Điều Kiện Thường.

►► Điều Kiện Lái Khắc Nghiệt

Loại vô lăng bên phải

Điều kiện lái được coi là khắc nghiệt khi bạn lái xe:

- A. Dưới 8 km (5 dặm), hoặc dưới 16 km (10 dặm) ở nhiệt độ đóng băng trong mỗi chuyến đi.
- B. Ở nhiệt độ cực nóng trên 35°C.
- C. Chạy không tải trong thời gian dài hoặc xe phải đi trong tình trạng dừng và đi trong thời gian dài.
- D. Có tải nặng trên giá nóc xe hoặc lái xe ở vùng đồi núi.
- E. Trên đường bùn đất, bụi, hoặc băng tan.

Hồ Sơ Bảo Dưỡng (Với Xe không có Sổ Bảo Dưỡng)

Yêu cầu đại lý bảo dưỡng ghi lại tất cả các dữ liệu bảo dưỡng cần thiết dưới đây. Hãy giữ lại tất cả các hóa đơn bảo dưỡng xe.

Km hoặc Tháng	Ngày	Chữ Ký Hoặc Đóng Dấu
20.000 km/12.500 dặm (hoặc 12 tháng)		
40.000 km/25.000 dặm (hoặc 24 tháng)		
60.000 km/37.500 dặm (hoặc 36 tháng)		
80.000 km/50.000 dặm (hoặc 48 tháng)		
100.000 km/62.500 dặm (hoặc 60 tháng)		
120.000 km/75.000 dặm (hoặc 72 tháng)		
140.000 km/87.500 dặm (hoặc 84 tháng)		
160.000 km/100.000 dặm (hoặc 96 tháng)		
180.000 km/112.500 dặm (hoặc 108 tháng)		
200.000 km/125.000 dặm (hoặc 120 tháng)		

Mục Bảo Dưỡng Dưới Nắp Ca-pô

Dầu Phanh/Ly Hợp* (Nắp
Màu Đen) (Loại vô lăng bên
phải)

Dầu Phanh/Ly Hợp* (Nắp
Màu Đen) (Loại vô lăng bên
trái)

Nắp Đổ Dầu Động Cơ

Que Thăm Dầu Động Cơ
(Màu Cam)

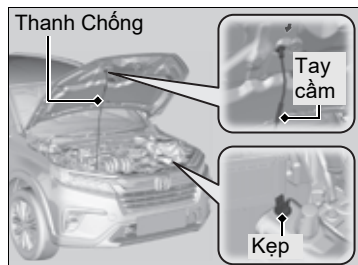
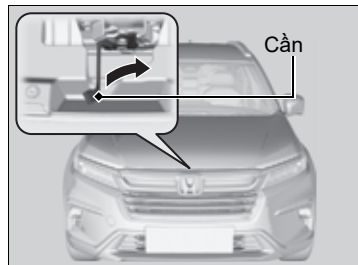
Ắc Quy

Nước Rửa Kính (Nắp
Màu Xanh Lam)

Nắp Kết Nước

Bình Chứa Nước Làm Mát Động Cơ

Mở Nắp Ca-pô



1. Đỗ xe nơi bằng phẳng và gài phanh đỗ.

2. Kéo lấy nhả nắp ca-pô ở bên dưới góc ngoài phía dưới bảng táp-lô phía người lái.

► Nắp ca-pô sẽ nảy nhẹ lên.

3. Kéo cần chốt nắp ca-pô (dưới mép trước của nắp ca-pô ra giữa) sang bên và nâng nắp ca-pô. Sau khi bạn nâng nhẹ nắp ca-pô, bạn có thể thả cần ra.

4. Dùng tay cầm để gạt thanh chống nắp ca-pô ra khỏi kẹp. Đặt thanh chống nắp ca-pô vào phía trong nắp ca-pô.

Khi đóng, bỏ thanh chống ra và xếp gọn vào kẹp, sau đó hạ nhẹ nắp ca-pô. Hạ nắp xuống thấp khoảng 30 cm, rồi thả tay ra để đóng nắp ca-pô.

►► Mở Nắp Ca-pô

CHÚ Ý

Không mở nắp ca-pô khi các cần gạt nước đang được nâng lên.

Nắp ca-pô sẽ chạm vào cần gạt nước làm hỏng nắp ca-pô và/hoặc cần gạt nước.

Khi đóng nắp ca-pô, kiểm tra xem nắp ca-pô đã được chốt chặt chưa.

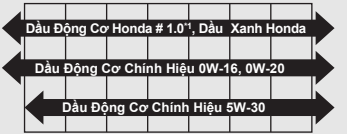
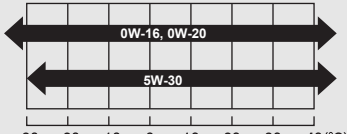
Nếu cần chốt nắp ca-pô khó di chuyển, hoặc nếu có thể mở nắp ca-pô mà không cần nâng cần lên, hãy làm sạch và bôi trơn chốt.

Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Sử dụng dầu động cơ chính hiệu hoặc các loại dầu động cơ khác có trên thị trường có độ nhớt phù hợp (đối với nhiệt độ môi trường) như hình vẽ dưới đây.

Dầu đóng vai trò quan trọng đối với hiệu suất vận hành và tuổi thọ của động cơ. Nếu lái xe với lượng dầu không đủ hoặc xuống cấp, động cơ có thể bị lỗi hoặc hỏng.

Loại vô lăng bên phải

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
- Dầu Động Cơ Honda #1.0^{*1} - Dầu Xanh Honda - Dầu Chính Hiệu Honda Motor	- Dầu đạt API cấp SM hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn - ACEA A5/B5
 Nhiệt Độ Môi Trường	 Nhiệt Độ Môi Trường

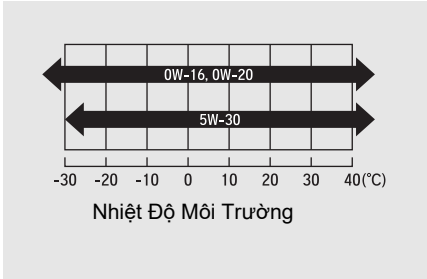
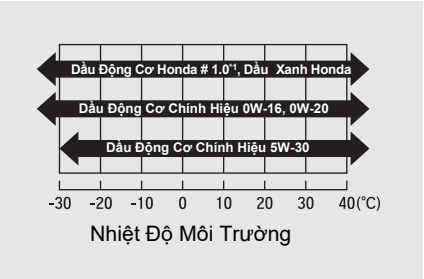
* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

►► Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Chất Phụ Gia Dầu Động Cơ Xe của bạn không cần dùng chất phụ gia cho dầu động cơ. Trên thực tế, chất này có thể ảnh hưởng đến hiệu suất vận hành và độ bền của động cơ.

Loại vỏ lăng bên trái

Dầu Động Cơ Chính Hiệu	Dầu Động Cơ Trên Thị Trường
• Dầu Động Cơ Honda #1.0^{*1} • Dầu Xanh Honda • Dầu Chính Hiệu Honda Motor	• Dầu đạt API cấp SN hoặc hiệu suất nhiên liệu cấp cao hơn • Nhãn Chứng nhận API "Starburst" hoặc "Shield" • ACEA A5/B5



* 1: Giúp cải thiện tiết kiệm nhiên liệu.

►► Dầu Động Cơ Khuyến Dùng

Loại vỏ lăng bên trái

Con dấu dưới đây cho thấy dầu đang dùng là loại tiết kiệm năng lượng và đáp ứng các yêu cầu mới nhất của Viện Dầu Mỏ Hoa Kỳ.

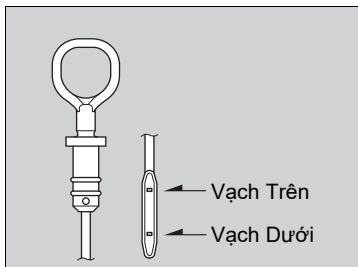
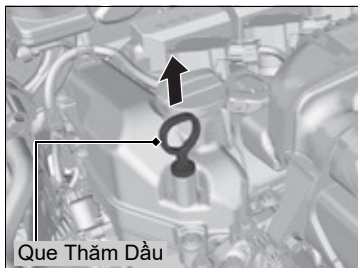


Kiểm Tra Dầu

Bạn nên kiểm tra mức dầu động cơ bất cứ khi nào nạp nhiên liệu.

Đỗ xe nơi bằng phẳng.

Trước khi kiểm tra dầu, hãy đợi khoảng ba phút sau khi tắt động cơ.

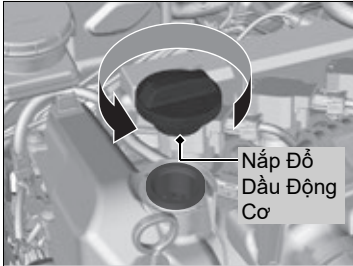


1. Rút que thăm dầu ra (màu cam hoặc màu đen).
2. Lau sạch que thăm dầu bằng khăn sạch hoặc khăn giấy.
3. Cắm que thăm dầu trở lại vị trí ban đầu, cắm hết cỡ vào đúng vị trí.
4. Rút que thăm dầu ra lần nữa và kiểm tra mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch trên và vạch dưới. Đổ thêm dầu nếu cần.

►► Kiểm Tra Dầu

Nếu mức dầu ở gần hoặc ở dưới vạch dưới, đổ dầu vào từ từ, cẩn thận không để tràn ra ngoài.

Bỏ Sung Dầu Động Cơ



1. Xoay và tháo nắp đổ dầu động cơ.
2. Đổ từ từ dầu vào bình.
3. Lắp lại nắp đổ dầu động cơ và siết thật chặt.
4. Đợi khoảng ba phút và kiểm tra lại que thăm dầu động cơ.

►► Bỏ Sung Dầu Động Cơ

CHÚ Ý

Không đổ dầu động cơ quá vạch giới hạn phía trên. Dầu động cơ tràn ra có thể gây rò rỉ và hư hỏng động cơ.

Nếu dầu bị tràn dầu, hãy lau sạch ngay lập tức. Dầu tràn ra có thể làm hỏng các bộ phận ở khoang động cơ.

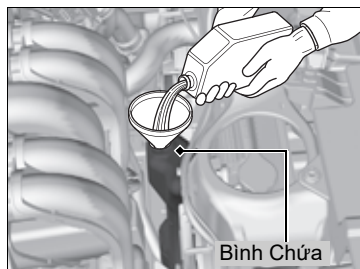
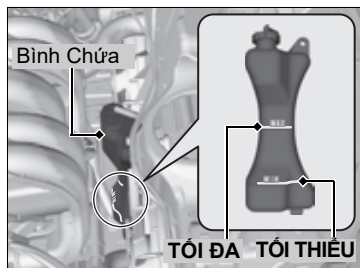
Nước Làm Mát Động Cơ

Nước làm mát quy định: Chất Chống Đông 4 Mùa/Nước Làm Mát Loại 2 của Honda

Nước làm mát là hỗn hợp của 50% chất chống đông và 50% nước. Không bỏ sung chất chống đông và nước làm mát chưa qua pha chế.

Bạn nên kiểm tra mức nước làm mát động cơ mỗi khi nạp nhiên liệu. Kiểm tra bình chứa trước. Nếu bình chứa cạn, kiểm tra cả mức nước làm mát trong két nước. Bỏ sung nước làm mát động cơ sao cho phù hợp.

■ Bình Chứa



1. **Đảm bảo động cơ và két nước nguội.**
2. Kiểm tra lượng nước làm mát trong bình chứa.
 - Nếu mức nước làm mát dưới vạch **MIN**, hãy đổ thêm nước làm mát đến vạch **MAX**.
3. Kiểm tra rò rỉ hệ thống làm mát.

►► Nước Làm Mát Động Cơ

⚠ CẢNH BÁO

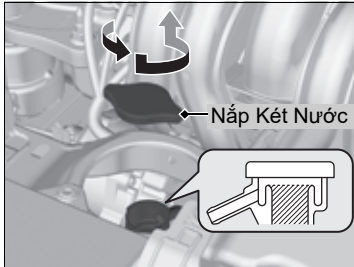
Tháo nắp két nước khi động cơ còn nóng có thể làm bắn nước làm mát ra ngoài, gây bỏng nghiêm trọng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu không có chất chống đông/nước làm mát của Honda, bạn có thể sử dụng nước làm mát không có silicat để thay thế tạm thời. Kiểm tra xem đó có phải là nước làm mát chất lượng cao khuyến dùng cho động cơ nhôm không. Sử dụng nước làm mát không chính hiệu Honda trong thời gian dài có thể gây ăn mòn, khiến hệ thống làm mát gặp sự cố hoặc bị lỗi. Xúc rửa hệ thống làm mát và đổ đầy chất chống đông/nước làm mát chính hiệu Honda vào hệ thống càng sớm càng tốt.

Không thêm chất chống gỉ hoặc các chất phụ gia khác vào hệ thống làm mát. Các chất này có thể không tương thích với nước làm mát hoặc với các bộ phận của động cơ.

■ Két Nước



1. **Đảm bảo động cơ và két nước đều nguội.**
2. Xoay nắp bình chứa 1/8 vòng ngược chiều kim đồng hồ và xả hết áp suất trong hệ thống làm mát.
3. Ấn nắp bình chứa xuống và xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo nắp.
4. Nước làm mát phải đến để cổ bình chứa. Bổ sung thêm nếu mức nước làm mát ở mức thấp.
5. Đậy nắp bình chứa và vặn nắp thật chặt.

■ Nắp Két Nước



- Không mở bình chứa khi còn nóng.
- Nước làm mát nóng sẽ làm bạn bị bỏng.
- Van giảm áp bắt đầu mở ở 108 kPa.

►►Két Nước

CHÚ Ý

Từ từ đổ nước làm mát vào và cẩn thận không làm tràn ra. Lau sạch ngay nước làm mát tràn ra để tránh làm hỏng các bộ phận trong khoang động cơ.

Dầu Hộp Số

Loại xe có hộp số vô cấp

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

Dầu quy định: Honda HCF-2

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.

Thực hiện theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu hộp số vô cấp (CVT).

► **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 358

Không tự kiểm tra hoặc thay dầu hộp số vô cấp.

Loại xe số sàn

■ Dầu Hộp Số Sàn

Dầu quy định: Honda MTF

Đưa xe đến đại lý để kiểm tra mức dầu và thay nếu cần thiết.

Thực hiện theo đúng thời gian bảo dưỡng xe khi thay dầu số sàn.

► **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 358

Không tự kiểm tra hoặc thay dầu số sàn.

►►Dầu Hộp Số Vô Cấp (CVT)

CHÚ Ý

Không pha dầu hộp số Honda HCF-2 với các loại dầu hộp số khác.

Sử dụng dầu hộp số không phải loại Honda HCF-2 có thể làm ảnh hưởng đến vận hành và độ bền hộp số của xe và làm hỏng hộp số.

Bất kỳ hư hỏng nào do không sử dụng loại dầu hộp số tương đương với dầu hộp số Honda HCF-2 sẽ không được hưởng chế độ bảo hành dành cho xe mới của Honda.

►►Dầu Hộp Số Sàn

CHÚ Ý

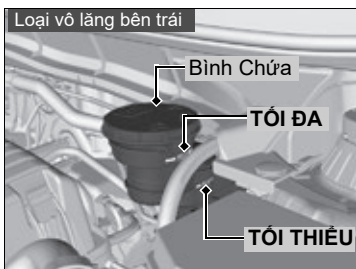
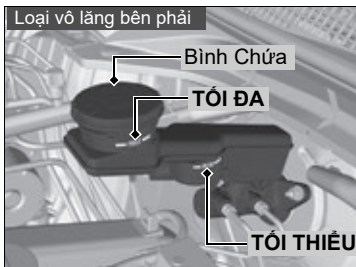
Nếu không có sẵn dầu hộp số Honda MTF, bạn có thể sử dụng tạm thời dầu động cơ có độ nhớt SAE 0W-20 hoặc 5W-20 theo tiêu chuẩn API.

Thay bằng loại dầu MTF càng sớm càng tốt. Nếu tiếp tục sử dụng dầu động cơ không chứa chất phụ gia phù hợp cho hộp số có thể làm giảm hiệu suất sang số và làm hỏng hộp số.

Dầu Phanh/Ly Hợp*

Dầu quy định: Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4

Kiểm Tra Dầu Phanh



Mức dầu phải ở giữa vạch **MIN** và **MAX** ở sườn bình chứa.

Loại xe số sàn

Bình chứa dầu phanh cũng có thể được sử dụng để chứa dầu ly hợp của xe. Không cần kiểm tra mức dầu ly hợp miễn là bạn duy trì mức dầu phanh theo chỉ dẫn ở trên.

►►Dầu Phanh/Ly Hợp*

CHÚ Ý

Dầu phanh đạt DOT 5 không tương thích với hệ thống phanh của xe và có thể gây hư hỏng nghiêm trọng.

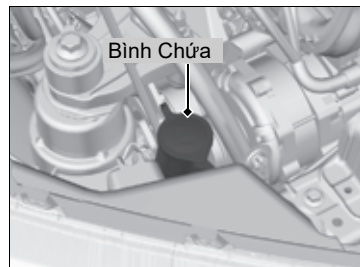
Bạn nên sử dụng sản phẩm chính hiệu.

Nếu mức dầu phanh ở hoặc dưới mức **MIN**, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra rò rỉ và mòn các má phanh càng sớm càng tốt.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Bỏ Sung Nước Rửa Kính

Nhìn vào bình chứa để kiểm tra mức nước rửa kính.



Nếu ở mức thấp, hãy đổ đầy bình chứa nước rửa kính.

Đổ cẩn thận nước rửa kính để không làm tràn ra bình chứa.

Lọc Nhiên Liệu

Thay lọc nhiên liệu theo khuyến nghị về thời gian và quãng đường trong lịch bảo dưỡng.

Phải để kỹ thuật viên lành nghề thay lọc nhiên liệu. Nhiên liệu trong hệ thống có thể chảy ra và gây nguy hiểm nếu không nối chính xác các đường ống nhiên liệu.

►► Bỏ Sung Nước Rửa Kính

CHÚ Ý

Không đổ chất chống đông động cơ hoặc dung dịch giấm/nước vào bình chứa nước rửa kính chắn gió. Chất chống đông có thể làm hỏng bề mặt sơn xe. Dung dịch giấm/nước có thể làm hỏng bơm rửa kính chắn gió.

Chỉ dùng nước rửa kính chắn gió có sẵn trên thị trường.

Không sử dụng nước cứng trong thời gian dài để tránh tạo thành mảng bám.

Đèn Chiếu Sáng

Đèn chiếu sáng là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

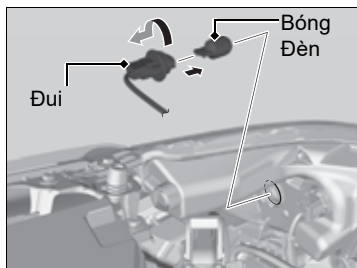
Đèn Sương Mù*

Đèn sương mù là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bóng Đèn Xi Nhan Trước

Khi thay bóng, hãy sử dụng các bóng sau.

Đèn Xi Nhan Trước: 21 W (Màu Hổ Phách)



1. Xoay đuôi bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới.

Đèn Vị Trí, Đèn Ban Ngày

Đèn vị trí/ban ngày là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Chiếu Sáng

Thường thì không cần điều chỉnh hướng đèn chiếu sáng do nhà máy cài đặt. Tuy nhiên, nếu bạn thường xuyên chở vật nặng trong khoang hành lý, hãy đến đại lý hoặc kỹ thuật viên có tay nghề cao điều chỉnh lại hướng đèn.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Đèn Xi Nhan Bên/Đèn Báo Khẩn Cấp

Đèn xi nhan bên gương cửa là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn

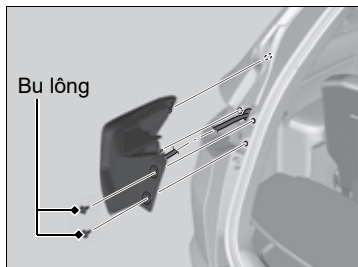
Bóng Đèn Phanh, Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

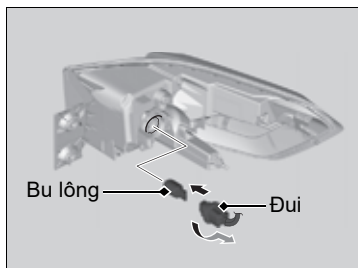
Đèn Phanh: Đèn LED

Đèn Hậu: Đèn LED

Đèn Xi Nhan Sau: 21 W (Màu Hổ Phách)



1. Tháo bu lông.
2. Kéo cụm đèn ra khỏi trụ sau.



3. Xoay đui bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
4. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới.

►►Bóng Đèn Phanh, Đèn Hậu và Đèn Xi Nhan Sau

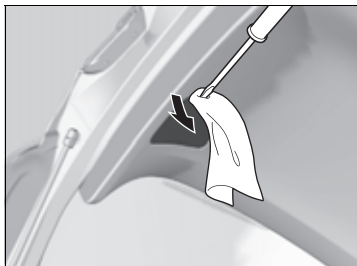
Đèn phanh và đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bóng Đèn Hậu và Đèn Lùi

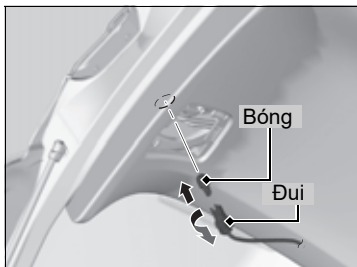
Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Hậu: LED

Đèn Lùi: 16 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Xoay đui bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.
3. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới.

►►Bóng Đèn Hậu và Đèn Lùi

Đèn hậu là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Biển Số Sau

Đèn biển số sau là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Đèn Phanh Cao*

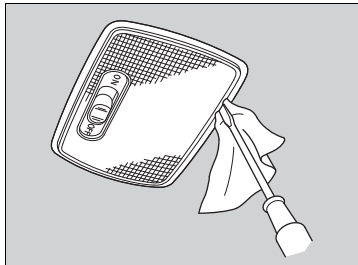
Đèn phanh cao là loại đèn LED. Hãy đưa xe đến đại lý ủy quyền của Honda để kiểm tra và thay cụm đèn.

Bóng Đèn Khác

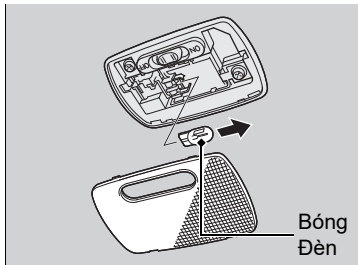
■ Bóng Đèn Trần Trước*/Sau

Khi thay, sử dụng bóng đèn sau.

Đèn Trần: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

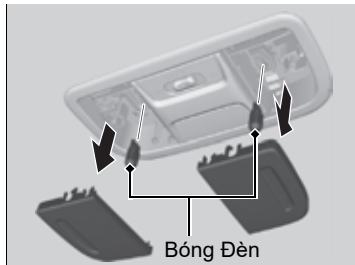
■ Bóng Đèn Đọc Sách*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau.

Đèn Đọc Sách: 8 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.

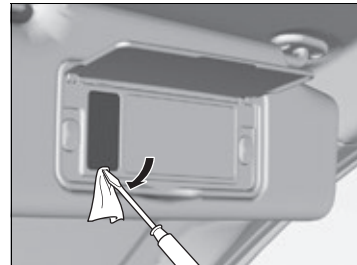


2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

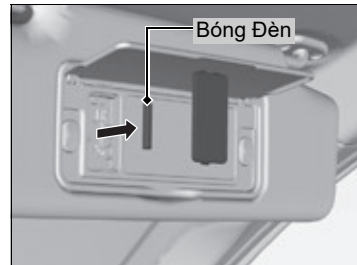
■ Bóng Đèn Gương Cá Nhân*

Khi thay, sử dụng các bóng đèn sau:

Đèn Gương Cá Nhân: 2 W



1. Sử dụng tua-vít đầu dẹt cạy mép vỏ để tháo vỏ.
► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



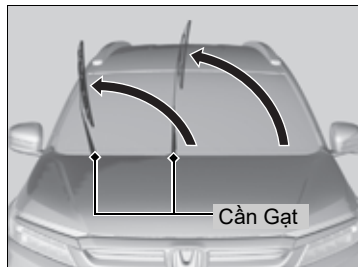
2. Tháo bóng đèn cũ ra và lắp bóng đèn mới vào.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

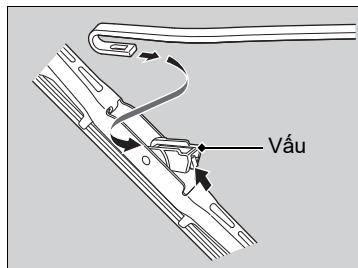
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Gạt Nước

Nếu miếng cao su lưỡi gạt nước xuống cấp sẽ để lại các vết bẩn, tạo ra tiếng ồn và bề mặt lưỡi gạt cứng sẽ làm xước cửa kính.

Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước



1. Nâng cần gạt phía người lái lên trước, sau đó nâng cần gạt phía hành khách.

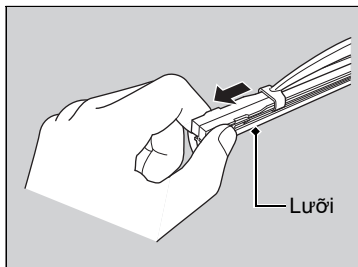


2. Ấn và giữ vấu, sau đó trượt cần gạt nước ra khỏi giá đỡ.

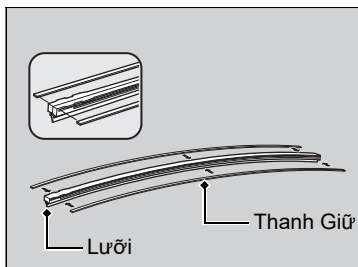
»Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Trước

CHÚ Ý

Không thả mạnh cần gạt nước vào kính chắn gió để tránh làm hỏng cần gạt nước và/hoặc kính chắn gió.



- 3.** Trượt lưới gạt ra khỏi giá đỡ bằng cách kéo đầu vấu ra.



- 4.** Tháo thanh giữ ra khỏi lưới gạt nước đã tháo ra và lắp lưới gạt mới.

► Căn thẳng chính xác phần nhô ra với vấu lưới gạt và rãnh thanh giữ.

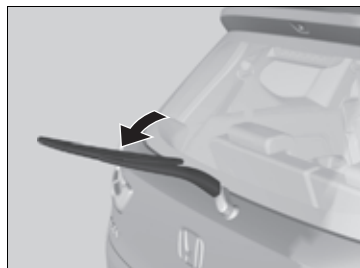
- 5.** Trượt lưới gạt nước mới vào giá đỡ từ đầu dưới.

► Vấu trên giá đỡ phải khít vào rãnh của lưới gạt nước.

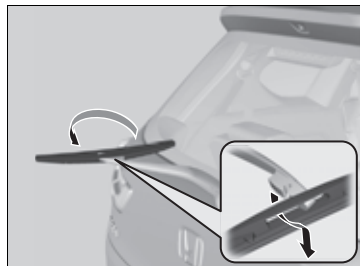
- 6.** Trượt giá đỡ vào tay gạt nước cho đến khi nó khóa lại.

- 7.** Hạ cần gạt nước phía hành khách trước, sau đó hạ cần gạt nước phía người lái.

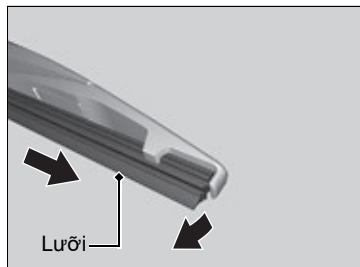
Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau



1. Nâng cần gạt nước lên.



2. Xoay đầu dưới của lưỡi gạt nước lên cho đến khi nó ra khỏi cần gạt nước.

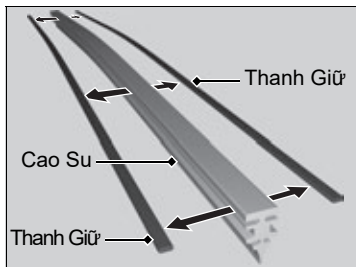


3. Trượt lưỡi gạt ra khỏi cần gạt nước.

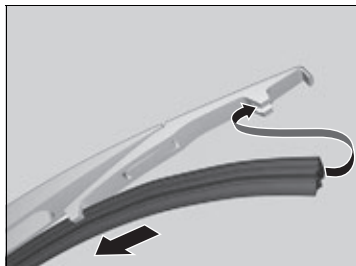
►►Thay Cao Su Lưỡi Gạt Nước Sau

CHÚ Ý

Không thả mạnh cần gạt nước để tránh làm hỏng cửa kính sau.



4. Tháo thanh giữ ra khỏi lưỡi gạt nước và lắp cao su lưỡi gạt nước mới.



5. Trượt lưỡi gạt nước mới vào trong giá đỡ.
► Đảm bảo chúng ăn khớp, sau đó lắp cụm lưỡi gạt nước vào cần gạt nước.

Kiểm Tra Lốp

Để vận hành xe an toàn, phải sử dụng lốp cùng chủng loại và kích cỡ, lốp ở tình trạng tốt với gân lốp phù hợp và áp suất lốp đúng tiêu chuẩn.

■ Hướng dẫn bơm lốp

Áp suất lốp phù hợp sẽ giúp việc điều khiển xe dễ dàng, thuận tiện hơn và nâng cao tuổi thọ lốp. Tham khảo nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái để biết áp suất lốp quy định.

Lốp quá non sẽ bị mòn không đều, làm ảnh hưởng đến việc điều khiển xe, tiết kiệm nhiên liệu và lốp dễ bị hỏng hơn do quá nhiệt.

Lốp quá căng gây khó lái và dễ bị hư hỏng khi đụng phải chướng ngại vật trên đường và làm lốp bị mòn không đều.

Hàng ngày trước khi lái xe, hãy để ý từng lốp. Nếu một trong các lốp có vẻ không căng như các lốp kia, kiểm tra áp suất bằng đồng hồ đo áp suất lốp.

Ít nhất mỗi tháng một lần hoặc trước mỗi chuyến đi xa, hãy đo áp suất ở các lốp xe bao gồm cả lốp dự phòng bằng đồng hồ đo áp suất lốp. Ngay cả khi lốp ở tình trạng tốt vẫn có thể giảm áp suất từ 10-20 kPa (0,1 đến 0,2 kgf/cm², 1-2 psi) mỗi tháng.

■ Hướng dẫn kiểm tra

Mỗi khi kiểm tra độ căng lốp, kiểm tra luôn lốp xe và thân van. Hãy kiểm tra:

- Chỗ phình ở thành lốp hoặc trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy có vết cắt, vết nứt, hoặc vết rạn trên mặt lốp. Thay lốp nếu thấy lốp mòn đến lốp vải hoặc lốp thép.
- Để loại bỏ bất kỳ vật gì bám vào lốp và kiểm tra rò rỉ hơi lốp.
- Xem nếu độ mòn lốp không đều, hãy đưa xe đến đại lý để cân chỉnh bánh xe.
- Xem lốp mòn quá không.
 - **Vạch Báo Độ Mòn Lốp** Tr. 383
- Các vết rạn hoặc các hư hỏng khác xung quanh thân van.

» Kiểm Tra Lốp

⚠ CẢNH BÁO

Sử dụng lốp xe quá mòn hoặc có áp suất không phù hợp có thể dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các hướng dẫn trong tài liệu hướng dẫn sử dụng này về bơm lốp và thay lốp xe.

Đo áp suất lốp khi lốp nguội tức là đo khi đã đỗ xe ít nhất được ba tiếng hoặc đã đi chưa đến 1,6 km (1 dặm). Nếu cần, hãy bơm thêm hoặc xì bớt hơi cho đến khi đạt áp suất quy định.

Nếu kiểm tra lốp khi trời nóng, áp suất lốp có thể cao hơn 30–40 kPa (0,3–0,4 kgf/cm², 4–6 psi) so với kiểm tra khi trời lạnh.

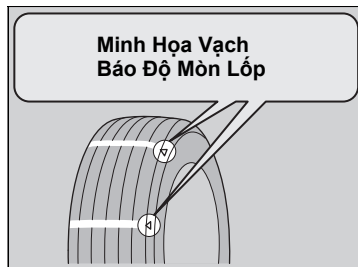
Loại xe có TPMS

Mỗi khi điều chỉnh áp suất lốp, bạn phải hiệu chỉnh TPMS.

➤ Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 269

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra lốp xe nếu cảm nhận thấy độ rung khi lái xe. Mỗi khi thay lốp mới hoặc tháo lốp ra rồi lắp lại đều phải cân chỉnh lại bánh xe.

Vạch Báo Độ Mòn Lốp



Rãnh lốp là nơi có vạch báo độ mòn lốp. Rãnh thường nông hơn khoảng 1,6 mm (khoảng 1/16 in-sơ) so với các vị trí khác trên lốp xe. Nếu gân lốp bị mòn sẽ làm cho vạch báo độ mòn lộ ra ngoài, hãy thay lốp xe ngay.

Lốp bị mòn sẽ có độ bám đường kém khi đi trên đường ướt.

Tuổi Thọ Lốp

Tuổi thọ lốp phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thói quen lái xe, điều kiện mặt đường, tải trọng xe, áp suất lốp, lịch sử bảo dưỡng, tốc độ và điều kiện môi trường (ngay cả khi lốp không được sử dụng).

Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra và duy trì áp suất lốp, bạn nên kiểm tra lốp thường niên khi đã sử dụng lốp được 5 năm. Tất cả lốp xe, gồm cả lốp dự phòng cần phải được thay sau 10 năm kể từ ngày sản xuất, bất kể điều kiện và độ mòn lốp lúc đó như thế nào.

Thay Lốp và Bánh Xe

Thay lốp xe mới cùng kích thước, giới hạn tải, giới hạn tốc độ và định mức áp suất lốp nguội tối đa (được ghi ở thành lốp).

Sử dụng lốp không cùng kích thước, cấu tạo sẽ làm cho một số hệ thống của xe như hệ thống ABS và Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA) hoạt động kém hiệu quả.

Tốt nhất là thay cả bốn lốp cùng một lúc. Nếu không thể thay cả bốn lốp cùng một lúc, hãy thay hai lốp trước cùng lúc và hai lốp sau cùng lúc.

Đảm bảo các thông số kỹ thuật bánh xe mới giống với bánh xe ban đầu.

►Thay Lốp và Bánh Xe

⚠CẢNH BÁO

Lắp lốp mới không cùng chủng loại và kích cỡ có thể gây ảnh hưởng đến điều khiển và ổn định xe dẫn đến va chạm gây trọng thương hoặc tử vong.

Luôn sử dụng lốp xe có cùng chủng loại và kích cỡ như trên nhãn thông tin lốp xe dán trên xe.

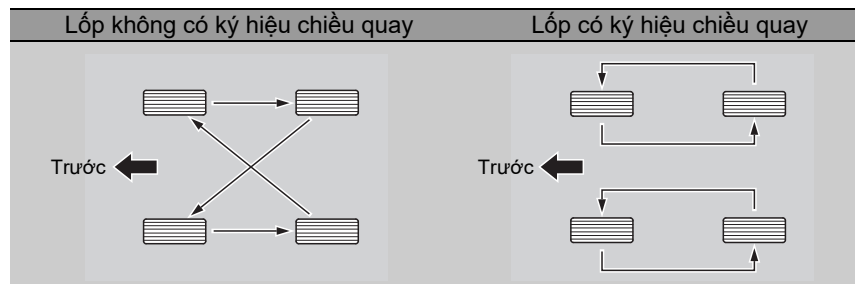
Đảo Lốp

Đảo lốp theo lịch bảo dưỡng giúp phân bổ đều độ mài mòn và gia tăng tuổi thọ cho lốp.

Mô Hình Đảo Lốp Xe

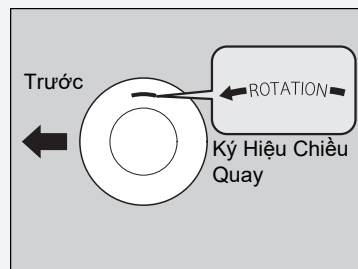
Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

Đảo lốp như hình vẽ dưới đây.



Đảo Lốp

Lốp xe loại gân lốp một chiều chỉ được đảo từ trước ra sau (không đảo từ bên này sang bên kia). Hướng lắp của lốp phải giống với dấu hướng quay trên lốp như hình vẽ dưới đây.



Khi đảo lốp, đảm bảo kiểm tra áp suất lốp.

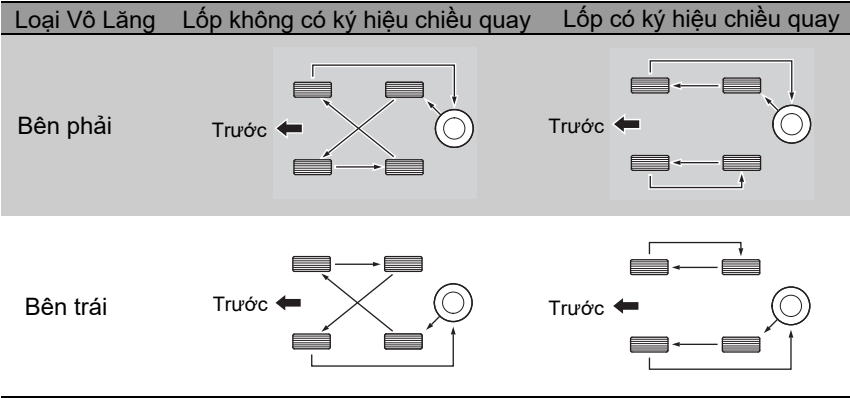
Loại xe có TPMS

Mỗi khi đảo lốp, hãy hiệu chỉnh TPMS.

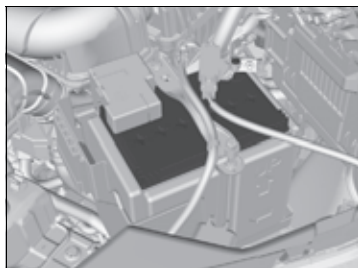
►Hiệu Chỉnh TPMS Tr. 269

Loại xe có lốp dự phòng cùng kích cỡ

Đảo lốp, bao gồm cả lốp dự phòng như hình minh họa dưới đây.



Kiểm Tra Ắc Quy



Tình trạng ắc quy được giám sát bằng cảm biến trên cực âm của ắc quy. Nếu cảm biến này có sự cố, màn hình giao diện thông tin cho người lái sẽ hiển thị thông báo cảnh báo. Nếu điều này xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Kiểm tra mòn cực ắc quy hàng tháng.

Nếu ắc quy xe của bạn bị tháo hoặc bị chết:
Cài đặt lại đồng hồ.

📖 **Đồng Hồ** Tr. 146

» Ắc Quy

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy xả ra khí hydro dễ nổ trong khi hoạt động bình thường.

Tia lửa hoặc lửa có thể làm nổ ắc quy gây tử vong hoặc trọng thương.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

Mặc quần áo bảo hộ và đeo mặt nạ, hoặc nhờ kỹ thuật viên có kinh nghiệm bảo dưỡng ắc quy.

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy chứa axit sunphuric (chất điện phân) có độ ăn mòn và độc hại cao.

Chất điện phân dính vào da hoặc mắt có thể gây bỏng nặng. Hãy mặc quần áo bảo hộ và đeo kính bảo hộ khi làm việc hoặc đứng gần ắc quy.

Bạn có thể bị tử vong nếu nuốt phải chất điện phân và không được xử lý kịp thời.

ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM

Nạp Ắc Quy

Tháo cả hai cáp ắc quy để tránh làm hỏng hệ thống điện của xe. Luôn tháo cáp âm (-) trước và nối lại cáp này sau cùng.

▶▶Ắc Quy

Phương Pháp Sơ Cứu Khẩn Cấp

Mắt: Lấy nước ở cốc hoặc bình nước để rửa mắt trong ít nhất 15 phút. (Nước áp suất cao có thể làm hỏng mắt). Gọi bác sĩ ngay.

Da: Thay quần áo bị dính axit. Dùng nhiều nước để rửa sạch. Gọi bác sĩ ngay.

Nuốt phải: Uống nước hoặc sữa. Gọi bác sĩ ngay.

Khi bạn thấy dấu hiệu ăn mòn, hãy lau sạch các cực ắc quy bằng dung dịch bột nở và nước. Dùng khăn ẩm để lau sạch các cực. Dùng vải/khăn mềm lau khô ắc quy. Phủ mỡ bôi trơn lên các cực để giúp ắc quy không bị ăn mòn nữa.

Khi thay ắc quy, phải thay loại có cùng thông số kỹ thuật.

Liên hệ với đại lý để biết thêm thông tin chi tiết.

Các đèn báo Hệ thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)*, áp suất lốp thấp/TPMS* và hỗ trợ an toàn* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái* khi bạn đặt chế độ nguồn ở BẬT sau khi lắp lại ắc quy. Lái xe quãng đường ngắn với vận tốc trên 20 km/h (12 mph). Đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý kiểm tra.

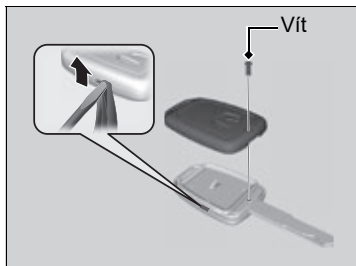
* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khoá điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

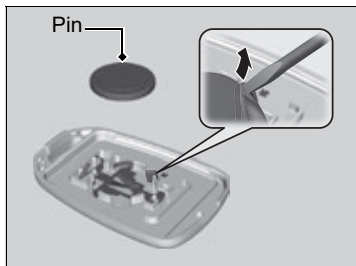
Khi ấn nút mà không thấy đèn sáng, phải thay thay pin điều khiển.

■ Khóa Điện có Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Loại pin: CR1620

1. Tháo vỏ bằng tua vít đầu nhỏ.
2. Mở chìa khóa điều khiển từ xa.
 - Bọc đầu tua vít đầu nhỏ bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.



3. Tháo pin cục bằng tua-vít đầu dẹt nhỏ.
4. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.

▣ Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

⚠ CẢNH BÁO

NGUY HIỂM BÔNG HÓA CHẤT

Nếu nuốt phải pin cấp điện cho chìa khóa điều khiển từ xa có thể gây bông nặng và thậm chí có thể gây tử vong.

Để pin mới và pin đã sử dụng tránh xa trẻ em. Nếu trẻ nuốt phải, cần đưa trẻ đến ngay cơ sở y tế để được can thiệp kịp thời.

LƯU Ý: Nếu thay pin không đúng cách có thể gây cháy nổ. Chỉ thay pin cùng chủng loại hoặc loại tương đương.

LƯU Ý: Không để pin ở nhiệt độ quá cao như dưới ánh nắng mặt trời, lửa hoặc những thứ tương tự để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy trong quá trình sử dụng, bảo quản hoặc vận chuyển.

LƯU Ý: Không vứt pin vào lửa hoặc lò đang nóng, hoặc không nghiền hoặc cắt pin bằng máy móc, vì những việc này sẽ dẫn đến cháy nổ.

LƯU Ý: Không để pin ở độ cao với áp suất không khí cực thấp để tránh gây nổ hoặc rò rỉ chất lỏng hoặc khí dễ cháy.

Dấu cảnh báo ở gần pin cục*.

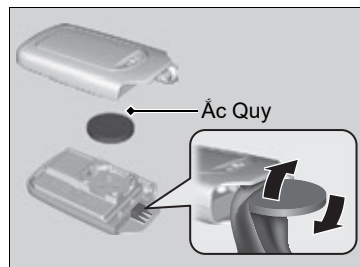
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

■ Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa*



Loại pin: CR2032

1. Tháo chìa khóa tích hợp.



2. Tháo nửa trên của vỏ chìa khóa bằng cách cạy cẩn thận mép vỏ bằng miếng kim loại.

► Bọc miếng kim loại bằng vải để tránh làm xước chìa khóa điều khiển từ xa.

► Tháo cẩn thận để không làm rơi pin.

3. Đảm bảo lắp đúng đầu cực khi thay pin.

►►Thay Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa

CHÚ Ý

Thải bỏ pin không đúng cách sẽ gây hại cho môi trường. Luôn tìm hiểu quy định của địa phương trước khi thải bỏ pin.

Thay pin có bán trên thị trường hoặc thay tại đại lý.

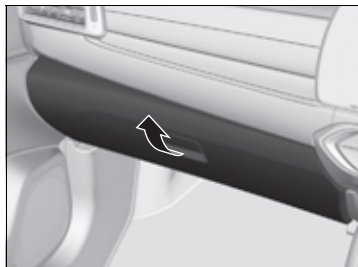
Lọc Gió Điều Hoà

■ Thời Điểm Nên Thay Lọc Gió Điều Hoà

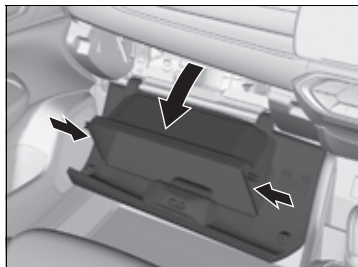
Thay lọc gió điều hoà theo lịch bảo dưỡng được khuyến nghị. Nếu lái xe trong môi trường nhiều bụi bẩn, nên thay lọc gió điều hoà sớm hơn lịch bảo dưỡng.

📅 **Lịch Bảo Dưỡng** Tr. 358

■ Cách Thay Lọc Gió Điều Hoà



1. Mở hộp đựng đồ.



2. Tháo hai vấu bằng cách ấn lên hai bên tấm ốp.

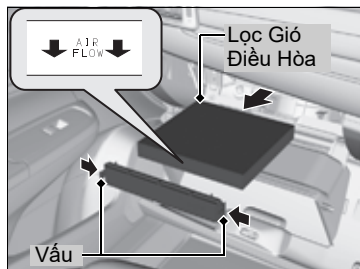
3. Xoay hộp đựng đồ ra.

» Bảo Dưỡng Hệ Thống Sưởi* và Làm Mát*/Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ*

Nếu luồng khí từ hệ thống sưởi* và làm mát*/Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ* bị giảm đáng kể và cửa kính nhanh bị đọng sương, cần phải thay lọc gió điều hoà mới.

Lọc gió điều hoà có tác dụng hút bụi, phấn hoa và mảnh vụn nhỏ trong không khí.

Nếu bạn không biết cách thay lọc gió điều hoà, hãy đưa xe đến đại lý để thay.



4. Ấn vào vấu ở góc vỏ hộp lọc gió điều hoà và tháo nó ra.
5. Tháo lọc gió ra khỏi hộp.
6. Lắp lọc gió mới vào hộp.
 - Đặt mũi tên **AIR FLOW** (LUỒNG KHÍ) hướng xuống dưới.

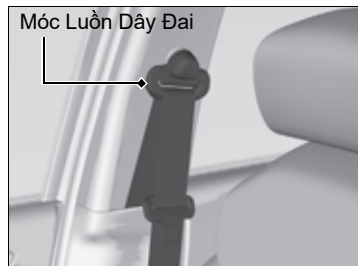
Vệ Sinh Nội Thất

Dùng máy hút bụi để hút bụi trước khi dùng khăn lau sạch.

Dùng vải ướt thấm dung dịch trung tính và nước ấm để lau sạch bụi. Dùng vải sạch lau bụi bẩn còn sót lại.

Vệ Sinh Đai An Toàn

Dùng khăn mềm, xà phòng trung tính và nước ấm để vệ sinh dây đai an toàn. Để dây đai an toàn tự khô. Dùng vải sạch lau sạch khe hở của móc luồn dây đai an toàn.



Vệ Sinh Cửa Kính

Dùng nước rửa kính để lau sạch.

Vệ Sinh Nội Thất

Không làm đổ chất lỏng ra xe. Thiết bị và hệ thống điện sẽ bị trục trặc nếu bị chất lỏng dính vào. Không xịt chất thơm có silicon lên thiết bị điện như thiết bị âm thanh và công tắc để tránh làm hỏng thiết bị hoặc gây cháy bên trong xe. Nếu không may để chất thơm có silicon rơi vào thiết bị điện, hãy liên hệ với đại lý để xử lý.

Tùy thuộc vào thành phần hóa học, chất thơm có thể làm các thiết bị nhựa và bọc vải bên trong xe bị bạc màu, nhăn nheo hoặc nứt. Không dùng dung môi alkali hoặc dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng.

Sau khi sử dụng hóa chất, dùng giẻ khô lau lại thật kỹ. Không để giẻ bẩn lên các thiết bị nhựa hoặc bọc vải trong thời gian dài.

Chú ý không làm đổ chất thơm ra xe.

Vệ Sinh Cửa Kính

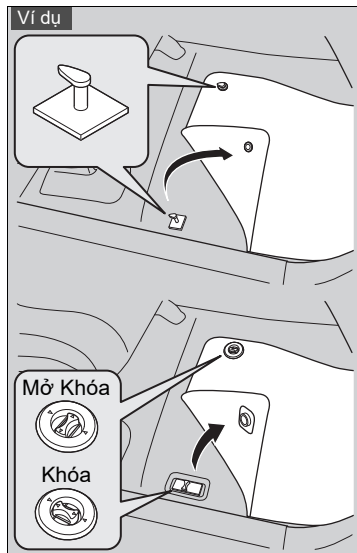
Loại xe có sấy kính sau

Dây điện được lắp bên trong cửa kính sau. Dùng giẻ mềm để lau kính theo chiều của dây điện để không làm hỏng dây.

Loại xe có camera trước

Cẩn thận không làm tràn các chất lỏng như nước hoặc nước rửa kính lên trên hoặc xung quanh vỏ các bộ phận điện quanh gương chiếu hậu.

Thảm Lót Sàn



Thảm lót sàn phía người lái được móc vào móc neo trên sàn xe để giữ thảm không bị trượt về phía trước.

Không lắp thêm thảm lên đầu móc neo thảm lót sàn.

Thảm Lót Sàn

Nếu bạn không sử dụng thảm lót sàn dành riêng cho loại xe của bạn, đảm bảo phải sử dụng loại thảm dành cho loại xe cụ thể, vừa vặn với xe và được móc chắc chắn vào móc neo sàn xe. Cố định thảm lót sàn ghế sau đúng vị trí. Nếu cố định không đúng, thảm sàn có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của ghế trước.

Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Cần phải làm sạch hoặc lau vết bẩn hoặc bụi càng nhanh càng tốt. Nước tràn ra ngấm vào lớp da có thể gây ố. Chất bẩn hoặc bụi có thể làm trầy xước da. Ngoài ra, lưu ý rằng một số quần áo màu tối có thể chà xát vào ghế da sẽ làm thay đổi màu hoặc làm ố da.

Vệ Sinh Đồ Da Chính Hiệu*

Để làm sạch đồ da đúng cách:

1. Trước tiên dùng máy hút bụi hoặc khăn khô mềm để lau sạch bụi hoặc vết bẩn.
2. Làm sạch đồ da bằng vải mềm ướt với tỷ lệ 90% nước và 10% xà phòng trung tính.
3. Dùng khăn ướt lau sạch hết xà phòng còn sót lại.
4. Lau sạch nước còn đọng lại và để đồ da vào chỗ khô, thoáng mát.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Vệ Sinh Ngoại Thất

Lau sạch bụi trên thân xe sau khi lái xe. Thường xuyên kiểm tra xe và các vết xước trên bề mặt sơn. Một vết xước trên bề mặt sơn có thể làm thân xe bị gỉ. Nếu thấy có vết xước, xử lý ngay lập tức.

Rửa Xe

Rửa xe thường xuyên. Hơn nữa, hãy rửa xe thường xuyên hơn khi lái trong các điều kiện sau:

- Lái trên đường có muối.
- Lái trên đường bờ biển.
- Lái trên đường nhựa, có muối than, phân chim, côn trùng hoặc nhựa cây dính vào bề mặt sơn.

Sử Dụng Máy Rửa Xe Tự động

- Đảm bảo làm theo hướng dẫn trên máy rửa xe tự động.
- Cụp gương cửa lại.

Loại xe có ăng ten có thể tháo

- Tháo ăng ten âm thanh.

📺 Ăng ten Âm Thanh* Tr. 242

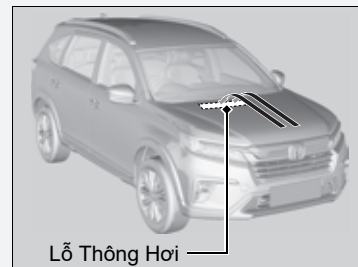
Sử Dụng Máy Rửa Xe Áp Suất Cao

- Giữ khoảng cách phù hợp giữa vòi phun và thân xe.
- Chú ý đến vùng quanh các cửa kính. Đừng quá gần cửa kính có thể làm nước bắn vào bên trong xe.
- Không phun nước áp suất cao trực tiếp vào khoang động cơ. Thay vào đó, sử dụng nước áp suất thấp và chất tẩy trung tính.
- Không phun nước vào camera hoặc khu vực xung quanh camera*. Nước có thể lọt vào thấu kính và làm camera bị trục trặc.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

► Rửa Xe

Không được phun nước vào các lỗ thông hơi để tránh xảy ra sự cố.



■ Phủ Sáp

Một lớp sáp phủ tốt sẽ giúp bảo vệ lớp sơn khỏi những yếu tố bên ngoài. Qua thời gian, sáp sẽ bị mòn và làm lộ ra các bộ phận xe dưới lớp sơn, vì vậy hãy phủ lại sáp ngay khi cần thiết.

■ Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Nếu làm đổ xăng, dầu, nước làm mát hoặc dung dịch ắc quy lên các bộ phận tráng nhựa, chúng có thể bị mất màu hoặc bị bong tróc. Luôn dùng vải mềm và nước sạch để làm sạch những bộ phận này.

■ Vệ Sinh Cửa Kính

Lau bằng nước rửa kính.

■ Vệ Sinh Bánh Xe Vành Nhôm

Vành nhôm dễ bị hỏng nếu mặt đường có muối hoặc các chất nhiễm bẩn khác. Khi cần, hãy dùng miếng xốp và các chất tẩy rửa trung tính để lau vành nhôm càng sớm càng tốt. Không dùng chổi cứng hoặc các chất tẩy rửa mạnh (bao gồm một số loại dung dịch vệ sinh bánh xe trên thị trường). Những chất này có thể làm hỏng lớp mạ nhôm trên vành nhôm khiến vành nhôm bị ăn mòn. Tùy vào loại sơn phủ mà vành bánh xe có thể mất đi độ sáng bóng hoặc bị trầy xước. Để tránh bị gỉ do nước, dùng khăn lau thật khô vành bánh xe khi còn ướt.

» Phủ Sáp

CHÚ Ý

Dung môi hóa học và dung dịch vệ sinh hoạt tính mạnh có thể làm hỏng lớp sơn, lớp kim loại và nhựa trên xe. Nếu để tràn ra xe, hãy lau ngay lập tức.

» Vệ Sinh Cản Xe và Các Bộ Phận Tráng Nhựa Khác

Liên hệ với đại lý để có vật liệu thay thế phù hợp khi cần sửa chữa bề mặt sơn của các bộ phận tráng nhựa.

■ Chóa Đèn Ngoài Xe Bị Mờ

Các chóa bên trong của đèn ngoài xe (đèn chiếu sáng, đèn phanh, v.v.) có thể tạm thời bị mờ nếu bạn lái xe dưới trời mưa, hoặc sau khi xe chạy qua máy rửa xe. Có thể xảy ra tình trạng đọng sương trong chóa đèn khi có sự chênh lệch lớn giữa nhiệt độ ngoài trời và nhiệt độ bên trong chóa đèn (tương tự như cửa kính bị mờ khi trời mưa). Đây là tình trạng bình thường, không phải là vấn đề về thiết kế cấu tạo của đèn ngoài xe.

Đặc tính thiết kế của chóa đèn có thể làm tích tụ hơi ẩm trên bề mặt khung của chóa đèn. Điều này cũng không phải là sự cố.

Tuy nhiên, nếu bạn thấy có lượng nước tích tụ lớn, hoặc nhiều giọt nước lớn hình thành bên trong chóa đèn, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

Phụ Kiện

Khi lắp phụ kiện, chú ý các mục sau:

- Không lắp các phụ kiện lên kính chắn gió vì việc này sẽ làm cản trở tầm nhìn của bạn và có thể khiến bạn không kịp phản ứng với các điều kiện lái.
 - Không lắp phụ kiện lên các khu vực đánh dấu SRS Airbag (Túi Khí SRS), lên cạnh hoặc lưng ghế trước, lên các trụ trước hoặc trụ bên, hoặc gần các cửa kính bên. Lắp các phụ kiện ở những chỗ này có thể khiến các túi khí của xe hoạt động không hiệu quả hoặc có thể văng vào bạn hoặc hành khách trong xe nếu túi khí nổ.
 - Đảm bảo các phụ kiện điện không vượt quá tải các mạch điện hoặc không gây cản trở đến hoạt động của xe.
- Đầu Chi Tr. 426**
- Trước khi lắp đặt bất cứ phụ kiện điện nào, người lắp đặt phải liên lạc với đại lý để được hỗ trợ. Nếu có thể, yêu cầu đại lý kiểm tra khâu lắp đặt cuối.

Điều Chỉnh

Điều chỉnh xe không phù hợp sẽ gây ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định và chắc chắn của xe, hoặc lắp phụ tùng hoặc phụ kiện không chính hiệu Honda cũng có thể gây ảnh hưởng tương tự như vậy.

Thậm chí điều chỉnh một phần hệ thống xe cũng có thể gây ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của toàn bộ xe. Luôn đảm bảo lắp và bảo dưỡng đúng cách tất cả các thiết bị xe. Không điều chỉnh xe hoặc các hệ thống của xe khi việc điều chỉnh đó vi phạm các quy định ở địa phương và quốc gia của bạn.

Cổng chẩn đoán trên xe (đầu nối OBD-II/SAE J1962) được lắp trên xe để sử dụng với các thiết bị chẩn đoán hệ thống ô tô hoặc với các thiết bị khác được Honda phê duyệt. Việc sử dụng bất kỳ loại thiết bị nào khác có thể ảnh hưởng hoặc làm hỏng các hệ thống điện tử của xe, hoặc làm hệ thống gặp sự cố như mất điện, hoặc các sự cố không mong muốn khác.

Không điều chỉnh hoặc cố gắng sửa bất kỳ thiết bị điện nào.

Phụ Kiện và Điều Chỉnh

⚠ CẢNH BÁO

Điều chỉnh hoặc lắp thêm phụ kiện không phù hợp có thể làm ảnh hưởng đến khả năng xử lý, tính ổn định, hiệu suất của xe và gây va chạm khiến bạn bị trọng thương hoặc tử vong.

Làm theo các chỉ dẫn trong cuốn tài liệu hướng dẫn sử dụng này liên quan đến phụ kiện và điều chỉnh.

Khi được lắp đúng cách, điện thoại di động, chuông báo động, máy bộ đàm, ăng ten radio và hệ thống âm thanh công suất thấp sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hệ thống được điều khiển bởi máy tính trên xe, như túi khí và hệ thống chống bó cứng phanh.

Nên dùng phụ kiện Chính Hiệu Honda để đảm bảo cho xe hoạt động tốt.

Xử Lý Sự Cố Bất Ngờ

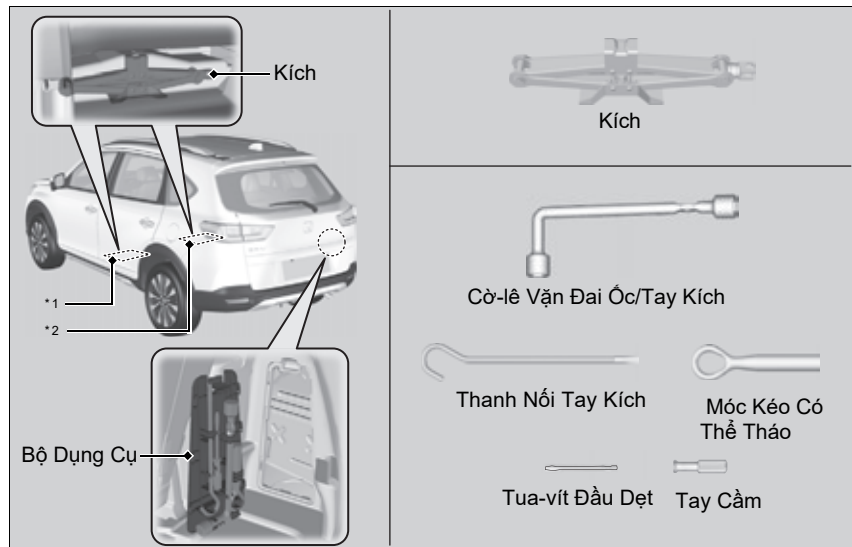
Chương này giải thích cách xử lý các tình huống bất ngờ.

Dụng Cụ	
Loại Dụng Cụ	400
Nếu Lốp Bị Xẹp	
Thay Lốp Xẹp	401
Động Cơ Không Khởi Động	
Kiểm Tra Động Cơ	411
Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu	413
Dừng Động Cơ Khẩn Cấp	414
NếuẮc Quy Chết	415
Không Gạt Được Cần Số	417
Quá Nhiệt	
Cách Xử lý Quá Nhiệt	418

Đèn Báo Sáng/Nhấp Nháy	
Loại xe có màn hình hiển thị thông tin	
Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Động Cơ Thấp Sáng	421
Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái	
Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động thấp Xuất Hiện	422
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng	423
Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy	423

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Đỏ) Sáng	424
Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng	424
Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy	425
Cầu Chì	
Vị Trí Cầu Chì	426
Kiểm Tra và Thay Cầu Chì	434
Kéo Xe Khẩn Cấp	435
Nếu Bạn Không Mở Được Cửa Hậu	436

Loại Dụng Cụ



Loại Dụng Cụ

Dụng cụ được cất trong khoang hành lý và dưới ghế hành khách.

*1: Loại vô lăng bên phải

*2: Loại vô lăng bên trái

Thay Lốp Xẹp

Nếu lốp bị xẹp khi đang lái, giữ chắc vô lăng và phanh từ từ để giảm tốc độ. Sau đó, đỗ xe ở nơi an toàn. Thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng loại nhỏ/lốp dự phòng cùng kích cỡ*. Đưa xe đến đại lý càng sớm càng tốt để sửa hoặc thay lốp bị xẹp.

1. Đỗ xe ở bề mặt chắc chắn, bằng phẳng, không trơn trượt và gài phanh đỗ.

Loại xe có hộp số vô cấp

2. Gạt cần số đến **P**.

Loại xe số sàn

2. Gạt cần số đến **R**.

Tất cả các loại xe

3. Bật đèn cảnh báo nguy hiểm và đặt chế độ nguồn ở KHÓA **0**^{*1}.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* 2: Ngoại trừ loại xe Châu Phi

* 3: Loại xe Châu Phi

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

» Thay Lốp Xẹp

Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

Làm theo các lưu ý sau đối với lốp dự phòng loại nhỏ:

Kiểm tra định kỳ áp suất của lốp dự phòng loại nhỏ. Áp suất lốp phải đạt mức quy định.

Áp Suất Quy Định: 210 kPa (2,1 kgf/cm², 30 psi)

Khi lắp lốp dự phòng loại nhỏ, cần duy trì tốc độ lái dưới 80 km/h (50 mph)^{*2} hoặc 120 km/h^{*3}.

Thay bằng lốp cùng kích cỡ càng sớm càng tốt.

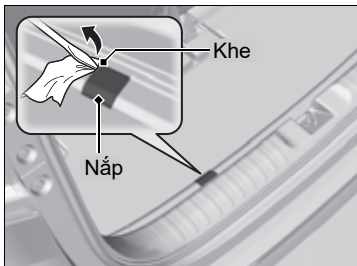
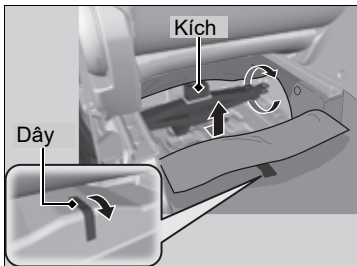
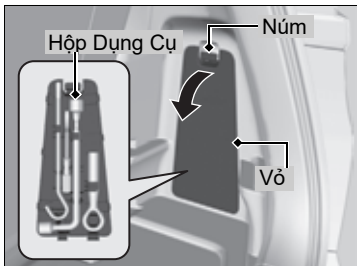
Lốp dự phòng loại nhỏ và bánh xe trên xe bạn là dành riêng cho loại xe này. Không sử dụng chúng cho xe khác cũng như không sử dụng lốp dự phòng loại nhỏ hoặc bánh xe khác cho xe bạn.

Dùng lốp dự phòng loại nhỏ làm xe đi gần hơn và độ bám đường kém đi. Bạn cần lái xe cẩn thận hơn.

Không dùng cùng lúc nhiều lốp dự phòng loại nhỏ.

Lốp dự phòng loại nhỏ nhỏ hơn lốp thông thường. Vì vậy, khoảng sáng gầm xe sẽ thấp hơn thông thường khi bạn lắp lốp dự phòng loại nhỏ. Lái xe qua những đoạn đường nhiều mảnh vỡ hoặc có vật cản có thể làm hư hỏng gầm xe.

■ Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp



1. Mở cửa hậu.

Loại xe có khoang chứa đồ dưới sàn xe

2. Mở nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.

► **Khoang Chứa Đồ Dưới Sàn Xe*** Tr. 222

Tất cả các loại xe

3. Kéo núm để tháo nắp che. Lấy hộp dụng cụ trong khoang chứa đồ ra.

4. Đẩy hết cỡ ghế hành khách phía trước về phía trước.

5. Kéo dây trên thảm sàn xe để mở nắp.

6. Xoay giá đỡ đầu kích để rời lỏng kích rồi tháo kích ra.

7. Bọc miếng vải quanh đầu tua vít đầu dẹt. Luồn đầu tua vít vào khe như hình vẽ để mở nắp.

►► Thay Lốp Xẹp

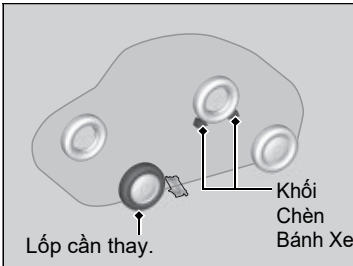
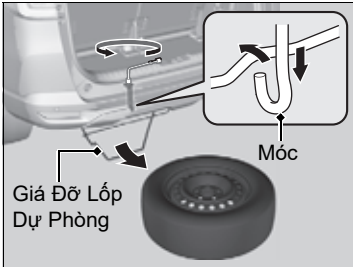
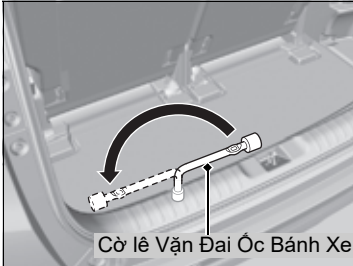
CẢNH BÁO: Chỉ sử dụng kích để hỗ trợ những trường hợp xe bị hư hỏng bất ngờ, không dùng để thay lốp theo mùa thông thường hoặc cho bất kỳ hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa thông thường khác.

CHÚ Ý

Không dùng kích nếu nó không hoạt động tốt. Hãy gọi đại lý hoặc đội dịch vụ cứu hộ xe chuyên nghiệp.

►► Chuẩn Bị Thay Lốp Xẹp

Cờ lê vận đai ốc bánh xe được cung cấp dành riêng cho xe của bạn được điều chỉnh đặc biệt để vừa với trục giá đỡ. Không sử dụng bất kỳ dụng cụ nào khác.



8. Đưa cờ lê vặn đai ốc bánh xe lên bu lông siết và vặn ngược chiều kim đồng hồ để hạ thấp lốp dự phòng xuống.
► Xoay đi xoay lại cờ lê 180 độ.

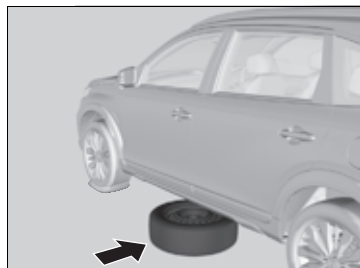
9. Gỡ móc giá đỡ lốp dự phòng để lấy lốp ra.
► Nâng giá đỡ lốp dự phòng lên rồi tháo móc.

10. Chèn khối chèn bánh xe hoặc hòn đá vào phía trước và phía sau của bánh xe chéo với bánh xe cần thay.

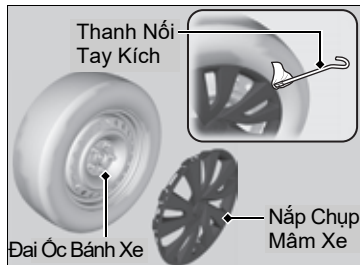
► Chuẩn Bị Thay Lốp Xe

Hãy cẩn thận để không bị thương khi tháo hoặc cất lốp dự phòng.

Không tháo bu lông siết cho đến khi nó bung ra. Nếu nó rơi ra, giá đỡ lốp dự phòng và lốp có thể rơi xuống và đập vào chân bạn.

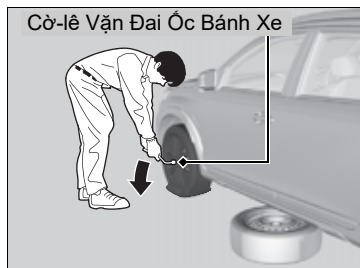


- 11.** Đặt lốp dự phòng (mặt bánh xe hướng lên) bên dưới thân xe, ở gần lốp cần được thay.



Loại xe có nắp chụp mâm xe

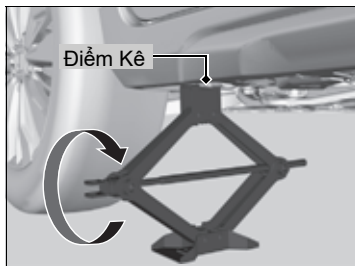
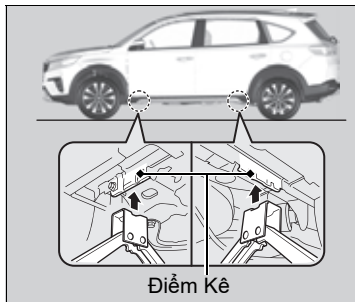
- 12.** Đưa đầu dẹt của thanh nối tay kích vào mép của nắp chụp mâm xe. Cẩn thận khi cạy mép và tháo nắp chụp.
► Dùng giẻ bọc quanh phần đầu dẹt của thanh nối tay kích để tránh làm xước nắp chụp.



Tất cả các loại xe

- 13.** Dùng cờ lê vận đai ốc bánh xe xoay một vòng để nới lỏng đai ốc bánh xe.

■ Cách Lắp Kịch



1. Đặt kịch bên dưới điểm kê gần nhất với lốp xe cần thay.

2. Xoay giá đỡ đầu kịch theo chiều kim đồng hồ như hình vẽ cho đến khi đầu kịch chạm vào điểm kê.

► Đảm bảo vấu điểm kê tỳ vào rãnh kịch.

►►Cách Lắp Kịch

⚠CẢNH BÁO

Xe có thể dễ dàng trượt khỏi kịch, gây trọng thương cho người đang làm việc dưới gầm xe.

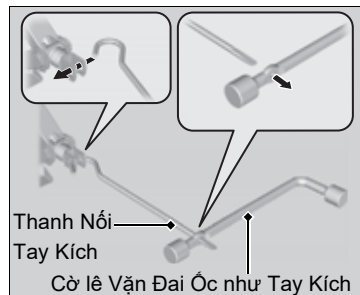
Làm đúng theo hướng dẫn khi thay lốp, không được để ai lại gần hoặc ở dưới gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.

CẢNH BÁO: Kịch phải được đặt trên bề mặt phẳng và chắc chắn bằng với bề mặt đang đỡ xe.

Kịch được trang bị kèm theo xe của bạn có nhãn như sau.

1.	2.	3.

1. Xem Tài Liệu Hướng Dẫn Sử Dụng.
2. Không được chui vào gầm xe khi đang đỡ xe bằng kịch.
3. Đặt kịch ở khu vực chắc chắn.



3. Nâng xe lên bằng thanh nối tay kích và tay kích cho đến khi lốp xe nâng lên khỏi mặt đất.

► Cách Lắp Kích

Không dùng kích khi có người hoặc đồ đạc trên xe.

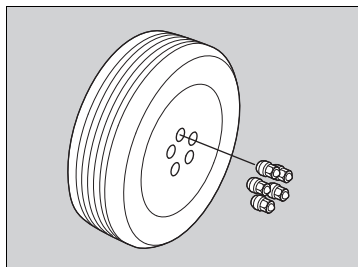
Dùng kích dành riêng cho xe bạn.

Các kích khác có thể không phù hợp với trọng lượng ("tải trọng") hoặc không vừa điểm kê.

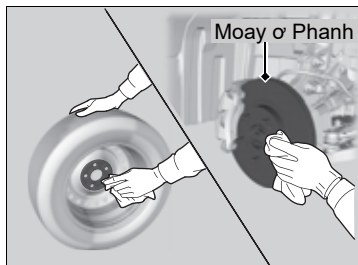
Làm theo các hướng dẫn sau để dùng kích an toàn:

- Không dùng kích khi động cơ đang chạy.
- Chỉ sử dụng kích trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
- Chỉ kích tại điểm kê.
- Không được vào xe khi xe đang dùng kích.
- Không kê thêm bất cứ thứ gì lên phía trên hoặc phía dưới kích.

Thay Lốp Xẹp



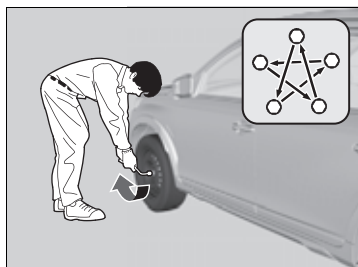
1. Tháo đai ốc bánh xe và lốp xẹp.



2. Lau sạch bề mặt lắp ghép bánh xe bằng vải sạch.

3. Lắp lốp dự phòng vào.

4. Vặn đai ốc bánh xe đến khi nó chạm vào miệng xung quanh lỗ gắn, sau đó ngừng vặn.



5. Hạ thấp xe và tháo kích ra. Siết chặt các đai ốc bánh xe theo thứ tự như hình vẽ. Siết lần lượt mỗi đai ốc từ hai đến ba lần theo thứ tự này.

Lực siết đai ốc bánh xe:

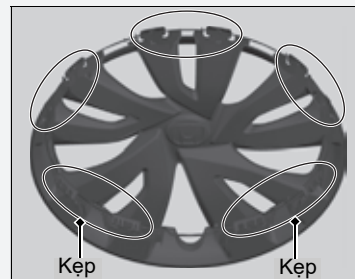
108 N·m (11 kgf·m, 80 lbf·ft)

Thay Lốp Xẹp

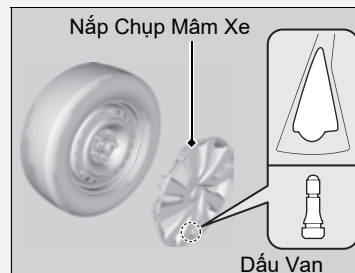
Không siết đai ốc bánh xe quá chặt bằng chân hay ống nổi.

Loại xe có nắp chụp mâm xe

Đảm bảo rằng vòng đỡ dây được móc vào các kẹp xung quanh mép của nắp chụp mâm xe.



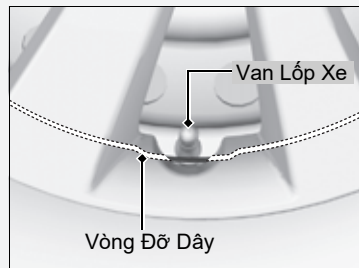
Căn thẳng dấu van trên nắp chụp mâm xe với van lốp trên bánh xe, sau đó lắp nắp chụp mâm xe.



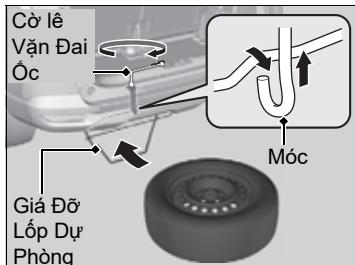
►► Thay Lốp Xe

Thay nắp chụp mâm xe

Đảm bảo rằng vòng đỡ dây nằm ở mặt ngoài của van lốp xe như minh họa.



■ Cất Giữ Lốp Xẹp



1. Đặt lốp xẹp vào giá đỡ lốp dự phòng sao cho mặt lốp hướng lên trên.
2. Đảm bảo lắp lại và cố định giá đỡ lốp dự phòng vào vị trí ban đầu.
3. Cất kích vào giá đỡ. Xoay giá đỡ kích để khóa nó vào đúng vị trí, sau đó đóng thả lại.
4. Cất dụng cụ và đậy nắp khoang chứa phía sau.

Loại xe có khoang chứa đồ dưới sàn xe

5. Lắp đặt lại nắp khoang chứa đồ dưới sàn xe.

►Cất Giữ Lốp Xẹp

⚠CẢNH BÁO

Để vật dụng không chắc chắn có thể làm nó văng trong xe gây trọng thương cho người ngồi trong xe.

Cất bánh xe, kích và dụng cụ cẩn thận trước khi lái xe.

Luôn nâng giá đỡ lốp dự phòng, ngay cả khi bạn không kéo lốp. Nếu giá đỡ bị hạ thấp, giá đỡ sẽ bị hỏng trong quá trình lái xe và cần được thay thế.

Để lắp lại lốp dự phòng, hãy đặt lốp ngửa lên trên giá đỡ lốp dự phòng.

CHÚ Ý

Nếu bạn úp mặt lốp dự phòng xuống, lốp có thể bị hỏng và cần được thay thế.

Đảm bảo giá đỡ lốp dự phòng được móc chắc chắn vào móc. Nếu giá đỡ bị lỏng, giá đỡ có thể bị bung ra khi đang lái xe và gây ra tai nạn.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

■ TPMS và Lốp Dự Phòng

Loại xe có lốp dự phòng loại nhỏ

Nếu bạn thay lốp xẹp bằng lốp dự phòng, đèn báo áp suất lốp thấp/TPMS sẽ sáng trong khi bạn đang lái xe. Sau khi lái được vài kilomet, **Tire pressure monitor system problem. Check tire pressure. See your dealer** (Hệ thống giám sát áp suất lốp có sự cố. Kiểm tra áp suất lốp. Đưa xe đến đại lý) sẽ xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái và đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng thời gian ngắn và sau đó tiếp tục sáng, nhưng điều này là bình thường và không cần quan tâm.

Tất cả các loại xe

Hiệu chỉnh TPMS khi bạn thay lốp bằng một lốp bình thường đạt tiêu chuẩn.

► **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 269

Kiểm Tra Động Cơ

Nếu động cơ không khởi động, hãy kiểm tra bộ khởi động.

Tình trạng bộ khởi động	Danh mục kiểm tra
Bộ khởi động không khởi động hoặc khởi động quá chậm. Có thể ắc quy chết. Kiểm tra từng mục bên phải.	Loại xe không có khóa điện Kiểm tra thông báo trên màn hình giao diện thông tin cho người lái*. - Nếu xuất hiện thông báo To Start, touch start button with emblem side of remote (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa). ➡ Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu Tr. 413 ▶ Đảm bảo chìa khóa điều khiển từ xa nằm trong phạm vi hoạt động. ➡ Phạm Vi Hoạt Động Của Nút ENGINE START/STOP Tr. 180 Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì hoặc đưa xe đến đại lý kiểm tra. ➡ Kiểm Tra và Thay Cầu Chì Tr. 434
Bộ khởi động hoạt động bình thường nhưng động cơ không khởi động. Có thể cầu chì có sự cố. Kiểm tra từng mục bên phải.	Xem lại quy trình khởi động động cơ. Thử khởi động lại động cơ theo các hướng dẫn. ➡ Khởi Động Động Cơ Tr. 249 Kiểm tra đèn báo hệ thống chống nổ máy. Khi đèn báo hệ thống chống nổ máy nhấp nháy, không thể khởi động động cơ. ➡ Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 173 ➡ Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy Tr. 107 Kiểm tra mức nhiên liệu. Cần có đủ nhiên liệu trong bình. ➡ Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu Tr. 113 Kiểm tra cầu chì. Kiểm tra tất cả các cầu chì hoặc đưa xe đến đại lý kiểm tra. ➡ Kiểm Tra và Thay Cầu Chì Tr. 434 Nếu sự cố vẫn còn: ➡ Kéo Xe Khẩn Cấp Tr. 435

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Nếu cần khởi động xe ngay, dùng xe khác hỗ trợ hoặc ắc quy nối ngoài để khởi động động cơ.

➡ **Nếu Ắc Quy Chết** Tr. 415

Loại xe không có khóa điện

Không giữ nút **ENGINE START/STOP** quá 15 giây.

Loại xe không có khóa điện

Nếu Pin Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa Yếu

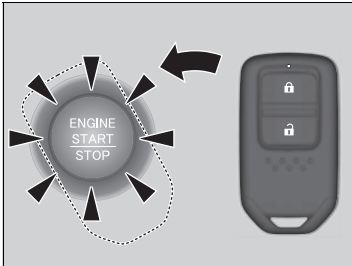
Nếu tiếng bip vang lên, nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy, và động cơ không khởi động

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Thông báo **To start, touch start button with emblem side of remote** (Để khởi động, hãy chạm vào nút khởi động ở mặt có biểu tượng của chìa khóa điều khiển từ xa) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Tất cả các loại xe

Hãy khởi động động cơ như sau:



1. Ấn nút **ENGINE START/STOP**.

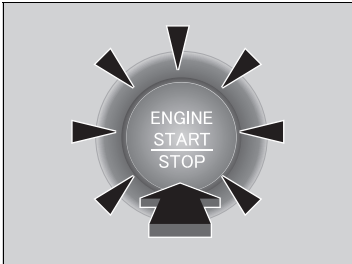
► Tiếng bip vang lên và nút **ENGINE START/STOP** nhấp nháy khoảng 30 giây.

2. Áp logo chữ **H** trên chìa khóa điều khiển từ xa vào giữa nút đang nhấp nháy. Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa phải quay về phía bạn.

► Tiếng bip vang lên và nút **ENGINE START/STOP** tiếp tục sáng trong khoảng 10 giây.

3. Nhấn bàn đạp phanh (hộp số vô cấp) hoặc bàn đạp ly hợp (số sàn) và ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi nút **ENGINE START/STOP** sáng.

► Động cơ khởi động.
► Nếu bạn không nhấn bàn đạp phanh, chế độ sẽ chuyển sang PHỤ KIỆN.



Loại xe không có khóa điện

Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Có thể dùng nút **ENGINE START/STOP** để dừng động cơ trong tình huống khẩn cấp ngay cả khi đang lái xe. Nếu bạn phải dừng động cơ, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

- Ấn và giữ nút **ENGINE START/STOP** trong khoảng hai giây.
- Ấn dứt khoát nút **ENGINE START/STOP** ba lần.

Vô lăng sẽ không khóa. Tuy nhiên, vì việc tắt động cơ sẽ làm tắt nguồn điện giúp động cơ cung cấp cho hệ thống lái và phanh, nên sẽ cần nhiều lực và thời gian hơn để lái và giảm tốc độ xe. Phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe và dừng ngay xe ở nơi an toàn. Với loại xe số sàn, bạn cũng có thể giảm số để sử dụng phanh động cơ.

Loại xe có hộp số vô cấp

Chế độ nguồn ở PHỤ KIẾN khi động cơ dừng.

Để chuyển sang chế độ TẮT MÁY, gạt cần số đến **P** sau khi xe dừng hẳn.

Sau đó, ấn nút **ENGINE START/STOP** hai lần mà không nhấn bàn đạp phanh.

Loại xe số sàn

Chuyển chế độ nguồn sang TẮT MÁY.

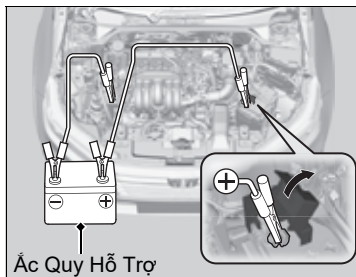
►► Dừng Động Cơ Khẩn Cấp

Không ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi lái trừ khi thật sự cần thiết phải tắt động cơ.

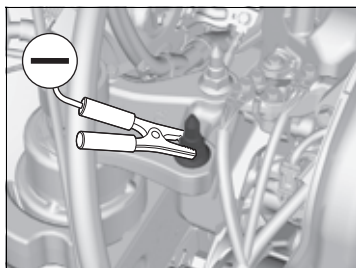
Nếu bạn ấn nút **ENGINE START/STOP** trong khi đang lái xe, tiếng bíp sẽ vang lên.

Quy Trình Khởi Động Bằng Ắc Quy Nối Ngoài

Tắt hết các thiết bị điện, như đèn và hệ thống âm thanh. Tắt động cơ, sau đó mở nắp ca-pô.



1. Mở nắp cực dương $\oplus$ ắc quy của xe.
2. Nối dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc quy xe.
3. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ nhất vào cực $\oplus$ của ắc quy hỗ trợ.
 - ▶ Chỉ sử dụng ắc quy hỗ trợ loại 12 von.
 - ▶ Khi sử dụng nạp ắc quy ô tô để hỗ trợ ắc quy của xe bạn, chọn điện áp nạp dưới 15 von. Kiểm tra tài liệu hướng dẫn sử dụng nạp để cài đặt cho phù hợp.
4. Nối đầu dây cáp nối ngoài thứ hai vào cực $\ominus$ ắc quy hỗ trợ.



5. Nối đầu còn lại của dây cáp nối ngoài thứ hai vào bu lông gắn động cơ như hình vẽ. Không nối dây cáp nối ngoài vào bất cứ bộ phận nào khác.
6. Nếu xe bạn được nối với xe khác, hãy khởi động động cơ xe hỗ trợ và ga nhẹ.
7. Cố khởi động động cơ xe. Nếu xe khởi động chậm, kiểm tra xem các dây cáp nối ngoài đã được nối đúng chưa.

⚠ Nếu Ắc Quy Chết

⚠ CẢNH BÁO

Ắc quy có thể nổ gây trọng thương cho bất kỳ ai ở gần ắc quy nếu không làm đúng theo quy trình.

Không để ắc quy gần tia lửa, ngọn lửa và các chất dễ bắt lửa.

CHÚ Ý

Nếu để ắc quy trong điều kiện nhiệt độ cực lạnh, chất điện phân có thể bị đóng băng. Khởi động bằng ắc quy nối ngoài bị đóng băng có thể gây đoản mạch.

Gắn chắc kẹp dây cáp nối ngoài để nó không tuột khi động cơ rung. Chú ý không để lộn xộn cáp nối ngoài hoặc để các đầu cáp chạm vào nhau khi đang gắn hoặc tháo rời các cáp nối ngoài.

Ắc quy để trong điều kiện nhiệt độ thấp sẽ hoạt động kém hiệu quả và làm động cơ khó khởi động.

■ Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Sau khi động cơ khởi động, tháo dây cáp nối ngoài ra theo trình tự sau.

1. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi gầm xe.
2. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\ominus$ của ắc quy hỗ trợ.
3. Tháo dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc quy xe.
4. Tháo đầu còn lại của dây cáp nối ngoài ra khỏi cực $\oplus$ của ắc quy hỗ trợ.

Đưa xe đến gara gần đó hoặc đến đại lý để kiểm tra.

►► Làm Gì Sau Khi Khởi Động Động Cơ

Đèn báo Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), **TẮT** Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA), Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích (ACC)*, áp suất lốp thấp/TPMS*, và hỗ trợ an toàn* có thể sáng màu hổ phách đồng thời thông báo xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái* khi bạn đặt chế độ nguồn ở **BẬT** **II***¹ sau khi lắp lại ắc quy. Hãy lái xe một quãng đường ngắn với tốc độ trên 20 km/h (12 mph). Từng đèn báo sẽ tắt. Nếu đèn báo không tắt, hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra.

* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có hộp số vô cấp

Làm theo quy trình dưới đây nếu không gạt được cần số ra khỏi vị trí **P**.

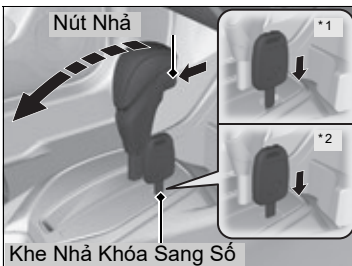
■ Nhả Khóa



1. Gài phanh đỗ.
2. Đặt chế độ nguồn đến TẮT MÁY.
3. Rút chìa khóa tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.

Loại xe có nắp khe nhả khóa sang số

4. Bọc vải quanh đầu tua vít đầu dẹt nhỏ. Đưa vào khe nhả khóa sang số như hình vẽ và tháo nắp ra.



Tất cả các loại xe

5. Cắm chìa khóa tích hợp vào khe nhả khóa sang số.
6. Trong khi ấn chìa khóa xuống, ấn nút nhả cần số và gạt cần số đến **N**.
 - Lúc này khóa đã nhả ra. Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra cần số càng sớm càng tốt.

* 1: Loại xe không có nắp khe nhả khóa sang số

* 2: Loại xe có nắp khe nhả khóa sang số

Cách Xử Lý Quá Nhiệt

Dấu hiệu động cơ bị quá nhiệt:

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

- Đèn báo nhiệt độ cao sáng hoặc động cơ đột nhiên mất điện.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

- Thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Tất cả các loại xe

- Hơi nước hoặc tia nước bắn ra từ khoang động cơ.

■ Bước đầu tiên

1. Đỗ ngay xe ở nơi an toàn.
2. Tắt hết tất cả các phụ kiện và bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
 - ▶ **Không có hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Để động cơ chạy và mở nắp ca-pô.
 - ▶ **Hơi nước hoặc tia nước bắn ra:** Tắt động cơ và đợi cho đến khi hơi nước hoặc tia nước không còn bắn ra thì mở nắp ca-pô.

» Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

Hơi nước và tia nước bắn ra do động cơ bị quá nhiệt có thể gây bỏng nặng.

Không mở nắp ca-pô khi đang có hơi nước bắn ra.

CHÚ Ý

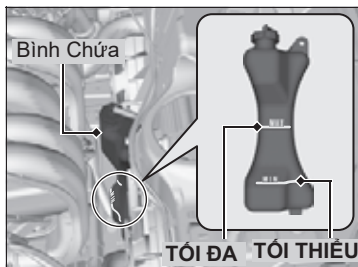
Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Tiếp tục lái xe khi đèn báo nhiệt độ cao sáng có thể làm hỏng động cơ.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Tiếp tục lái xe khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái có thể làm hỏng động cơ.

■ Bước tiếp theo



Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy không và dừng động cơ khi đèn báo nhiệt độ cao tắt.
 - Nếu quạt làm mát không chạy, hãy tắt động cơ ngay lập tức.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

1. Kiểm tra xem quạt làm mát có chạy không và dừng động cơ khi thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt) biến mất trên màn hình giao diện thông tin cho người lái.
 - Nếu quạt làm mát không chạy, hãy tắt động cơ ngay lập tức.

Tất cả các loại xe

2. Khi động cơ nguội, kiểm tra mức nước làm mát và kiểm tra rò rỉ các bộ phận hệ thống làm mát.
 - Nếu mức nước làm mát trong bình chứa thấp, bổ sung nước làm mát cho đến khi chạm vạch **MAX**.
 - Nếu không có nước làm mát trong bình, kiểm tra xem két nước có mát không. Bọc nắp két nước bằng miếng vải dày rồi mở nắp. Nếu cần, bổ sung nước làm mát đến để cổ lọc và đóng nắp lại.

Còn nữa

» Cách Xử Lý Quá Nhiệt

⚠ CẢNH BÁO

Tháo nắp két nước trong khi động cơ còn nóng có thể làm nước làm mát bắn ra ngoài, gây bỏng nặng.

Luôn để động cơ và két nước nguội trước khi tháo nắp két nước.

Nếu bị rò rỉ nước làm mát, liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Dùng nước chỉ là biện pháp khẩn cấp/tạm thời. Hãy đưa xe đến đại lý để thay nước làm mát chính hãng càng sớm càng tốt.

■ Bước cuối cùng

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại và kiểm tra đèn báo nhiệt độ cao. Nếu đèn báo nhiệt độ cao tắt, tiếp tục lái xe. Nếu đèn báo vẫn sáng, liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Khi động cơ đã nguội hẳn, khởi động lại động cơ và kiểm tra màn hình giao diện thông tin cho người lái.

Nếu thông báo **Engine temperature too hot. Do not drive. Allow engine to cool.** (Động cơ quá nóng. Không lái xe. Hãy để động cơ nguội bớt). Nếu thông báo không xuất hiện nữa, tiếp tục lái xe. Nếu thông báo này lại xuất hiện, hãy liên hệ với đại lý để sửa chữa.

Loại xe có màn hình hiển thị thông tin

Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay khi đèn báo sáng

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.

2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.

▶ Bỏ sung dầu nếu cần.

🔧 **Kiểm Tra Dầu** Tr. 366

3. Khởi động động cơ và kiểm tra đèn báo áp suất dầu thấp.

▶ Đèn tắt: Tiếp tục lái xe.

▶ Đèn không tắt trong vòng 10 giây: Dừng động cơ ngay và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

» Nếu Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp Sáng

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện



■ Nguyên nhân cảnh báo xuất hiện

Xuất hiện khi áp suất dầu động cơ thấp.

■ Làm gì ngay khi cảnh báo xuất hiện

1. Đỗ ngay xe ở nơi bằng phẳng, an toàn.
2. Nếu cần, hãy bật đèn cảnh báo nguy hiểm.

■ Làm gì sau khi đỗ xe

1. Dừng động cơ và để động cơ nghỉ khoảng ba phút.
2. Mở nắp ca-pô và kiểm tra mức dầu.
 - Bỏ sung dầu nếu cần.

🔍 **Kiểm Tra Dầu** Tr. 366

3. Khởi động động cơ và kiểm tra cảnh báo

Engine oil pressure low (Áp suất dầu động cơ thấp).

- Cảnh báo biến mất: Tiếp tục lái xe.
- Cảnh báo không biến mất trong 10 giây: Dừng ngay động cơ và liên hệ với đại lý để sửa chữa.

►► Nếu Cảnh Báo Áp suất dầu động cơ thấp Xuất Hiện

CHÚ Ý

Chạy động cơ với áp suất dầu thấp có thể khiến động cơ nhanh bị hỏng.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

Sáng nếu hệ thống nạp điện có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Dừng xe ở nơi an toàn và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

- Sáng nếu hệ thống kiểm soát khí thải động cơ có sự cố.
- Nhấp nháy khi phát hiện ra hiện tượng mất lửa.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Tránh lái xe ở tốc độ cao và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy

Đỗ xe ở nơi an toàn và không có vật dễ cháy ở gần, đợi ít nhất từ 10 phút trở lên từ khi động cơ dừng cho đến khi nguội.

►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện Sáng

Nếu bạn cần dừng xe tạm thời, không tắt động cơ. Khởi động lại động cơ có thể làm nhanh hết điện ắc quy.

►►Nếu Đèn Báo Sự Cố Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Nếu bạn lái xe khi đèn báo sự cố sáng, hệ thống kiểm soát khí thải và động cơ có thể bị hỏng.

Nếu đèn báo sự cố vẫn nhấp nháy khi khởi động lại động cơ, hãy lái xe đến đại lý gần nhất với tốc độ từ 50 km/h (31 mph) trở xuống để kiểm tra xe.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Mức dầu phanh thấp.
- Hệ thống phanh có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng trong khi lái

Nhấn nhẹ bàn đạp phanh để kiểm tra áp suất bàn đạp phanh.

- Nếu bình thường, kiểm tra mức dầu phanh khi dừng xe.
- Nếu bất thường, cần xử lý ngay. Nếu cần, giảm số bằng phanh động cơ để giảm tốc độ xe.

Nếu Đèn Báo Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS) Sáng



■ Nguyên nhân đèn báo sáng

- Sáng nếu hệ thống EPS có sự cố.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

- Dừng xe ở nơi an toàn và khởi động lại động cơ.
Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng, hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe có màn hình giao diện thông tin cho người lái

- Nếu thông báo **Do not drive** (Không lái xe) xuất hiện trên màn hình giao diện thông tin cho người lái, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý.

►►Nếu Đèn Báo Hệ Thống Phanh (Màu Đỏ) Sáng

Đưa ngay xe đi sửa chữa.

Lái xe với mức dầu phanh thấp sẽ rất nguy hiểm. Nếu không thấy có lực cản ở bàn đạp phanh, hãy dừng ngay xe ở nơi an toàn. Nếu cần, giảm số.

Nếu đèn báo hệ thống phanh (màu đỏ) và đèn báo **ABS** cùng sáng, hệ thống phân phối phanh điện tử không hoạt động. Điều này có thể làm mất tính ổn định của xe khi phanh gấp. Hãy đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Nếu đèn báo hệ thống phanh màu đỏ và màu hổ phách cùng sáng, hãy dừng xe ở nơi an toàn và đưa ngay xe đến đại lý để kiểm tra.

Loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái

Nếu Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy



■ Nguyên nhân đèn báo sáng hoặc nhấp nháy

Áp suất lốp quá thấp, hoặc TPMS không được hiệu chỉnh.

Nếu TPMS có sự cố, đèn báo sẽ nhấp nháy trong khoảng một phút sau đó sáng suốt.

Nếu lốp dự phòng loại nhỏ*, đèn báo sẽ sáng hoặc nhấp nháy trong khoảng một phút, sau đó sáng suốt.

■ Làm gì khi đèn báo sáng

Lái xe cẩn thận, tránh cua gấp và phanh gấp.

Dừng xe ở nơi an toàn. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh áp suất tới mức quy định. Áp suất lốp quy định có ở nhãn dán trên thanh dọc cửa người lái.

► Hiệu chỉnh TPMS sau khi áp suất lốp được điều chỉnh.

📖 **Hiệu Chỉnh TPMS** Tr. 269

Nếu lốp dự phòng loại nhỏ* làm đèn báo sáng, hãy thay lốp cùng kích cỡ. Đèn báo sẽ tắt sau khi hiệu chỉnh TPMS.

■ Làm gì khi đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng suốt

Hãy đưa xe đến đại lý để kiểm tra càng sớm càng tốt. Nếu lốp dự phòng loại nhỏ* làm đèn báo nhấp nháy, sau đó sáng suốt, hãy thay lốp cùng kích cỡ. Đèn báo sẽ tắt sau khi hiệu chỉnh hệ thống TPMS.

►► Nếu Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS Sáng hoặc Nhấp Nháy

CHÚ Ý

Lái xe với lốp quá xẹp có thể làm cho lốp xe bị quá nhiệt. Lốp quá nhiệt có thể bị hỏng. Luôn bơm căng lốp đến mức quy định.

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

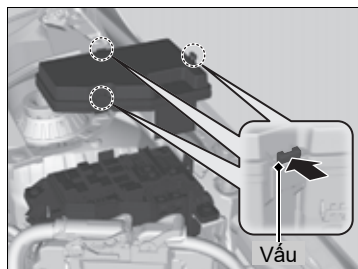
Vị Trí Cầu Chì

Nếu có bất kỳ thiết bị điện nào không hoạt động, xoay khóa điện đến KHÓA 0^{*1} và kiểm tra xem có cầu chì nào bị nổ không.

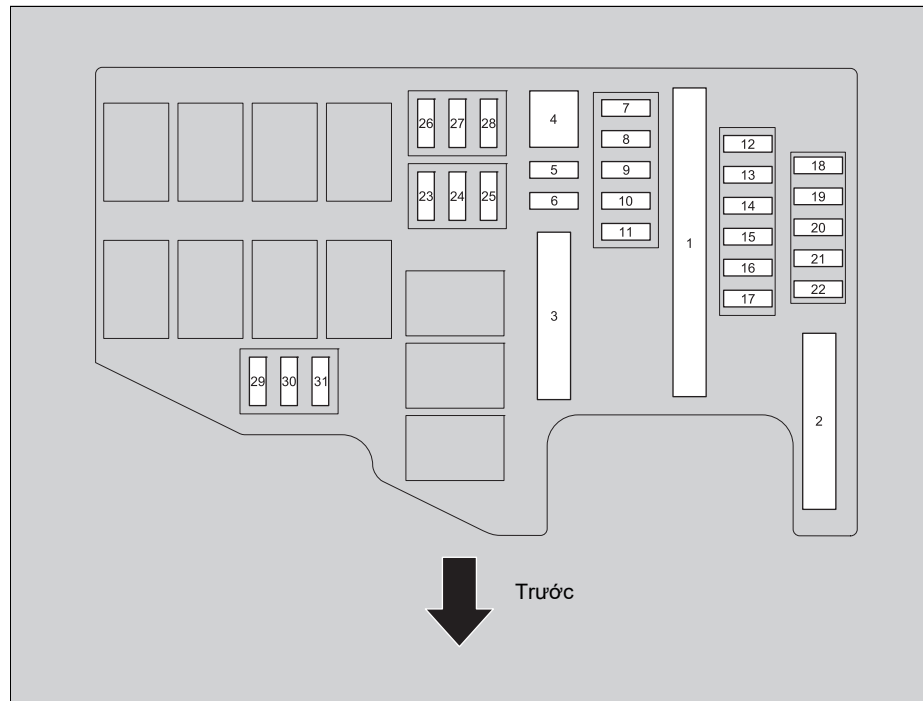
Hộp Cầu Chì A Khoang Động Cơ

Loại xe không có số cầu chì ở vỏ

Đặt phía sau khoang động cơ, bên trái. Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.



Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình ảnh và sơ đồ.



* 1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	–	–
	ABS/VSA FSR	30 A
	Quạt Chính	30 A
	Công Tắc Từ ST*	(30 A)
	–	–
	EPS	70 A
2	Quạt Phụ	30 A
	ABS/VSA MTR	40 A
	–	–
	Hộp Cầu Chì Chính 2	60 A
3	Hộp Cầu Chì Chính 1	60 A
	IG CHÍNH	30 A ^{*1} 50 A ^{*2}
	HTR MTR	30 A
	IG Chính 2*	30 A
4	RR DEF*	(20 A)
5	–	–
6	–	–
7	BATT SNSR	7,5 A
8	–	–
9	Ly Hợp MG	7,5 A
10	Đèn Lùi 2	10 A
11	Đèn Lùi	10 A
12	Dừng	10 A
13	Cup Tự Động*	(7,5 A)

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
14	Đèn Sương Mù Trước*	(10 A)
15	Đèn Lùi FI ECU	10 A
16	Còi	10 A
17	Nguy Hiểm	10 A
18	TCU*	(10 A)
19	Cần Gạt Nước	30 A
20	R H/L Hi	10 A
21	L H/L Hi	10 A
22	H/L Lo Chính	20 A
23	–	–
24	–	–
25	–	–
26	ST MG DIODE 2*	(7,5 A)
27	–	–
28	–	–
29	R H/L Lo	10 A
30	L H/L Lo	10 A
31	STRLD*	(7,5 A)

* 1: Loại xe có nút **ENGINE START/STOP**

* 2: Loại xe có khóa điện

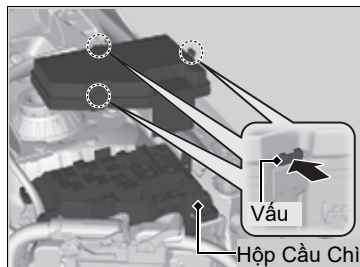
* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Loại xe có số cầu chì ở vỏ

Đặt phía sau khoang động cơ, bên trái.

Đẩy các vấu để mở hộp cầu chì.

Các vị trí cầu chì được mô phỏng trên vỏ.



Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
	-	100 A
	ABS/VSF FSR	30 A
	Quạt Chính	30 A
1	Công Tắc Từ ST SW ^{*1}	30 A
	- - ^{*2}	30 A
	- -	40 A
	EPS	70 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
	Quạt Phụ	30 A
2	ABS/VSF MTR	40 A
	- -	60 A
	Hộp Cầu Chì Chính 2	60 A
	Hộp Cầu Chì Chính 1	60 A
	IG CHÍNH	30 A ^{*1} 50 A ^{*2}
3	HTR MTR	30 A
	IG Chính 2 ^{*1}	30 A
	- - ^{*2}	30 A
4	RR DEF	(20 A)
5	- -	-
6	- -	-
7	BATT SNSR	7,5 A
8	- -	-
9	Ly Hợp MG	7,5 A
10	Đèn Lùi 2	10 A
11	Đèn Lùi	10 A
12	Dừng	10 A
13	- -	-
14	Đèn Sương Mù Trước [*]	(10 A)
15	Đèn Lùi FI ECU	10 A
16	Còi	10 A
17	Nguy Hiểm	10 A

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
18	TCU ^{*1}	(10 A)
	- - ^{*2}	-
19	Cần Gạt Nước	30 A
20	R H/L Hi	10 A
21	L H/L Hi	10 A
22	H/L Lo Chính	20 A
23	- -	-
24	- -	-
25	- -	-
	- - ^{*1}	-
26	ST MG DIODE 2 ^{*2}	(7,5 A)
27	- -	-
28	- -	-
29	R H/L Lo	10 A
30	L H/L Lo	10 A
31	STRLD ^{*1}	7,5 A
	- - ^{*2}	-

* 1: Loại xe có nút **ENGINE START/STOP**

* 2: Loại xe có khóa điện

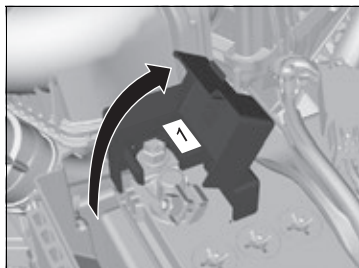
■ Hộp Cầu Chì B Trong Khoang Động Cơ

Nằm gần cực ⊕ ắc quy.

Mở nắp cực ⊕ như hình minh họa.

Xác định vị trí cầu chì cần tìm trong hình ảnh và bảng dưới đây.

Nên đưa xe đến đại lý để thay cầu chì.



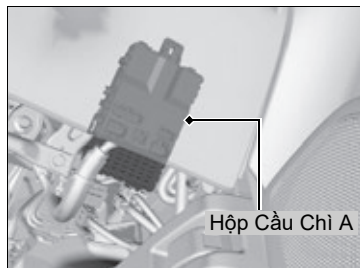
■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Ắc Quy	100 A

■ Hộp Cầu Chì A Trong Xe

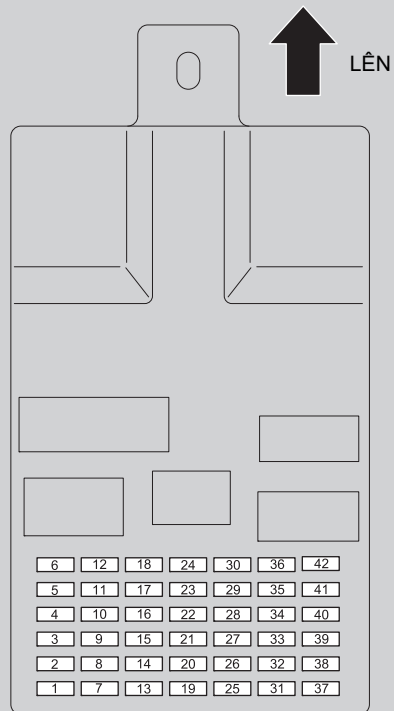
Loại xe không có nhân cầu chì

Đặt dưới bảng táp-lô.



Hộp Cầu Chì A

Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình vẽ và bảng dưới đây.



■ **Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện**

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Khóa Cửa Bên Phải Khóa	10 A
2	Cửa Bên Trái	10 A
3	Khóa Chìa Khóa ACC	7,5 A
4	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước	20 A
5	IG2 HAC	10 A
6	Đèn Ban Ngày IG2	7,5 A
7	IG1 SRS	10 A
8	IG1 ST CUT RLY*	(7,5 A)
9	IG1 ABS/VSA	7,5 A
10	Bơm Nhiên Liệu IG1	15 A
11	P/W RR L	20 A
12	P/W RR R	20 A
13	—	—
14	—	—
15	IG1 MISS SOL*	(10 A)
16	IG1 ACG	10 A
17	Mở Khóa Cửa Bên Phải	10 A
18	P/W AS	20 A
19	IG1 MON	7,5 A
20	IGPS	7,5 A
21	Tùy Chọn IG1*	(10 A)
22	—	—
23	Mở Khóa Cửa Bên Trái	10 A
24	IG1 Đèn Lùi	7,5 A

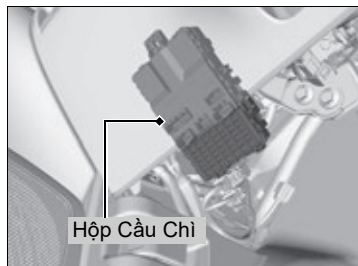
	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
25	Đồng Hồ Đo IG1	7,5 A
26	Cần Gạt Nước Trước IG1	7,5 A
27	IGP LAF	10 A
28	Mô Tơ Quạt Gió Sau*	(7,5 A)
29	P/W DR	20 A
30	D/L Chính	20 A
31	DBW	15 A
32	SRS	10 A
33	IMG	7,5 A
34	Nhỏ	10 A
35	IGP	15 A
36	Cuộn Đánh Lửa	15 A
37	Smart*	(10 A)
38	—	—
39	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Giữa*	(20 A)
40	Đèn Ban Ngày	10 A
41	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Sau*	(20 A)
42	Rửa Kính	15 A

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

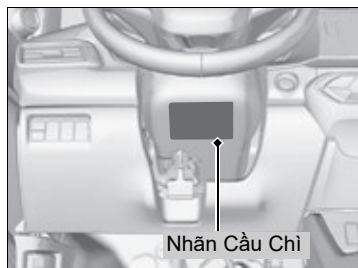
Loại xe có nhân cầu chi

Nằm bên dưới bảng táp-lô.

Các vị trí cầu chi có ở trên nhãn cầu chi dưới trụ lái.



Hộp Cầu Chi



Nhãn Cầu Chi

Xác định vị trí cầu chi cần tìm theo số cầu chi và số trên nhãn cầu chi.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
1	Khóa Cửa Bên Phải 10 A	
2	Khóa Cửa Bên Trái 10 A	

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
3	Khóa Chìa Khóa Phụ Kiện 7,5 A	
4	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Trước 20 A	
5	IG2 HAC 10 A	
6	Đèn Ban Ngày IG2 75 A	
7	IG1 SRS 10 A	
8	IG1 ST CUT RLY* ¹ 7,5 A	
	— —* ² —	
9	IG1 ABS/VSA 7,5 A	
10	Bơm Nhiên Liệu IG1 15 A	
11	P/W RR L 20 A	
12	P/W RR R 20 A	
13	— — —	
14	— — —	
15	IG1 MISS SOL* ¹ 10 A	
	— —* ² —	
16	IG1 ACG 10 A	
17	Mở Khóa Cửa Bên Phải 10 A	
18	PW AS 20 A	
19	IG1 MON 7,5 A	
20	IGPS 7,5 A	
21	Tùy Chọn IG1* ¹ (10 A)	
	— —* ² —	
22	— — —	
23	Mở Khóa Cửa Bên Trái 10 A	

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
24	Đèn Lùi IG1 7,5 A	
25	Đồng Hồ Đo IG1 7,5 A	
26	Cản Gạt Nước IG1 7,5 A	
27	IGP LAF 10 A	
28	Mô Tơ Quạt Gió Sau 7,5 A	
29	P/W DR 20 A	
30	D/L Chính 20 A	
31	DBW 15 A	
32	SRS 10 A	
33	IMG 7,5 A	
34	Nhỏ 10 A	
35	IGP 15 A	
36	Cuộn Đánh Lửa 15 A	
37	Smart* ¹ 10 A	
	— —* ² —	
38	— — —	
39	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Giữa 20 A	
40	Đèn Ban Ngày 10 A	
41	Ổ Cắm Điện Phụ Kiện Sau* ¹ (20 A)	
	— —* ² —	
42	Rửa Kính 15 A	

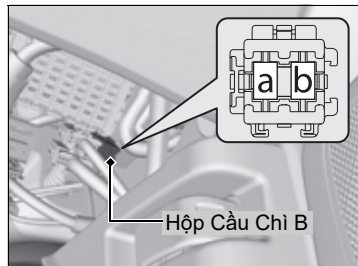
* 1: Loại xe có nút **ENGINE START/STOP**

* 2: Loại xe có khóa điện

■ Hộp Cầu Chì B Trong Xe*

Loại xe không có nhãn cầu chì

Đặt dưới bảng táp-lô gần hộp cầu chì A.



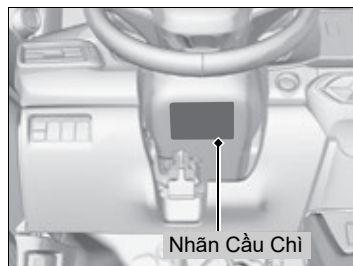
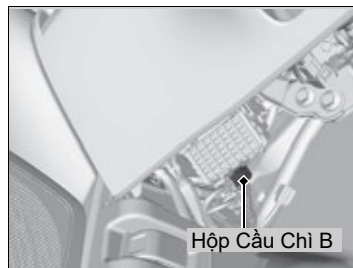
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì trong hình vẽ và bảng dưới đây.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
a	Khóa Cửa Người Lái	10 A
b	Mở Khóa Cửa Người Lái	10 A

Loại xe có nhãn cầu chì

Đặt dưới bảng táp-lô gần hộp cầu chì A. Các vị trí cầu chì có ở trên nhãn cầu chì dưới trụ lái.



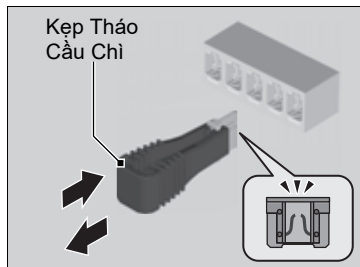
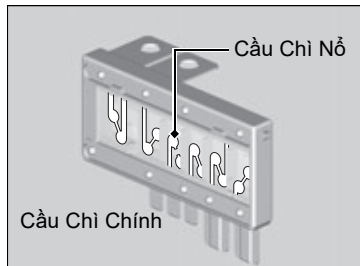
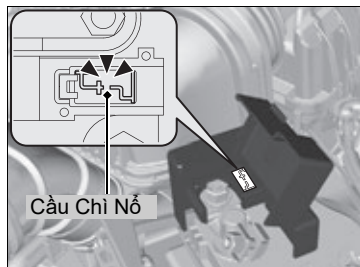
Xác định vị trí cầu chì cần tìm theo số cầu chì và số trên nhãn cầu chì.

■ Mạch được bảo vệ và cường độ dòng điện

	Mạch Được Bảo Vệ	Cường Độ
a	 Khóa Cửa Người Lái	(10 A)
b	 Mở Khóa Cửa Người Lái	(10 A)

* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Kiểm Tra và Thay Cầu Chì



1. Xoay khóa điện đến KHÓA 0^{*1}. Tắt các đèn chiếu sáng và tắt cả các phụ kiện.
2. Mở nắp cực ⊕.
3. Kiểm tra cầu chì trong hộp cầu chì B trong khoang động cơ.
 - Nếu cầu chì nổ, hãy đưa xe đến đại lý để thay cầu chì.
4. Mở nắp hộp cầu chì trong hộp cầu chì A trong khoang động cơ.
5. Kiểm tra cầu chì to trong hộp cầu chì A trong khoang động cơ.
 - Nếu cầu chì nổ, dùng tua vít đầu Philip để tháo ốc vít và thay cầu chì mới.
6. Kiểm tra các cầu chì nhỏ trong hộp cầu chì A trong khoang động cơ và trong xe.
 - Nếu cầu chì cháy, hãy dùng kẹp tháo cầu chì để tháo và thay cầu chì mới.

►► Kiểm Tra và Thay Cầu Chì

CHÚ Ý

Nếu thay bằng cầu chì có cường độ cao hơn sẽ làm hệ thống điện nhanh hỏng.

Sử dụng bảng để xác định vị trí cầu chì cần tìm và xác định cường độ dòng điện quy định trên nhãn cầu chì.

► Vị Trí Cầu Chì Tr. 426

Thay cầu chì mới có cùng cường độ dòng điện quy định.

Có một kẹp tháo cầu chì ở phía sau vỏ hộp cầu chì A trong khoang động cơ.

*1: Một số loại xe có nút **ENGINE START/STOP** thay cho khóa điện.

Hãy gọi dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu bạn cần kéo xe.

■ Thiết bị kéo sàn phẳng

Xe của bạn được đặt trên thùng xe chuyên dụng để vận chuyển.

Đây là cách tốt nhất để di chuyển xe của bạn.

■ Thiết bị nhắc bánh xe

Xe kéo chuyên dụng sử dụng hai tay nâng để nâng hai lốp trước lên khỏi mặt đất. Các lốp xe sau vẫn nằm trên mặt đất. **Có thể sử dụng cách này để kéo xe bạn.**

» Kéo Xe Khẩn Cấp

CHÚ Ý

Cổ nâng hoặc kéo xe bằng tấm cân sẽ gây hư hỏng nặng. Các tấm cân không được thiết kế để nâng đỡ trọng lượng của xe.

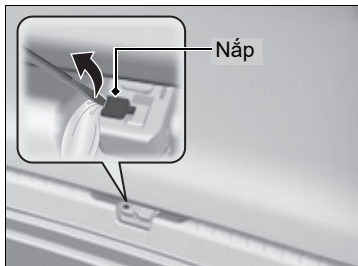
CHÚ Ý

Kéo xe không đúng cách như kéo bằng nhà di động hoặc bằng xe khác có thể làm hỏng hộp số.

Kéo xe bằng dây thừng hoặc xích rất nguy hiểm vì dây thừng hoặc xích có thể lắt từ bên này sang bên kia hoặc bị đứt. Không được kéo xe bằng dây thừng hoặc xích.

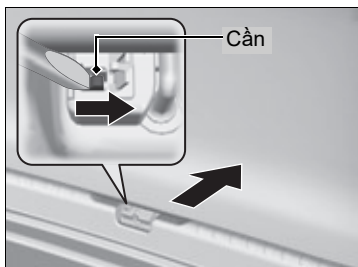
■ Làm Gì Nếu Không Mở Được Cửa Hậu

Nếu bạn không mở được cửa hậu, hãy làm theo quy trình sau.



1. Dùng tua-vít đầu dẹt để mở nắp phía sau cửa hậu.

► Bọc đầu tua-vít dẹt bằng một miếng vải để tránh trầy xước.



2. Để mở cửa hậu, ấn cửa hậu đồng thời dùng tua-vít đầu dẹt để đẩy cần sang bên phải.

» Làm Gì Khi Bạn Không Mở Được Cửa Hậu

Bước tiếp theo:

Sau khi thực hiện các bước này, hãy liên hệ với đại lý để kiểm tra xe.

Khi bạn mở cửa hậu từ bên trong, đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh cửa hậu và cần thận để không va vào ai hoặc vật gì.

Thông Tin

Chương này bao gồm các thông số kỹ thuật của xe, vị trí của các số nhận dạng xe và các thông tin khác theo quy định.

Thông số Kỹ Thuật	438
Số Nhận Dạng	
Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và	
Số Hộp Số	441
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*	442

■ Thông Số Kỹ Thuật Xe

Loại Xe	BR-V	
Trọng Lượng Xe	MT	1.214-1.254 kg
	CVT	1.251-1.298 kg
Trọng lượng tối đa cho phép	Ngoại trừ loại xe Châu Phi	
	MT	1.810 kg
	CVT	1.830 kg ^{*1, *3}
		1.850 kg ^{*2, *4, *5}
Trọng lượng tối đa cho phép trên cầu	Loại xe Châu Phi	
	Xem ở bảng chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách.	
	Ngoại trừ loại xe Châu Phi	
	MT	850 kg
	Trước	870 kg ^{*1, *3}
		880 kg ^{*2, *4, *5}
	Sau	990 kg ^{*1, *3}
		1.000 kg ^{*2, *4, *5}
	Loại xe Châu Phi	
	Xem ở bảng chứng nhận trên thanh dọc cửa hành khách.	

*1: Loại xe Indonesia và Mỹ La Tinh có bánh xe 16 in-sơ

*2: Loại xe Indonesia và Mỹ La Tinh có bánh xe 17 in-sơ

*3: Loại xe Philippin và Việt Nam có hệ thống sưởi và làm mát

*4: Loại xe Thái Lan, Sri Lanka và Banglades

*5: Loại xe Philippin và Việt Nam có hệ thống điều khiển nhiệt độ

■ Thông Số Kỹ Thuật Động Cơ

Loại	DOHC 4 xy lạnh thẳng hàng làm mát bằng nước	
Đường Kính x Hành Trình	73,0 x 89,5 mm	
Dung Tích	1.498 cm ³	
Tỷ Số Nén	10,6 : 1	
Bugi	NGK	DILZKAR7C11H
	DENSO	DXE22HCR11H

■ Nhiên Liệu

Nhiên Liệu: Loại	Loại xe Indonesia và Mỹ La Tinh có vô lăng bên Phải	
	Xăng không chì, chỉ số Octan 90 trở lên	
	Loại xe Thái Lan, Sri Lankan, Banglades và Paraguay	
	Xăng không chì/pha cồn lên tới E20 (80% xăng và 20% ethanol), chỉ số Octan 91 trở lên	
	Loại xe ở các quốc gia khác	
	Xăng không chì, chỉ số Octan 91 trở lên	
Dung Tích Bình	42 L	

■Ắc Quy

Dung Tích	27AH(5)/30AH(20)
-----------	------------------

■ Nước Rửa Kính

Dung Tích Bình	1,5 L
----------------	-------

■ Bóng Đèn

Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Xa)	LED
Đèn Chiếu Sáng (Chiếu Gần)	LED
Đèn Xi Nhan Trước	21 W (Màu Hồ Phách)
Đèn Vị Trí/Đèn Ban Ngày	LED
Đèn Sương Mù*	LED
Đèn Xi Nhan Bên (trên Gương Cửa)	LED
Đèn Phanh	LED
Đèn Xi Nhan Sau	21 W (Màu Hồ Phách)
Đèn Lùi	16 W
Đèn Hậu	LED
Đèn Phanh Cao*	LED
Đèn Biển Số Sau	LED
Đèn Trong Xe	
Đèn Đọc Sách*	8 W
Đèn Trần (Trước)*	8 W
Đèn Trần (Sau)	8 W
Đèn Gương Cá Nhân*	2 W

■ Dầu Phanh/Ly Hợp*

Quy Định	Dầu Phanh DOT 3 hoặc DOT 4
----------	----------------------------

■ Dầu Hộp Số Vô Cấp*

Quy Định	Honda HCF-2
Dung Tích	Thay 2,8 L

■ Dầu Hộp Số Sàn*

Quy Định	Honda MTF
Dung Tích	Thay 1,9 L

■ Dầu Động Cơ

Khuyến Nghị	·Dầu Động Cơ Honda #1.0	
	·Dầu Xanh Honda	
	·Dầu Chính Hiệu Honda Motor 0W-16, 0W-20, 5W-30	
	Loại vô lăng bên phải	
	·API cấp SM hoặc cấp cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-16, 0W-20, 5W-30	
	Loại vô lăng bên trái	
	·API cấp SN hoặc cấp cao hơn hoặc ACEA A5/B5 0W-16, 0W-20, 5W-30	
Dung Tích	Thay	3,1 L
	Thay cả lọc	3,3 L

■ Nước Làm Mát Động Cơ

Quy Định	Chất Chống Đông/Nước Làm Mát Bốn Mùa Honda Loại 2
Tỷ Lệ	50/50 nước chưng cất
Dung Tích ^{*1}	Loại xe Châu Phi
	3,7 L (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	Loại xe Mỹ La Tinh có loại vô lăng bên Trái và loại xe Việt Nam
	3,98 L (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
Dung Tích ^{*2}	Ngoại trừ loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Trái, loại xe châu Phi và loại xe Việt Nam
	3,66 L (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	Loại xe Châu Phi
	3,56 L (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)
	Ngoại trừ loại xe Châu Phi
	3,53 L (thay cả 0,42 L còn lại trong bình chứa)

*1: Loại xe có hộp số vô cấp

*2: Loại xe số sàn

■ Lốp Xe

Thường	Kích Thước ^{*1}	215/60R16 95H 215/55R17 94V
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Dự Phòng (cùng kích cỡ) ^{*2}	Kích Thước	215/60R16 95H
	Áp Suất	Giống như lốp thường. Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Dự Phòng Loại Nhỏ ^{*3}	Kích Thước	215/60R16 95H
	Áp Suất	Xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái
Kính Thước Bánh Xe	Thường	16 x 7J ^{*2} 17 x 7J ^{*3}
	Dự Phòng (cùng kích cỡ) ^{*2}	16 x 7J
	Dự Phòng Loại Nhỏ ^{*3}	16 x 7J

*1: Để biết thông tin về kích thước lốp ban đầu, hãy xem ở nhãn trên thanh dọc cửa người lái.

*2: Loại xe có bánh xe 16 in-sơ

*3: Loại xe có bánh xe 17 in-sơ

■ Phanh

Loại	Trợ lực
Trước	Đĩa thông gió
Sau	Tang Trống
Đồ	Phanh Tay

■ Điều Hoà Không Khí

Loại Ga Lạnh	HFC-134a (R-134a)
Khối Lượng Nạp	435 – 485 g ^{*1}
	555 – 605 g ^{*2}

*1: Loại xe có hệ thống làm mát sau

*2: Loại xe có hệ thống làm mát

■ Kích Thước Xe

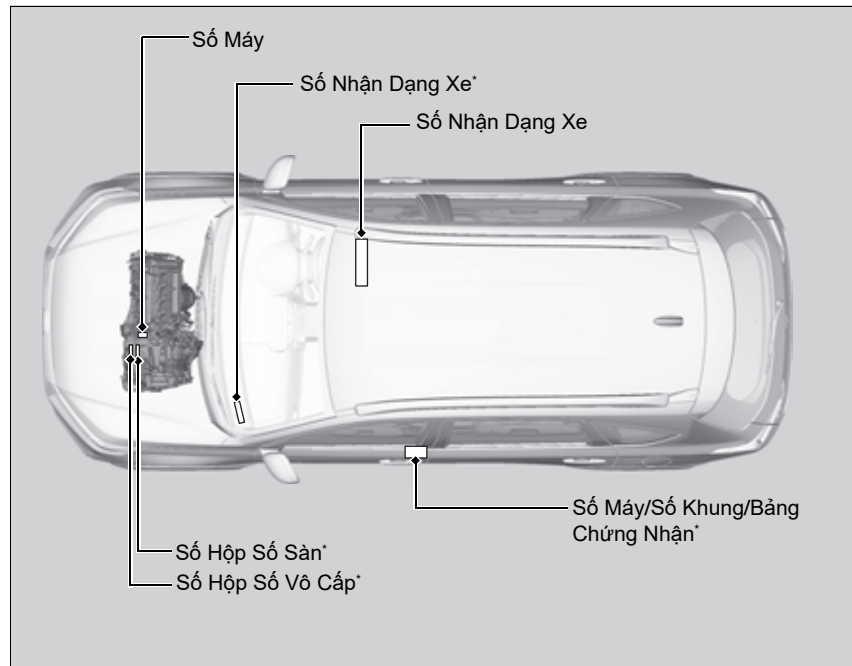
Chiều Dài	4.490 mm
Chiều Rộng	1.780 mm
Chiều Cao	1.651 mm ^{*1,*6}
	1.660 mm ^{*2}
	1.685 mm ^{*3,*4,*5,*7}
Chiều Dài Cơ Sở	2.695 mm ^{*8}
	2.700 mm ^{*9}
Vệt Bánh Xe	Trước 1.540 mm ^{*9}
	1.548 mm ^{*8}
	Sau 1.540 mm

- *1: Loại xe Indonesian có màn hình hiển thị thông tin
- *2: Loại xe Châu Phi có màn hình hiển thị thông tin
- *3: Loại xe Indonesia và Mỹ La Tinh có màn hình giao diện thông tin cho người lái
- *4: Loại xe Thái Lan, Sri Lanka, Banglades và Việt Nam
- *5: Loại xe Châu Phi có màn hình giao diện thông tin cho người lái
- *6: Loại xe Philippin có số sàn
- *7: Loại xe Philippin có hộp số vô cấp
- *8: Ngoại trừ loại xe Indonesia, Philippin và Việt Nam và loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Phải
- *9: Loại xe Indonesia, Philippin và Việt Nam và loại xe Mỹ La Tinh có vô lăng bên Phải

Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

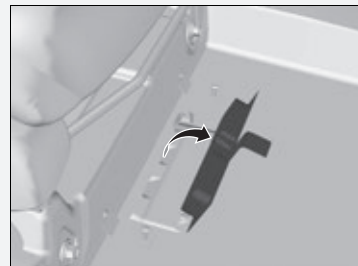
Xe bạn có số nhận dạng 17 ký tự (VIN) dùng để đăng ký xe nhằm mục đích bảo hành, cấp bằng và bảo hiểm.

Xem hình ảnh bên dưới để biết vị trí của số VIN, số máy và số hộp số.



❏ Số Nhận Dạng Xe (VIN), Số Máy và Số Hộp Số

Số nhận dạng xe (VIN) nằm ở bên dưới nắp che.



* Không áp dụng cho tất cả các đời xe

Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio*

Các thiết bị và hệ thống trên xe dưới đây sẽ phát ra sóng radio khi hoạt động.

	Bộ Truyền Tín Hiệu Từ Xa	Hệ Thống Chống Nổ Máy	Hệ Thống Truy Cập Từ Xa
	Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa	Loại xe không có hệ thống truy cập từ xa	Loại xe có hệ thống truy cập từ xa
Loại xe Nam Phi			
			Loại xe có hệ thống truy cập từ xa BCM
Loại xe Zambia			
			FOB
			

Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa		Hệ Thống Chống Nổ Máy	Hệ Thống Truy Cập Từ Xa
Loại xe Botswana	BOCRA REGISTERED No: BOCRA/ TA/2017/3462	BOCRA REGISTERED No: BOCRA/ TA/2019/1523	BCM
			BOCRA REGISTERED No: BOCRA/TA/2019/4689
			FOB
			BOCRA REGISTERED No: BOCRA/TA/2019/4826
			FOB



Loại xe Paraguay

-

-

NR: 2017-07-I-0000205
Vicar S.A.
Avda. Eusebio Ayala Km 4,5 -
Asuncion - Paraguay

Loại xe Việt Nam	HONDAVN A00092011		ICT
	HONDAVN A00092011		ICT
	HONDAVN A00092011		ICT

A

ABS (Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh)	340
An Toàn Cho Trẻ	60
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	159
Áp Suất Lốp	439

Ă

Ăc Quy	387
Bảo Dưỡng (Kiểm Tra Ăc Quy)	387
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	99, 423
Nếu Ăc Quy Chết	415
Ăc Quy Chết	415

B

Bảng Chứng Nhận	441
Bảng Điều Khiển	95
Điều Khiển Độ Sáng	197
Bảng Thông Số Kỹ Thuật Chất Bôi Trơn	439
Bảo Dưỡng	351
An Toàn	353
Ăc Quy	387
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	389
Dầu	366
Dầu Hộp Số.....	370
Dầu Phanh/Ly Hợp	371
Dưới Nắp Ca-pô.....	362
Điều Khiển Nhiệt Độ	391
Hệ Thống Sưởi và Làm Mát	391
Kết Nước	369
Lốp Xe	382

Lưu Ý	352
Nhắc Bảo Dưỡng	355
Nước Làm Mát	368
Thay Bóng Đèn	373
Vệ Sinh	393
Bóng Đèn Halogen	373
Bổ Sung	367
Dầu Động Cơ	367
Nước Làm Mát	368
Nước Rửa Kính	372
Bugì	438

C

Cài Đặt	129
Cài Đặt Đồng Hồ	146
Cài Đặt Lại Đồng Hồ Đo Hành Trình	117, 122
Cảm Biến Nhiệt Độ	115, 238
Camera Trước	336
Cảnh Báo	128
Cảnh Báo Áp Suất Dầu Thấp	422
Cảnh Báo Chệch Làn Đường	322
Bật và Tắt	327
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	194
Kiểm Tra và Thay Lưỡi Cần Gạt Nước	378
Cần Số	258, 260, 264
Không Gạt Được Cần Số	417
Nhả	417
Vận Hành	259, 261, 264
Cầu Chi	426
Kiểm Tra và Thay	434
Vị Trí	426, 429, 430, 433
Chất Phụ Gia, Dầu Động Cơ	364
Chế Độ Khẩn Cấp	176

Chế Độ Sang Số Thường 7 Cấp	262
Vận Hành	263
Chìa Khóa	147
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	154, 251
Chống Khóa Cửa	157
Không Mở Được Cửa Hậu	159
Không Xoay Được	31
Loại và Chức Năng	147
Nhân Mã Số	148
Chìa Khóa Điều Khiển Từ Xa	154
Chiếu Xa Tự Động	191
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	66
Chở Hành Lý	245, 247
Chức Năng Tự Động Cúp Gương Cửa	201
Chuyển Động Từ Từ (Hộp Số Vô Cấp)	257
CMBS (Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm)	279
Cờ-lê Vận Dai Ốc Bánh Xe (Tay Kịch)	405
Công Tắc (Quanh Vô Lãng)	4, 5, 6, 179
Công Tắc Đèn	185
Cửa	147
Chìa Khóa	147
Đèn Báo Cửa và Cửa Hậu Mở	39, 101
Hệ Thống Chống Khóa Cửa	157
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Ngoài	150
Khóa/Mở Khóa Cửa từ Bên Trong	158
Cửa Hậu	170
Cửa Kính (Mở và Đóng)	177
Cửa Nạp Nhiên Liệu	27, 347

D

Dầu Động Cơ	364
Bổ Sung	367

Cảnh Báo Áp Suất Dầu Thấp	422
Dầu Động Cơ Khuyến Dùng	364
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	98, 421
Độ Nhớt	364
Kiểm Tra	366
Dây Đai An Toàn	40
Đai Hồng/Vai	85
Đèn Cảnh Báo	42, 100
Kiểm Tra	48
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng Dây Đai Hồng/Vai	85
Nhắc Thắt	42
Phụ Nữ Mang Thai	47
Siết Chặt	44
Dây Đai An Toàn (Ghế)	40
Dung Dịch	
Dầu Hộp Số Sàn	370
Dầu Hộp Số Vô Cáp	370
Dầu Phanh/Ly Hợp	371
Nước Làm Mát Động Cơ	368
Nước Rửa Kính Chắn Gió	372
Dung Cụ	400
Đ	
Đèn	185, 373
Chiếu Xa Tự Động	191
Đèn Báo Chiếu Xa	105
Đèn Báo Đèn Bật	105
Đèn Sương Mù	188
Thay Bóng Đèn	373
Trong Xe	216
Xi Nhan	184
Đèn Ban Ngày	189
Đèn Báo	96
Áp Suất Dầu Thấp	98
Áp Suất Lốp/TPMS	103, 268, 425
Chế Độ Chạy Ổn Định	109
Chiếu Xa	105
Chiếu Xa Tự Động	105

Cửa và Cửa Hậu Mở	101
Đèn Báo M (chế độ sang số thường 7 cấp)/Sang Số	99
Đèn Báo Sự Cố	99
Đèn Bật	105
Đèn Sương Mù	105
Điều Khiển Đèn	106
ECO	107
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ	101
Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	106
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh (ABS)	101
Hệ Thống Chống Nổ Máy	107
Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy Ổn Định Thích Ứng (ACC)	108, 291
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường (LKAS)	109, 310
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe (VSA)	102
Hệ Thống Hộp Số	99
Hệ Thống Khởi Động	104
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện (EPS)	102
Hệ Thống Nạp Điện	99
Hệ Thống Phanh	98
Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	104
Hỗ Trợ An Toàn	110, 112
KHÔNG CÓ CHÌA KHÓA	112
Nhắc Thắt Dây Đai An Toàn	100
Nhiên Liệu Thấp	100
Nhiệt Độ Cao	101
Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh	98
PIN CHÌA KHÓA	112
Quay Bánh Xe	104
Sang Số Đổ	104
TẮT VSA	102
Thông Báo Hệ Thống	103
Vị Trí Số	99
Xi Nhan và Cảnh Báo Nguy Hiểm	105
Đèn Báo Áp Suất Dầu Thấp	421
Đèn Báo Áp Suất Lốp Thấp/TPMS	425

Đèn Báo Chiếu Xa	105
Đèn Báo Hệ Thống Nạp Điện	99, 423
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	100
Đèn Báo Phanh Đổ và Hệ Thống Phanh	98, 424
Đèn Báo Số	99, 259
Đèn Báo Sự Cố	99, 423
Đèn Báo Vượt	185
Đèn Cảnh Báo Sáng/Nhấp Nháy	421
Đèn Chiếu Sáng	185
Chiếu Xa Tự Động	191
Chỉnh Hướng Đèn	373
Điều Chỉnh	190
Làm Mờ	185
Vận Hành	185
Đèn Sương Mù	188
Đèn Báo	105
Đèn Trong Xe	216
Điều Chỉnh	
Đèn Chiếu Sáng	190, 373
Đồng Hồ	146
Ghế Trước	202
Gương	200
Nhiệt Độ	115
Vô Lãng	199
Điều Chỉnh (và Phụ Kiện)	398
Điều Chỉnh Độ Sáng (Bảng Điều Khiển)	197
Điều Chỉnh Chiếu Sáng	
Núm	197
Điều Khiển	145
Độ Nhớt (Dầu)	364, 439
Đổ Xe	343
Động Cơ	
Bộ Phát Tiếng Bíp Công Tắc	179
Dầu	364
Khởi Động	249
Nếu Ấc Quy Chết	415

Nước Làm Mát	368
Số Máy	441
Đồng Hồ	146
Đồng Hồ Đo	113
Đồng Hồ Đo Hành Trình	117, 122
Đồng Hồ Đo Quãng Đường	117
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Động Cơ	113
Đồng Hồ Đo Tốc Độ Xe	113
Đồng Hồ, Đồng Hồ Đo	113

G

Gập Ghế Hàng Thứ Ba	208
Ghế	
Điều Chỉnh	202
Ghế Trước	202
Hàng Thứ Ba	207
Hàng Thứ Hai	204
Ghế Hàng Thứ Ba (Gập Xuống)	208
Ghế Lót Đặc Biệt (Cho Trẻ)	90
Ghế Trước	
Điều Chỉnh	202
Giới Hạn Tải	247
Gương	
Bên Ngoài	200
Chiều hậu Bên Trong	200
Cửa	200
Điều Chỉnh	200
Gương Bên Ngoài	200
Gương Cá Nhân	9
Gương Chiếu Hậu	200
Gương Chiếu Hậu Trong Xe	200
Gương Cửa	200

H

Hành Lý (Giới Hạn Tải)	247
Hệ Thống An Ninh	173
Đèn Báo Hệ Thống Cảnh Báo An Ninh	106
Đèn Báo Hệ Thống Chống Nổ Máy	107
Hệ Thống Âm Thanh	242
Hệ Thống Bảo Vệ Phụ Trợ (SRS)	52
Hệ Thống Cầm Biến Đồ	344
Hệ Thống Cảnh Báo Xe Phía Trước	
Khởi Hành	332
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh	
(ABS)	340
Đèn Báo	101
Hệ Thống Chống Khóa Cửa	157
Hệ Thống Chống Nổ Máy	173
Đèn Báo	107
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Hệ	
 Thống Điều Khiển Nhiệt Độ)	233
Cầm Biến	238
Chế Độ Lấy Gió Trong/Lấy Gió	
Ngoài	233, 236
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và	
Cửa Kính	237
Lọc Gió Điều Hòa	391
Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ	
Tự Động	233
Thay Đổi Chế Độ	233, 236
Hệ Thống Điều Hòa Không Khí	
 (Hệ Thống Sưởi và Làm Mát)	226
Làm Mát	230
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và	
Cửa Kính	231
Lọc Gió Điều Hòa	391
Sưởi	229
Hệ Thống Điều Khiển Chế Độ Chạy	
 Ổn Định Thích Ứng (ACC)	108, 291
Hệ Thống Điều Khiển Nhiệt Độ	
Cầm Biến	238

Chế Độ Lấy Gió Trong và Lấy Gió	
Ngoài	236
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và	
Cửa Kính	237
Sử Dụng Điều Khiển Nhiệt Độ	
Tự Động	233
Thay Đổi Chế Độ	233
Hệ Thống EPS (Lái Trợ Lực Điện)	102
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	60
Chọn Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em	66
Ghế Lót Đặc Biệt	90
Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Nhỏ	65
Hệ Thống Ghế Ngồi cho Trẻ Sơ Sinh	63
Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em Quay Mặt Về	
Phía Sau	63
Lắp Hệ Thống Ghế Ngồi Trẻ Em bằng	
Dây Đai Hồng/Vai	85
Trẻ Lớn	89
Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp	
(TPMS)	268
Đèn Báo	103, 425
Hệ Thống Hỗ Trợ Giữ Làn Đường	
(LKAS)	310
Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe	
(VSA)	266
Đèn Báo Hệ Thống	102
Đèn Báo Tắt	102
Nút Tắt	267
Hệ Thống Lái Trợ Lực Điện	
(EPs)	
Đèn Báo	102, 424
Hệ Thống Làm Mát Sau	232, 239
Hệ Thống Phanh	338
Dầu	371
Đèn Báo	98, 424
Hệ Thống Chống Bó Cứng Phanh	
(ABS)	340
Hệ Thống Hỗ Trợ Phanh Khẩn Cấp	341

Phanh Chân	339
Phanh Đỗ	338
Hệ Thống Phanh Giảm Va Chạm (CMBS)	279
Hệ Thống Sưởi và Làm Mát	226
Làm Mát	230
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	231
Lọc Gió Điều Hòa	391
Sưởi	229
Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	150
Honda Sensing	28, 276
Hỗ Trợ An Toàn	126
Hộp Động Đồ	218
Hộp Động Đồ Trung Tâm	218
Hộp Số	258, 260, 264
Dầu	370
Đèn Báo Số	99, 259, 261
Số	441
Số Sàn	264
Vô Cáp	258, 260
Hộp Số Vô Cáp	
Chuyển Động Từ Từ	257
Dầu	370
Không Gạt Được Cần Số	417
Nhảy Về Số	257
Sang Số	258, 260
Vận Hành Cần Số	259, 261

K

Kéo Rơ-moóc	248
Kéo Xe	
Khăn Cáp	435
Két Nước	369
Khăn Cáp	435

Khí CO	92
Khí Xà Nguy Hiểm (Khí CO)	92
Khóa Điện	179
Khóa/Mở Khóa Cửa	147
Chìa Khóa	147
Khóa Phòng Ngừa Trẻ Em	159
Sử Dụng Chìa Khóa	156
Từ Bên Ngoài	150
Từ Bên Trong	158
Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	160
Khởi Động BằngẮc Quy Nổi Ngoài	415
Khởi Động Động Cơ	249
Bộ Phát Tiếng Bíp Công Tác Động Cơ	179
Không Khởi Động	411
NếuẮc Quy Chết	415
Khởi Động Động Cơ Từ Xa	251
Kích	405
Kiểm Tra An Toàn	39
Kính (Vệ Sinh)	393, 396
Kính Chắn Gió	
Cần Gạt Nước và Rửa Kính	194
Làm Tan Sương/Làm Tan Băng	231, 237
Lưỡi Cần Gạt Nước	378
Nước Rửa Kính	372
Vệ Sinh	393, 396

L

Lái Xe	243
Lái Xe An Toàn	35
Làm Mở	
Đèn Chiếu Sáng	185
Làm Tan Sương Kính Chắn Gió và Cửa Kính	231, 237
Lọc	
Lọc Gió Điều Hòa	391
Lọc Gió Điều Hòa	391

Lốp Bị Mòn	382, 383
Lốp Bị Xẹp	401
Lốp Dự Phòng	401, 439
Lốp Xe	382
Áp Suất Lốp	439
Đảo Lốp	385
Kiểm Tra	382
Kiểm Tra và Thay	382
Lốp Dự Phòng	401, 439
Thùng (Lốp Xẹp)	401
Vạch Báo Độ Mòn	383
Lưu Ý Khi Lái Xe	256
Khi Trời Mưa	257

M

Màn Hình Giao Diện Thông Tin Cho Người Lái	
Chuyển Đổi Màn Hình Hiển Thị	118
Móc Treo Áo	221
Mở/Đóng	
Cửa Hậu	170
Cửa Kính Điện	177
Nắp Ca-pô	363
Mở Khóa Cửa	150
Mở Khóa Cửa Trước từ Bên Trong	158

N

Nạp ĐiệnẮc Quy Yếu	423
Nạp Nhiên Liệu	346
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	100
Đồng Hồ Đo Nhiên Liệu	113
Xăng	346, 438
Nắp Bình Nhiên Liệu	27, 347
Ngăn Để Cốc	219

Nhân An Toàn	93
Nhãn Cảnh Báo	93
Nhân Mã Số Chia Khóa	148
Nhảy Về Số (Hộp Số Vô Cấp)	257
Nhiên Liệu	346
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	100
Đồng Hồ Đo	113
Khuyến Dùng	346
Nạp Nhiên Liệu	347
Quãng Đường	117, 122
Thông Tin	346, 438
Tiết Kiệm	349
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình	117, 122
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	122
Nhiên Liệu Quy Định	346
Nhiệt Độ	
Đèn Báo Nhiệt Độ Cao	101
Nhiệt Độ Ngoài Trời	115
Nhiệt Độ Ngoài Trời Điều Chỉnh	115
Núm HÀNH TRÌNH	116
Nút Cảnh Báo Nguy Hiểm	4, 5
Nút ENGINE START/STOP	180
Nút Sấy Kính Sau	196
Nước Làm Mát (Động Cơ)	368
Bổ Sung vào Bình Chứa	368
Bổ Sung vào Két Nước	369
Đèn Báo Nhiệt Độ Cao	101
Quá Nhiệt	418
Nước Rửa Kính Bổ Sung/Nạp Nước Rửa Kính	372
Công Tác	194
O	
Oát	438

Ô	
Ô Cắm Điện Phụ Kiện	224

P	
Phanh Chân	339
Phanh Đỗ	338
Phụ Kiện và Điều Chỉnh	398
Phụ Nữ Mang Thai	47

Q	
Quan Sát Làn Đường	273
Quá Nhiệt	418
Quãng Đường	117, 122
Que Thăm Dầu (Dầu Động Cơ)	366
Quy Định	271, 442

S	
Sang Số (Hộp Số vô Cấp)	258, 260
Sang Số (Số Sàn)	264
Số Nhận Dạng Nhận Dạng Xe	441
Số Máy và Hộp Số	441
Số Nhận Dạng Xe	441
Số Sàn	264
Sử Dụng Hệ Thống Truy Cập Từ Xa	150

T	
Thay Ắc Quy	387
Bóng Đèn	373
Cao Su Lưỡi Gạt Nước	378, 380
Cầu Chi	426, 429, 430, 433
Lốp Xe	401

Thay Bóng Đèn	373
Đèn Biển Số Sau	376
Đèn Chiếu Sáng	373
Đèn Đọc Sách	377
Đèn Gương Cá Nhân	377
Đèn Hậu	374, 375
Đèn Lùi	375
Đèn Phanh	374
Đèn Phanh Cao	376
Đèn Sương Mù	373
Đèn Trần	377
Đèn Vị Trí/Ban Ngày	373
Đèn Xi Nhan Bên	374
Đèn Xi Nhan Sau	374
Đèn Xi Nhan Trước	373
Thay Bóng Đèn	373
Thiết Bị Phát Ra Sóng Radio	442
Thời Gian (Cài Đặt)	146
Thời Gian Xe Chạy	125
Thông Báo An Toàn	0
Thông Gió	226, 233, 236
Thông Số Kỹ Thuật	438
Thông Số Kỹ Thuật Bóng Đèn	438
Thùng (Lốp)	401
Tiết Kiệm Nhiên Liệu	349
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Trung Bình	117, 122
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	122
Tín Hiệu Chia Khóa Điều Khiển Tự Xa Yếu	149
Tín Hiệu Dừng Khẩn Cấp	342
Tính Năng	241
Tính Năng Tùy Chọn	129
Tốc Độ Trung Bình	125
TPMS (Hệ Thống Giám Sát Áp Suất Lốp)	268
Đèn Báo	103, 425
Trọng Lượng Tối Đa Cho Phép	247, 438

Túi Khí	50
Cảm Biến	50
Đèn Báo	58, 101
Kiểm Tra và Thay Thế Túi Khí	59
Sau Va Chạm	52
Thiết Bị Ghi Nhận Dữ Liệu Sự Cố	1
Túi Khí Bên	55
Túi Khí Rèm	57
Túi Khí Trước (SRS)	52
Túi Khí Bên	55
Túi Khí Rèm	57
Túi Khí SRS (Túi Khí)	52
Túi Khí Trước (SRS)	52
Tùy Chọn Cài Đặt Khóa/Mở Khóa Cửa Tự Động	162, 167

V

Vạch Báo Độ Mòn (Lốp)	383
Vệ Sinh Ngoại Thất	395
Vệ Sinh Nội Thất	393
Vị Trí Cần Số	
Số Sàn	264
Vô Lăng	
Điều Chỉnh	199
VSA (Hệ Thống Hỗ Trợ Ổn Định Xe)	266

X

Xăng	27, 346
Đèn Báo Nhiên Liệu Thấp	100
Đồng Hồ Đo	113
Nạp Nhiên Liệu	346
Thông Tin	346
Tiết Kiệm	349
Tiêu Thụ Nhiên Liệu Tức Thời	122
Xi Nhan	184
Đèn Báo (Bảng Điều Khiển)	105
Xử Lý Sự Cố	399
Bàn Đạp Phanh Rung	31
Cầu Chì Nổ	426, 429, 430, 433
Đèn Cảnh Báo	96
Động Cơ Không Khởi Động	411
Kéo Xe Khẩn Cấp	435
Không Gạt Được Cần Số	417
Không Mở Được Cửa Hậu	436
Không Mở Được Cửa Sau	32
Lốp Bị Thủng/Xẹp	401
Ôn Khi Phanh	33
Quá Nhiệt	418
Tiếng Bíp Vang Lên Khi Mở Cửa	32



BR-V

Hướng dẫn sử dụng

HONDA

42T86R100
00X4F-T86-V100

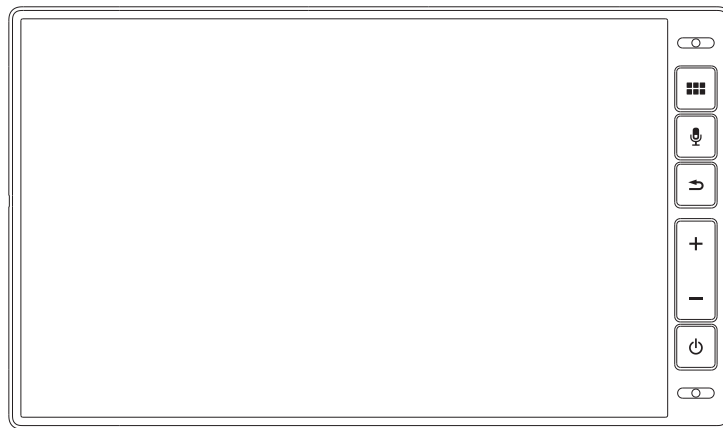
© 2023 Honda Motor CO., LTD.

 3700.2023.06.26
PRINTED IN VIETNAM



HONDA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



MÀN HÌNH ÂM THANH TRÊN Ô TÔ

Nội dung

Hướng dẫn vận hành	6
CẢNH BÁO	6
CẢNH BÁO	6
LƯU Ý	6
CHÚ Ý	7
BẮT ĐẦU	8
Bật hoặc tắt nguồn điện	8
Vị trí của các nút điều khiển	8
Điều chỉnh âm lượng	9
Tắt tiếng	9
Hiển thị Màn hình chính	9
Chọn một mục trong danh sách	10
Radio/RDS	11
Thao tác cơ bản với Radio	12
Nghe Radio	12
Chọn một kênh trong danh sách	13
Cài đặt các kênh theo cách thủ công	14
Chuyển đến các đài đặt trước	14
Thao tác với RDS	15
Bật hoặc tắt AF (Tần số thay thế)	15
Chức năng gián đoạn cho RDS	16
Chọn Kênh PTY có thể nhận (Chỉ cho đài Radio FM)	17
Bộ nhớ USB	19
Sơ đồ vị trí của các cổng USB trên xe	19
Chuyển chế độ Tập trên/dưới và Thư mục trên/dưới	21
Phát	21
Thư mục trên/dưới	22
Tua tiến/Tua lùi	22
Dừng phát lại (Chỉ với video USB)	23
Phát lặp lại	23
Phát ngẫu nhiên (Không dùng được cho Video USB)	23

Tìm kiếm tệp mong muốn	24
Về MP3/WMA/AAC/FLAC	26
Về tệp WAV	26
Về định dạng Video USB	27
Cài đặt	28
Thao tác cài đặt	28
Cài đặt ngôn ngữ	29
Cài đặt Bluetooth	29
Thiết lập điện thoại thông minh	33
Cài đặt RDS	34
Cài đặt âm thanh	35
Cài đặt âm thanh Bíp (Chức năng hướng dẫn bằng âm thanh)	36
Cài đặt Âm lượng hệ thống	37
Cài đặt Hiển thị	39
Cài đặt Độ sáng phím	40
Cài đặt Hình động khởi động	40
Cài đặt Màu nền	40
Cài đặt Hình nền	40
Cài đặt Ngày và giờ	42
Cài đặt Định dạng ngày	42
Cài đặt Camera sau góc rộng	43
Cài đặt Hướng dẫn camera sau	44
Cài đặt LaneWatch	44
Giới thiệu	45
Giấy phép nguồn mở	45
Xóa tất cả cài đặt	45
Thao tác với Bluetooth	46
Thiết lập trước khi sử dụng	46
Trả lời cuộc gọi	47
Điều chỉnh âm lượng khi nhận/quay số cuộc gọi hoặc khi đang gọi	47
Gác điện thoại	48
Gọi	48

Âm thanh Bluetooth	53
Phát lại	53
Phát lặp lại	54
Phát ngẫu nhiên	54
Tìm kiếm bài hát mong muốn	55
Thao tác với camera sau	56
Thao tác với camera sau	56
Phát nhạc trên iPhone	57
Kết nối với iPhone	57
Sơ đồ vị trí của các cổng USB trên xe	57
Phát	59
Tìm kiếm Tập nhạc	61
Phát lặp lại	62
Phát ngẫu nhiên	62
Apple CarPlay	63
Truy cập vào Apple CarPlay	64
Android Auto	65
Kích hoạt Android Auto	66
WebLink	67
Kích hoạt Weblink	67
Truy cập vào WebLink	68
Điều khiển từ xa	69
Các nút điều khiển trên vô lăng	69
Thông tin	70
Chỉ báo cho bộ nhớ USB	70
Chỉ báo cho chế độ iPod	71
Chỉ báo cho chế độ Âm thanh BT	71
Chỉ báo cho tất cả các chế độ	71
Thông số kỹ thuật	72
Giáp phép OpenSSL	75
Giáp phép OpenSSL	75
Nhãn hiệu và Giấy phép	76

Hướng dẫn vận hành

CẢNH BÁO

 CẢNH BÁO	Ký hiệu này biểu thị các hướng dẫn quan trọng. Việc không chú ý đến những hướng dẫn này có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong.	 CẢNH BÁO	● GIỮ CÁC VẬT THỂ NHỎ NHƯ ĐINH ỐC KHỎI TẦM TAY CỦA TRẺ EM. Nuốt những vật thể này có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng. Nếu nuốt phải những vật thể này, hãy hỏi ý kiến bác sĩ ngay lập tức. ● SỬ DỤNG CƯỜNG ĐỘ DÒNG ĐIỆN CHÍNH XÁC KHI THAY THẾ CẦU CHỈ. Không làm vậy có thể dẫn đến cháy hoặc giật điện. ● KHÔNG ĐƯỢC ĐẶT NGUỒN LỬA NHƯ NẾN ĐÁ THẬP Ở TRÊN THIẾT BỊ. ● THIẾT BỊ KHÔNG ĐƯỢC TIẾP XÚC VỚI NHỮNG CHẤT LÔNG NHỎ GIỌT HOẶC BÀN RA VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẶT CÁC VẬT THỂ CHỨA CHẤT LÔNG, CHĂNG HẠN NHƯ LỘ HOA Ở TRÊN THIẾT BỊ.
 CẢNH BÁO	● KHÔNG THỰC HIỆN BẤT CỨ CHỨC NĂNG NÀO KHIẾN BẠN MẤT TẬP TRUNG KHI LÁI XE. Chỉ nên thực hiện các chức năng yêu cầu bạn phải chú ý trong thời gian dài khi xe đã dừng hẳn. Luôn dừng phương tiện tại vị trí an toàn trước khi thực hiện những chức năng này. Không làm như vậy có thể dẫn đến tai nạn. ● ĐIỀU CHỈNH ÂM LƯỢNG Ở MỨC BẠN VẪN CÓ THỂ NGHE ĐƯỢC TIẾNG ĐỘNG BÊN NGOÀI KHI ĐANG LÁI XE. Mức âm lượng quá lớn, lấn át các âm thanh như còi xe cấp cứu hoặc tín hiệu cảnh báo đường bộ (giao nhau giữa đường tàu, v.v.) có thể gây nguy hiểm và dẫn đến tai nạn. Việc nghe ở mức âm lượng lớn khi đang ngồi trong xe cũng có thể gây hại cho thính giác. ● THU NHỎ MÀN HÌNH HIỂN THỊ KHI LÁI XE. Việc xem màn hình có thể khiến người lái xe không tập trung nhìn thẳng và dẫn đến tai nạn. ● KHÔNG THÁO RỜI HOẶC THAY THẾ. Làm vậy có thể dẫn đến tai nạn, cháy hoặc giật điện.	 LƯU Ý	Ký hiệu này biểu thị các hướng dẫn quan trọng. Việc không chú ý đến những hướng dẫn này có thể dẫn đến thương tích hoặc thiệt hại tài sản vật chất.
		 LƯU Ý	● NGỪNG SỬ DỤNG NGAY NẾU XẢY RA BẤT CỨ VẤN ĐỀ NÀO. Không làm vậy có thể dẫn đến chấn thương hoặc hư hỏng sản phẩm. Tham khảo ý kiến đại lý Honda.

 CHÚ Ý	● Vệ sinh sản phẩm Sử dụng khăn khô mềm để vệ sinh định kỳ sản phẩm. Đối với các vết bẩn nghiêm trọng hơn, vui lòng chỉ làm ẩm vài bằng nước. Bất kỳ thứ gì khác đều có khả năng hòa tan sơn hoặc làm hỏng nhựa. ● Nhiệt độ Đảm bảo nhiệt độ bên trong phương tiện trong khoảng từ +70°C (+158°F) đến -30°C (-22°F) trước khi bật thiết bị. ● Bảo trì Nếu thiết bị gặp vấn đề, không cố gắng tự sửa. Tham khảo ý kiến đại lý Honda. ● Bảo vệ cổng USB Chỉ có thể kết nối iPod/iPhone, Bộ nhớ USB hoặc Điện thoại thông minh Android với Cổng USB trên thiết bị này. Không thể đảm bảo hiệu năng chính xác khi sử dụng các sản phẩm USB khác. Vị trí và hình dạng của các thiết bị đầu cuối kết nối USB sẽ khác nhau. Xem Hướng dẫn sử dụng xe. Tùy thuộc vào thiết bị Bộ nhớ USB được kết nối, thiết bị có thể không hoạt động hoặc một số chức năng có thể không thực hiện được.
--	--

 CHÚ Ý	● Lời nói đầu Hướng dẫn này chủ yếu giới thiệu các chức năng, ứng dụng và phương thức vận hành của hệ thống nghe nhìn trên ô tô. Hướng dẫn này chỉ nhằm hướng dẫn người dùng vận hành phương tiện, chứ không phải là cơ sở để bảo trì/bảo dưỡng. Đối với việc cập nhật sản phẩm, cập nhật chức năng và thay đổi các thông số liên quan, hãng sẽ cung cấp các tuyên bố bổ sung mà không cần thông báo trước. Để biết thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với các đại lý Honda. ● Lời khuyên Ảnh minh họa trong hướng dẫn có thể khác với hình ảnh thực. Nội dung hiển thị trong hình ảnh có thể khác với thực tế.
---	--

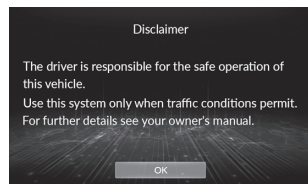
BẮT ĐẦU

Bật hoặc tắt nguồn điện

1- Xoay Nguồn (Khóa điện) sang vị trí ACC hoặc Bật để hiển thị màn hình. Sau đó, màn hình cảnh báo sẽ hiển thị. Chạm vào [OK], hệ thống sẽ tự động bật.

Nếu đây là lần đầu bạn khởi động thiết bị, màn hình chọn ngôn ngữ sẽ hiển thị trước màn hình cảnh báo.

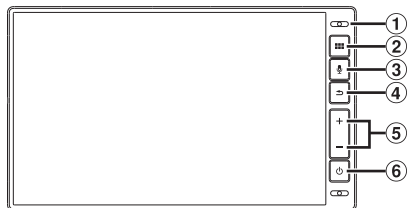
Chọn ngôn ngữ bạn muốn trong menu, rồi chạm vào [OK] để xác nhận.



- Bạn có thể cài đặt màn hình mở ở dạng ảnh động hoặc ảnh tĩnh. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Cài đặt Hình động khởi động” (trang 40).
- Sau khi bật, hệ thống sẽ hiển thị màn hình nguồn cuối cùng được hiển thị trước khi tắt Nguồn (Khóa điện). Ví dụ: nếu thiết bị đang ở chế độ radio khi Nguồn (Khóa điện) tắt, thiết bị sẽ vẫn ở chế độ radio khi Nguồn (Khóa điện) được bật lại.
- Bạn cũng có thể cài đặt menu ngôn ngữ trong phần Thiết lập hệ thống. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Cài đặt ngôn ngữ” (trang 29).

2- Nhấn và giữ nút  trong ít nhất 2 giây để tắt nguồn.

Vị trí của các nút điều khiển



- ① Micrô
Dùng cho các chế độ Rảnh tay hoặc Điều khiển bằng giọng nói.
- ② Nút  Chính
Hiển thị Màn hình chính.
- ③ Nút  Giọng nói
Phụ thuộc vào điện thoại thông minh được kết nối, nhấn để kích hoạt chức năng Siri hoặc chế độ nhận dạng giọng nói.
- ④ Nút  Quay lại
Quay lại màn hình trước hoặc xóa thông báo.
- ⑤ Nút +/- âm lượng
Nhấn để điều chỉnh âm lượng.
- ⑥ Nút  Nguồn
 - Nhấn để bật/tắt chế độ TẮT TIẾNG.
 - Nhấn và giữ để tắt nguồn.

Về nội dung mô tả nút dùng trong Hướng dẫn sử dụng này

Những nút có trên bề mặt của thiết bị sẽ được in đậm (ví dụ: **■**). Những nút có trên màn hình cảm ứng được in đậm và nằm trong ngoặc [] (ví dụ: [OK]).

Điều chỉnh âm lượng

Nhấn +/- để điều chỉnh âm lượng.

Tắt tiếng

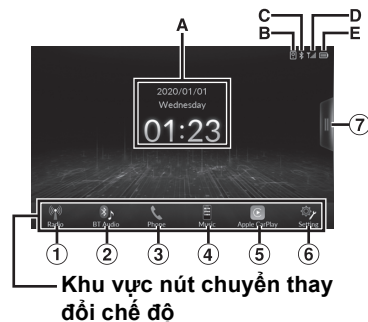
Nhấn **[Mute]** để bật/tắt chế độ TẮT TIẾNG.

Hiện thị Màn hình chính

Nhấn nút **[Home]** (CHÍNH).

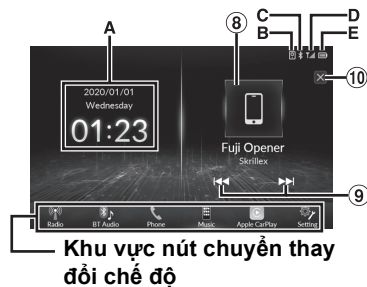
Màn hình CHÍNH thường hoặc màn hình CHÍNH kép sẽ hiển thị.

Màn hình CHÍNH thường



- ① Chạm để chuyển sang màn hình nguồn Radio.
- ② Chạm để chuyển sang màn hình nguồn Âm thanh BT.*1
- ③ Chạm để chuyển sang màn hình điện thoại.
- ④ Chạm để chuyển sang màn hình âm nhạc cho Apple CarPlay*2 hoặc Android Auto*2
 - Khi kết nối với iPhone và chọn "WebLink&iPod" trên thiết bị này, tên biểu tượng sẽ hiển thị là iPod. Chạm để chuyển sang màn hình nguồn iPod. Tham khảo "Thiết lập điện thoại thông minh" ở trang 33.
 - Khi kết nối với bộ nhớ USB, tên biểu tượng sẽ hiển thị là USB. Chạm để chuyển sang màn hình nguồn Âm thanh/Video USB.
 - Nếu không có thiết bị nào được kết nối với cổng USB, biểu tượng này sẽ không hiển thị.
- ⑤ Chạm để chuyển sang màn hình Apple CarPlay*2, Android Auto*2 hoặc WebLink*3.
- ⑥ Chạm để chuyển sang màn hình thiết lập.
- ⑦ Chạm để chuyển sang màn hình CHÍNH kép. Nguồn đang chạy sẽ hiển thị ở nửa bên phải của màn hình.
 - Biểu tượng nguồn, hình minh họa, thông tin bài hát, v.v... sẽ hiển thị ở nửa bên phải của màn hình.
 - Nếu không có nguồn nào đang chạy, bạn sẽ không thể chuyển sang màn hình chính kép.

Màn hình CHÍNH kép



- ⑧ Chạm vào biểu tượng nguồn hoặc hình minh họa để chuyển sang màn hình nguồn.
- ⑨ Chạm để chuyển bài hát (đài) hoặc để tìm kiếm lên/xuống.
 - Khi ở chế độ tìm kiếm thủ công của radio, [◀◀], [▶▶] sẽ hiển thị.
 - Khi ở chế độ tìm kiếm đài của radio, [◀◀], [▶▶] sẽ hiển thị.
- ⑩ Chạm để chuyển sang màn hình CHÍNH thường.
 - ①~⑥ sẽ hiển thị trên màn hình CHÍNH và màn hình nguồn chính của Radio/iPod/USB/Âm thanh Bluetooth. Chúng được gọi là Nút chuyển chế độ.

- A Hiển thị ngày, ngày trong tuần và thời gian.
- B Cho biết điều khiển từ xa Bluetooth đã được kết nối.
- C Chỉ báo kết nối Bluetooth cho Âm thanh Bluetooth hoặc điện thoại rảnh tay Bluetooth.
- D Chỉ báo cường độ tín hiệu cho điện thoại rảnh tay Bluetooth đã kết nối.
- E Chỉ báo mức pin của điện thoại rảnh tay Bluetooth đã kết nối.

*1 Vui lòng ghép nối thiết bị Bluetooth với thiết bị trước khi sử dụng nguồn này.

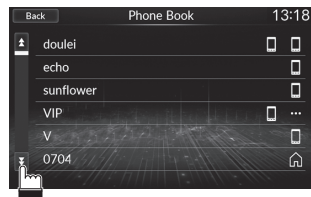
*2 Chỉ hiển thị khi kết nối với iPhone đã Bật Apple CarPlay hoặc với điện thoại thông minh Android™ đã cài đặt Ứng dụng Android Auto.

*3 Chỉ hiển thị khi kết nối với Điện thoại thông minh đã cài đặt Ứng dụng WebLink Host.

Chọn một mục trong danh sách

Để cuộn qua một danh sách, hãy thực hiện những thao tác sau.

Cuộn qua danh sách bằng cách chạm vào [▲] hoặc [▼].



- Bạn sẽ thấy phần còn lại của danh sách bằng cách vuốt lên hoặc vuốt xuống.
- Thanh cuộn ở bên trái màn hình cho biết danh sách hiện tại chiếm bao nhiêu phần so với tổng các danh sách. Khi một màn hình có thể hiển thị tất cả, Thanh cuộn sẽ không hiển thị.

Radio/RDS

CHÚ Ý: Màn hình âm thanh của bạn có thể không hỗ trợ chức năng RDS. Vui lòng bỏ qua chức năng này trong trường hợp đó.

❖ Ví dụ về màn hình chính RDS (FM)



① Khu vực nút chuyển chế độ.

Tham khảo “Hiển thị Màn hình chính” ở trang 9.

② Các nút đặt trước.

Bạn có thể vuốt qua khu vực này để thay đổi các nút đặt trước.

③ Chạm để thay đổi cách hiển thị các nút đặt trước.

④ PTY (Loại chương trình)

⑤ Tên PS (Tên chương trình) hoặc Tần số^{*1}

⑥ Tên nghệ sĩ/Tên bài hát/Tên album hoặc Thông tin về kênh Radio^{*2}

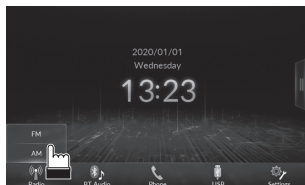
^{*1} Nếu không nhận được PS, tần số sẽ hiển thị.

^{*2} Nếu không nhận được Tên nghệ sĩ/Tên bài hát/Tên album, Thông tin về kênh Radio sẽ hiển thị tại khu vực này. Nếu không có bất kỳ thông tin nào kể trên, khu vực này sẽ được để trống.

Thao tác cơ bản với Radio

Nghe Radio

- 1- Chạm vào [Radio] để chọn [FM] hoặc [AM] trong khu vực Nút chuyển chế độ.
Chế độ radio được bật và màn hình chuyển sang màn hình của chế độ Radio.



- 2- Chạm vào [Station] hoặc [Manual] để chuyển chế độ dò kênh.

= Station ↔ = Manual
◀◀ ▶▶ ◀▶ ▶▶



- 3- Chạm vào [◀◀], [▶▶] hoặc [◀▶], [▶▶] để đổi kênh^{*3} hoặc chuyển tần số lên/xuống.

^{*3} Thao tác chuyển kênh lên/xuống sẽ được thực hiện dựa trên danh sách kênh mà thiết bị này cung cấp. Để biết thêm thông tin về danh sách kênh, hãy tham khảo “Chọn một kênh trong danh sách” ở trang 13.

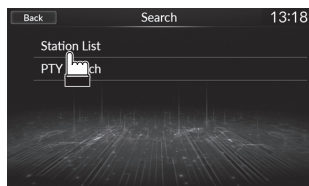
Chọn một kênh trong danh sách

Bộ dò cung cấp một danh sách đài và chỉ hiển thị các kênh hiện có để bạn có thể dễ dàng tìm thấy đài trong danh sách này.

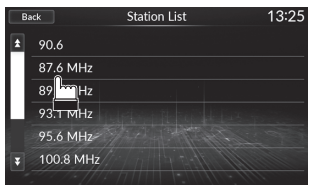
1- Chạm vào [Search] để hiển thị màn hình chọn chế độ tìm kiếm.



2- Chạm vào [Station List] để hiển thị danh sách đài.*4



3- Chọn một đài trong danh sách.



*4 Thao tác cho Bước 2 chỉ áp dụng cho FM Radio. Với AM Radio, vui lòng chuyển thẳng sang Bước 3.

- Tên PS hoặc tần số của các đài sẽ được hiển thị trong danh sách. Tần số chỉ hiển thị khi không nhận được tên PS.
- Các Đài có tên PS (trừ tên PS khi cuộn) sẽ hiển thị ở đầu danh sách theo thứ tự bảng chữ cái, sau đó các đài tần số (không có tên PS) và đài tên PS khi cuộn sẽ hiển thị.
- Với FM, các đài trong danh sách sẽ được cập nhật theo sự thay đổi của cường độ tín hiệu. Bởi vậy, bạn có thể sẽ thấy danh sách đài khác nhau mỗi lần mở ra.
- Nếu không có đài nào, đài hiện tại sẽ được hiển thị trong danh sách.

Cài đặt các kênh theo cách thủ công

1- Dò đài radio mong muốn để lưu vào bộ nhớ cài sẵn theo cách thủ công hoặc chọn trong danh sách đài.

2- Chạm và giữ bất cứ nút đặt trước nào trong ít nhất 2 giây.

Đài được chọn sẽ được lưu.

3- Lặp lại quy trình này để lưu các đài khác.

Có thể lưu được tổng cộng 18 đài trong bộ nhớ đặt trước (12 đài cho FM và 6 đài cho AM).

- Nếu thiết lập trùng số đài trong bộ nhớ đặt trước, đài cũ sẽ bị xóa và đài mới sẽ được lưu.

Chuyển đến các đài đặt trước

Bạn có thể chỉnh đến các đài đặt trước trong bộ nhớ trên nguồn FM hoặc AM bằng cách sử dụng số đặt trước.

1- Chạm vào [Radio] để chọn [FM] hoặc [AM] trong khu vực Nút chuyển chế độ.

2- Chạm vào bất cứ nút đặt trước nào đã lưu một đài.

Đài đặt trước sẽ được nhận.



Thao tác với RDS

CHÚ Ý: Màn hình âm thanh của bạn có thể không hỗ trợ chức năng RDS. Vui lòng bỏ qua chức năng này trong trường hợp đó.

Bật hoặc tắt AF (Tần số thay thế)

RDS (Hệ thống dữ liệu radio) là một hệ thống thông tin radio sử dụng sóng mang phụ 57 kHz của các chương trình phát sóng FM thông thường. RDS cho phép nhận nhiều thông tin như thông tin giao thông, tên đài, cũng như hỗ trợ tự động dò lại đến một radio phát mạnh hơn đang phát cùng một chương trình.

Chạm vào [AF] để tắt hoặc bật chế độ chọn AF (Tần số thay thế).

Trong chế độ BẬT AF, phím [AF] sẽ sáng lên.



- Chế độ RDS sẽ không hiển thị cho nguồn AM.
- Khi chế độ BẬT AF được chọn, thiết bị sẽ tự động dò đến đài có tín hiệu mạnh trong danh sách AF.
- Sử dụng chế độ TẮT AF khi không cần tự động dò lại.

Lời khuyên:

- *Dữ liệu số của RDS bao gồm:*

PI	Mã nhận dạng chương trình
PS	Tên chương trình
AF	Danh sách tần số thay thế
TP	Chương trình giao thông
TA	Thông báo giao thông
PTY	Loại chương trình
EON	Tăng cường các mạng khác

- Tham khảo trang 34 về “Nhận các kênh RDS khu vực (Địa phương)” và trang 34 về “Thiết lập nhận PTY31 (Phát thanh khẩn cấp)”.

Chức năng gián đoạn cho RDS

Nếu Chức năng gián đoạn được bật, khi nhận được chương trình phát sóng sau, thiết bị sẽ tự động chuyển sang màn hình nguồn Radio và nhận các chương trình phát sóng.

- PTY31 (Phát thanh khẩn cấp)
- TA (Thông báo giao thông)
- Để hủy chức năng Gián đoạn, hãy chạm vào màn hình chính của RDS hoặc nhấn vào bất cứ nút MCS nào (ngoại trừ nút Điện thoại/Apple CarPlay/Android Auto/Cài đặt) hoặc ➡ (Back)
- Khi chương trình phát thanh gián đoạn kết thúc, thiết bị sẽ quay lại màn hình trước.
- Chỉ âm thanh gián đoạn được phát và màn hình không thay đổi khi ở màn hình CHÍNH thường hoặc chế độ thiết lập.
- Bạn không thể hủy sự gián đoạn bằng cách nhấn ➡ (Back) trong trường hợp này.
- Chỉ âm thanh gián đoạn được phát và màn hình không thay đổi khi đang ở màn hình hiển thị Apple CarPlay (trừ chế độ âm nhạc) hoặc Android Auto (trừ chế độ âm nhạc).
- Không gián đoạn trong cuộc gọi rảnh tay. Trong khi hiển thị hình ảnh của camera, chỉ âm thanh mới có thể bị gián đoạn.
- Mức âm lượng sẽ được ghi nhớ nếu âm lượng được điều chỉnh trong quá trình nhận chương trình phát sóng gián đoạn. Khi nhận chương trình phát sóng gián đoạn vào lần tiếp theo, mức âm lượng được tự động điều chỉnh về mức đã ghi nhớ.

Nhận PTY31 (Phát thanh khẩn cấp)

Đặt “PTY-31” thành “Bật” trong “Thiết lập nhận PTY31 (Phát thanh khẩn cấp)” (trang 34). Thiết bị sẽ hiển thị “Alarm” trên màn hình trong khi nhận PTY31.

Chỉ báo Alarm



Nhận TA (Thông báo giao thông) cho RDS

Chạm vào [TP] để chọn chế độ BẬT TP (Chương trình giao thông).

Trong chế độ BẬT TP, phím [TP] sẽ sáng lên và thiết bị chuyển sang chế độ chờ cho thông báo giao thông.



Khi nhận được thông báo giao thông, “TP Info” sẽ hiển thị và thiết bị chuyển sang màn hình nguồn radio để nhận thông báo.

Chỉ báo Info TP



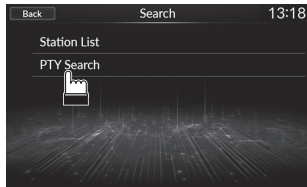
Chọn Kênh PTY có thể nhận (Chỉ cho đài Radio FM)

Bạn có thể chọn một PTY (Loại chương trình) và nhận những kênh có thể nhận hiện tại từ danh sách PTY.

1- Chạm vào [Search] để hiển thị màn hình chọn chế độ tìm kiếm.

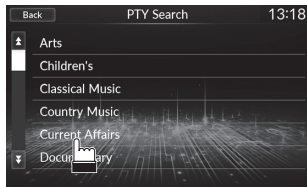


2- Chạm vào [PTY Search] để hiển thị danh sách PTY Search.

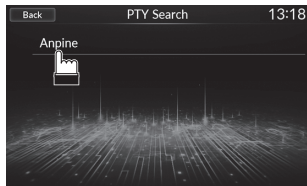


3- Chọn loại chương trình mong muốn trong màn hình danh sách PTY.

Các kênh có thể nhận đối với PTY này được hiển thị theo danh sách.



4- Chọn một kênh trong danh sách.



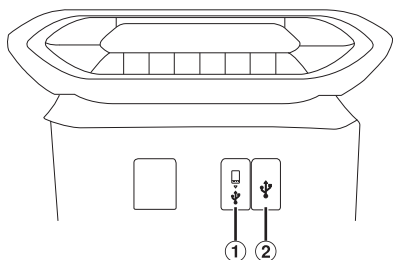
- Nếu không có đài nào có thể nhận cho PTY đã chọn, “No Station” sẽ hiển thị.

Bộ nhớ USB

Kết nối một Bộ nhớ USB với cổng USB.

Trên thiết bị này, bạn có thể phát lại các tệp nhạc (MP3/WMA/AAC/FLAC/WAV) và tệp video (MP4/M4V/MOV/FLV/AVI/ASF) được lưu trữ trong Bộ nhớ USB.

Sơ đồ vị trí của các cổng USB trên xe



- ① Cổng USB1: Cổng USB này được dùng để phát các tệp Phương tiện trên thiết bị Bộ nhớ USB cũng như để kết nối với điện thoại di động và thiết bị sạc.
- ② Cổng USB2: Cổng USB này chỉ dành cho thiết bị sạc.

- Dung lượng tối đa của Bộ nhớ USB được hỗ trợ trên thiết bị này là 32 GB.
- Hệ thống tệp là FAT 16/32.
- Cần thận khi kết nối bộ nhớ flash USB với cổng USB1.
- Cổng 2 chỉ để sạc.

CẢNH BÁO

Vừa lái xe vừa xem video là một hành động nguy hiểm. Người lái xe có thể bị mất tập trung khi nhìn đường và dẫn đến tai nạn.

Để đảm bảo an toàn, chúng tôi đã vô hiệu hóa chức năng xem video trong khi lái xe.

❖ Ví dụ về màn hình chính Âm thanh USB

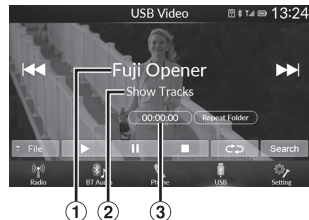


- ① Hiển thị thông tin thẻ của bài hát đang phát (Tên album/Tên bài hát/Tên nghệ sĩ).^{*1}
- ② Chỉ báo chế độ phát Ngẫu nhiên.
Chỉ báo Ngẫu nhiên và chỉ báo Lặp lại không thể hiển thị cùng lúc.
- ③ Hiển thị thời gian đã trôi qua
- ④ Chỉ báo chế độ phát Lặp lại.
Chỉ báo Ngẫu nhiên và chỉ báo Lặp lại không thể hiển thị cùng lúc.

^{*1} Nếu không có thông tin thẻ, Tên tệp và Tên thư mục sẽ hiển thị.

- Thiết bị này hỗ trợ mã ký tự ở 5 ngôn ngữ (như ngôn ngữ menu hỗ trợ), hãy tham khảo “Cài đặt ngôn ngữ” ở trang 29 để biết chi tiết.
- Mã ngôn ngữ không được hỗ trợ sẽ hiển thị là “□”.

❖ Ví dụ về màn hình thao tác Video USB

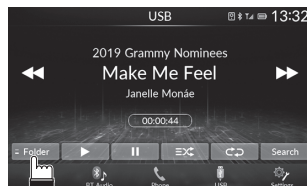
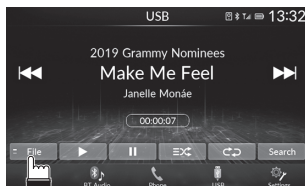


- ① Hiển thị Tên thư mục
- ② Hiển thị Tên tệp
- ③ Hiển thị thời gian đã trôi qua

- Chạm vào màn hình trong khi Video USB đang phát. Màn hình thao tác Video USB sẽ hiển thị. Màn hình thao tác chuyển sang màn hình trực quan ở chế độ Video USB trong 5 giây sau khi một thao tác được thực hiện.

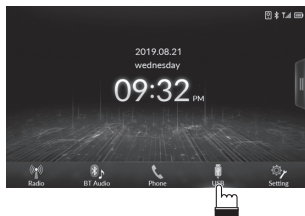
Chuyển chế độ Tệp trên/dưới và Thư mục trên/dưới

Chạm vào [= File] hoặc [= Folder] để chuyển giữa chế độ Tệp trên/dưới và Thư mục trên/dưới.



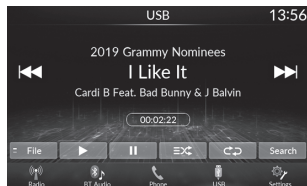
Phát

1- Chạm vào [USB] trên khu vực Nút chuyển chế độ.



- Biểu tượng USB chỉ hiển thị khi có bộ nhớ USB được kết nối.
- Chế độ USB được bật và màn hình chuyển sang màn hình của chế độ USB. Thiết bị này sẽ tiếp tục phát tệp đã được phát lần trước. Khi cắm một bộ nhớ USB mới, tệp âm thanh đầu tiên sẽ tự động được phát lại. Nếu không có tệp âm thanh được hỗ trợ nào trong bộ nhớ USB, tệp video đầu tiên sẽ được phát lại.
- Bạn có thể đổi màn hình phương tiện giữa chế độ Âm thanh và Video bằng cách chọn một tệp âm thanh hoặc video từ danh sách tìm kiếm. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Tìm kiếm tệp mong muốn” ở trang 24.

2- Chạm vào [◀◀] hoặc [▶▶] của Tập để chọn bản nhạc (tệp) mong muốn.



3- Để tạm dừng phát lại, hãy chạm vào [||].

Chạm vào [▶] để tiếp tục phát lại.

- Nếu thời gian trôi qua chưa đến 1 giây, việc chạm vào [◀◀] của Tập sẽ chuyển về bản nhạc (tệp) trước đó. Ngược lại, nếu thời gian trôi qua hơn 1 giây, thao tác trên sẽ đưa bạn trở lại phần đầu của bản nhạc (tệp) đang phát. Chạm vào [▶▶] sẽ chuyển đến đầu bản nhạc (tệp) tiếp theo.
- Tùy thuộc vào tệp được phát, thông tin thẻ có thể không được hiển thị chính xác.
- HUB USB không được hỗ trợ.
- Tổng số tệp tối đa mà thiết bị này hỗ trợ là 10.000.
- Tổng số thư mục tối đa mà thiết bị này hỗ trợ là 700 (bao gồm cả thư mục Root).
- Thiết bị này có thể hỗ trợ thiết bị Bộ nhớ USB, với dung lượng lưu trữ lên tới 32 GB và hệ thống tệp phải là FAT 16/32.
- Thiết bị này không phát được các tệp được bảo vệ bản quyền theo DRM (Quản lý bản quyền kỹ thuật số).
- Thời gian phát lại có thể không được hiển thị chính xác khi phát lại tệp VBR (Tốc độ bit thay đổi).

Thư mục trên/dưới

Chạm vào [◀◀] hoặc [▶▶] của thư mục để thay đổi thư mục Trên/Dưới.

- Tệp đầu tiên trong thư mục đã chọn sẽ được phát lại.

Tua tiến/Tua lùi

1- Trong quá trình phát, chạm và giữ [◀◀] (Tua lùi) hoặc chạm và giữ [▶▶] (Tua tiến).

2- Nhả [◀◀] hoặc [▶▶] để trở về chế độ phát lại thông thường.

Dừng phát lại (Chỉ với video USB)

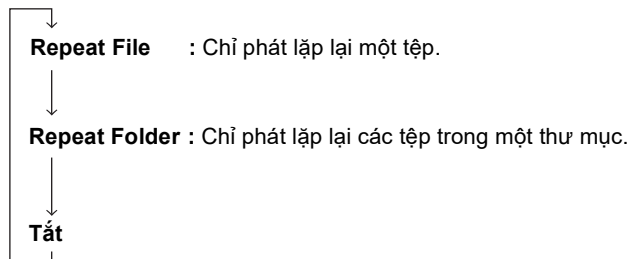
Chạm vào [■] trong khi đang phát lại.

Quá trình phát lại sẽ dừng lại.

- Quá trình phát lại sẽ bắt đầu từ đầu khi bạn chạm vào [▶] trong khi đang dừng phát lại.

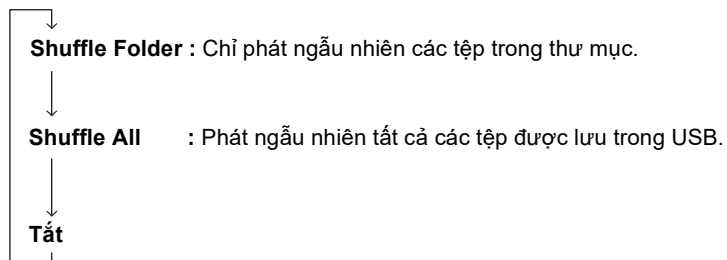
Phát lặp lại

Chạm vào [↺] để chọn chế độ phát lặp lại.



Phát ngẫu nhiên (Không dùng được cho Video USB)

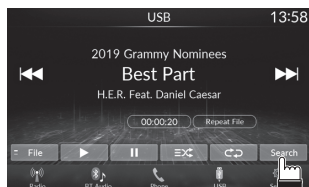
Chạm vào [≡✂] để bật chế độ phát ngẫu nhiên.



Tìm kiếm tệp mong muốn

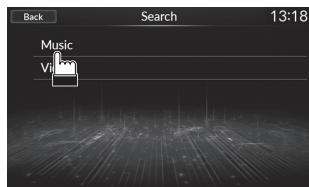
Bạn có thể chọn một tệp âm thanh hoặc video từ danh sách tìm kiếm.

1- Chạm vào [Search] để hiển thị danh sách tìm kiếm.



2- Chạm vào [Music]^{*1} hoặc [Video]^{*2} để chọn loại phương tiện mong muốn.

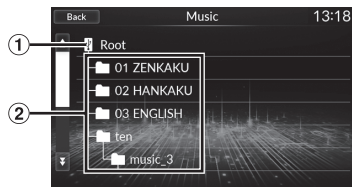
Tất cả các thư mục chứa tệp âm thanh hoặc video sẽ được hiển thị.



^{*1} Không thể chọn “Music” khi không có tệp Âm thanh nào trong bộ nhớ USB.

^{*2} Không thể chọn “Video” khi không có tệp Video nào trong bộ nhớ USB.

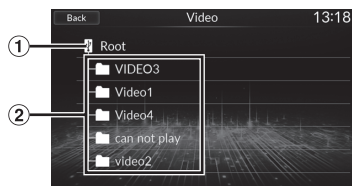
❖ Ví dụ về hiển thị cho màn hình tìm kiếm Nhạc



① Thư mục Root: Chạm để hiển thị tất cả các tệp nhạc được lưu trữ trong bộ nhớ USB.

② Tên thư mục: Các thư mục âm nhạc sẽ được liệt kê theo thứ bậc đã lưu.

❖ Ví dụ về màn hình tìm kiếm Video



① Thư mục Root: Chạm để hiển thị tất cả các tệp video được lưu trữ trong bộ nhớ USB.

② Tên thư mục: Các thư mục video sẽ được liệt kê theo thứ bậc đã lưu.

3- Chạm vào thư mục mong muốn để hiển thị tất cả các tệp nhạc hoặc video được lưu trữ trong thư mục này.

4- Chạm vào tệp mong muốn trong thư mục đã chọn để phát tệp.

- Nhấn ➡ hoặc chạm vào **[Back]** sẽ đưa bạn quay lại màn hình trước.
- Một số tệp có thể không được hỗ trợ theo thông số kỹ thuật. Vui lòng tham khảo trang tiếp theo để biết các thông số kỹ thuật của tệp được hỗ trợ.
- Thiết bị này hỗ trợ độ sâu thư mục con tối đa là 8 (bao gồm cả thư mục gốc). Các tệp được lưu trữ ở thứ bậc sâu hơn sẽ không hiển thị trong chế độ tìm kiếm và không thể phát được.

VỀ MP3/WMA/AAC/FLAC

LƯU Ý

Luật Bản quyền và hiệp ước quốc tế nghiêm cấm tạo bản sao, phân phối, chuyển giao hoặc sao chép dữ liệu âm thanh, dù miễn phí hay tính phí, khi chưa có sự cho phép của chủ sở hữu bản quyền, ngoại trừ trường hợp sử dụng cho mục đích riêng tư.

Tốc độ lấy mẫu phát lại và tốc độ bit được hỗ trợ

MP3

Tốc độ lấy mẫu: 48 kHz, 44,1 kHz, 32 kHz, 24 kHz, 22,05 kHz, 16 kHz, 12 kHz, 11,025 kHz, 8 kHz

Tốc độ bit: 8 - 320 kbps

WMA

Tốc độ lấy mẫu: 48 kHz, 44,1 kHz, 32 kHz, 22,05 kHz, 16 kHz, 11,025 kHz, 8 kHz

Tốc độ bit: 5 - 320 kbps

AAC

Tốc độ lấy mẫu: 48 kHz, 44,1 kHz, 32 kHz, 24 kHz, 22,05 kHz, 16 kHz, 12 kHz, 11,025 kHz, 8 kHz

Tốc độ bit: 8-320 kbps

FLAC

Tốc độ lấy mẫu: 192 kHz, 176,4kHz, 96kHz, 88,2kHz, 48 kHz, 44,1 kHz, 32 kHz, 24 kHz, 22,05 kHz, 16 kHz, 12 kHz, 11,025 kHz, 8 kHz

Thiết bị này có thể không phát lại chính xác, tùy vào tốc độ lấy mẫu.

VỀ tệp WAV

WAV có tên chính thức là “ĐỊNH DẠNG WAVE”, là một định dạng tiêu chuẩn của tệp âm thanh Windows®.

- Phần mở rộng: “.wav”
- Tốc độ lấy mẫu: 16 kHz, 22,05 kHz, 24 kHz, 32 kHz, 44,1 kHz, 48 kHz
- Số kênh: 1ch, 2ch

Về định dạng Video USB

Thiết bị hỗ trợ các định dạng video (Bộ nhớ USB) sau đây.

- Vùng chứa được hỗ trợ: MP4/M4V/MOV/FLV/AVI/ASF
- Công nghệ mã hóa video được hỗ trợ: H.263/H.264/MPEG4/Xvid/VC-1 (WMV-9)
- Công nghệ mã hóa âm thanh được hỗ trợ: MP3, AAC, WMA, LPCM

Cài đặt

Thao tác cài đặt

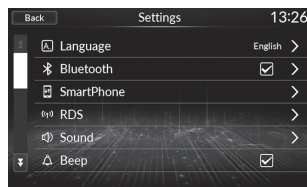
Các bước từ 1 đến 3 sau đây là những thao tác phổ biến đối với mỗi “Mục cài đặt”. Tham khảo mỗi mục để biết chi tiết.

1- Chạm vào [Settings] trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Màn hình Thiết lập chính sẽ hiển thị.



2- Chạm vào mục mong muốn để thay đổi cài đặt tương ứng.



Các mục cài đặt: *Language/Bluetooth/SmartPhone/RDS*/Sound/Beep/System Volume/Display/Key Light/Opening Animation/Background Color/Wallpaper/Date & Time/Date Format/Rear Wide Camera*/Rear Camera Guideline*/LaneWatch*/About/Open source license/Clear All Settings*

* Chỉ hiển thị cho phương tiện được hỗ trợ và khi camera liên quan được kết nối.

3- Nhấn hoặc chạm vào [Back] sẽ đưa bạn quay lại màn hình trước đó.

Cài đặt ngôn ngữ

Chạm vào **[Language]** để vào màn hình cài đặt ngôn ngữ.

Có thể thay đổi ngôn ngữ hiển thị cho menu Thiết lập, thông tin phản hồi, v.v. trên thiết bị này.

Mục cài đặt: Ngôn ngữ

Nội dung cài đặt: English/ภาษาไทย/Bahasa Indonesia/Español/Español México

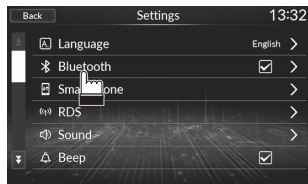


Cài đặt Bluetooth

Trước khi sử dụng chức năng Bluetooth, hãy nhớ nhấp vào hộp kiểm Bluetooth để đổi thành Bật ☒.

Nếu cài đặt Bluetooth đang Tắt ☐, bạn sẽ không thể chuyển sang màn hình cài đặt Bluetooth.

Chạm vào **[Bluetooth]** để vào màn hình cài đặt Bluetooth.



Ghép nối thiết bị Bluetooth từ thiết bị

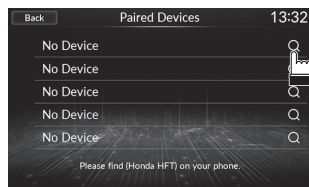
Nếu thiết bị Bluetooth không ghép nối ngay lập tức, thiết bị đầu có thể tiến hành tìm kiếm. Thao tác tìm kiếm có thể tìm thấy các thiết bị chưa ghép nối.

Lưu ý: Vui lòng sử dụng phanh tay trước khi tiến hành tìm kiếm.

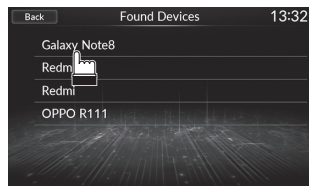
Mục cài đặt: Bluetooth

1- Chạm vào [Q] của mục “No Device”.

Các thiết bị Bluetooth có thể tìm kiếm được hiển thị trong một danh sách.



2- Chạm vào thiết bị bạn muốn kết nối trong danh sách.



- Bạn có thể đăng ký tới 5 thiết bị tương thích Bluetooth.
- Thiết bị có Bluetooth phiên bản 2.0 trở xuống không tương thích với thiết bị này.

3- Khi ghép nối thành công, một cửa sổ xác nhận thông tin sẽ hiện ra.



- [📞]: Thiết lập để dùng làm thiết bị Điều khiển từ xa.
Điều khiển từ xa trên điện thoại đã kết nối với chức năng tương tự như các phím điều khiển lái, ngoại trừ tính năng nhắc máy/gác máy hoặc Nhận dạng giọng nói. Ngoài ra, việc nhấn lâu các nút chuyển kênh lên/xuống trên ứng dụng điều khiển từ xa sẽ không hoạt động đối với nguồn USB, iPod và Âm thanh BT. Tuy nhiên, tùy thuộc vào Điện thoại được ghép nối, một số hành động có thể hoạt động bất thường. Để sử dụng chức năng này, bạn cần tải ứng dụng điều khiển từ xa về bằng cách quét mã QR trên màn hình cài đặt Giới thiệu. (Xem trang 45)
- [📱]: Thiết lập để dùng làm thiết bị Âm thanh và thiết bị Rảnh tay.
- Both: Thiết lập để dùng làm cả Điều khiển từ xa và thiết bị Âm thanh & Rảnh tay.

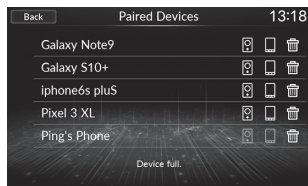
4- Chạm vào nút để kết nối.

- Nếu một Mã khóa gồm 6 ký tự xuất hiện trên thiết bị này, hãy đảm bảo rằng mã khóa đó cũng hiển thị trên thiết bị tương thích Bluetooth, rồi chạm vào “Yes.”
- Nếu 5 thiết bị đã được đăng ký, bạn không thể đăng ký thiết bị thứ 6. Để đăng ký một thiết bị khác, trước tiên, bạn cần xóa một trong 5 thiết bị đã đăng ký.

Cài đặt thiết bị Bluetooth

Chọn một trong 5 thiết bị tương thích Bluetooth đã ghép nối mà bạn đã đăng ký trước đó.

- Chạm vào [📞] (Điều khiển từ xa) để sử dụng chức năng Từ xa.
- Chạm vào [📱] (Rảnh tay & Âm thanh) để sử dụng chức năng điện thoại và âm nhạc.



Xóa thiết bị Bluetooth khỏi danh sách

Bạn có thể xóa thông tin của thiết bị tương thích Bluetooth đã kết nối trước đó.

1- Chạm vào [⌵] của thiết bị tương thích Bluetooth để xóa khỏi danh sách Thiết bị đã ghép nối.

2- Chạm vào [Yes].

- Chạm vào [No] sẽ hủy cài đặt này.

Cách ghép nối từ thiết bị tương thích Bluetooth

Tên thiết bị và địa chỉ Bluetooth sẽ được hiển thị.

Tên thiết bị: Honda HFT

Để biết chi tiết về việc điều khiển từ thiết bị tương thích Bluetooth, hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng của thiết bị tương thích Bluetooth.

Nếu giao diện điện thoại di động hiển thị Yêu cầu ghép nối Bluetooth, hãy nhấp vào ghép nối sau khi xác nhận Mã khóa gồm 6 ký tự hiển thị trên giao diện điện thoại di động giống với mã khóa hiển thị trên thiết bị cục bộ.

- Bạn cũng có thể tự ghép nối các thiết bị Bluetooth từ thiết bị này. (Xem trang 30)

Thiết lập điện thoại thông minh

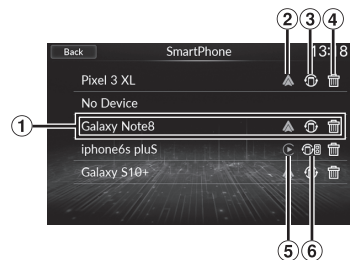
Bạn có thể thiết lập Apple CarPlay và Android Auto hoặc WeLink trong mục cài đặt Điện thoại thông minh.

Khi lần đầu tiên kết nối iPhone hoặc điện thoại thông minh hỗ trợ Android Auto với thiết bị này, màn hình cửa sổ xác nhận sẽ hiển thị. Trong khi bạn chọn một loại Liên kết, thông tin Liên kết sẽ được đồng bộ hóa với danh sách điện thoại thông minh này cùng lúc.

Có thể ghi nhớ tối đa thông tin của 5 điện thoại, các nút loại Liên kết sẽ được tô sáng.

Bạn không thể thay đổi loại Liên kết hoặc xóa thiết bị cho Điện thoại thông minh đang kết nối, những nút liên quan sẽ bị mờ.

Sau khi chạm vào **[SmartPhone]**, thiết lập loại Liên kết như bạn mong muốn.



① Điện thoại thông minh đang kết nối

② Nút Liên kết Android Auto

Chạm để thiết lập thành Liên kết Android Auto. Chức năng Android Auto sẽ khả dụng vào lần tiếp theo bạn kết nối Điện thoại. Nút sẽ sáng nếu bạn chọn.

③ Nút WeLink của điện thoại Android

Chạm để thiết lập thành WeLink. Chức năng WeLink sẽ khả dụng vào lần tiếp theo bạn kết nối Điện thoại. Nút sẽ được tô sáng nếu bạn chọn.

④ Nút xóa

Chạm để xóa thông tin Liên kết của điện thoại thông minh khỏi danh sách.

⑤ Nút Liên kết Apple CarPlay

Chạm để thiết lập thành Apple CarPlay. Chức năng Apple CarPlay sẽ khả dụng vào lần tiếp theo bạn kết nối Điện thoại. Nút sẽ sáng nếu bạn chọn.

⑥ Nút chức năng WeLink và iPod

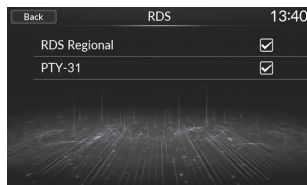
Chạm để thiết lập thành WeLink và iPod. Chức năng WeLink và iPod sẽ khả dụng vào lần tiếp theo bạn kết nối Điện thoại. Nút sẽ được tô sáng nếu bạn chọn.

- Apple CarPlay và Android Auto sẽ hiển thị khác nhau tùy theo điện thoại thông minh.
- Không thể sử dụng đồng thời WeLink và iPod với Apple CarPlay/Android Auto.

Cài đặt RDS

Chạm vào **[RDS]** để vào màn hình cài đặt RDS. Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt liên quan tới RDS tại đây.

❖ Ví dụ về màn hình cài đặt RDS



Nhận các kênh RDS khu vực (Địa phương)

Bạn có thể cài đặt **Bật** (☒)/**Tắt** (☐) cho tính năng nhận RDS khu vực.

Mục cài đặt: RDS Regional

Nội dung cài đặt: Bật/Tắt

Bật: Nếu đài Khu vực (Địa phương) đang dò có cường độ tín hiệu quá yếu để nhận, thiết bị sẽ tự động dò một đài Khu vực^{*1} ở quận khác

Tắt: Thiết bị tiếp tục nhận đài RDS địa phương

^{*1} Chương trình phát sóng cho đài mới có thể khác với đài trước.

Thiết lập nhận PTY31 (Phát thanh khẩn cấp)

Bạn có thể cài đặt **Bật** (☒)/**Tắt** (☐) cho tính năng nhận PTY31 (Phát thanh khẩn cấp).

Mục cài đặt: PTY-31

Nội dung cài đặt: Bật/Tắt

Bật: Thiết bị tự động ưu tiên cho chương trình phát thanh khẩn cấp bất cứ khi nào chương trình này bắt đầu.

Tắt: Thiết bị sẽ không gián đoạn chương trình bạn đang nghe khi nhận được một chương trình phát thanh khẩn cấp.

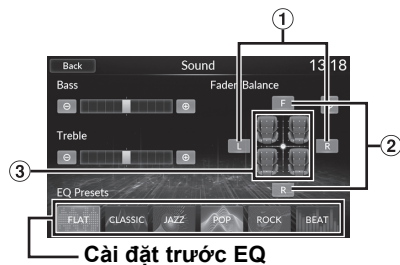
- Khi “PTY-31” đang Bật, thiết bị sẽ hiển thị “Alarm” trên màn hình trong khi nhận PTY31.

Cài đặt âm thanh

Chạm vào **[Sound]** để vào màn hình cài đặt Âm thanh.

Bạn có thể chỉnh sửa những cài đặt liên quan tới âm thanh tại đây.

❖ Ví dụ về màn hình cài đặt âm thanh



Cài đặt Fader/Balance

Bạn có thể điều chỉnh mức cân bằng đầu ra của loa trái/phải.

① Chạm vào **[L]** hoặc **[R]** để điều chỉnh mức cân bằng đầu ra của loa trái/phải (**Balance**).

Dải cài đặt: L11 tới R11

Bạn có thể điều chỉnh mức cân bằng đầu ra của các loa trước/sau.

② Chạm vào **[F]** hoặc **[R]** để điều chỉnh cân bằng đầu ra của loa trước và sau (**Fader**).

Dải cài đặt: F11 tới R11

Bạn cũng có thể điều chỉnh trực tiếp Balance/Fader

③ Khu vực hình ảnh Balance/Fader

Chạm vào điểm mong muốn trong khu vực hình ảnh.

- Để đặt lại cài đặt ban đầu (Balance: 0, Fader: 0), hãy chạm vào **[↻]**.

Cài đặt Mức âm trầm

Bạn có thể tăng hoặc giảm tần số âm trầm.

Mục cài đặt: *Bass*

Nội dung cài đặt: -5 ~ +5

Cài đặt Mức âm tần cao

Bạn có thể tăng hoặc giảm tần số âm tần cao.

Mục cài đặt: *Treble*

Nội dung cài đặt: -5 ~ +5

Cài đặt trước bộ chỉnh âm

6 cài đặt bộ chỉnh âm điển hình được cài đặt sẵn tại nhà máy cho nhiều nguồn âm nhạc.

Chạm vào nút loại nhạc mong muốn, nút được chọn sẽ được tô sáng.

Mục cài đặt: *EQ Presets*

Nội dung cài đặt: *FLAT/CLASSIC/JAZZ/POP/ROCK/BEAT*

Cài đặt âm thanh Bíp (Chức năng hướng dẫn bằng âm thanh)

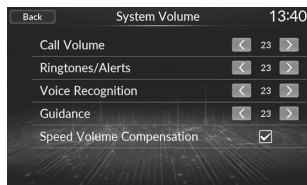
Khi mục này được bật (☒) , tiếng bíp sẽ phát ra khi bạn nhấn hoặc chạm vào một nút/phím cảm ứng trên thiết bị này.

Mục cài đặt: *Beep*

Nội dung cài đặt: *Bật/Tắt*

Cài đặt Âm lượng hệ thống

❖ Ví dụ về màn hình cài đặt Âm lượng hệ thống



Điều chỉnh âm lượng của người gọi

Bạn có thể điều chỉnh Mức âm lượng của người gọi cho cuộc gọi điện thoại.

Mục cài đặt: *Call Volume*

Nội dung cài đặt: 0 ~ 45

Điều chỉnh Âm lượng nhạc chuông & cảnh báo

Bạn có thể điều chỉnh Mức nhạc chuông & cảnh báo cho cuộc gọi điện thoại.

Mục cài đặt: *Ringtones/Alerts*

Nội dung cài đặt: 0 ~ 45

Cài đặt Nhận dạng giọng nói

Bạn có thể điều chỉnh Mức âm lượng giọng nói cho chế độ Siri hoặc Google Assistant.

Mục cài đặt: *Voice Recognition*

Nội dung cài đặt: 0 ~ 45

Cài đặt Hướng dẫn

Bạn có thể điều chỉnh Mức âm lượng hướng dẫn bằng giọng nói cho chế độ Điều hướng của Apple CarPlay hoặc Android Auto.

Mục cài đặt: *Guidance*^{*1}

Nội dung cài đặt: 0 ~ 45

^{*1} Chỉ hiển thị khi kết nối với iPhone có Apple CarPlay hoặc với điện thoại thông minh Android™ đã cài đặt Ứng dụng Android Auto.

Cài đặt Bù âm lượng tốc độ

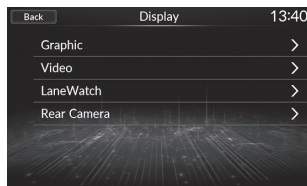
Khi mục này được bật (☒) , âm lượng của âm thanh nghe được sẽ tự động tăng lên theo tốc độ xe.

Mục cài đặt: *Speed Volume Compensation*

Nội dung cài đặt: *Bật/Tắt*

Cài đặt Hiển thị

❖ Ví dụ về màn hình cài đặt Hiển thị



Chạm vào **[Display]** để vào màn hình cài đặt hiển thị.

Bạn có thể đặt các tham số hiển thị cho ba loại nguồn (Graphic^{*2}/Video^{*3}/Camera^{*4}). Kết quả cài đặt của chế độ ngày và đêm sẽ được lưu riêng biệt.

Mục cài đặt: Display

Mục Cài đặt khác

Graphic: Brightness/Contrast/Black Level

Video^{*5}: Brightness/Contrast/Black Level/Color/Tint

LaneWatch^{*6}: Brightness/Contrast/Black Level/Color/Tint

Rear Camera^{*7}: Brightness/Contrast/Black Level/Color/Tint

Dải cài đặt cho Độ sáng: 0 ~ 10

Dải cài đặt cho các mục khác: -5 ~ +5

^{*2} Đối với nguồn/chế độ đồ họa (Nguồn FM/AM/Âm thanh BT/USB và chế độ Chính/Điện thoại/Thiết lập)

^{*3} Đối với nguồn video (Video USB)

^{*4} Đối với Camera sau và camera Theo dõi làn đường.

^{*5} “Video” có thể được chọn khi tệp video của bộ nhớ USB đang phát.

^{*6} “LaneWatch” có thể được chọn khi camera LaneWatch được kết nối.

^{*7} “Rear Camera” có thể được chọn khi camera sau được kết nối.

Cài đặt Độ sáng phím

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng của các phím cứng bằng cách chạm vào phím [<] hoặc [>].

Mục cài đặt: *Key Light*

Nội dung cài đặt: -5 ~ +5

- Các phím cứng của thiết bị này sẽ sáng lên và chỉ có thể điều chỉnh được khi đèn pha của xe đang bật.

Cài đặt Hình động khởi động

Khi mục này được bật (☒) , Hoạt ảnh khởi động sẽ hiển thị mỗi lần bạn bật thiết bị lên.

Mục cài đặt: *Opening Animation*

Nội dung cài đặt: *Bật/Tắt*

Cài đặt Màu nền

Bạn có thể chọn trong số 4 Màu nền khác nhau.

Mục cài đặt: *Background Color*

Nội dung cài đặt: *Blue/Black/Red/Amber*

Cài đặt Hình nền

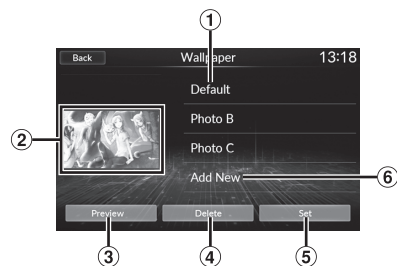
Bạn có thể nhập tối đa 3 hình BMP hoặc ảnh JPG được lưu trữ trong một ổ đĩa flash USB làm hình nền.

Trước khi cài đặt, bạn cần kết nối một ổ flash USB có chứa ảnh tại thư mục gốc.

Định dạng tệp có thể sử dụng:

- Ảnh BMP hoặc JPG
- Điểm ảnh tối đa: 1.920 × 936
- Kích thước ảnh tối đa: 2 Mb

❖ Ví dụ về màn hình cài đặt hình nền



- ① Chạm để quay lại hình nền mặc định.
- ② Hình thu nhỏ cho hình ảnh đang chọn. Cùng lúc đó, tên của hình ảnh đang chọn sẽ được tô sáng ở danh sách bên phải.
- ③ Chạm để xem trước hình ảnh đang chọn.
- ④ Chạm để xóa hình ảnh đang chọn. Trong trường hợp này, hình nền mặc định sẽ được sử dụng.
- ⑤ Chạm để xác nhận hình ảnh đang chọn.
- ⑥ Chạm để nhập hình nền từ ổ flash USB.

1- Chạm vào [Wallpaper] để vào màn hình Cài đặt hình nền.

2- Chạm vào [Add New].

Nút này sẽ không hiển thị nếu đã nhập 3 ảnh hoặc không có ổ flash USB nào được kết nối.

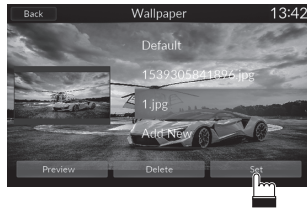
- Thiết bị này có thể liệt kê tối đa 256 ảnh.

3- Chạm vào [Import] để nhập hình ảnh đã chọn vào thiết bị này.



4- Sau khi nhập hình nền, hãy chọn một hình trong danh sách, sau đó chạm [Set].

Hình ảnh được chọn sẽ được đặt làm hình nền.



Cài đặt Ngày và giờ

Chạm vào **[Date & Time]** để vào màn hình cài đặt ngày và giờ.

Bạn có thể điều chỉnh hiển thị Ngày và Đồng hồ trên thiết bị thông qua cài đặt này.

Mục cài đặt: Date & Time

Nội dung cài đặt: Year/Month/Day/Hour/Min/Clock Mode*

* Có thể thay đổi chế độ Đồng hồ giữa 12H và 24H.

- Để đảm bảo ứng dụng Android Auto được sử dụng đúng cách, vui lòng cài đặt chính xác thông tin ngày.

Cài đặt Định dạng ngày

Chạm vào **[Date Format]** để vào màn hình cài đặt định dạng ngày.

Mục cài đặt: Date Format

Nội dung cài đặt: yyyy.mm.dd/mm.dd/yyyy/dd.mm/yyyy

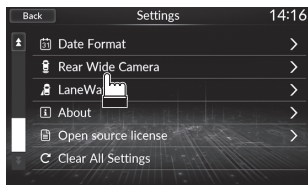
yyyy.mm.dd = năm.tháng.ngày

mm.dd.yyyy = tháng.ngày.năm

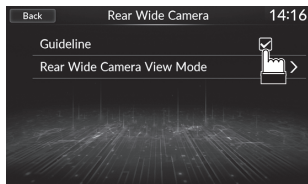
dd.mm.yyyy = ngày.tháng.năm

Cài đặt Camera sau góc rộng

Chức năng này chỉ có trên một số loại xe. Bạn có thể chọn bật/tắt hướng dẫn cho camera sau góc rộng, chọn chế độ xem.



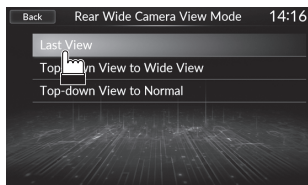
Mục cài đặt: Rear Wide Camera



Mục cài đặt khác: Guideline

Nội dung cài đặt khác: Bật/Tắt

Chọn Bật (☒) để hiển thị hướng dẫn trong khi lùi xe.



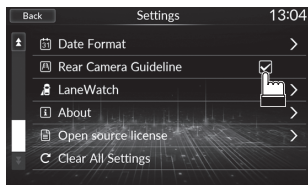
Mục cài đặt khác: Rear Wide Camera View Mode

Nội dung cài đặt khác: Last View/Top-down View to Wide View/Top-down View to Normal

- Bạn cũng có thể chuyển chế độ xem trong chế độ lùi xe. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Thao tác với camera sau” ở trang 56.

Cài đặt Hướng dẫn camera sau

Chức năng này chỉ có trên một số loại xe. Khi mục này được bật (☒) , Hướng dẫn camera sau sẽ hiển thị khi bạn lùi xe.



Mục cài đặt: Rear Camera Guideline

Nội dung cài đặt: Bật/Tắt

Cài đặt LaneWatch

Chức năng này chỉ có trên một số loại xe.

Mục cài đặt: LaneWatch

Mục cài đặt khác: Show with Turn Signal

Nội dung cài đặt khác: Bật/Tắt

Chọn Bật (☒) để hiển thị màn hình LaneWatch khi Tín hiệu rẽ được kích hoạt.

Mục cài đặt khác: Display Time after Turn Signal Off

Nội dung cài đặt khác: 0 giây/ 2 giây

Bạn có thể chọn để trì hoãn tắt màn hình LaneWatch.

Mục cài đặt khác: Show Reference Line

Nội dung cài đặt khác: Bật/Tắt

Chọn Bật (☒) để hiển thị Đường tham chiếu của LaneWatch trong khi Tín hiệu rẽ được kích hoạt.

Giới thiệu

Chạm vào **[About]** để xem Địa chỉ BT và Phiên bản của phần mềm điều khiển.

Bạn có thể quét mã QR để tải ứng dụng WebLink hoặc ứng dụng điều khiển từ xa qua Bluetooth về từ màn hình này. Bạn cũng có thể quét mã QR để xem hướng dẫn về cách tải về và cài đặt Ứng dụng WebLink.



Giấy phép nguồn mở

Phần mềm đã cài đặt trong sản phẩm chứa phần mềm nguồn mở. Chạm vào **[Open source license]** để truy cập vào trang web Alpine và xem thông tin chi tiết về phần mềm nguồn mở.

http://www.alpine.com.cn/e/g10ao_oss/

Xóa tất cả cài đặt

Bạn có thể khởi tạo tất cả dữ liệu, để khôi phục cài đặt gốc.

Mục cài đặt: Clear All Settings

1- Chạm vào [Clear All Settings].

2- Sau khi thông báo xác nhận xuất hiện, chạm vào [Yes].

Hệ thống sẽ bắt đầu quá trình khởi tạo.

- Chạm vào **[No]** sẽ hủy thao tác này và quay trở lại màn hình trước.
- Không tắt nguồn hoặc thay đổi vị trí Nguồn (Khóa điện) cho tới khi quá trình khởi động lại hệ thống hoàn tất.

Thao tác với Bluetooth

Thiết lập trước khi sử dụng

Giới thiệu về Bluetooth

Bluetooth là công nghệ không dây cho phép thiết bị di động hoặc máy tính cá nhân giao tiếp với nhau trong khoảng cách ngắn. Nhờ đó, các thiết bị tương thích Bluetooth có thể thực hiện cuộc gọi rảnh tay hoặc truyền dữ liệu. Có thể truyền qua Bluetooth ở phổ 2,4 GHz chưa được cấp phép nếu khoảng cách giữa các thiết bị nằm trong vòng 10 mét. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Bluetooth (<http://www.bluetooth.com/>).

- Tùy thuộc vào phiên bản Bluetooth, thiết bị tương thích Bluetooth có thể không giao tiếp được với thiết bị này.
- Không đảm bảo thiết bị này sẽ hoạt động phù hợp với tất cả các thiết bị tương thích Bluetooth. Để sử dụng thiết bị tương thích Bluetooth, hãy tham khảo ý kiến của các đại lý Honda.
- Tùy thuộc vào môi trường xung quanh, kết nối không dây Bluetooth có thể không ổn định.
- Khi thực hiện cuộc gọi hoặc thực hiện các thao tác thiết lập, hãy dừng xe ở một nơi an toàn.
- Tùy thuộc vào thiết bị tương thích Bluetooth được kết nối, chức năng có thể khác nhau. Ngoài ra, hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng của thiết bị được kết nối.
- Chức năng này có thể không khả dụng với một số thiết bị tương thích Bluetooth.

Giới thiệu về điện thoại rảnh tay

Có thể thực hiện các cuộc gọi rảnh tay khi sử dụng điện thoại di động tương thích HFP (Cấu hình rảnh tay) với thiết bị này.

- Tránh thực hiện cuộc gọi rảnh tay khi đường đông hoặc trên các con phố hẹp, quanh co.
- Đóng cửa sổ trong khi gọi điện để giảm tiếng ồn xung quanh.
- Nếu cả hai bên sử dụng cuộc gọi đều sử dụng thiết bị rảnh tay hoặc cuộc gọi được thực hiện ở nơi ồn ào, thì việc khó nghe giọng của người còn lại là bình thường.
- Tùy thuộc vào tình trạng đường dây điện thoại hoặc các thiết bị di động được sử dụng, giọng nói có thể nghe không tự nhiên.
- Một số tính năng điện thoại di động phụ thuộc vào khả năng và cài đặt mạng của nhà cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, một số tính năng có thể không được nhà cung cấp dịch vụ kích hoạt, và/hoặc cài đặt mạng của nhà cung cấp có thể giới hạn chức năng của tính năng. Hãy nhớ liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để biết phạm vi cung cấp và chức năng của tính năng. Tất cả các tính năng, chức năng và các thông số kỹ thuật khác của sản phẩm, cũng như thông tin có trong Hướng dẫn sử dụng đều dựa trên thông tin mới nhất hiện có và được cho là chính xác tại thời điểm in.
- Trong khi gọi, FM/AM sẽ bị tắt tiếng và USB hoặc nguồn âm thanh khác sẽ bị tạm dừng cho đến khi cuộc gọi kết thúc.

Trước khi sử dụng Bluetooth

Trước khi sử dụng chức năng âm thanh/điện thoại rảnh tay, cần thiết lập các cài đặt sau.

- 1- Đặt “Bluetooth” thành “Bật” ☒ (trang 29).
- 2- Trước khi sử dụng chức năng Bluetooth, vui lòng hoàn tất việc ghép nối và kết nối giữa thiết bị tương thích Bluetooth và thiết bị này. (Trang 30)

Trả lời cuộc gọi

Các cuộc gọi đến được thông báo bằng nhạc chuông cuộc gọi đến và một thông báo (Số điện thoại, v.v.).

- 1- Cuộc gọi đến sẽ kích hoạt nhạc chuông và hiển thị cuộc gọi đến.
- 2- Chạm vào [📞].

Cuộc gọi bắt đầu.



- Khi số của người gọi được chuyển tới hệ thống, nếu tên của người gọi được lưu trong danh bạ thì tên của họ sẽ hiển thị. Nếu tên chưa được lưu thì số điện thoại sẽ hiển thị.
- Bạn chỉ có thể trả lời cuộc gọi hoặc gác máy bằng các nút lái trong khi hiển thị màn hình camera.

Điều chỉnh âm lượng khi nhận/quay số cuộc gọi hoặc khi đang gọi

Khi đang gọi, bạn có thể điều chỉnh âm lượng.

Nhấn **-/+** để điều chỉnh âm lượng.

Gác điện thoại

Chạm vào [📞].

Cuộc gọi kết thúc.

- Bạn chỉ có thể trả lời cuộc gọi hoặc gác máy bằng các nút lái trong khi hiển thị màn hình camera.

Gọi

Sau khi kết nối, chạm vào màn hình của thiết bị để thực hiện các cuộc gọi trên giao diện Quay số, Lịch sử cuộc gọi và Danh bạ.

Quay số trong giao diện Quay số

1- Chạm vào [Phone] trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Màn hình menu điện thoại sẽ hiển thị.

2- Quay số điện thoại trên màn hình.

Chạm vào [✕] để xóa số điện thoại sai.

Chạm và giữ sẽ xóa tất cả các số được nhập.



3- Chạm vào [📞].

Cuộc gọi bắt đầu.

4- Chạm vào [📞].

Cuộc gọi kết thúc.

Quay số trong Lịch sử cuộc gọi

Các bản ghi cuộc gọi qua Bluetooth sẽ đồng bộ hóa với các bản ghi cuộc gọi qua điện thoại di động và bạn có thể xem các cuộc gọi đã thực hiện, cuộc gọi đã nhận và cuộc gọi nhớ (Tổng cộng lên đến 30 bản ghi).

1- Chạm vào [Phone] trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Màn hình menu điện thoại sẽ hiển thị.

2- Chạm vào [📞].

Danh sách Lịch sử cuộc gọi sẽ hiển thị.



- Lịch sử cuộc gọi chỉ hiển thị các cuộc gọi điện thoại.
- Bạn có thể thay đổi định dạng ngày cho lịch sử cuộc gọi trong chế độ Thiết lập, tham khảo “Cài đặt Định dạng ngày” ở trang 42.

3- Nếu muốn quay số trong danh sách Lịch sử cuộc gọi, hãy chạm trực tiếp vào số muốn gọi.

Cuộc gọi bắt đầu.



- ① Cuộc gọi nhớ (Biểu tượng có màu đỏ)
- ② Cuộc gọi đi (Biểu tượng có màu xanh lục)
- ③ Cuộc gọi đến (Biểu tượng có màu xanh lam)

- Chạm vào [Back] sẽ đưa bạn quay trở lại màn hình menu điện thoại.

Chức năng danh bạ

Danh bạ trong Danh bạ Bluetooth sẽ đồng bộ hóa với danh bạ trong điện thoại di động và bạn có thể tìm kiếm người cần liên hệ qua điện thoại và quay số.

1- Chạm vào [Phone] trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Màn hình menu điện thoại sẽ hiển thị.

2- Chạm vào [📞].

Danh bạ sẽ hiển thị như hình ở đây.

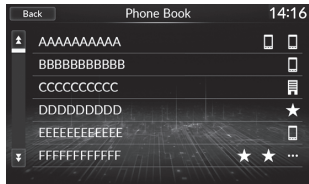


3- Chạm vào một liên hệ để quay số.

- Chạm vào [Back] sẽ đưa bạn quay trở lại màn hình menu điện thoại.
- Mỗi tên liên hệ có thể hiển thị tới 5 số điện thoại.
- Bạn có thể hiển thị tới 2.000 số điện thoại cho mỗi người trong danh bạ.
- Danh bạ được sắp xếp theo các thứ tự ưu tiên sau.

Bảng chữ cái → Số → Khác
(Cao) (Thấp)

- Nếu nhiều số điện thoại được đăng ký, nhấn cho biết loại số sẽ hiển thị ở phía bên phải của liên hệ. Chạm vào liên hệ để hiển thị danh sách số điện thoại đã đăng ký.



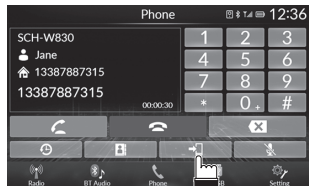
- Nhấn số điện thoại bao gồm 9 loại. Chỉ có 3 nhãn ưu tiên mới được hiển thị trong Lớp 1 của danh bạ. Nếu nhiều hơn 3 nhãn, hai biểu tượng đầu tiên và biểu tượng ... sẽ hiển thị.
- Khi liên hệ quá dài để hiển thị trên một dòng, phần vượt quá sẽ hiển thị là "...".
- Các liên hệ sẽ hiển thị theo thứ tự ưu tiên sau.

Tên đệm → Tên → Họ
(Cao) (Thấp)

Thao tác chuyển loa

Có thể chuyển đổi đầu ra của giọng nói cho các cuộc gọi giữa loa ô tô và loa điện thoại di động.

Chạm vào [→📱].

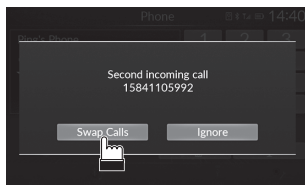


- Tùy vào điện thoại thông minh, thao tác này có thể không thực hiện được.

Chức năng chờ cuộc gọi

Nếu có cuộc gọi đến từ điện thoại khác khi bạn đang nghe điện, một thông báo sẽ hiển thị trên màn hình. Chức năng này chỉ dùng được nếu điện thoại di động đã kết nối có dịch vụ chờ cuộc gọi.

- 1- Màn hình nhắc nhở sẽ hiện lên để nhắc bạn về Cuộc gọi đến thứ hai.
- 2- Bằng cách chạm vào **[Swap Calls]** trên màn hình nhắc nhở, bạn có thể tạm dừng cuộc gọi hiện tại và trả lời cuộc gọi thứ hai. Chạm vào **[Ignore]** để bỏ qua cuộc gọi đến thứ hai.



- Bạn có thể đổi giữa các cuộc gọi bằng cách chạm vào **[Swap Calls]** trên màn hình Menu điện thoại.
- Chạm vào [📞] sẽ kết thúc cuộc gọi hiện tại và đổi qua cuộc gọi đang tạm dừng còn lại.

Tắt tiếng nhanh đầu vào micrô

Trong khi gọi, kích hoạt chức năng Tắt tiếng sẽ ngay lập tức tắt đầu vào micrô. Người gọi sẽ không nghe thấy giọng nói của bạn.

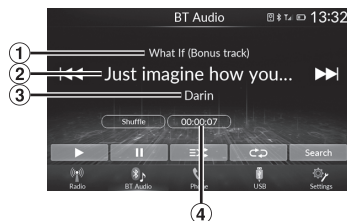
Chạm vào [🔇] để tắt đầu vào micrô.

Chạm vào [🔊] sẽ bật đầu vào micrô trở lại mức âm lượng trước đó.

Âm thanh Bluetooth

Nếu điện thoại di động, máy nghe nhạc bỏ túi, v.v. tương thích Bluetooth được kết nối qua phương thức không dây, bạn có thể phát một bài hát (có thể điều khiển hoạt động từ thiết bị).

❖ Ví dụ về màn hình chính Âm thanh BT



- ① Tên album
- ② Tên bài hát
- ③ Tên ca sĩ
- ④ Thời gian đã trôi qua

- Các nút hiển thị trên màn hình có thể khác nhau tùy vào phiên bản AVRCP.
- Để phát âm thanh, cần có điện thoại di động hoặc máy nghe nhạc bỏ túi tuân thủ A2DP (Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao) hoặc AVRCP (Cấu hình điều khiển âm thanh/video từ xa). Không phải tất cả các chức năng đều hoạt động với tất cả các thiết bị.
- Khi đang có cuộc gọi, âm thanh trên nguồn âm thanh Bluetooth sẽ tạm dừng.
- Một số trình phát nhạc cài đặt trên điện thoại thông minh có thể không phát được âm thanh Bluetooth một cách bình thường.
- Không dùng được Âm thanh Bluetooth khi đang sử dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto.

Các phiên bản AVRCP tương thích: 1.0, 1.3, 1.4, 1.5

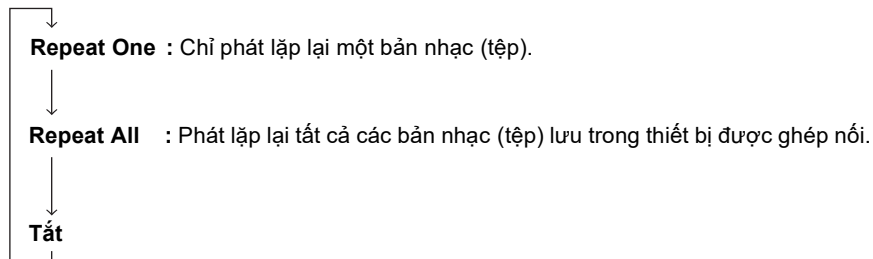
- Các chức năng sẵn có có thể khác nhau tùy thuộc vào phiên bản AVRCP.

Phát lại

- 1- Chạm vào [BT Audio] trên khu vực Nút chuyển chế độ.
 - 2- Chạm vào [◀◀] hoặc [▶▶] để chọn bản nhạc (tệp) mong muốn.
 - 3- Để tạm dừng phát lại, hãy chạm vào [||].
Chạm vào [▶] để tiếp tục phát lại.
- Thao tác tùy thuộc vào thiết bị được ghép nối.

Phát lặp lại

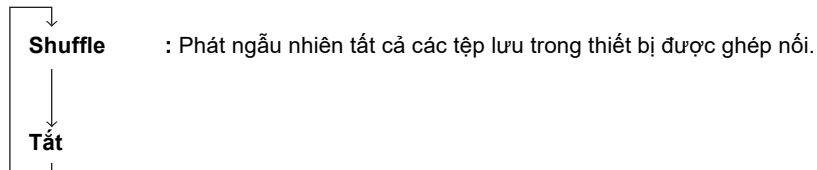
Chạm vào [**↺↻**] để chọn chế độ phát lặp lại.



- Thao tác tùy thuộc vào thiết bị được ghép nối.

Phát ngẫu nhiên

Chạm vào [**≡↺**] để bật chế độ phát ngẫu nhiên.



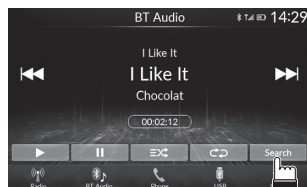
- Thao tác tùy thuộc vào thiết bị được ghép nối.

Tìm kiếm bài hát mong muốn

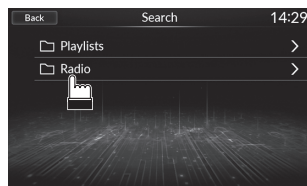
Có thể tìm kiếm và hiển thị tên ca sĩ, tên album, v.v. trong quá trình phát hoặc tạm dừng.

1- Chạm vào [Search].

Màn hình Tìm kiếm âm nhạc sẽ hiển thị.



2- Chạm vào [Artists], [Songs], v.v.



3- Chạm để chọn ca sĩ hoặc bài hát bạn muốn phát.

Nếu chọn một ca sĩ, bạn sẽ cần lựa chọn phân cấp tiếp theo cho album.

- Chạm vào **[Back]** sẽ đưa bạn quay lại màn hình Âm thanh BT.
- Chế độ tìm kiếm có thể khác nhau tùy thuộc vào thiết bị được ghép nối.
- Chế độ tạm dừng có thể bị hủy sau tìm kiếm.
- Chức năng này có thể không khả dụng tùy thuộc vào thiết bị được ghép nối.

Thao tác với camera sau

Khi kết nối với camera sau, hình ảnh mà camera thu được có thể hiển thị trên màn hình.

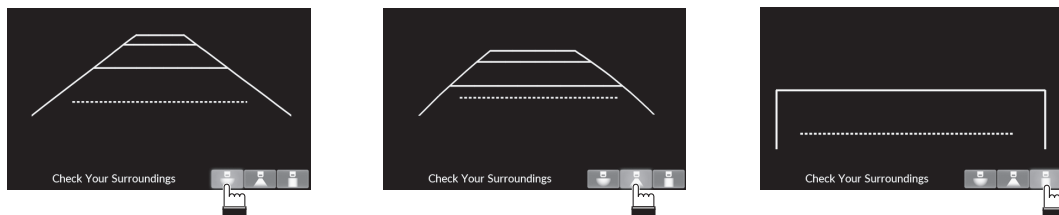
- Chức năng này chỉ có trên một số loại xe.

Thao tác với camera sau

Hiển thị hình ảnh phía sau xe trong khi xe đang lùi

1- Chuyển cần số sang vị trí số lùi (R).

Hình ảnh phía sau xe sẽ hiển thị trong khi xe đang lùi.



- Đối với Camera sau góc rộng, các nút chế độ xem sẽ hiển thị trên màn hình lùi. Nhấn nút để đổi sang chế độ xem mong muốn.
- Tùy thuộc vào loại Camera sau góc rộng, các nút chế độ xem có thể không hiển thị.

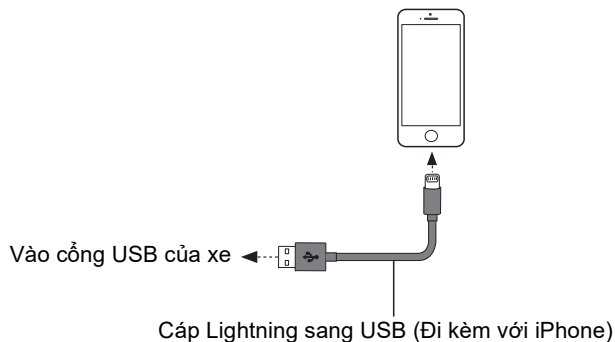
2- Nếu bạn chuyển cần số sang vị trí không phải số lùi (R), màn hình sẽ quay lại màn hình trước.

- Hãy nhớ kiểm tra cả phía sau xe bằng mắt thường. Sử dụng hình ảnh camera để hỗ trợ việc quan sát tình trạng phía sau xe.
- Nếu bạn chuyển cần số sang vị trí (R), hình ảnh phía sau cũng có thể được hiển thị ngay cả khi thiết bị đang tắt nguồn.

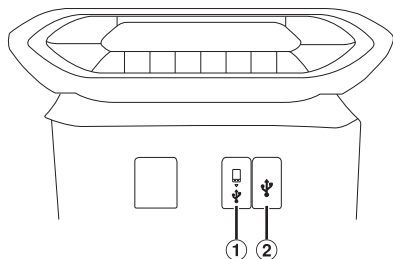
Phát nhạc trên iPhone

Kết nối với iPhone

Có thể kết nối iPhone với thiết bị này bằng cáp Lightning sang USB dành cho iPhone (đi kèm với iPhone). Thiết bị này có thể phát nhạc lưu trữ trong iPhone.



Sơ đồ vị trí của các cổng USB trên xe



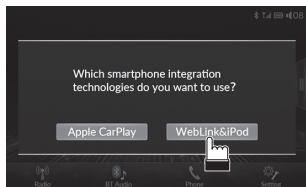
- ① Cổng USB1: Cổng USB này được dùng để phát các tệp Phương tiện trên thiết bị Bộ nhớ USB cũng như để kết nối với điện thoại di động và thiết bị sạc.
- ② Cổng USB2: Cổng USB này chỉ dành cho thiết bị sạc.

- Cần thận khi kết nối iPhone với cổng USB1. Cổng 2 chỉ để sạc.

- Để biết các mẫu iPhone có thể sử dụng với thiết bị này, vui lòng quét mã QR để xác nhận.



- Nếu đây là lần đầu tiên bạn kết nối iPhone với thiết bị này, thông báo xác nhận sẽ hiển thị. Để sử dụng iPhone làm iPod, hãy chạm vào **[WebLink&iPod]**.



- Nếu bạn đang sử dụng chức năng Apple CarPlay của iPhone đang kết nối. Để sử dụng chức năng iPod, hãy ngắt kết nối iPhone với thiết bị này, cài đặt kết nối iPod, sau đó kết nối lại iPhone. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Thiết lập điện thoại thông minh” ở trang 33.
- Thiết bị này không hỗ trợ phát video từ iPhone.

❖ Ví dụ về màn hình chính iPod



- ① Tên album
- ② Tên bài hát
- ③ Tên ca sĩ
- ④ Thời gian đã trôi qua

- Một số ký tự có thể không được hiển thị chính xác.

Phát

1- Chạm vào [iPod] trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Màn hình hiển thị màn hình của chế độ iPod.



2- Chạm vào [⏮] hoặc [⏭] để chọn bản nhạc (tệp) mong muốn.

Nhấn và giữ [⏮] hoặc [⏭] sẽ tua tiến/tua lùi bài hát hiện tại.



3- Để tạm dừng phát, hãy chạm vào [⏸].

Chạm vào [▶] để tiếp tục phát.

- Nếu có bài hát đang phát trên iPhone khi iPhone được kết nối với thiết bị này, bài hát đó sẽ tiếp tục phát sau khi kết nối.
- Một số ký tự có thể không được hiển thị chính xác.
- Nếu tên nghệ sĩ và tên bài hát được tạo trên iTunes có hơn 64 ký tự, phần vượt quá sẽ không được hiển thị.

Tìm kiếm Tập nhạc

Một iPhone có thể chứa hàng nghìn bài hát. Vì vậy, thiết bị này có thể thực hiện các yêu cầu tìm kiếm khác nhau bằng chức năng tìm kiếm như minh họa dưới đây.

Nhờ sử dụng phân cấp riêng của chế độ tìm kiếm Danh sách phát/Nghệ sĩ/Album/Thể loại/Tác giả/ Sách nói/Podcast/Radio/Bài hát, bạn có thể thu hẹp tìm kiếm như trình bày trong bảng dưới đây.

<Menu tìm kiếm ÂM NHẠC>

Phân cấp 1	Phân cấp 2	Phân cấp 3	Phân cấp 4
Playlists	Songs	—	—
Artists	Albums	Songs	—
Albums	Songs	—	—
Songs	—	—	—
Genres	Artists	Albums	Songs
Composers	Albums	Songs	—
Podcast	Episodes	—	—
Audiobook	—	—	—
Radio	—	—	—

Ví dụ: tìm kiếm theo tên Nghệ sĩ

Ví dụ sau giải thích cách tìm kiếm Nghệ sĩ. Có thể sử dụng một chế độ tìm kiếm khác với cùng thao tác, mặc dù hệ thống phân cấp khác nhau.

❖ Tìm kiếm theo tên nghệ sĩ

- 1- **Chạm vào [Search].**
Màn hình của chế độ tìm kiếm sẽ xuất hiện.
- 2- **Chạm vào [Artists].**
Màn hình tìm kiếm Nghệ sĩ sẽ hiển thị.
- 3- **Chọn nghệ sĩ mong muốn.**

Để tìm kiếm Album của nghệ sĩ

- 1 Chạm vào tên nghệ sĩ đã chọn.
Màn hình tìm kiếm Album của nghệ sĩ đã chọn sẽ hiển thị.

Để tìm kiếm Bài hát trong Album của Nghệ sĩ

- 1 Chạm vào tên của nghệ sĩ mong muốn.
Tất cả album của nghệ sĩ đã chọn sẽ hiển thị.
- 2 Chạm vào tên album mong muốn.
Tất cả bài hát của album đã chọn sẽ hiển thị.
- 3 Chạm vào tên bài hát mong muốn.
Bài hát đã chọn sẽ được phát.

4- Nhấn hoặc chạm vào [Back].

Trở lại màn hình trước.

- Để biết thông tin về cách cuộn qua danh sách, hãy tham khảo “Chọn một mục trong danh sách” (trang 10).
- Số bài hát có thể tìm kiếm tối đa cho thiết bị này là 8.000.

Phát lặp lại

Chạm vào  để thay đổi chế độ lặp lại.

- Thao tác tùy thuộc vào iPhone được kết nối.

Phát ngẫu nhiên

Chạm vào  để thay đổi chế độ ngẫu nhiên.

- Thao tác tùy thuộc vào iPhone được kết nối.

Apple CarPlay

Apple CarPlay là cách thông minh hơn, an toàn hơn để sử dụng iPhone trong xe. Apple CarPlay đưa những thứ bạn muốn làm trên iPhone trong khi lái xe vào thẳng thiết bị của bạn. Bạn có thể nhận thông tin chỉ đường, gọi điện, gửi và nhận tin nhắn cũng như nghe nhạc mà vẫn đảm bảo sự tập trung vào tuyến đường. Chỉ cần cắm iPhone vào thiết bị và lái xe.

- Để biết các mẫu iPhone có thể sử dụng với thiết bị này, vui lòng quét mã QR để xác nhận.



- Mặc dù khu vực dịch vụ đang mở rộng nhưng dịch vụ Apple CarPlay hiện **KHÔNG** khả dụng tại một số thị trường. Vui lòng xem thông tin mới nhất về phạm vi dịch vụ tại khu vực của bạn ở trang web dưới đây.
<http://www.apple.com/ios/feature-availability/#applecarplay-applecarplay>
- Trước khi sử dụng chức năng này, hãy cắm iPhone bằng Cáp Lightning sang USB (Đi kèm với iPhone) vào cổng USB trên xe.
- Nếu đây là lần đầu tiên bạn kết nối iPhone với thiết bị này, thông báo xác nhận sẽ hiển thị. Để sử dụng Apple CarPlay, hãy chạm vào **[Apple CarPlay]**.



- Nếu bạn đang sử dụng chức năng iPod hoặc WebLink của iPhone đang kết nối. Để sử dụng chức năng Apple CarPlay, hãy ngắt kết nối iPhone với thiết bị này, cài đặt kết nối Apple CarPlay, sau đó kết nối lại iPhone. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Thiết lập điện thoại thông minh” ở trang 33.
- Một số chức năng có thể không khả dụng trong khi lái.
- Để biết các mẫu iPhone có thể sử dụng với thiết bị này, hãy xem phần “Các mẫu iPhone có thể sử dụng với thiết bị này” (trang 58).

Khắc phục sự cố

- Nếu iPhone được kết nối với thiết bị này nhưng không kích hoạt.
Vui lòng thử những cách sau.
 1. Kiểm tra màn hình của iPhone được kết nối. Nếu thấy bất cứ lỗi nào, hãy xử lý lỗi.
 2. Kết nối lại cáp USB.
 3. Khởi động lại iPhone.
 4. Khởi động lại thiết bị này.
 5. Kiểm tra xem Siri đã BẬT chưa.
 6. Đảm bảo bạn đang chạy phiên bản iOS mới nhất, hoặc ít nhất là phiên bản iOS 8.
 7. Đảm bảo bạn đang ở quốc gia được hỗ trợ.
 8. Đảm bảo bạn đang sử dụng cáp USB sang lightning được Apple phê duyệt.
- Cẩn thận khi kết nối iPhone với cổng USB1. Cổng 2 chỉ để sạc. (Xem trang 57)

Truy cập vào Apple CarPlay

1- Chạm vào [Apple CarPlay] trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Chế độ Apple CarPlay được kích hoạt.



Chạm vào biểu tượng Ứng dụng mong muốn trên thiết bị, hoặc sử dụng chức năng Siri bằng cách nhấn nút «» trên Bánh lái.

- Khi iPhone được kết nối lại, thông báo "Apple CarPlay connected." có thể sẽ xuất hiện, chạm vào thông báo trong vòng 5 giây để truy cập vào màn hình Apple CarPlay.

Android Auto

Android Auto được thiết kế để hỗ trợ việc sử dụng các ứng dụng trên điện thoại trong khi đang lái xe. Điều hướng bằng Google Maps, nghe danh sách phát hoặc podcast từ các ứng dụng bạn yêu thích, v.v.

- Mặc dù khu vực dịch vụ đang mở rộng nhưng dịch vụ Android Auto hiện **KHÔNG** khả dụng tại một số thị trường. Vui lòng xem thông tin mới nhất về phạm vi dịch vụ tại khu vực của bạn ở trang web dưới đây.
<http://www.android.com/auto/#hit-the-road>

Khắc phục sự cố

- Nếu điện thoại Android™ được kết nối với thiết bị này nhưng không kích hoạt. Vui lòng thử những cách sau.
 1. Kiểm tra màn hình của điện thoại thông minh được kết nối.
Nếu thấy bất cứ lỗi nào, hãy xử lý lỗi.
 2. Kết nối lại cáp USB.
 3. Khởi động lại điện thoại thông minh.
 4. Khởi động lại thiết bị này.
 5. Kiểm tra xem thời gian của thiết bị và điện thoại thông minh có trùng khớp không.
 6. Bỏ dấu kiểm “Only connect to known cars” trong Ứng dụng Android Auto.
 7. Android Auto và các ứng dụng sau (Google™, Google Play™ Store, Google Play Music, Google Maps™, v.v.) cần được cập nhật lên phiên bản mới nhất.
- Cần thận khi kết nối điện thoại thông minh với cổng USB1. Cổng 2 chỉ để sạc. (Xem trang 19)
- Cần thận khi kết nối điện thoại thông minh qua cáp USB chính hãng.

Kích hoạt Android Auto

Tải Ứng dụng Android Auto về từ cửa hàng Google Play trước khi tiếp tục.

Chỉ cần cắm điện thoại thông minh vào Cổng USB của phương tiện (cổng 1), sau đó làm theo lời nhắc để ghép nối điện thoại thông minh với thiết bị.

- Nếu đây là lần đầu tiên bạn kết nối điện thoại thông minh hỗ trợ Android Auto với thiết bị này, thông báo xác nhận sẽ hiển thị. Để sử dụng Android Auto, hãy chạm vào **[Android Auto]**.



- Nếu bạn đang sử dụng chức năng WebLink của điện thoại đang kết nối. Để sử dụng chức năng Android Auto, hãy ngắt kết nối điện thoại với thiết bị này, cài đặt kết nối Android Auto, sau đó kết nối lại điện thoại. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Thiết lập điện thoại thông minh” ở trang 33.
- Điện thoại thông minh được kết nối với Android Auto sẽ ngắt kết nối Bluetooth của điện thoại khác và ghép nối với thiết bị.

1- Chạm vào **[Android Auto]** trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Màn hình Android Auto sẽ hiển thị.



- Khi điện thoại thông minh đã sử dụng được kết nối lại, hãy chạm vào thông báo “Android Auto connected” trong vòng 5 giây để truy cập vào màn hình Android Auto.
- Bạn có thể gọi điện, sử dụng chức năng nhận dạng giọng nói và ứng dụng điều hướng tương thích của Android Auto, v.v.
- Chỉ những ứng dụng được Google phê duyệt và có sẵn các biện pháp an toàn cần thiết cho người lái xe mới có thể sử dụng được.

WebLink

WebLink là nền tảng cung cấp ứng dụng cho hệ thống thông tin giải trí trên xe. Nền tảng này tận dụng khả năng của điện thoại để cung cấp các ứng dụng phù hợp với người lái lên màn hình hiển thị trong xe (radio xe) một cách an toàn. Các ứng dụng hỗ trợ WebLink chạy trên điện thoại thông minh Android / iOS tương thích và được “chiếu” tới Hệ thống nghe nhìn.

- WebLink không có chức năng gọi điện thoại, hãy sử dụng kết nối BT để gọi điện thoại.
- Màn hình của ứng dụng YouTube bị chặn khi phanh tay ở trạng thái tắt.
- Chỉ điện thoại thông minh iPhone hoặc Android mới hỗ trợ chức năng WebLink.
- WebLink có thể không khả dụng tùy thuộc vào điện thoại thông minh được kết nối và phiên bản của điện thoại.
- Trước khi sử dụng chức năng WebLink, hãy tải về và cài đặt ứng dụng “WebLink Host” bằng cách quét mã QR từ màn hình “About” của phần Thiết lập. Tham khảo “Giới thiệu” ở trang 45.
- Mặc dù khu vực dịch vụ đang mở rộng nhưng các dịch vụ WebLink hiện KHÔNG khả dụng tại một số thị trường.
- Cẩn thận khi kết nối điện thoại thông minh với cổng USB1. Cổng 2 chỉ để sạc. (Xem trang 19)

Kích hoạt Weblink

Tải ứng dụng Weblink Host về điện thoại thông minh trước khi tiếp tục.

Chỉ cần cắm điện thoại thông minh vào cổng USB trên ô tô qua cáp USB, rồi đưa biểu tượng WebLink lên màn hình thông tin giải trí.

- Nếu đây là lần đầu tiên bạn kết nối điện thoại thông minh với thiết bị này, thông báo xác nhận sẽ hiển thị. Để sử dụng WebLink, hãy chạm vào **[WebLink&iPod]** hoặc **[WebLink]**.



- Nếu bạn đang sử dụng chức năng Apple CarPlay hoặc Android Auto của điện thoại đang kết nối. Để sử dụng chức năng WebLink, hãy ngắt kết nối điện thoại với thiết bị này, cài đặt kết nối WebLink, sau đó kết nối lại điện thoại. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo “Thiết lập điện thoại thông minh” ở trang 33.
- Khi lần đầu tiên khởi chạy chức năng WebLink, thông tin nhắc kết nối Âm thanh Bluetooth sẽ hiển thị, chạm vào **[OK]** để tiếp tục.

Truy cập vào WebLink

1- Chạm vào [WebLink] trên khu vực Nút chuyển chế độ.

Màn hình WebLink sẽ hiển thị.



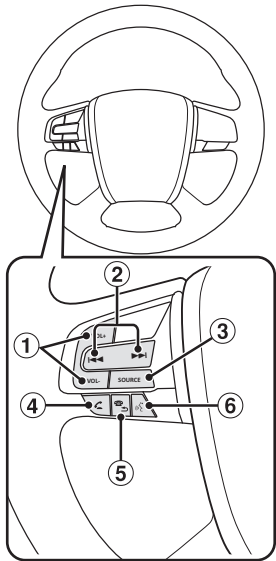
- Vui lòng bật và mở khóa điện thoại thông minh khi kết nối với hệ thống âm thanh của xe.
- Nếu kết nối thất bại, vui lòng ngắt kết nối điện thoại thông minh rồi kết nối lại lần nữa.
- Không kết nối điện thoại thông minh hoặc điều khiển thiết bị khi đang lái xe.
- Cẩn thận khi kết nối điện thoại thông minh qua cáp USB chính hãng.

Truy cập liên kết bên dưới để có câu trả lời cho các câu hỏi thường gặp về WebLink.

<https://www.abaltatech.com/weblinkfaq>

Điều khiển từ xa

Các nút điều khiển trên vô lăng



Phím điều khiển trên vô lăng	Chế độ bình thường	Chế độ Apple CarPlay	Chế độ Android Auto
① Vol+/Vol-	Tăng/giảm âm lượng	Tăng/giảm âm lượng	
② ◀▶/◀▶▶	Nhấn nhanh: Radio: Cài đặt sẵn lên/xuống Âm thanh Bluetooth/USB/iPod: Bản nhạc sau/trước Nhấn lâu: Radio: Đài sau/trước USB/Âm thanh Bluetooth/iPod: Tua tiến/ Tua lùi Đối với WebLink, hành động tùy thuộc vào trạng thái của WebLink.	Hành động phụ thuộc vào điện thoại thông minh được kết nối	
③ NGUỒN	Nhấn nhanh: Chuyển các nguồn phương tiện	Nhấn nhanh: Chuyển các nguồn phương tiện	
④ ☎	Chấp nhận/Chuyển đổi cuộc gọi Nhấn lâu để hiển thị lịch sử cuộc gọi.	Chấp nhận/Chuyển đổi cuộc gọi (Hành động phụ thuộc vào thiết bị được kết nối.)	
⑤ 🗣️	Gác máy/Từ chối cuộc gọi Hoặc quay trở lại màn hình trước, v.v.	Gác máy/Từ chối cuộc gọi Hoặc quay trở lại màn hình trước, v.v. (Hành động phụ thuộc vào thiết bị được kết nối.)	
⑥ 🗨️	Không có hành động	Mô hình Siri (Hành động phụ thuộc vào thiết bị được kết nối.)	Mô hình Google Assistant (Hành động phụ thuộc vào thiết bị được kết nối.)

- Điều khiển từ xa Bluetooth trên điện thoại đã kết nối với chức năng tương tự như các phím điều khiển lái, ngoại trừ tính năng nhắc máy/gác máy hoặc Nhận dạng giọng nói. Tuy nhiên, tùy thuộc vào Điện thoại được ghép nối, một số hành động có thể hoạt động bất thường.
- Để sử dụng chức năng điều khiển từ xa Bluetooth, bạn cần tải ứng dụng điều khiển từ xa về bằng cách quét mã QR từ màn hình cài đặt Giới thiệu. (Tham khảo trang 45)

Thông tin

Chỉ báo cho bộ nhớ USB

No Data

- Bộ nhớ USB không có tệp phát phương tiện nào.
 - Xác nhận nội dung tệp trong Bộ nhớ.

Unsupported

- Một thiết bị USB mà thiết bị không hỗ trợ đã được kết nối.
 - Thử kết nối với ổ flash USB khác. Xem “Thông số kỹ thuật” cho “USB (Cổng USB1)” ở trang 72.

USB Hub is not supported

- Một ổ flash USB đi kèm hub đã được kết nối.
 - Bạn không thể phát từ ổ flash USB đi kèm hub. Các kết nối USB hub cũng không được hỗ trợ.

Device No Response

- Lỗi thiết bị
 - Thử kết nối lại Bộ nhớ USB.
 - Thử kết nối với ổ flash USB khác. Xem “Thông số kỹ thuật” cho “USB (Cổng USB1)” ở trang 72.

File Format not supported

- Một tệp không hợp lệ đã được phát.
 - Tự động chuyển sang tệp tiếp theo để tiếp tục phát.

Connection error detected. Please reconnect USB and press “Continue”.

- Một dòng điện bất thường đang chạy đến thiết bị Cổng USB.
 - Kết nối lại thiết bị USB, rồi chạm vào phím “Continue”.
 - Chạm vào phím “Ignore” sẽ bỏ qua lỗi này, tuy nhiên nguồn USB sẽ không dùng được.

Chỉ báo cho chế độ iPod

Please reconnect iPod

- iPhone chưa được xác thực.
 - Xóa iPhone, ngắt kết nối rồi kết nối lại iPhone hoặc thử một iPhone khác, nếu có thể.

Chỉ báo cho chế độ Âm thanh BT

No Data

- Không có dữ liệu trong phân cấp tìm kiếm đã chọn.
 - Thử tìm trong phân cấp khác hoặc kết nối với thiết bị Bluetooth khác.

Chỉ báo cho tất cả các chế độ

The system is unable to start due to excessive heat. The system will start after the system cools.

- Mạch bảo vệ được kích hoạt do nhiệt độ cao.
 - Hệ thống sẽ tự động bắt đầu. Nếu nhiệt độ hạ xuống phạm vi hoạt động bình thường, màn hình sẽ tự động sáng. Nếu không, thiết bị vẫn không thể hiển thị bình thường.

Thông số kỹ thuật

MÀN HÌNH

Kích cỡ màn hình	7"
Loại LCD	LCD IPS loại trong suốt
Hệ điều hành	Amorphous-TFT-LCD
Số phần tử ảnh	1.152.000 ảnh (800 × 480 × 3 (RGB))
Hệ thống chiếu sáng	LED

DÒ FM

Bắc Mỹ

Dải dò	87,7 – 107,9 MHz
--------	------------------

Các khu vực khác

Dải dò	87,5 – 108,0 MHz
Tỷ số tín hiệu - nhiễu	>55 dB
Tách âm thanh nổi	>20 dB

DÒ AM

Bắc Mỹ

Dải dò	530 – 1.710 kHz
--------	-----------------

Các khu vực khác

Dải dò	531 – 1.602 kHz
--------	-----------------

USB (Cổng USB1)

Yêu cầu USB	USB 2.0
Mức tiêu thụ năng lượng tối đa*1	2,1 A
Loại USB	USB (Mass Storage Class)
Hệ thống tệp	FAT16/32
Số kênh	2 kênh (âm thanh nổi)
Tần số đáp ứng*2	20 – 20.000 Hz (±3 dB)

Tổng sóng hài	<0,5% (ở 1 kHz)
Tỷ số tín hiệu - nhiễu	>65 dB
Tách kênh	>55 dB (ở 1 kHz)

*1 Áp dụng cho cổng USB2.

*2 Tần số đáp ứng có thể khác nhau tùy vào phần mềm mã hóa/tốc độ bit.

PHẦN BLUETOOTH

Thông số kỹ thuật Bluetooth	Bluetooth V4.2
Băng tần	2.402 - 2.480 MHz
Công suất đầu ra	Tối đa +4 dBm (Nhóm công suất 2)

CHUNG

Yêu cầu về điện	13,2 V DC (Cho phép 10–16 V)
Nhiệt độ hoạt động	-22°F tới +158°F (-30°C tới +70°C)
Công suất đầu ra tối đa	45 W × 4
Trọng lượng	1,1 kg

KÍCH THƯỚC KHUNG

Chiều rộng	180 mm
Chiều cao	88,7 mm
Độ sâu	113,4 mm

KÍCH THƯỚC PHẦN ĐẦU

Chiều rộng	191 mm
Chiều cao	111,5 mm
Độ sâu	17,2 mm

Giới thiệu về các quy tắc của quy định bức xạ điện từ Bluetooth

Thailand	เครื่องโทรคมนาคมและอุปกรณ์นี้ มีความสอดคล้องตามมาตรฐานหรือข้อกำหนดทางเทคนิคของ กสทช.  nanb. เครื่องวิทยุคมนาคมนี้ ได้รับยกเว้น ไม่ต้องได้รับ ใบอนุญาตให้มี ใช้ซึ่งเครื่องวิทยุคมนาคม หรือตั้งสถานีวิทยุคมนาคมตามประกาศ กสทช. เรื่อง เครื่องวิทยุคมนาคม และสถานีวิทยุคมนาคมที่ได้รับยกเว้นไม่ต้องได้รับใบอนุญาต วิทยุคมนาคม ตามพระราชบัญญัติวิทยุคมนาคม พ.ศ. 2498  nanb. โทรคมนาคม กำกับดูแลเมื่อประชาชน Call Center 1200 (Innovi)
Mexico	"La operación de este equipo está sujeta a las siguientes dos condiciones: (1) es posible que este equipo o dispositivo no cause interferencia perjudicial y (2) este equipo o dispositivo debe aceptar cualquier interferencia, incluyendo la que pueda causar su operación no deseada."

Chức năng	Dải Tần Số Hoạt Động	Công Suất Ra Tối Đa
Bluetooth	2400 đến 2483,5 MHz	2dBm
Bộ Thu Phát Âm Thanh	AM: 526,5 đến 1606,5 kHz	Chỉ Nhận
	FM: 87,5 đến 108 MHz	

Tuyên bố về sự phù hợp

Vui lòng quét mã QR để xem Tuyên bố.



Giấy phép OpenSSL

Giấy phép OpenSSL

Bản quyền (c) 1998-2011 Dự án OpenSSL. Bảo lưu mọi quyền.

Được phép phân phối lại và sử dụng ở dạng nguồn và dạng nhị phân, có hoặc không có sửa đổi, miễn là đáp ứng các điều kiện sau:

- 1- Phải giữ lại thông báo bản quyền ở trên, danh sách các điều kiện này và tuyên bố từ chối trách nhiệm sau khi phân phối mã nguồn.
- 2- Phải sao chép thông báo bản quyền ở trên, danh sách các điều kiện này và tuyên bố từ chối trách nhiệm sau trong tài liệu và/hoặc các tài liệu khác được cung cấp cùng với bản phân phối khi phân phối ở dạng nhị phân.
- 3- Tất cả các tài liệu quảng cáo đề cập đến các tính năng hoặc việc sử dụng phần mềm này phải hiển thị lời xác nhận sau: “Sản phẩm này bao gồm phần mềm do OpenSSL Project phát triển để sử dụng trong Bộ công cụ OpenSSL. (<http://www.openssl.org/>)”
- 4- Tên “OpenSSL Toolkit” và “OpenSSL Project” không được sử dụng để xác nhận hoặc quảng bá các sản phẩm bắt nguồn từ phần mềm này mà không có sự cho phép trước bằng văn bản. Để có sự cho phép trước bằng văn bản, vui lòng liên hệ openssl-core@openssl.org.
- 5- Các sản phẩm bắt nguồn từ phần mềm này không được gọi là “OpenSSL”, “OpenSSL” cũng không được xuất hiện trong tên sản phẩm mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của OpenSSL Project.
- 6- Phải bao gồm ghi nhận sau khi phân phối dưới bất kỳ hình thức nào: “Sản phẩm này bao gồm phần mềm do OpenSSL Project phát triển để sử dụng trong Bộ công cụ OpenSSL (<http://www.openssl.org/>)”

PHẦN MỀM NÀY ĐƯỢC OPENSSL PROJECT CUNG CẤP “NGUYÊN TRẠNG” VÀ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO ĐƯỢC THỂ HIỆN HOẶC NGUY, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM NGẪU NHIÊN VỀ KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI VÀ SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ ĐỀU BỊ TỪ CHỐI. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, OPENSSL PROJECT HOẶC NHỮNG BÊN ĐÓNG GÓP ĐỀU KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI BẤT KỲ THIẾT HẠI TRỰC TIẾP HOẶC GIÁN TIẾP, THIẾT HẠI DO SỰ CÒ, BỎI THƯỜNG ĐẶC BIỆT, BỎI THƯỜNG TRỪNG PHẠT HOẶC DO HẬU QUẢ NÀO (BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở VIỆC THU MUA SẢN PHẨM HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ; MẤT KHẢ NĂNG SỬ DỤNG, MẤT DỮ LIỆU HOẶC LỢI NHUẬN; HOẶC SỰ GIÁN ĐOẠN TRONG KINH DOANH) GÂY RA BỞI BẤT KỲ NGUYÊN NHÂN NÀO VÀ DỰA TRÊN BẤT KỲ LÝ THUYẾT NÀO VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ, DÙ LÀ THEO HỢP ĐỒNG, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ NGHIÊM NGẶT HAY SAI LẦM CÁ NHÂN (BAO GỒM CẢ VIỆC CẦU THẢ HOẶC CÁCH KHÁC), BẮT NGUỒN TỪ VIỆC SỬ DỤNG PHẦN MỀM NÀY, NGAY CẢ KHI ĐÃ ĐƯỢC THÔNG BÁO VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA THIẾT HẠI ĐÓ.

Nhãn hiệu và Giấy phép

- Windows Media là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Tập đoàn Microsoft tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- Apple, iPhone, iPod, iPod nano, iPod touch và Siri là các nhãn hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Apple CarPlay là nhãn hiệu của Apple Inc.
- Việc sử dụng huy hiệu Made for Apple và Works with Apple có nghĩa là một phụ kiện được thiết kế để kết nối cụ thể với (các) sản phẩm Apple được xác định trong huy hiệu Made for Apple và hoạt động cụ thể với công nghệ được xác định trong huy hiệu Works with Apple, và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn hiệu suất của Apple. Apple không chịu trách nhiệm về hoạt động của thiết bị này hoặc việc tuân thủ của thiết bị đối với các tiêu chuẩn về an toàn và theo quy định.
Xin lưu ý rằng việc sử dụng phụ kiện này với sản phẩm của Apple có thể ảnh hưởng đến hiệu suất không dây.
- Google, Android™, Android Auto™, Google Play và các nhãn hiệu khác là nhãn hiệu của Google LLC.
- Logo và nhãn hiệu Bluetooth® là các nhãn hiệu đã đăng ký thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc., phải được Alpine Electronics, Inc. cấp phép để sử dụng. Các nhãn hiệu và tên thương mại khác thuộc về các chủ sở hữu tương ứng.
- Công nghệ mã hóa âm thanh MPEG Layer-3 được cấp phép từ Fraunhofer IIS và Thomson. Việc cung cấp sản phẩm này chỉ chuyển giao giấy phép cho mục đích sử dụng cá nhân, phi thương mại và không chuyển giao giấy phép hay ngầm định bất kỳ quyền nào để sử dụng sản phẩm này trong bất kỳ hoạt động phát sóng thương mại nào (tức là tạo ra doanh thu) trong thời gian thực (mặt đất, vệ tinh, cáp và/hoặc bất kỳ phương tiện khác), phát/truyền trực tuyến qua internet, mạng nội bộ và/hoặc các mạng khác hoặc trong các hệ thống phân phối nội dung điện tử khác, chẳng hạn như các ứng dụng trả tiền hoặc âm thanh theo yêu cầu. Cần phải có giấy phép độc lập để sử

dụng cho những mục đích như vậy. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.mp3licensing.com>



androidauto™



Biên bản ghi nhớ

Biên bản ghi nhớ

Biên bản ghi nhớ

HONDA